|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | C:\Users\Admin\AppData\Local\Microsoft\Windows\INetCache\Content.Word\Logo Trường.jpg | ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI** |     **BÁO CÁO**  **KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  **CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  **NĂM 2021**  Hà Nội, tháng 12 năm 2021 |

**CÁC TỪ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu viết tắt** | **Từ viết tắt** |
| UBND | Uỷ ban nhân dân |
| CNVC | Công nhân viên chức |
| HSSV | Học sinh sinh viên |
| CBVC | Cán bộ viên chức |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| MTQG | Mục tiêu quốc gia |
| CTMTQG | Chương trình mục tiêu quốc gia |
| BCHCĐ | Ban chấp hành công đoàn |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| CĐN, TCN | Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề |
| CĐ, TC | Cao đẳng, Trung cấp |
| CNH, HĐH | Công nghiệp hoá, hiện đại hoá |
| TCGDNN | Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp |
| KĐCL | Kiểm định chất lượng |
| TW | Trung ương |

**MỤC LỤC**

[PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 4](#_Toc93239501)

[1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp 4](#_Toc93239502)

[2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 4](#_Toc93239503)

[3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 4](#_Toc93239504)

[4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp 13](#_Toc93239505)

[5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc93239506)

[PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP 19](#_Toc93239507)

[1. Đặt vấn đề 19](#_Toc93239508)

[2. Tổng quan chung 20](#_Toc93239509)

[2.1. Căn cứ tự đánh giá 20](#_Toc93239510)

[2.2. Mục đích tự đánh giá 20](#_Toc93239511)

[2.3. Yêu cầu tự đánh giá 21](#_Toc93239512)

[2.4. Phương pháp tự đánh giá 21](#_Toc93239513)

[2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá 22](#_Toc93239514)

[3. Tự đánh giá 22](#_Toc93239515)

[**3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá** 22](#_Toc93239516)

[3.2.1. Tiêu chí 1:Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý 35](#_Toc93239517)

[3.2.2. Tiêu chí 2:Hoạt động đào tạo 61](#_Toc93239518)

[3.2.3. Tiêu chí 3:Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động 101](#_Toc93239520)

[3.2.4. Tiêu chí 4:Chương trình, giáo trình 124](#_Toc93239521)

[3.2.5. Tiêu chí 5:Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện 148](#_Toc93239522)

[3.2.6. Tiêu chí 6:Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế 180](#_Toc93239523)

[3.2.2. Tiêu chí 7:Quản lý tài chính 190](#_Toc93239524)

[3.2.2. Tiêu chí 8:Dịch vụ người học 197](#_Toc93239525)

[3.2.9. Tiêu chí 9:Giám sát, đánh giá chất lượng 214](#_Toc93239526)

[PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ 229](#_Toc93239527)

[1.Kết luận 229](#_Toc93239528)

[2. Kiến nghị. 229](#_Toc93239529)

[PHỤ LỤC 231](#_Toc93239530)

# PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

## 1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1. Tên trường: Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội

1.2. Tên Tiếng Anh: Hanoi Intrustrial Vocational College (HNIVC)

1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: 131 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội

Cơ sở 1: 131 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội

Cơ sở 2: Phường Trung Văn – Nam Từ Liêm – Hà Nội

Số điện thoại: (84-42) 38.532.033 – (84-42) 38.532.034

Số fax: (84-42) 38.533.523

Email: info@hinivc.edu.vn

Website: http://www.hnivc.edu.vn

1.5. Năm thành lập trường:

+ Năm thành lập đầu tiên: 22 tháng 11 năm 1974

+ Năm nâng cấp thành trường cao đẳng nghề: 29 tháng 12 năm 2006

1.6. Loại hình trường đào tạo: Công lập √ ; Tư thục

1.7. Người liên hệ:

Họ và tên: Bà Phạm Thị Hường

Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0917.512.688

Email: phamthihuong0804@gmail.com

## 2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2. 1. Lịch sử phát triển:

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tiền thân là Trường Công nhân Cơ khí điện Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1363-QT/TC ngày 22/11/1974 và trải qua 5 lần sát nhập.

Từ khi thành lập đến nay. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội đã có nhiều lần thay đổi cơ cấu tổ chức và đổi tên:

- Ngày 22/11/1974, Trường Đào tạo Công nhân Kỹ thuật Cơ khí – Điện Hà Nội trực thuộc Sở Lao động Hà Nội (nay là Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội) được thành lập theo quyết định số 1363/QĐ-UB ngày 22 tháng 11 năm 1974 của Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội.

- Tháng 11/1988, Trường sáp nhập thêm Trường dạy nghề Công nghiệp số 2 và đổi tên thành trường Công nhân Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội;

- Tháng 9/1990, Trường nhận chuyển giao nhiệm vụ đào tạo kỹ thuật viên trung cấp từ Trường Trung học Kỹ thuật Công nghiệp và đổi tên thành Trường Kỹ thuật Công nghiệp Hà Nội;

- Tháng 3/1998, Trường đổi tên thành Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội;

- Tháng 4/2003, Trường sáp nhập thêm Trường Thủ công Mỹ nghệ Hà Nội;

- Tháng 07/2012, Trường sáp nhập thêm Trường Trung cấp nghề Đồng hồ - Điện tử - Tin học Hà Nội.

Năm 2006 theo Quyết định số 1984/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006 của Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.

Hiện nay, Nhà trường có 05 phòng chức năng:

- Phòng Tổ chức hành chính;

- Phòng Đào tạo & Quản lý học sinh sinh viên;

- Phòng Đảm bảo chất lượng & Quản lý khoa học;

- Phòng Tài chính kế toán;

- Phòng Cơ sở vật chất Thiết bị và Dự án.

Và 07 khoa:

- Khoa Cơ khí;

- Khoa Công nghệ Ô tô;

- Khoa Điện – Điện tử;

- Khoa Công nghệ thông tin;

- Khoa Kinh tế;

- Khoa Lý thuyết cơ bản;

- Khoa Trung cấp & Sư phạm dạy nghề.

01 trung tâm: Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp trực thuộc trường.

Nhà trường hiện đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký GDNN 03 cấp trình độ gồm:

- Hệ cao đẳng nghề 16 nghề;

- Hệ trung cấp nghề 11 nghề;

- Hệ sơ cấp nghề 27 nghề.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng trường và các tổ chức đoàn thể như:

- Đảng ủy;

- Công đoàn;

- Đoàn thanh niên;

- Hội cựu chiến binh.

Hiện nay, nhà trường đang thực hiện dự án với học viện Chisholm Úc về đào tạo 2 nghề Cơ điện tử và Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, CHLBĐ Đức về đào tạo nghề Công nghệ ô tô cấp độ quốc tế, dự án “Tự tin lập nghiệp” do tổ chức Plan International do Google tài trợ.

Nhà trường hiện có các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực:

- Nghề trọng điểm Cấp độ quốc tế (06 nghề): Nghề Công nghệ Ô tô, nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, Nghề Cơ Điện tử, Nghề Điện Công nghiệp, nghề Quản trị mạng máy tính, nghề Hàn.

- Nghề trọng điểm Cấp độ Khu vực Asean (02 nghề): Nghề Điện tử công nghiệp, Cắt gọt kim loại.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 nhà trường phấn đấu:

**\*** Trung tâm đào tạo nghề đạt trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề đạt chuẩn quốc tế.

\* Trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

Nhà trường còn hợp tác đào tạo với các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường đại học trong nước. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội còn hợp tác, kết nghĩa với một số cơ sở đào tạo ở các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Anh Quốc, Phần Lan, Úc, Cộng hòa liên bang Đức...

- Trường Trung học Kỹ thuật Kyesan của Hàn Quốc

- Trường Trung học Kỹ thuật Chiba của Nhật Bản

- Trường Giáo dục nghề nghiệp Suupohja của Phần Lan

- Trường Kỹ thuật Kumamoto – Nhật Bản

- Học viện kỹ thuật Dong – EUI Busan – Hàn Quốc.

- Trường Đại học OSAN – Hàn Quốc

- Trường Cao đẳng Blackburn – Anh Quốc

- Học viện Chisholm của Australia

- Trường Handwerkskammer của CHLB Đức

Năm 2014-2015 tổ chức Phần Lan và tập đoàn Hyundai hỗ trợ nhà trường trong việc nâng cao năng lực giáo dục nghề nghiệp Công nghệ ô tô và xây dựng trung tâm đào tạo về an toàn lao động theo mô hình của Hàn Quốc.

Ngoài ra JICA cũng giới thiệu nhiều đoàn đại biểu của các tỉnh, các công ty Nhật Bản đến thăm và tìm hiểu cơ hội hợp tác với nhà trường.

Ngoài các tổ chức nói trên nhà trường còn có rất nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác khác nhau từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Trường đã có một số dự án hợp tác về đào tạo bồi dưỡng giáo viên, với cơ quan đào tạo nghề và xã hội Châu Âu (EBG) - Cộng Hòa Liên Bang Đức, Đại học OSAN (Hàn quốc), một số trường kỹ thuật tại Chi ba (Nhật bản)... Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ): chủ yếu là các hoạt động tập huấn, tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nâng cao năng lực đào tạo nghề đặc biệt là trong ngành Cơ khí.

Nhà trường còn có rất nhiều hoạt động hợp tác với các đối tác khác nhau từ nhiều quốc gia trên thế giới.

Trong những năm qua, việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế của nhà trường đã thu được những kết quả tốt đẹp, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phát triển nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, nhà trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giáo viên đi học tập, tham quan kinh nghiệm ở nước ngoài như: Hàn Quốc, Nhật Bản, CHLB Đức, Cộng hòa Séc, Anh Quốc, Malaysia, Thái Lan, Úc v.v…

2.2. Thành tích nổi bật:

Trải qua hơn 47 năm xây dựng và phát triển nhà trường không ngừng lớn mạnh. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên không ngừng phát triển với 198 cán bộ, giáo viên trong đó có 02 tiến sỹ, 4 nghiên cứu sinh, 101 thạc sỹ. Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có chuyên môn tốt, vững về kỹ năng nghề, có đủ năng lực sư phạm và kiến thức, phẩm chất đạo đức tốt, tận tâm, tận tuỵ với công việc. Đội ngũ nhà giáo của Nhà trường tham gia Hội giảng toàn quốc luôn đạt những giải cao. Năm 2012 nhà trường cử 3 nhà giáo tham gia Hội giảng thì 01 nhà giáo đạt giải nhất, 02 nhà giáo đạt giải nhì; năm 2015 nhà trường cử 2 nhà giáo tham gia Hội giảng thì 01 nhà giáo đạt giải nhất, 1 nhà giáo đạt giải nhì; năm 2018 nhà trường cử 3 nhà giáo tham gia Hội giảng thì 03 nhà giáo đạt giải nhất; năm 2021 nhà trường cử 1nhà giáo tham gia Hội giảng thì 01 nhà giáo đạt giải nhất Quốc gia.

Về cơ sở vật chất, thiết bị Nhà trường liên tục đổi mới và phát triển về cơ sở vật chất, quy mô, ngành nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, xứng đáng là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có uy tín, chất lượng cao của Thủ đô Hà Nội.

Nhà trường đặc biệt quan tâm xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội trong và ngoài nước. Đến nay, Trường đã có quan hệ hợp tác chặt chẽ với trên 200 đơn vị để cùng nghiên cứu, chuyên giao công nghệ, sản xuất, hỗ trợ trang thiết bị, đào tạo giáo viên, tài trợ học bổng và đặc biệt là giải quyết việc làm cho sinh viên ra trường. Chính mối quan hệ này đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển của Nhà trường.

Công tác Nghiên cứu khoa học của Nhà trường cũng đã đạt được nhiều thành tích đáng kể. Nhiều sáng kiến, đề tài NCKH có tính ứng dụng cao, phục vụ cho hoạt động của Nhà trường đã đưa vào nghiệm thu. Hàng trăm mô hình, thiết bị dạy học chất lượng cao đã được sản xuất và đưa vào đào tạo.

Ghi nhận những thành tích đã đạt được trong mọi mặt hoạt động của nhà trường, các tập thể và các cá nhân của Nhà trường vinh dự được Đảng, Nhà nước, Bộ, Ngành, UBND thành phố Hà Nội và các đoàn thể tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương lao động Hạng Nhì của Chủ tịch nước năm 2012

- Huân chương lao động Hạng Ba của Chủ tịch nước năm 2007

- Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba của Chủ tịch nước năm 2009

- Biểu tượng Vàng đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam năm 2011

- 04 Cờ thi đua Thành phố tặng Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua các năm 2012, 2013, 2017, 2019

- Cờ thi đua Chính phủ tặng Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua năm 2018

- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm 2014

- Bằng khen Thành phố tặng Đơn vị hoàn thành xuất sắc năm 2014, 2016

- Bằng khen của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2014, 2016

- Bằng khen của BCH Đảng bộ Thành phố Hà Nội năm 2016

- Cờ thi đua Thành phố tặng thành tích trong phong trào thi đua năm 2019-2020

Tại Hội nghị thi đua cụm số 19 đề nghị tôn vinh tặng thưởng Nhà trường Cờ thi đua Chính phủ năm 2021

Nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường vinh dự được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp Thành phố, Tổng liên đoàn LĐVN, TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội, Sở Nội vụ Hà Nội.

Đảng bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh luôn đạt những thành tích cao như: Đảng bộ trong sạch vững mạnh và tiêu biểu, Công đoàn vững mạnh xuất sắc, Đoàn thanh niên tiên tiến xuất sắc nhiều năm liền.

Năm 2021 nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội khen tặng 05 tập thể, 03 cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua năm học 2020 – 2021. 3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3.1. Cơ cấu tổ chức (theo sơ đồ sau)

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

**BỘ MÔN HÀN**

**BỘ MÔN CƠ ĐIỆN TỬ**

**BỘ MÔN CẮT GỌT KIM LOẠI**

**BỘ MÔN LÝ THUYẾT CƠ SỞ**

CÁC LỚP HỌC SINH SINH VIÊN

TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG, HỖ TRỢ VIỆC LÀM VÀ HỢP TÁC DOANH NGHIỆP

KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

KHOA TRUNG CẤP VÀ SPDN

KHOA CÔNG NGHỆ

THÔNG TIN

KHOA KINH TẾ

KHOA LÝ THUYẾT CƠ BẢN

KHOA CÔNG NGHỆ Ô TÔ

KHOA CƠ KHÍ

HIỆU PHÓ

ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG ỦY

ĐOÀN THỂ

- CÔNG ĐOÀN

- ĐOÀN THANH NIÊN

- HỘI CỰU CHIẾN BINH

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

PHÒNG CƠ SỞ  
VẬT CHẤT THIẾT BỊ VÀ DỰ ÁN

PHÒNG   
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

PHÒNG   
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

PHÒNG   
ĐBCL  
&QL KH

PHÒNG ĐT &Q L HSSV

**BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**

**BỘ MÔN ĐIỆN TỬ**

**BỘ MÔN TỰ ĐỘNG HÓA**

**BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH**

**BỘ MÔN SƯ PHẠM DẠY NGHỀ**

**BỘ MÔN TIN HỌC VĂN PHÒNG**

**BỘ MÔN THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

**BỘ MÔN QUẢN TRỊ MẠNG**

**BỘ MÔN CHÍNH TRỊ PHÁP LUẬT**

BỘ MÔN NGOẠI NGỮ

**BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

| **Các bộ phận** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Học vị** | **Chức danh, Chức vụ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Ban Giám hiệu | Phạm Thị Hường | 1972 | Thạc sỹ | Hiệu trưởng |
| Nguyễn Văn Huy | 1972 | Thạc sỹ | Phó Hiệu trưởng |
| 2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn | | | | |
| Đảng Bộ | Phạm Thị Hường | 1972 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Lê Viết Thắng | 1963 | Thạc sỹ | Phó Bí thư |
| Chi bộ 1 | Trần Thanh Bình | 1981 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 2 | Trần Văn Việt | 1981 | Tiến sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 3 | Lê Ngọc Kính | 1973 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 4 | Nguyễn Văn Huy | 1972 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 5 | Dương Thành Hưng | 1966 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 6 | Tạ Xuân Tấn | 1977 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 7 | Trần Thị Bích Liên | 1977 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 8 | Nguyễn Gia Phúc | 1963 | Tiến sỹ | Bí thư |
| Chi bộ 9 | Vũ Thị Trang | 1978 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Công Đoàn | Nguyễn Thị Kim Oanh | 1976 | Thạc sỹ | Chủ tịch |
| Đoàn Thanh niên | Lê Văn Úy | 1987 | Thạc sỹ | Bí thư |
| Hội Cựu chiến binh | Nguyễn Văn Lợi | 1974 | Trung cấp | Chủ tịch |
| Nữ công | Nguyễn Thị Kim Oanh | 1976 | Thạc sỹ | Trưởng ban |
| 3. Trưởng các phòng chức năng | | | | |
| Phòng TCHC | Trần Văn Việt | 1981 | Tiến sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng Đào tạo và QLHSSV | Trần Thanh Bình | 1981 | Thạc sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng ĐBCL&QLKH | Lê Ngọc Kính | 1973 | Thạc sỹ | Phó Trưởng phòng |
| Phòng TCKT | Vũ Thị Trang | 1978 | Thạc sỹ | Kế toán trưởng |
| Phòng CSVCTB&DA | Dương Quang Hà | 1971 | Kỹ sư | Phó Trưởng phòng |
| 4. Trưởng các khoa | | | | |
| Khoa Cơ khí | Dương Thành Hưng | 1966 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Công nghệ ô tô | Lê Viết Thắng | 1963 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Điện – Điện tử | Trần Thị Bích Liên | 1977 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Công nghệ thông tin | Nguyễn Gia Phúc | 1963 | Tiến sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Trung cấp & SPDN | Khúc Thị Ngọc Hà | 1979 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Lý thuyết cơ bản | Tạ Xuân Tấn | 1977 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Kinh tế | Phạm Thị Thu Hằng | 1973 | Thạc sỹ | Phó Trưởng khoa |
| 5. Trưởng Trung tâm trực thuộc (Trung tâm, Thư viện …) | | | | |
| Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp | Nguyễn Văn Huy | 1972 | Thạc sỹ | Giám đốc |

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên của trường: (tính đến thời điểm tháng 12/2021)

1.3.1. Cán bộ, nhân viên trong trường: 201

1.3.2. Đội ngũ giáo viên:

- Giáo viên cơ hữu: 129 - Nam: 73 - Nữ: 56

| TT | Giáo viên cơ hữu | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Trình độ đào tạo | Nam | Nữ | Tổng số |
| 1 | Tiến sĩ | 2 | 0 | 2 |
| 2 | Thạc sĩ | 50 | 45 | 95 |
| 3 | Đại học | 21 | 11 | 32 |
| Tổng số | | 73 | 56 | 129 |

- Thỉnh giảng: 8

## 4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp

| **STT** | **Tên nghề đào tạo** | **Trình độ đào tạo** | **Năm 2019** | | **Năm 2020** | | **Năm 2021** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô**  **tuyển sinh** | **Số lượng**  **học viên** | **Quy mô**  **tuyển sinh** | **Số lượng**  **học viên** | **Quy mô**  **tuyển sinh** | **Số lượng**  **học viên** |
| 1 | Cắt gọt kim loại | Cao đẳng | 50 | 30 | 50 | 26 | 40 | 28 |
| Trung cấp | 10 | 2 | 20 | 7 | 20 | 7 |
| 2 | Cơ điện tử | Cao đẳng | 80 | 51 | 75 | 110 | 65 | 53 |
| 3 | Công nghệ ô tô | Cao đẳng | 250 | 495 | 200 | 511 | 195 | 572 |
| Trung cấp | 50 | 90 | 60 | 73 | 30 | 48 |
| 4 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | Cao đẳng | - |  | - |  | 25 | 27 |
| 5 | Công nghệ thông tin  ( ƯDPM) | Cao đẳng | 100 | 70 | 75 | 63 | 50 | 103 |
| Trung cấp | 100 | 207 | 50 | 150 | 100 | 83 |
| 6 | Điện công nghiệp | Cao đẳng | 120 | 155 | 100 | 147 | 100 | 120 |
| Trung cấp | 30 | 38 | 30 | 24 | 20 | 35 |
| 7 | Điện dân dụng | Cao đẳng |  |  | 100 |  | - |  |
| Trung cấp | 20 | 41 | 30 | 30 | 20 | 0 |
| 8 | Điện tử công nghiệp | Cao đẳng | 60 | 71 | 75 | 54 | 50 | 53 |
| 9 | Điện tử dân dụng | Cao đẳng | 30 | 23 | 30 |  | 30 | 7 |
| 10 | Hàn | Cao đẳng | 30 | 10 | 30 | 2 | 40 | 0 |
|  |  | Trung cấp |  | 3 | 20 |  | 20 |  |
| 11 | Kế toán doanh nghiệp | Cao đẳng | 30 | 16 | 30 | 20 | 25 | 15 |
| Trung cấp | 30 | 16 | 30 | 8 | 30 | 6 |
| 12 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | Cao đẳng | 100 | 138 | 80 | 120 | 100 | 99 |
| Trung cấp | 50 | 25 | 50 | 27 | 20 | 12 |
| 13 | Quản trị mạng máy tính | Cao đẳng | 70 |  | 50 |  | 25 |  |
| Sơ cấp | 10 |  | 25 |  | 25 |  |
| 14 | Thương mại điện tử | Cao đẳng | 30 |  | 30 |  | 25 |  |
| Trung cấp | 30 |  | 20 |  | - |  |
| 15 | Thiết kế đồ họa | Cao đẳng | 40 | 40 | 50 | 69 | 55 | 104 |
| Trung cấp | 40 | 34 | 50 | 39 | 40 | 61 |
| 16 | Tự động hóa công nghiệp | Cao đẳng | 50 | 42 | 50 | 60 | 25 | 58 |
| 17 | Nguội chế tạo | Cao đẳng | 25 |  | 25 |  | - |  |
| 18 | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | Cao đẳng | 30 |  |  |  | - |  |
| 19 | Lắp đặt thiết bị lạnh | Cao đẳng | 30 |  | 50 |  | - |  |
| 20 | Tin học văn phòng | Trung cấp | 150 |  | 75 |  | - |  |
| 21 | Tin học ứng dụng | Trung cấp | 40 |  | 50 |  | - |  |
| 22 | Chăm sóc sắc đẹp | Trung cấp | - |  | - |  | 25 | 33 |
| 23 | Kỹ thuật chăm sóc tóc | Trung cấp | - |  | - |  | 25 | 6 |
| 24 | Thiết kế tạo mẫu tóc | Sơ cấp | - |  | - |  | 150 | 14 |
| 25 | Trang điểm thẩm mỹ | Sơ cấp | - |  | - |  | 50 | 1 |
| 26 | Vẽ móng nghệ thuật | Sơ cấp | - |  | - |  | 50 |  |
| 27 | Chăm sóc da | Sơ cấp | - |  | - |  | 50 | 15 |
| 28 | Điện lạnh | Sơ cấp | 10 | 6 | 25 | 4 | 25 | 2 |
| 29 | Hàn điện | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 |  |
| 30 | Hàn hơi và inox | Sơ cấp | 20 | 6 | 25 |  | 25 |  |
| 31 | Kế toán máy | Sơ cấp | 15 |  | 25 |  | 25 |  |
| 32 | Kế toán tổng hợp trong doanh nghiệp | Sơ cấp | 15 |  | 25 |  | 25 |  |
| 33 | Lắp đặt và sửa chữa điện nước | Sơ cấp | 10 |  | 25 | 17 | 25 | 1 |
| 34 | Phay CNC | Sơ cấp | 10 |  | 25 |  | 25 |  |
| 35 | Phay vạn năng | Sơ cấp | 10 |  | 25 |  | 25 |  |
| 36 | Sơn ô tô | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 | 33 |
| 37 | Sửa chữa điện công nghiệp | Sơ cấp | 20 | 6 | 25 |  | 25 | 1 |
| 38 | Sửa chữa điện dân dụng | Sơ cấp | 20 | 2 | 25 |  | 25 | 1 |
| 39 | Sửa chữa điện thân xe và hệ thống điều hòa không khí trên ô tô | Sơ cấp | 10 |  | 25 |  | 25 |  |
| 40 | Sửa chữa điện thoại di động | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 |  |
| 41 | Sửa chữa điện tử dân dụng | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 |  |
| 42 | Sửa chữa đồng hồ đo thời gian | Sơ cấp | 30 | 30 | 25 | 20 | 25 | 7 |
| 43 | Sửa chữa hệ thống treo – lái – phanh ô tô | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 | 1 |
| 44 | Sửa chữa khung, vỏ ô tô | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 |  |
| 45 | Thiết kế đồ họa – đồ họa 2D | Sơ cấp | 10 |  | 25 |  | 25 |  |
| 46 | Thiết kế đồ họa – Thiết kế giao diện website | Sơ cấp | 10 |  | 25 |  | 25 |  |
| 47 | Tiện CNC | Sơ cấp | 20 |  | 25 | 1 | 25 |  |
| 48 | Tiện vạn năng | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 |  |
| 49 | Tin học văn phòng – Office nâng cao | Sơ cấp | 20 |  | 25 |  | 25 |  |
| 50 | Tin học văn phòng cơ bản | Sơ cấp | 20 |  | - |  | - |  |
| 51 | Lập trình ứng dụng ANDROID | Sơ cấp | 10 |  | - |  | - |  |
| 52 | Lập trình Web | Sơ cấp | 20 |  | - |  | - |  |
| 53 | Lập trình Windows | Sơ cấp | 20 |  | - |  | - |  |
| Liên thông | | |  | 35 |  | 26 |  | 9 |
| Tổng | | | 2395 | 1682 | 1555 | 1598 | 2075 | 1615 |

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (số liệu 3 năm trước năm kiểm định)

| **Trình độ đào tạo** | **Năm** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** |
| Cao đẳng nghề | 1141 | 1182 | 1239 |
| Trung cấp nghề | 456 | 358 | 291 |
| Sơ cấp nghề | 50 | 32 | 76 |
| Liên thông | 35 | 26 | 9 |
| Tổng cộng | 1682 | 1598 | 1615 |

## 5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất: 22.688 m2, trong đó:

+ Diện tích xây dựng: 18.486 m2 (chiếm 81,48 % tổng diện tích)

+ Diện tích cây xanh, lưu không: 4.202 m2 (chiếm 18,52 % tổng diện tích)

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

| **TT** | **Danh mục công trình** | **Năm đưa vào sử dụng** | **Cấp Công trình** | **Diện tích** | **Diện tích chiếm đất** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I | Nhà làm việc |  |  |  |  |
| 1 | Khu hiệu bộ | 1976 | Nhà cấp II | 2.190 |  |
| II | Nhà xưởng |  |  |  |  |
| 2 | Xưởng thực hành | 1976 | Nhà cấp IV | 10.754 |  |
| III | Giảng đường |  |  |  |  |
| 1 | Phòng học lý thuyết | 1976 | Nhà cấp III | 2.592 |  |
| 2 | Hội trường 120 chỗ | 1976 | Nhà cấp II | 250 |  |
| 3 | Hội trường 300 chỗ | 1978 | Nhà cấp III | 600 |  |
| IV | Nhà KTX |  |  |  |  |
| 1 | Nhà ăn | 1978 | Nhà cấp IV | 120 |  |
| V | Tài sản khác |  |  |  |  |
| 1 | Khu thể thao | 1978 | Nhà cấp IV | 500 |  |
| 2 | Trạm y tế | 1976 | Nhà cấp II | 60 |  |
| 3 | Thư viện | 1978 | Nhà cấp II | 120 |  |
| 4 | Kho vật tư | 1976 | Nhà cấp II | 200 |  |
| 5 | Nhà để xe cán bộ | 1977 | Nhà cấp IV | 300 |  |
| 6 | Nhà để xe học sinh | 1977 | Nhà cấp IV | 800 |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường:

- Tổng số đầu sách trong thư viện điện tử của nhà trường (file mềm): 1564

- Tổng số cuốn sách trong thư viện của nhà trường: 15649

- Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 3116

5.4. Tổng số máy tính của nhà trường: 444

- Dùng cho văn phòng: 79

- Dùng cho học sinh, sinh viên học tập: 365

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2018: 6,071,721,000 đồng

- Năm 2019: 8,862,272,400 đồng

- Năm 2020: 12,223,189,673 đồng

5.6. Tổng thu học phí trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2018: 10,119,535,000 đồng

- Năm 2019: 14,770,454,000 đồng

- Năm 2020: 20,371,982,789 đồng

# 

# PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

## 1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một vấn đề được trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội hết sức quan tâm. Ngày nay xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế đang tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với không chỉ mỗi quốc gia mà ngay cả đối với mỗi cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đặc biệt cuộc cách mạng khoa học lần thứ 4 đã ảnh hưởng không nhỏ đến mỗi nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngày càng trở nên quyết liệt, gay gắt. Lợi thế cạnh tranh sẽ thuộc về cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào có chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động không thể thiếu được trong hoạt giáo dục nghề nghiệp của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thì chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố cạnh tranh quan trọng nhất. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng năm cung cấp một tỷ lệ lớn cho nguồn nhân lực được đào tạo của quốc gia. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì cần phải có các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng được nhu cầu dạy và học; nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và có trình độ chuyên môn cao.

Trong thời gian vừa qua, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã quan tâm đến chất lượng đào tạo, từ đó tổ chức xây dựng điều chỉnh chương trình giáo dục nghề nghiệp gắn liền với các yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cũng đã được tăng cường, đổi mới đáng kể. Đội ngũ cán bộ giảng viên, giáo viên được đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp và toàn xã hội. Ý thức được vấn đề đó, Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội đã tiến hành thực hiện tự đánh giá chất lượng qua đó Nhà trường xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng mục tiêu giáo dục nghề nghiệp mà Nhà trường đã đề ra. Tự đánh giá chất lượng còn thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm, và mang lại những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.

Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần phải tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp thống nhất theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành.

## 2. Tổng quan chung

### **2.1. Căn cứ tự đánh giá**

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Quy định về quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp; quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH ban hành Quy định về Quy trình thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Căn cứ Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Điều 15 của Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

+ Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

+ Thực hiện tự đánh giá chất lượng.

+ Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

+ Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

### **2.2. Mục đích tự đánh giá**

- Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một khâu quan trọng nhằm mục đích chỉ ra các mặt mạnh, mặt tồn tại trong các hoạt động của Nhà trường, để từ đó xây dựng kế hoạch và các biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng mục tiêu nghề nghiệp đã đề ra.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Tự đánh giá không những giúp nhà trường rà soát, tự xem xét thực trạng của Nhà trường để điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo mà còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội... theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp mục tiêu của Nhà trường.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đã đạt được của nhà trường, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Nhà trường.

- Nhà trường phấn đấu đến năm 2025 trở thành:

+ Trung tâm đào tạo nghề đạt trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề đạt chuẩn quốc tế.

+ Trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc của Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

### **2.3. Yêu cầu tự đánh giá**

- Tự đánh giá là một quá trình đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, do đó phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường.

- Đảm bảo khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự đánh giá.

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai với tất cả các thành viên trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

- Đảm bảo đầy đủ nội dung cần đánh giá, đúng thời gian theo kế hoạch.

### **2.4. Phương pháp tự đánh giá**

- Mô tả, làm rõ thực trạng nhà trường:

Căn cứ từng tiêu chuẩn của 9 tiêu chí trong bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng, từng nhóm tự đánh giá thực hiện thu thập thông tin và các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo có đủ độ tin cậy, tính chính xác và phải phù hợp với từng tiêu chuẩn. Thông tin và minh chứng phải được chỉ rõ nguồn gốc đồng thời phải được lưu trữ và bảo quản cẩn thận, khoa học.

- Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, yếu, từ đó đưa ra biện pháp khắc phục.

Các thông tin và minh chứng theo nội hàm của tiêu chí, tiêu chuẩn thu thập được phải xử lý để mô tả ngắn gọn nhất về các hoạt động của trường liên quan đến mỗi tiêu chuẩn. Qua phân tích, so sánh...để thấy được thực trạng hiện nay của Nhà trường và đưa ra những nhận định về các điểm mạnh, yếu, tìm ra nguyên nhân, xác định mức độ đạt được qua mỗi tiêu chuẩn. Xác định những vấn đề cần cải tiến, đề ra biện pháp giải quyết.

- Lên kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng nghề nghiệp

Kế hoạch hành động của trường để tiếp tục duy trì các mặt mạnh và có biện pháp cải tiến hoặc khắc phục các mặt yếu. Kế hoạch hành động của nhà trường phải thể hiện quyết tâm cải tiến chất lượng trong các lĩnh vực còn có những tồn tại, yếu kém.

### **2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**

- Xác định mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Thu thập thông tin, minh chứng.

- Xử lý phân tích các thông tin, minh chứng thu thập được.

- Đánh giá mức độ đơn vị, trường đã đạt được theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá.

- Viết báo cáo kết quả tự đánh giá trường.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng của trường.

## 3. Tự đánh giá

### **3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá**

| **TT** | **Tiêu chí, tiêu chuẩn,**  **(ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)** | **Điểm chuẩn** | **Tự đánh giá của CSGDNN** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | 100 | 99 |
| 1 | Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý | 12 | 12 |
|  | Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. | 1 | 1 |
| 2 | Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo | 17 | 17 |
|  | Tiêu chuẩn 2.1. Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từngchương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.2. Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.3. Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.4. Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.5. Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.6. Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.7. Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.8. Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.9. Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.10. Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.11. Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.12. Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.13. Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.14. Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.15. Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.16. Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 2.17. Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. | 1 | 1 |
| 3 | Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động | 15 | 15 |
|  | Tiêu chuẩn 3.1. Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.2. Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân 1loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.3. Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.4. Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.5. Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.6. Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.7. Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.8. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.9. Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.10. Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.11. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.12. Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.13. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.14. Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 3.15. Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ. | 1 | 1 |
| 4 | Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình | 15 | 15 |
|  | Tiêu chuẩn 4.1. Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.2. 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.3. Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.4. Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.5. Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.6. Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.7. Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.8. Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.9. Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.10. Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.11. 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.12. Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.13. Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.14. Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 4.15. Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. | 1 | 1 |
| 5 | Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | 15 | 15 |
|  | Tiêu chuẩn 5.1. Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.2. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.3. Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.4. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.5. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.6. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.7. Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.8. Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.9. Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.10. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.11. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.12. Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.13. Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.14. Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 5.15. Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 1 | 1 |
| 6 | Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế | 5 | 5 |
|  | Tiêu chuẩn 6.1. Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 6.2. Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng). | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 6.3. Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 6.4. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 6.5. Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | 1 |
| 7 | Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính | 6 | 6 |
|  | Tiêu chuẩn 7.1. Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 7.2. Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 7.3. Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 7.4. Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 7.5. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 7.6. Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. | 1 | 1 |
| 8 | Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học | 9 | 8 |
|  | Tiêu chuẩn 8.1. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8.2. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8.3. Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8.4. Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8.5. Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học. | 1 | 0 |
|  | Tiêu chuẩn 8.6. Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8.7. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8.8. Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 8.9. Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng. | 1 | 1 |
| 9 | Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng | 6 | 6 |
|  | Tiêu chuẩn 9.1. Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 9.2. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 9.3. Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 9.4. Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 9.5. Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có. | 1 | 1 |
|  | Tiêu chuẩn 9.6. Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. | 1 | 1 |

#### 3.2.1. Tiêu chí 1:Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:**

**Mở đầu:** Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội, trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1984/QĐ-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2006 trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của nhà trường được thực hiện theo Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 2/8/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt MC 1.1.05 -Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.

*Các điểm mạnh:*

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội đã Xác định rõ mục tiêu phát triển nhà trường là: Đổi mới cơ bản và toàn diện đảm bảo mang lại điều kiện làm việc thuận lợi, phát huy cao độ trí tuệ, năng lực cán bộ, giáo viên nhà trường cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực phấn đấu trở thành trường cao đẳng nghề trọng điểm tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho CNH, HĐH ; phát triển thương hiệu "Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội" rộng rãi trong cả nước.

Mục tiêu và ngành nghề đào tạo của nhà trường hiện nay đã và đang đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho thị trường.

Cơ cấu tổ chức của nhà trường bao gồm: Hội đồng trường, Ban Giám Hiệu, 05 phòng ban chức năng,07 khoa chuyên ngành và 01 trung tâm. Hoạt động của nhà trường dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và tham gia của các đoàn thể, các hội đồng tư vấn, đáp ứng được các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của nhà trường và hoạt động có hiệu quả.

Trong tổ chức và quản lý, nhà trường thực hiện theo Luật giáo dục năm 2005, 2019; Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014; Nghị định nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định quy chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Điều lệ trường Cao đẳng và nhiều văn bản pháp quy khác..

Cấp ủy Đảng thể hiện vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong Nhà trường, có phân công, tập trung chỉ đạo theo nghị quyết; lãnh đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động có hiệu quả, góp phần tích cực vào nhiệm vụ chính trị Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển, Điều lệ trường. Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường được xác định cụ thể, rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thể hiện được vai trò, vị thế của nhà trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương. Mục tiêu và nhiệm vụ đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt, các văn bản làm cơ sở pháp lý cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp từ cấp nhà nước đến cấp trường đầy đủ, được phổ biến công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các nghề đào tạo của nhà trường phù hợp với mục tiêu phát triển của ngành và địa phương. Đã điều chỉnh, bổ sung định kỳ, kịp thời các mục tiêu, nhiệm vụ theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu người học.

Nhà trường có hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ đảm bảo mọi hoạt động của nhà trường theo hướng nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Hàng năm, đều được rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của nhà trường và các văn bản của cơ quan quản lý.

Các đơn vị trực thuộc nhà trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Cơ cấu tổ chức của trường phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn nhà trường hoạt động hiệu quả, không chồng chéo theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định.

Nhà trường Xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo đúng thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có phòng ĐBCL & QLKH phụ trách thực hiện công tác về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng và luôn là đơn vị được đánh giá hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ trong nhiều năm liền.

Các tố chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên, ban thanh tra nhân dân hoạt động đúng nguyên tắc, điều lệ và có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

*Các điểm tồn tại:* Không có

**\*Kế hoạch nâng cao chất lượng:** Năm 2019, lấy ý kiến khảo sát từ các doanh nghiệp, các khu công nghiệp trên địa bàn vùng kinh tế trọng điểm khu vực phía Bắc để điều chỉnh mục tiêu và nhiệm vụ nhà trường trong những năm tiếp theo; phấn đấu trở thành trường cao đẳng nghề đẳng cấp quốc gia , khu vực ASEAN và quốc tế trong giai đoạn 2015– 2020.

Từ năm 2019, nhà trường mở rộng quy mô của các hội nghị để tập trung được các ý kiến từ nhiều đối tượng khác nhau, giúp nhà trường có cái nhìn toàn diện để làm căn cứ cho việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ, chất lượng đào tạo sát với nhu cầu thực tế.

**Điểm đánh giá tiêu chí 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| **Tiêu chí 1** | **12** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 |

**Tiêu chuẩn 1.1:***Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.*

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội, trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1984/QĐ-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2006 trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội thành Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.

Năm 2006, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho vùng kinh tế trọng điểm. Được sự đồng ý của UBND Thành phố Hà Nội, Nhà trường đã lập Đề án số 09/THCN ngày 20/01/2006 của Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội đề nghị nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội và trình lên Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ( *MC 1.1.01 - Đề án nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề*). Căn cứ vào năng lực thực tế của nhà trường và quy hoạch mạng lưới các trường giáo dục nghề nghiệp, ngày 29/12/2006 Bộ trưởng Bộ Lao động – TB&XH đã ra Quyết định số 1984/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập thành trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Công nghiệp Hà Nội ( *MC 1.1.02 - Quyết định thành lập trường số 1984/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006*).

Ngày 12/7/2010 Trường CĐNCN Hà Nội đã gửi UBND Thành phố Hà Nội Tờ trình số 49/CV-CĐNCN HN về việc Xin phê duyệt Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội. Ngày 02/8/2010 UBND Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 3777/QĐ-UBND về việc phê duyệt Điều lệ của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội, theo Nghị quyết số 01NQ/HĐTr CĐNCN HN ngày 10 tháng 7 năm 2010 về việc Quyết nghị thông qua Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội của Hội đồng nhà trường ( (*MC 1.1.03 -Tờ trình số 49/CV-CĐNCNHN về việc xin phê duyệt điều lệ trường CĐNCNHN*;  *MC 1.1.04 -Quyết định 3777QĐ-BLĐTBXH ngày 02/08/2010 về việc phê duyệt Điều lệ của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp*;*MC 1.1.05 -Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội*).

Năm 2012, xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và của Giám đốc Sở Nội vụ về việc sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đồng hồ - Điện tử - Tin học Hà Nội vào Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội, UBND Thành phố Hà Nội ra Quyết định 3398/QĐ-UBND ngày 27/7/2012 về việc sáp nhập Trường Trung cấp nghề Đồng hồ - Điện tử - Tin học Hà Nội vào Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội (*MC 1.1.06 -Quyết định số 3398/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/07/2012*).

Mục tiêu chung của nhà trường đã được thông qua trong Đại hội Đảng bộ của trường nhiệm kỳ 2015 - 2020 với nội dung là “Đoàn kết, trí tuệ, đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập” ( *MC 1.1.07 -Báo cáo chính trị của ban chấp hành Đảng bộ trường CĐNCNHN lần thứ 12 nhiệm kỳ 2015 - 2020*).

Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội nằm trong danh sách các trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm theo Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.Trường được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt đào tạo với 06 nghề trọng điểm là :Công nghệ ô tô, Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, Cơ điện tử, Quản trị mạng máy tính, Điện công nghiệp, Hàn. Các nghề trọng điểm này là phù hợp với ngành nghề đã được quy hoạch phát triển tại khu vực trọng điểm Bắc Bộ (gồm Hà Nội và các tỉnh lân cận) ( *MC 1.1.08 -Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025*)

Điều lệ của trường được Xây dựng theo Quyết định số 51/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 5 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành mẫu Điều lệ trường cao đẳng nghề. Trên cơ sở đó, nhà trường đã cụ thể hóa và xây dựng điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường và được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt theo Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2010 (*MC 1.1.04 -Quyết định 3777QĐ-BLĐTBXH ngày 02/08/2010 về việc phê duyệt Điều lệ của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp; MC 1.1.05 - Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội*). Ngày 28 tháng 08 năm 2020, Hội đồng trường đã có nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của trường đã được phê duyệt theo Quyết định số 3777/QĐ-UBND và Trường đã có đơn đề nghị về việc đề nghị phê duyệt sửa đổi, bổ sung điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội. (*MC 1.1.09 -Nghị quyết số 286/NQ-CĐNCN ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc sửa đổi ,bổ sung Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội ; MC 1.1.10 - Đơn đề nghị số 194/CĐNCN-TCHC ngày 30/9/2020 về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội )*.

Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội; Chiến lược phát triển trường 2015 – 2020 và tầm nhìn đến 2030 đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo và người lao động trong toàn trường. (*MC 1.1.11 -Chiến lược phát triển trường 2015 – 2020 và tầm nhìn đến 2030; MC 1.1.12 -Biên bản họp triển khai và góp ý xây dựng và điều chỉnh điều lệ trường*).Như vậy mục tiêu, sứ mạng của trường hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao đồng thời thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của khu vực Đồng bằng Bắc bộ, ngành Công Thương cũng như của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận được Xác định rõ trong các văn bản: Điều lệ trường; Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2015- 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển chung bắt nhịp Xu hướng hội nhập toàn cầu.( *MC 1.1.13 -Thông tin nhu cầu tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp 2019,2020,2021;MC 1.1.14 -Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 Phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt nam giai đoạn 2011-2020 ; MC 1.1.15 –Quyết định số 1823/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2018 Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*).

Nhà trường luôn quan tâm đến việc công khai mục tiêu và nhiệm vụ của trường trên mọi phương tiện thông tin đại chúng. Mục tiêu và nhiệm vụ được công bố công khai tới toàn thể cán bộ giáo viên qua các cuộc họp giao ban, tổng kết năm học, năm kế hoạch của nhà trường, Hội nghị CNVC, thông báo công khai trên website của trường, MC 1.1.17 - Kỷ yếu 45 năm ([*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn*](http://hnivc.edu.vn)*; MC 1.1.17 - Kỷ yếu 45 năm; MC 1.1.18 -Các tài liệu quảng cáo của Trường phục vụ công tác tuyển sinh năm học học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020,2021* )

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về mục tiêu, sứ mạng của nhà trường cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Mục tiêu, sứ mạng của nhà trường được xác định cụ thể, phù hợp chức năng , nhiệm vụ , thể hiện vai trò của trường | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | (%) | 1.5 (%) | 96% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 3.6 (%) | 1.6(%) | 94.8% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 7.1 (%) | 91.8% |

(*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1 : 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.2**:*Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.*

Căn cứ vào Quyết định số 1216/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020; Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – Xã hội và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực thành phố Hà Nội đến năm 2020 (*MC 1.1.14 -Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 Phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt nam giai đoạn 2011-2020 ;MC 1.2.01 - Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020; MC 1.1.08 -Quyết định số 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ LĐTBXH về phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; MC 1.1.15 -Quyết định số 1823/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2018 Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*).

Nhà trường xây dựng chiến lược phát triển Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2030 trong đó có đầy đủ thông tin và cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng, kế hoạch đầu tư. (*MC 1.1.11 - Chiến lược phát triển trường 2015 – 2020 và tầm nhìn đến 2030)*

Chiến lược của nhà trường có đầy đủ các thông tin về cơ cấu ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng, kế hoạch đầu tư. Trên cơ sở Quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020” nhà trường đã lập dự án đầu tư phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 (*MC 1.2.02 - Dự án đầu tư phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội*) trong đó nêu rõ nhu cầu nguồn nhân lực đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội của địa phương, ngành đến năm 2020. Chiến lược và Dự án đầu tư phát triển trường nghề chất lượng cao do Nhà trường xây dựng có quy mô, cơ cấu dạy nghề phù hợp với yêu cầu về nhân lực của địa phương, ngành đến năm 2020. Căn cứ vào đánh giá của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội về vấn đề Đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm chất lượng, theo sát thị trường, nhà trường đã tổng hợp nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương trong báo cáo của phòng ĐBCL & QLKH ( *MC 1.2.03 - Báo cáo về dự báo nhu cầu phát triển nhân lực đáp ứng chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội của địa phương ngành đến năm 2015 và 2020)*

Theo Luật giáo dục nghề nghiệp và căn cứ vào nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhà trường hiện đào tạo 16 nghề ở cấp trình độ cao đẳng nghề, 11 nghề ở trình độ trung cấp nghề và 27 nghề ở trình độ sơ cấp. Tất cả các ngành nghề đều được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Nhà trường thực hiện đầu tư tập trung để đảm bảo các điều kiện cần thiết, đăng ký bổ sung ngành nghề và quy mô đào tạo và được Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp cấp các giấy chứng nhận bổ sung số cho phép đào tạo các nghề mới. Năm 2019 bổ sung 02 nghề mới là: Thương mại điện tử, Tự động hoá công nghiệp; Năm 2021 đăng ký mới và bổ sung thêm 03 nghề mới là: Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Chăm sóc sắc đep, Kỹ thuật chăm sóc tóc (*MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; số 07b/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 05/05/2021 của Tổng cục GDNN*)

Việc điều chỉnh nguồn lực, tổ chức đăng ký mở nghề, điều chỉnh quy mô đào tạo giúp trường đáp ứng tốt nhu cầu lao động của thị trường, phát huy được thế mạnh và năng lực của trường đồng thời đảm bảo được ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo là phù hợp( *MC 1.2.05- Kế hoạch tuyển sinh và thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020,2021*)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2 : 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.3:***Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.*

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Trường do BLĐTBXH quy định .Nhà trường đã căn cứ vào Thông tư quy định về Điều lệ trường Cao đẳng để tiến hành Xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường, từ đó ra quyết định thành lập và quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng đơn vị phòng, khoa, trung tâm trực thuộc với các nội dung về cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc trường. Cơ cấu tổ chức, quản lý của nhà trường ổn định liên tục từ năm 2019 tới nay. Trường hiện có 05 phòng chức năng, 07 khoa và 01 trung tâm. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cho thấy: Các phòng chức năng được tổ chức theo hướng thực hiện việc tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác quản lý, tổng hợp, đề Xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc của nhà trường như: Đào tạovà QLHSSV, Tổ chức hành chính, Đảm bảo chất lượng và QLKH, Tài chính kế toán, Cơ sở vật chất thiết bị và dự án, Trung tâm truyền thông - Hỗ trợ việc làm và hợp tác doanh nghiệp; Các khoa, tổ bộ môn trực thuộc. Được quy định trong hệ thống bảo đảm chất lượng- quy trình số 01, với việc ban hành đầy đủ Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường đồng thời cũng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị đảm bảo tránh chồng chéo nhiệm vụ, thực hiện được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường(*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình; MC 1.1.02 - Quyết định thành lập trường số 1984/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006;- MC 1.1.05 -Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội; MC 1.3.02- Quyết định thành lập Hội đồng Trường số 5766/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 ;MC 1.3.03- Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 11/08/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Hội đồng trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội; MC 1.3.04 - Các Quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm; MC 1.3.05- Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn 2019,2020,2021; MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ - Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị).*

Để giúp cho các đơn vị thuộc nhà trường được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao, nhà trường đã ban hành nhiều quy chế quản lý các lĩnh vực khác nhau, các quy chế này được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo từng năm, từng giai đoạn cho phù hợp với tình hình thực tế như: Quy chế dân chủ trong các hoạt động trường, Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tiếp dân, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy định chế độ làm việc, Quy định về quản lý và sử dụng tài sản công...( *MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ ; MC 1.3.07 - Quyết định 01/QĐ- CĐNCN ngày 04/01/2021 về việc ban hành quy chế dân chủ).* Nội dung các Quy chế thể hiện rõ quyền hạn của lãnh đạo, cán bộ, nhà giáo, nhân viên và trách nhiệm của các thành viên trong việc thực hiện các quy định đã được ban hành.

Hàng năm, nhà trường tiến hành khảo sát, lấy ý kiến về việc ban hành các quy chế quy định phù hợp và đảm bảo được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đã đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1.5 (%) | 8.1 (%) | 90.4(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 7.8(%) | 90.7(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 4.4 (%) | 95.6(%) |

*( MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.4**:*Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Hàng năm trường có kế hoạch với các đơn vị về thực hiện rà soát với các quy định cụ thể trong đó có yêu cầu về thời gian, các nội dung và phương pháp thực hiện (*MC 1.4.01 - Kế hoạch về việc rà soát chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trong trường năm 2019,2020,2021; MC 1.4.02 - Báo cáo về việc rà soát chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trong trường năm 2019,2020,2021)*

Đảng uỷ, Ban giám hiệu nhà trường coi việc rà soát, thực hiện điều chỉnh các văn bản quy định về tổ chức quản lý là công việc hết sức cần thiết(*MC 1.4.03 - Nghị quyết của Đảng ủy trường về rà soát, chỉnh sửa các quy định về tổ chức và quản lý năm 2019,2020,2021)*

Trên cơ sở rà soát, nhà trường đưa ra các quyết định để bổ sung và điều chỉnh chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa chuyên môn (*MC 1.3.04 - Các Quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm; MC 1.4.04 - Quyết định số 611/QĐ-CĐNCN ngày 30/12/2019 về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm hỗ trợ việc làm và quan hệ doanh nghiệp;MC 1.4.05 - Quyết định số 612/QĐ-CĐNCN ngày 30/12/2019 về việc điều chỉnh bổ sung chức năng nhiệm vụ của Phòng Đào tạo và Quản lý HSSV)*

Các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao, các quy định của trường hiện hành để đề Xuất các sửa đổi cho phù hợp với điều kiện mới ( *MC 1.4.06 - Biên bản đóng góp của các đơn vị về sửa đổi văn bản về tổ chức và quản lý của trường các năm 2019,2020,2021).*

Thống kê cho thấy từ năm 2019 đến nay có 10 lượt văn bản về tổ chức và quản lý được trường sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh. Cụ thể như sau:

| **TT** | **Các văn bản cũ** | | **Các văn bản mới** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số hiệu và ngày ban hành** | **Trích yếu nội dung** | **Số hiệu và ngày ban hành** | **Trích yếu nội dung** |
| Năm 2019 | | | | |
| 1 | Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 | Ban hành chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp | Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 | Bổ sung chương trình đào tạo cao đẳng , trung cấp |
| 2 | Quyết định số 28/QĐ-CĐNCN ngày 20/01/2016 | Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 77 quy trình và nội dung các quy trình | Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 | Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình |
| 3 | Kế hoạch số 29/KH-CĐNCNHN ngày 25/12/2019 | Kế hoạch tuyển sinh năm học 2018-2019 | Kế hoạch số 07/KH-CĐNCNHN ngày 01/3/19/2019 | Kế hoạch tuyển sinh năm học 2019-2020 |
| 4 | Quyết định số 281/QĐ-CĐNCN ngày 01/10/2013 | Quy định về thu, chi tiền học, thi lại của Trường CĐNCNHN | Quyết định số 614/QĐ-CĐNCN ngày 30/12/2019 | V/v sửa đổi quy định thu, chi tiền học lại, thi lại |
| Năm 2020 | | | | |
| 1 | Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 | Bổ sung cho chương trình đào tạo cao đẳng , trung cấp năm 2017 | Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 | Bổ sung 04 chương trình đào tạo cao đẳng , trung cấp |
| 2 | Thông báo số 125/TB-CĐNCN ngày 10/09/2020 | Quy định tổ chức đào tạo các lóp theo chương trình CLC | Thông báo số 131/TB-CĐNCN ngày 22/09/2020 | V/v điều chỉnh mục 5.2 trong Thông báo số 125/TB-CĐNCN ngày 10/09/2020 |
| 3 | Quyết định số 477/QĐ – CĐNCNHN ngày 28/11/2017 | Ban hành các Quy định, Quy chế trong đào tạo nghề của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội | Quyết định số 05/QĐ – CĐNCN ngày 02/01/2020 | Ban hành quy định, quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội |
| Năm 2021 | | | | |
| 1 | Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 | Bổ sung 04 chương trình đào tạo cao đẳng , trung cấp cho chương trình năm 2017 | Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 | Chỉnh sửa các chương trình đào tạo Cao đẳng , trung cấp |
| 2 | Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 | Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình | Quyết định số 288/QĐ-CĐNCN ngày 02/7/2021 | Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 80 quy trình và nội dung các quy trình |
| 3 | Quyết định số 05/QĐ – CĐNCN ngày 02/01/2020 | Ban hành quy định, quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội | Quyết định số 09/QĐ – CĐNCN ngày 04/01/2021 | Ban hành quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội |
| 4 | Thông báo số 80/TB-CĐNCN ngày 09/7/2021 | V/v thi/kiểm tra kết thúc môn học/môđun trong đào tạo trực tuyến | Thông báo số 85/TB-CĐNCN ngày 20/07/2021 | V/v thi/kiểm tra kết thúc môn học/môđun trực tuyến trực tiếp ứng dụng phần mềm |

Các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đã được nhà trường tổ chức thực hiện rà soát hàng năm từ đó có sự điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế hoạt động của trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.4: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.5**:*Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của Trường.*

Cơ cấu tổ chức, quản lý của nhà trường ổn định liên tục từ năm 2019 tới nay. Trường hiện có 05 phòng chức năng, 07 khoa và 01 trung tâm. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị cho thấy: Các phòng chức năng được tổ chức theo hướng thực hiện việc tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác quản lý, tổng hợp, đề Xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc của nhà trường như: Đào tạovà QLHSSV, Tổ chức hành chính, Đảm bảo chất lượng và QLKH, Tài chính kế toán, Cơ sở vật chất thiết bị và dự án, Trung tâm truyền thông - Hỗ trợ việc làm và hợp tác doanh nghiệp; Các khoa, tổ bộ môn trực thuộc. Với việc ban hành đầy đủ Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm thuộc trường đồng thời cũng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị đảm bảo tránh chồng chéo nhiệm vụ, thực hiện được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình Sổ tay chất lượng, MC 1.3.04 - Các Quyết định thành lập phòng, khoa, trung tâm; MC 1.3.05 - Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị; MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ - Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong cơ cấu tổ chức trường)*

Dựa vào cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo được cơ quan quản lý nhà nước cho phép bao gồm16 nghề trình độ Cao đẳng,11 nghề trình độ Trung cấp và 27 nghề trình độ sơ cấp thì cơ cấu tổ chức của trường như hiện nay là hoàn toàn phù hợp *MC 1.2.04-Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 05/05/2021; MC 1.5.01 - Sơ đồ cơ cấu tổ chức của trường năm 2021).*

Việc kiểm tra, thanh tra, đánh giá hoạt động, đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị, cán bộ, viên chức trong hệ thống tổ chức được nhà trường giao cho 2 đơn vị là phòng Tổ chức - Hành Chính tổng hợp kiểm tra đối với khối hành chính và phòng Đảm bảo chất lượng và quản lý khoa học thanh tra và giám sát các hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh và sinh viên trong nhà trường.(*MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ -Quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng TC – HC, Đảm bảo chất lượng và quản lý khoa học*) hàng tháng phòng Tổ chức – Hành chính thực hiện kiểm tra nội vụ, tổng hợp các vi phạm (nếu có) trình Hội đồng thi đua nhà trường xem xét xếp loại cho từng các nhân và đơn vị đồng thời là cơ sở để xem xét xếp loại ( *MC 1.5.02 - Báo cáo công tác tháng, quý và năm của các đơn vị năm 2019,2020, 2021)*

Hàng năm, kết thúc năm học hoặc năm kế hoạch, nhà trường và các đơn vị đều có báo cáo tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của mình và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho thời gian tới. Kết quả xếp loại thi đua của các đơn vị thuộc trường trong 3 năm học qua cho thấy các đơn vị đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công. Cụ thể như sau:

- Năm học 2018 - 2019: Có 07 đơn vị và 25 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Có 06 đơn vị đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Năm học 2019 - 2020: Có 05 đơn vị và 40 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Có 06 đơn vị và 142 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Năm học 2020 - 2021: Có 05 đơn vị và 35 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Có 06 đơn vị và 132 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ

( *MC 1.1.15 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020, 2021; MC 1.5.03 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021; MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2018-2020,2019- 2020,2020-2021).*

Trên cơ sở nhiệm vụ của thể của trường trong từng giai đoạn, trường thực hiện điều chỉnh, giao nhiệm vụ chi tiết và phân công trách nhiệm cụ thể đối với từng đơn vị. Năm 2021: Phòng Quản lý cơ sở vật chất điều chỉnh thành Phòng Cơ sở vật chất thiết bị và dự án, Trung tâm truyền thông hỗ trợ việc làm và quan hệ doanh nghiệp điều chỉnh thành Trung tâm hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp, Bộ môn Máy điện khoa Điện – Điện tử điều chỉnh tên thành bộ môn Điện công nghiệp khoa Điện – Điện tử. ( *MC 1.5.05 - Thông báo số 74/TB- CĐNCN ngày 18 tháng 6 năm 2021)).*

Nhà trường đã phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chí 1.5: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.6:***Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.*

Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng trường- Trường cao đẳng nghề Công nghiệp hà Nội ( *MC 1.3.02- Quyết định thành lập Hội đồng Trường số 5766/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 ;MC 1.3.03- Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 11/08/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Hội đồng trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội; MC 1.6.01 - Quy chế hoạt động của Hội đồng trường*).

Hội đồng trường bao gồm: Chủ tịch hội đồng là Phạm Thị Hường, uỷ viên thư ký: Vũ Đình Tân, Thành viên gồm 15 thành viên hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ theo quy chế đã ban hành thông qua các nghị quyết của Hội đồng trường hàng quý đã giúp nhà trường định hướng và thực hiện các hoạt động đào tạo một cách có hiệu quả *( MC 1.6.02 - Nghị quyết hội đồng trường từng nhiệm kỳ).*

Trường có đầy đủ các hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học, Hội đồng thi đua- khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi tốt nghiệp, Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình *( MC 1.6.03 - Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn*). Các Hội đồng đều thực hiện đúng nhiệm vụ được quy định được nêu trong quyết định thành lập.

Các Phòng, Khoa, Trung tâm được thành lập, được phân công cụ thể theo các nhiệm vụ được giao *( MC 1.4.04 - Quyết định thành lập các phòng, khoa, trung tâm. - Quyết định và quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị ; MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ - Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong cơ cấu tổ chức trường)* .Các phòng, khoa và các trung tâm trong trường đều hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quy chế Tổ chức, hoạt động của Trường.

Hàng năm, nhà trường căn cứ việc thực hiện của cán bộ , nhân viên để Xếp loại thi đua của các đơn vị thuộc trường trong 3 năm học qua cho thấy các đơn vị đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công. Cụ thể như sau:

- Năm học 2018 - 2019: Có 07 đơn vị và 25 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Có 06 đơn vị đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ .

- Năm học 2019 - 2020: Có 05 đơn vị và 40 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Có 06 đơn vị và 142 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ .

- Năm học 2020 - 2021: Có 05 đơn vị và 35 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Có 06 đơn vị và 132 cá nhân đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ *( MC 1.1.15 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020; 2021 ; MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học2018 -2019, 2019- 2020,2020-2021).*

Hội đồng nhà trường, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, trung tâm hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

**Điểm tự đánh giá tiêu chí 1.6: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.7***:Trường Xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.*

Phòng Đảm bảo chất lượng và quản lý khoa học với chức năng nhiệm vụ :Tư vấn, lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp. Thanh tra, giám sát các hoạt động thi và kiểm tra thi. Nghiên cứu, cập nhật phương pháp thi mới. Lập kế hoạch và là đầu mối tổ chức tự kiểm định . Xây dựng , tổ chức thẩm định và quản lý ngân hàng đề thi. Xây dựng và áp dụng mô hình Hệ thống chất lượng bên trong cơ sở GDNN.( *MC 1.7.01 - Quyết định thành lập kèm theo chức năng, nhiệm vụ ĐBCL&QLKH;MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ - Quy định chức năng , nhiệm vụ các đơn vị ).*

Năm 2014, nhà trường có quyết định ban hành và áp dụng bộ hệ thống bảo đảm chất lượng của trường với bộ công cụ bao gồm 28 quy trình. Kiểm tra danh mục các quy trình cho thấy hệ thống bảo đảm chất lượng của trường có đầy đủ các quy trình theo quy định tại Thông tư 28/2017/TTBLĐTBXH .

Năm 2016, nhà trường có quyết định ban hành và áp dụng bộ hệ thống bảo đảm chất lượng của trường với bộ công cụ bao gồm 77 quy trình (  *MC 1.7.02 - Quyết định số 28/QĐ-CĐNCN ngày 20 tháng 1 năm 2016 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 77 quy trình và nội dung các quy trình* ).

Năm 2019, nhà trường có quyết định ban hành và áp dụng bộ hệ thống bảo đảm chất lượng của trường với bộ công cụ bao gồm 79 quy trình ( *MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình ).*

Hệ thống bảo đảm chất lượng của trường bao gồm: Chính sách chất lượng- mục tiêu chất lượng, số tay bảo đảm chất lượng nằm trong 79 quy trình trong hệ thống đảm bảo chất lượng. Hàng năm, trường thực hiện đánh giá hệ thống bảo đảm chất lượng, Xây dựng kế hoạch cải tiến, gửi báo cáo cho cơ quan quản lý Giáo dục nghề nghiệp đúng quy định *( MC 1.7.03 - Báo cáo Hệ thống bảo đảm chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021; MC 1.3.01 -Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình* )

Nhà trường thường xuyên tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ về việc xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường đã xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2 (%) | 6.6 (%) | 91.4(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1(%) | 4.1(%) | 93.8(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1(%) | 7.7 (%) | 91.3(%) |

(*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Như vậy, nhà trường đã xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.7: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.8:***Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm, hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

Bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng của trường là phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học ( *MC 1.7.01 - Quyết định thành lập kèm theo chức năng, nhiệm vụ ĐBCL&QLKH)*. Trường ban hành văn bản quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học theo đó phòng được nhiệm vụ :

Xây dựng kế hoạch và tham mưu thanh tra hoạt động đào tạo , đề Xuất, tổ chức thực hiện cải tiến hệ thống quản lý chất lượng trong nhà trường . Tư vấn lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường theo tiêu chuẩn kểm định chất lượng của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

Thanh tra giám sát : Các hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá theo hướng khách quan, hiện đại.

Lập kế hoạch , đầu mối tổ chức tự kiểm định đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo, chương trình đào tạo theo quy định của Nhà nước cho tất cả các đơn vị trong toàn trường.

Xây dựng, tổ chức thẩm định và quản lý ngân hàng đề thi trong tất cả ngành nghề đào tạo.

Nghiên cứu, cập nhật phương pháp thi, kiểm tra đánh giá theo hướng khách quan hiện đại.

Xây dựng và áp dụng mô hình Hệ thống chất lượng bên trong cơ sở GDNN.

Quản lý cán bộ, nhân viên đơn vị mình theo phân cấp của Hiệu trưởng và thực hiện các nhiệm vụ khác được Hiệu trưởng phân công.

*(MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy định chức năng , nhiệm vụ các đơn vị trong cơ cấu tổ chức trường)*

Hàng năm, các đơn vị đều có tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện việc vận hành hệ thống BĐCL trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ BĐCL thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị, Xây dựng kế hoạch công tác BĐCL cho những năm tiếp theo *( MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021 ;MC 1.5.03 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).*

Trong các năm từ 2019 tới nay, biên chế của phòng có 06 người trong đó có 04 người có bằng thạc sỹ, 02 người có bằng đại học, được phân công nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo mọi hoạt động về tham mưu, tổ chức và thực hiện mọi nhiệm vụ được giao đối với hệ thống bảo đảm chất lượng của trường ( *MC 1.8.01 - Bản phân công nhiệm vụ cho cán bộ nhân viên phòng Đảm bảo chất lượng và QLKH các năm 2019, 2020, 2021)*.

Phòng Đảm bảo chất lượng và QLKH luôn hoàn thành tốt, Xuất sắc nhiệm vụ, trong đó năm học 2018 - 2019 phòng được UBND thành phố Hà Nội tặng danh hiệu Tập thể lao đông Xuất Liên tục các năm có 100% cán bộ, viên chức thuộc phòng được công nhận hoàn thành từ tốt nhiệm vụ trở lên (*MC 1.1.15 -Báo cáo tổng kết Hội nghị CNVC năm 2019, 2020, 2021; MC 1.8.02 - Báo cáo tổng kết của Phòng Đảm bảo chất lượng và quản lý khoa học năm 2019, 2020, 2021; MC 1.8.03 -Các quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân của Đảm bảo chất lượng và QLKH năm 2019, 2020, 2021).*

Nhà trường đã tổ chức lấy nhà giáo, cán bộ về công tác đảm bảo chất lượng đã hoàn thành nhiệm vụ được giao cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Hệ thống đảm bảo chất lượng đã hoàn thành nhiệm vụ được giao | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2 (%) | 6.6 (%) | 91.4(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1(%) | 4.1(%) | 93.8(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1(%) | 7.7 (%) | 91.3(%) |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chí 1.8: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.9:***Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Đảng bộ Trường là cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội thuộc Đảng bộ Thành phố Hà Nội.

Các số liệu cụ thể về Đảng bộ trường trong 3 năm tính đến thời điểm đánh giá như sau:

- Năm 2019 có 108 Đảng viên, sinh hoạt tại 09 chi bộ trực thuộc.

- Năm 2020 có 110 Đảng viên, sinh hoạt tại 09 chi bộ trực thuộc.

- Năm 2021 có 108 Đảng viên, sinh hoạt tại 09 chi bộ trực thuộc.

Ban Chấp hành Đảng bộ Nhà trường hiện tại gồm 09 người trong đó Ban Thường vụ gồm 03 người ( *MC 1.9.01 -Quyết định số 4015-QĐ/ĐUK ngày 19 tháng 06 năm 2020 của Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; MC 1.9.02 - Danh sách Đảng viên các năm 2019, 2020, 2021*).

Trong các năm qua, Đảng bộ trường thực hiện lãnh đạo toàn diện mọi mặt hoạt động của nhà trường: Công tác chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên; trên tất cả các mặt công tác: Giáo dục chính trị, tư tưởng; thực hiện nhiệm vụ chính trị, Công tác Xây dựng đảng và bảo vệ chính trị nội bộ, Công tác dân vận và các đoàn thể, Công tác kiểm tra giám sát.

Đảng bộ Trường có quy chế làm việc được Xây dựng theo các quy định của BCH Trung ương, thực hiện rà soát, kiện toàn, sắp Xếp và tổ chức các chi bộ theo đúng quy định của Điều lệ Đảng đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường (*MC 1.9.03 - Quy chế làm việc của Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 -2020 và 2020 - 2025; MC 1.9.04 - Biên bản phân công nhiệm vụ cấp ủy nhiệm kỳ 2015 -2020 và 2020 - 2025; MC 1.9.05 - Các biên bản họp của Ban chấp hành Đảng bộ 2019 - 2021; MC 1.9.06 - Quyết định của Đảng ủy về việc kiện toàn, sắp Xếp, chuẩn y Ban Chấp hành các chi bộ; MC 1.9.07 - Báo cáo kiểm điểm công tác lãnh chỉ đạo hàng năm từ 2019 đến 2020 của Đảng ủy Nhà trường; MC 1.9.08 - Biên bản sinh hoạt của các Chi bộ trong nhà trường năm 2019, 2020, 2021).*

Đảng bộ tổ chức thực hiện nhiều đợt học tập các nghị quyết của BCH Trung ương; học tập các chuyên đề về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho Đảng viên, Bồi dưỡng kiến thức cho cấp ủy ( *MC 1.9.09 - Các thông báo về học tập nghị quyết và học tập theo chuyên đề các năm)* đầu các tháng, Đảng uỷ trường đều ra Nghị quyết đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết tháng lần trước, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường trong tháng, định kỳ thực hiện công tác sơ kết, tổng kết đều theo đúng hướng dẫn của Đảng ủy cấp trên (*MC 1.9.10 - Các Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường 2019 ,2020,2021).*

Kết quả phân loại Chi bộ và Đảng viên trong các năm qua như sau:

- Năm 2019 có 02 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 07chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có 21 Đảng viên đạt danh hiệu Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ; 85 Đảng viên đạt danh hiệu Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 02Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ.

- Năm 2020: Có 02 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 07 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có 16 Đảng viên đạt danh hiệu Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ; 89 Đảng viên đạt danh hiệu Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 05 Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ.

- Năm 2021: Có 02 chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 07 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có 17 Đảng viên đạt danh hiệu Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ; 91 Đảng viên đạt danh hiệu Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ về Tổ chức Đảng CSVN trong trường đã phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ theo quy của Hiến pháp và pháp luật cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Tổ chức Đảng CSVN trong trường đã phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ theo quy của Hiến pháp và pháp luật | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 2.5(%) | 97(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5(%) | 4.7(%) | 94.8(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0(%) | 4.9 (%) | 95.1(%) |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Đảng bộ trường hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật và phát huy được vai trò lãnh đạo.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.9: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.10**:*Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường bao gồm: Công đoàn; Ban nữ công; Đoàn thanh niên cộng sản HCM.

Công đoàn Trường là tổ chức chính trị, Xã hội đại diện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, Xã hội trong trường. Công đoàn Trường trực thuộc Công đoàn quận Đống Đa bao gồm 13 tổ công đoàn bộ phận với tổng số đoàn viên công đoàn các năm như sau:

- Năm 2019:192 công đoàn viên;

- Năm 2020: 185 công đoàn viên;

- Năm 2021:183 công đoàn viên

(Danh sách đoàn viên Công đoàn ).

Căn cứ theo Luật Công đoàn Việt Nam và các quy định của Công đoàn cấp trên, tại Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ năm 2019-2022 Công đoàn trường đã Xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp công tác giữa Hiệu trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn trường để làm căn cứ, hướng dẫn triển khai các hoạt động, Xây dựng và ban hành các nghị quyết công tác công đoàn hàng năm (*MC 1.10.01 - Quy chế làm việc của BCH Công đoàn trường nhiệm kỳ 2017 - 2022; MC 1.10.02 - Quy chế quản lý tài chính Công đoàn 2019,2020,2021).*

Trong các năm qua, công đoàn trường đã tổ chức các hoạt động theo đúng điều lệ, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác chăm lo và bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của đoàn viên công đoàn, tham gia công tác thanh, kiểm tra giám sát hoạt động của đơn vị, tuyên truyền, vận động đoàn viên công đoàn học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật và thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở. Rất nhiều các hoạt động về văn hóa, thể thao và các phong trào thi đua được công đoàn phát động đã góp phần vào sự ổn định và phát triển của nhà trường như: tổ chức tham quan du lịch cho đoàn viên. Thống kê trong các năm từ 2019 tới nay, đoàn viên công đoàn trường đã tham gia ủng hộ các chương trình với số tiền là 229,477,000 đồng (*MC 1.10.03 - Các kế hoạch và báo cáo hoạt động của Công đoàn năm 2019, 2020, 2021; MC 1.10.04 - Tổng hợp số tiền tham gia ủng hộ của Công đoàn trường trong các năm từ 2019,2020, 2021*).

Hàng năm, Công đoàn trường đều có báo cáo để tổng kết các hoạt động trong năm và đưa ra phương hướng nhiệm vụ cho năm sau (*MC 1.10.05 - Các báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn hàng năm 2019,2020,2021).*

Ban nữ công với 124 hội viên, là tổ chức thuộc công đoàn trường, tập hợp chị em phụ nữ nhà trường, đoàn kết chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nữ công nhân viên chức.

Trong các năm qua, ban nữ công nhà trường đã tích cực tham gia các phong trào như thi giáo viên dạy giỏi, phong trào giúp đỡ nhau xây dựng gia đình, đảm việc nhà, tổ chức cuộc thi nấu ăn ...

Hàng năm tổ chức tặng quà cho công đoàn viên vào dịp tết nguyên đán; tổ chức hoạt động và tặng quà , phần thưởng cho con của các Công đoàn viên ngày 1/6 , tết trung thu và kết thúc năm học; Tổ chức trao quà nhân ngày 8/3, ngày 20/10; Tổ chức hội thi văn nghệ giữa các phòng khoa nhân dịp 20/11; Phối hợp và tổ chức liên hoan và tặng quà cho hội cựu chiến binh nhân ngày 22/12; Thăm hỏi động viên các công đờn viên ốm đau..Tổ chức và trao quà sinh nhật cho công đoàn viên hàng tháng; Phối hợp cùng chính quyền tổ chức tham quan , nghỉ mát ( năm 2021 do tình hình dịch nên không tổ chức được*)* . Năm 2021 do dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, ban nữ công quyên góp và tổ chức nấu ăn cho sinh viên 3 tại chỗ (*MC 1.10.06 - Danh sách hội viên Ban nữ công; MC 1.10.07 - Các kế hoạch và báo cáo hoạt động của Ban nữ công nhà trường năm 2019, 2020, 2021 ;MC 1.10.08 - Kế hoạch hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3 năm 2019, 2020, 2021; MC 1.10.09 - Kế hoạch hoạt động chào mừng ngày 20-10 năm 2019, 2020, 2021)*

Liên tục trong 3 năm qua, Công Đoàn trường đều được Ban chấp hành liên đoàn lao động quận Đống Đa tặng giấy khen vì đã đạt thành tích Xuất sắc trong công tác tài chính các năm 2019,2020, được Ban chấp hành liên đoàn lao động thành phố Hà Nội tặng bằng khen vì đã có thành tích Xuất sắc trong hoạt động công đoàn và phong trào thi đua. Năm 2020 được ban chấp hành liên đoàn lao động thành phố Hà Nội tặng bằng khen vì đã có thành tích Xuất sắc trong hoạt động công đoàn và phong trào thi đua. Năm 2021 Ban chấp hành lao động quận Đống Đa tặng giấy khen cho Nguyễn Thị Thanh Huyền đã có thành tích Xuất sắc trong hoạt động công tác nữ công năm 2021 (*MC 1.10.10 - Các quyết định khen thưởng của công đoàn cấp trên cho Công đoàn trường và đoàn viên công đoàn trường các năm 2019 - 2021; MC 1.10.11 - Bằng khen, giấy khen của Đoàn viên Công đoàn trường các năm 2019 - 2021*)

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường Cao đẳng nghề công nghiệp hà Nội trực thuộc Quận Đống Đa , thành đoàn Hà Nội. Bao gồm 5 chi đoàn , chi đoàn khối văn phòng, câu lạc bộ Khởi nghiệp sáng tạo HNIVC, 1 câu lạc bộ thanh niên tình nguyện, 1 câu lạc bộ võ thuật Số lượng Đoàn viên các năm như sau: Năm học 2019 - 2020: 1600 ĐVTN; Năm học 2020 - 2021: 2238 ĐVTN (*MC 1.10.12 - Danh sách đoàn viên thanh niên năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021)*. Ban Chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường hiện có 15 đồng chí (*MC 1.10.13 -Quyết định số 136-QĐ/QĐTN ngày 16/06/2020 của BCH quận Đống Đa về việc công nhận ban chấp hành , Ban thường vụ và các chức danh bí thư, phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường CĐN Công nghiệp Hà Nội nhiệm kỳ 2020-2022*)

BCH Đoàn trường đã thực hiện việc phân công trách nhiệm các thành viên, Xây dựng quy chế hoạt động làm cơ sở thực hiện tốt các nghị quyết công tác hàng năm. Trong các năm qua Đoàn thanh niên luôn phát huy tốt vai trò của mình trong việc tổ chức các phong trào, các chương trình của thành phố và của Trường như: Văn hoá văn nghệ chào mừng ngày khai giảng và nhà giáo Việt Nam 20/11 hàng năm, ngày thành lập trường 22/11.

Hàng năm, Đoàn trường đều có kế hoạch hoạt động, cuối năm có báo cáo tổng kết để đánh giá, tổng kết hiệu quả hoạt động từ đó đề ra phương hướng nhiệm vụ cho học kỳ mới (*MC 1.10.14 - Các kế hoạch và báo cáo hoạt động của Đoàn thanh niên năm 2019, 2020, 2021).*

Liên tục trong các năm, Đoàn thanh niên nhà trường liên tục được BCH Đoàn khối Doanh nghiệp Hà Nội công nhận là cơ sở Đoàn có phong trào xuất sắc, liên tục từ 2018 đến 2020 được tặng cờ thi đua Xuất sắc của Đoàn cấp trên, 30 đoàn viên thanh niên được nhận Bằng khen, giấy khen của Đoàn cấp trên *(MC 1.10.15- Các quyết định khen thưởng của cấp trên đối với Đoàn thanh niên các năm 2019 ,2020,2021).*

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ về hoạt động của các đoàn thể cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Các đoàn thể trong trường đã hoạt động theo đúng điều lệ | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1 (%) | 4.5(%) | 94.5(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 1.6(%) | 97.9(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0.0 (%) | 4.4(%) | 95.6(%) |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Các đoàn thể, tổ chức Xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.10: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.11**:*Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm, rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.*

Công tác kiểm tra, giám sát được nhà trường giao cho Ban thanh tra nhân dân, phòng ĐBCL&QLKH , phòng ĐT& QLHSSV để triển khai công tác kiểm tra trên các mặt hoạt động của nhà trường như công tác tuyển sinh, dạy và học, quản lý cơ sở vật chất, công tác Quản lý HS-SV; Công tác tài chính... (*MC 1.11.01 - Các Quyết định về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân các nhiệm kỳ 2019 - 2020 và 2020-2022; MC 1.11.02 - Quy chế hoạt động của Ban thanh tra nhân dân)*.

Từ năm 2020, công tác thanh tra, kiểm tra trong trường được tổ chức lại, theo đó trường giao cho các phòng nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức các hoạt động thanh tra và kiểm tra với mọi thành viên trong trường. Cụ thể:

- Phòng Đào tạo và QL HSSV chịu trách nhiệm tổ chức Thanh tra, kiểm tra đối với công tác quản lý, học tập, sinh hoạt của HSSV, thực hiện chế độ chính sách với HSSV toàn trường

- Phòng ĐBCL&QLKH : Phòng Đảm bảo chất lượng và quản lý khoa học với chức năng nhiệm vụ :Tư vấn, lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp. Thanh tra, giám sát các hoạt động thi và kiểm tra thi. Nghiên cứu, cập nhật phương pháp thi mới. Lập kế hoạch và là đầu mối tổ chức tự kiểm định . Xây dựng , tổ chức thẩm định và quản lý ngân hàng đề thi. Xây dựng và áp dụng mô hình Hệ thống chất lượng bên trong cơ sở GDNN...

- Phòng công tác Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm tổ chức Thanh tra, kiểm tra đối với việc thực hiện nội quy, quy chế và nề nếp sinh hoạt, việc thực hiện các chế độ, chính sách của CBVC các đơn vị toàn trường.

*(MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị)*

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo tại các khoa, trong đó có nội dung kiểm tra về chương trình đào tạo, MC 8.9.10 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu và hồ sơ giảng dạy của nhà giáo tại các đơn vị *(MC 1.11.03 - Thông báo kiểm tra đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 -2021, 2021- 2022; MC 1.11.04 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra đào tạo của trường năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 – 2021 ; ; MC 1.11.05 - Các Biên bản kiểm tra đào tạo năm 2019, 2020,2021; MC 1.11.06 - Các biên bản kiểm tra đào tạo đột Xuất năm 2019, 2020,2021; MC 1.11.07 - Báo cáo trực giảng dạy của phòng đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022).*

Nhà trường có Ban thanh tra nhân dân trực thuộc công đoàn do Hội nghị Cán bộ - Viên chức, người lao động bầu ra nhằm giám sát hoạt động của các đơn vị về việc thực hiện nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức, việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, giám sát công tác sử dụng giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người lao động... (*MC 1.11.01 - Các Quyết định về việc công nhận Ban thanh tra nhân dân các nhiệm kỳ 2019 - 2020 và 2020-2022; MC 1.11.02 - Quy chế hoạt động của Ban thanh tra nhân dân; MC 1.11.08 - Kế hoạch công tác của Ban Thanh tra nhân dân các nhiệm kỳ 2019 - 2020 và 2020 – 2022; MC 1.11.09 - Báo cáo ban thanh tra nhân dân năm 2019,2020,2021).*

Nhà trường còn tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với đại diện HSSV hàng quý để lắng nghe, giải thích và kịp thời khắc phục những vấn đề được HSSV phản ánh (*MC 1.11.10 - Thông báo tổ chức Giao lưu đối thoại HSSV với lãnh đạo nhà trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021 ; MC 1.11.11 -Hình ảnh buổi Giao lưu đối thoại HSSV với lãnh đạo nhà trường năm học 2018-2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ về hoạt động của các đoàn thể, tổ chức Xã hội trong trường theo đúng điều lệ của tổ chức đã đề ra.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Các đoàn thể trong trường đã hoạt động theo đúng điều lệ | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1 (%) | 4.5(%) | 94.5(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 1.6(%) | 97.9(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0.0 (%) | 4.4(%) | 95.6(%) |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Hằng năm, Nhà trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.11: 1 điểm**

**Tiêu chuẩn 1.12:** *Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.*

Nhà trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với CBVC, người lao động như phụ cấp giáo viên đứng lớp; phụ cấp cho giáo viên làm công tác kiêm nhiệm; phụ cấp cho cán bộ quản lý; phụ cấp thâm niên; chế độ nâng lương trước thời hạn; chế độ làm thêm giờ; chế độ hưu; chế độ ốm đau, thai sản; chế độ công tác phí; chế độ thời gian làm việc, hỗ trợ học phí nâng cao trình độ.... (*MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ - Quy định ban hành phụ cấp đặc thù đối với nhà giáo dạy tích hợp và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội; MC 1.12.01 - Các quyết định về việc thực hiện phụ cấp ưu đãi giáo viên năm 2019,2020,2021; MC 1.12.02 - Các quyết định về việc công nhận mức phụ cấp thâm niên nhà giáo năm 2019,2020,2021; MC 1.12.03 - Các quyết định về việc nâng mức phụ cấp thâm niên nhà giáo năm 2019,2020,2021* )

Trong những năm qua, chính sách về bình đẳng giới được nhà trường lồng ghép trong các quy định về tổ chức và hoạt động. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường luôn đảm bảo có trên 30 % cán bộ là nữ, đặc biệt từ năm 2019 – 2020, số lượng cán bộ nữ quản lý của nhà trường chiếm 46,7 %. Số lượng tham gia vào cấp ủy Đảng cũng được đảm bảo đạt trên 25% (*MC 1.12.04 - Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị; MC 1.12.05 - Danh sách BCH đảng ủy nhà trường năm 2019,2020,2021).*

Cán bộ nữ, nhà giáo nữ, lao động nữ của Trường được quan tâm của Đảng ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể. Ngày Quốc tế phụ nữ 8-3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 chị em được tặng quà, tổ chức gặp mặt chúc mừng. Nhà trường luôn thực hiện nam nữ bình đẳng, bình quyền, không phân biệt nam nữ. Phong trào, công tác nữ công luôn được các cấp quan tâm, tạo điều kiện. Chính vì thế nhiều năm qua công tác nữ công đạt nhiều kết quả tốt ( *MC 1.12.06 - Quyết định tặng quà cho nữ cán bộ, viên chức và lao động ngày 8-3 và 20-10).*

Việc bình đẳng giới trong nhà trường được thể hiện rõ trong vị trí việc làm với số viên chức nữ là 84 viên chức toàn trường; trong công tác cán bộ số cán bộ quản lý nữ chiếm 30 %. Cán bộ nữ không chỉ được thể hiện năng lực công việc mà còn được hưởng các chế độ ưu tiên trong công tác, được tổ chức các chuyến tham quan để nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV nữ nhà trường ( *MC 1.12.07 - Kế hoạch hoạt động bình đẳng giới năm 2019,2020,2021; MC 1.12.08 - Quyết định thành lập hội đồng thẩm định nội dung bình đẳng giới năm 2019, 2020, 2021; MC 1.12.09 - Kết quả hoạt động bình đẳng giới năm 2019,2020,2021).*

Đối chiếu với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại Thông tư 36/2017/TT-BLĐTBXH cho thấy các nghề hiện đang đào tạo nằm trong danh sách nặng nhọc, độc hại nguy hiểm nhà trường thực hiện theo quy (*MC 1.2.04-Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 05/05/2021*).

*Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường thực hiện tốt các chế độ, chính sách cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1 (%) | 4.5(%) | 94.5(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 1.6(%) | 97.9(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0.0 (%) | 4.4(%) | 95.6(%) |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Nhà trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.12: 1 điểm**

#### 3.2.2. Tiêu chí 2:Hoạt động đào tạo

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

***Mở đầu:*** Hoạt động dạy và học được xác định là một hoạt động trung tâm của Nhà trường. Quá trình tổ chức các hoạt động đào tạo phải luôn hướng tới và đạt được mục tiêu đào tạo. Để làm được điều đó, nhà trường đã có chủ trương thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo, kết hợp giữa giáo dục nghề nghiệp chính qui và tổ chức đào tạo theo địa chỉ để đáp ứng nhu cầu của người học, yêu cầu của người sử dụng lao động.

Chất lượng đào tạo được nhà trường coi là sự sống còn trong việc thực hiện sứ mệnh và khẳng định vị trí và thương hiệu nhà trường. Trong quá trình tổ chức dạy và học, Kế hoạch đào tạo được nhà trường xây dựng khoa học, phù hợp trên cơ sở điều kiện thực tế của nhà trường và đặc biệt quan tâm tới các yêu cầu của thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp và xã hội.

Nhà trường đã có chủ trương và thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp và quy trình thi, kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của môn học.

Công tác đào tạo được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; việc tuyển sinh được thực hiện đúng thủ tục, đúng nguyên tắc, thể hiện được sự đa dạng hoá hình thức tổ chức và sự sáng tạo, chương trình đào tạo ngày càng thể hiện sự gắn kết với thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu việc làm của người học và yêu cầu của người sử dụng.

Các hoạt động đào tạo đã thể hiện tính ổn định và phát triển của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho sự nghiệp Công nghiệp hóa thủ, hiện đại hóa Thủ đô và đất nước.

***\**** *Những điểm mạnh:* Trường đã thực hiện xây dựng quy chế tuyển sinh dựa trên cơ sở quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, phù hợp với điều kiện cụ thể của trường, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyển sinh.

Kế hoạch, tiến độ đào tạo được xây dựng khoa học và thực hiện nghiêm túc.

Các hoạt động giáo dục nghề nghiệp được thực hiện theo nội dung chương trình đã được phê duyệt, có tiếp thu các thông tin phản hồi đa chiều nhằm kịp thời điều chỉnh hợp lý nhưng vẫn đảm bảo tốt nội dung, mục tiêu chương trình đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện đa dạng hóa các phương thức đào tạo nghề trong và ngoài trường, đáp ứng nhu cầu người học và người sử dụng lao động.

Hàng năm đều tổ chức hội giảng cấp khoa, cấp trường và tham gia hội giảng cấp Thành phố và Quốc gia đã tạo điều kiện tốt cho giáo viên phấn đấu, học hỏi; không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn cũng như phương pháp giảng dạy, đồng thời phổ biến kinh nghiệm giảng dạy trong toàn thể đội ngũ giáo viên nhà trường.

Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện tính nghiêm túc, khách quan, công bằng. Các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với đặc thù môn học, ngành nghề và mục tiêu đào tạo.

Có chủ trương và cơ chế, biện pháp khuyến khích, hỗ trợ cho cán bộ, giáo viên học tập, nghiên cứu khoa học.

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường đã có tác động tích cực trong việc nâng cao năng lực chuyên môn và trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ giáo viên, tạo tiền đề tốt đẹp cho các hoạt động hợp tác tiếp theo trong thời gian tới.

Với chủ trương của nhà nước, trường đã tự chủ 100% từ năm 2021. Vì vậy, nhà trường đã chủ động rà soát lại đội ngũ giáo viên, cơ cấu lại các đơn vị cho phù hợp hơn, tăng cường đào tạo tại Doanh nghiệp, mở thêm ngành nghề mới và từng bước nâng cao chất lượng dạy học để thu hút HSSV.

***\**** *Các điểm tồn tại:* không có

**Điểm đánh giá tiêu chí 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| **Tiêu chí 2** | **17** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 |
| Tiêu chuẩn 13 | 1 |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 |
| Tiêu chuẩn 15 | 1 |
| Tiêu chuẩn 16 | 1 |
| Tiêu chuẩn 17 | 1 |

**Tiêu chuẩn 2.1:***Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.*

Năm 2019 và năm 2020, Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đào tạo 16 nghề trình độ cao đẳng, 13 nghề trình độ trung cấp, 23 nghề trình độ sơ cấp

Năm 2021, Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đào tạo 16 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp, 27 nghề trình độ sơ cấp.

***(****MC 1.2.04 -Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/2021; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 05/05/2021*)

100% các nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cụ thể các nghề đào tạo của trường từ năm học 2019-2020 đến nay như sau:

| **TT** | **NGHỀ ĐÀO TẠO** | **CẤP TRÌNH ĐỘ** | | | **Được cấp phép** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CAO ĐẲNG** | **TRUNG CẤP** | **SƠ CẤP** |
| Năm học 2019 - 2020 | | | | | |
| 1 | Cắt gọt kim loại | X | X |  | X |
| 2 | Cơ điện tử | X |  |  | X |
| 3 | Công nghệ ô tô | X | X |  | X |
| 4 | Công nghệ thông tin  (Ứng dụng phần mềm) | X | X |  | X |
| 5 | Điện công nghiệp | X | X |  | X |
| 6 | Điện dân dụng |  | X |  | X |
| 7 | Điện tử công nghiệp | X |  |  | X |
| 8 | Điện tử dân dụng | X |  |  | X |
| 9 | Hàn | X | X |  | X |
| 10 | Nguội chế tạo | X |  |  | X |
| 11 | Kế toán doanh nghiệp | X | X |  | X |
| 12 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | X | X |  | X |
| 13 | Quản trị mạng máy tính | X |  | X | X |
| 14 | Thương mại điện tử | X | X |  | X |
| 15 | Thiết kế đồ họa | X | X |  | X |
| 16 | Tự động hóa công nghiệp | X |  |  | X |
| 17 | Lắp đặt thiết bị lạnh | X |  |  | X |
| 18 | Tin học ứng dụng |  | X |  | X |
| 19 | Tin học văn phòng |  | X |  | X |
| 20 | Kỹ thuạt sửa chữa, lắp ráp máy tính |  | X |  | X |
| 21 | Điện lạnh |  |  | X | X |
| 22 | Hàn điện |  |  | X | X |
| 23 | Hàn hơi và INOX |  |  | X | X |
| 24 | Kế toán máy |  |  | X | X |
| 25 | Kế toán tổng hợp trong doanh nghiệp |  |  | X | X |
| 26 | Lắp đặt và sửa chữa điện nước |  |  | X | X |
| 27 | Phay CNC |  |  | X | X |
| 28 | Phay Vạn năng |  |  | X | X |
| 29 | Sơn Ô tô |  |  | X | X |
| 30 | Sửa chữa Điện công nghiệp |  |  | X | X |
| 31 | Sửa chữa Điện dân dụng |  |  | X | X |
| 32 | Sửa chữa điện thân Xe và hệ thống điều hòa không khí trên ô tô |  |  | X | X |
| 33 | Sửa chữa Điện thoại Di động |  |  | X | X |
| 34 | Sửa chữa Điện tử dân dụng |  |  | X | X |
| 35 | Sửa chữa đồng hồ đo thời gian |  |  | X | X |
| 36 | Sửa chữa hệ thống Treo - Lái - Phanh Ô tô |  |  | X | X |
| 37 | Sữa chữa khung, vỏ ô tô |  |  | X | X |
| 38 | Thiết kế đồ họa – Đồ họa 2D |  |  | X | X |
| 39 | Thiết kế đồ họa – Thiết kế giao diện website |  |  | X | X |
| 40 | Tiện CNC |  |  | X | X |
| 41 | Tiện vạn năng |  |  | X | X |
| 42 | Tin học văn phòng - Office  nâng cao |  |  | X | X |
| Năm 2020 - 2021 | | | | | |
| 1 | Cắt gọt kim loại | X | X |  | X |
| 2 | Cơ điện tử | X |  |  | X |
| 3 | Công nghệ ô tô | X | X |  | X |
| 4 | Công nghệ thông tin  (Ứng dụng phần mềm) | X | X |  | X |
| 5 | Điện công nghiệp | X | X |  | X |
| 6 | Điện dân dụng |  | X |  | X |
| 7 | Điện tử công nghiệp | X |  |  | X |
| 8 | Điện tử dân dụng | X |  |  | X |
| 9 | Hàn | X | X |  | X |
| 10 | Nguội chế tạo | X |  |  | X |
| 11 | Kế toán doanh nghiệp | X | X |  | X |
| 12 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | X | X |  | X |
| 13 | Quản trị mạng máy tính | X |  | X | X |
| 14 | Thương mại điện tử | X | X |  | X |
| 15 | Thiết kế đồ họa | X | X |  | X |
| 16 | Tự động hóa công nghiệp | X |  |  | X |
| 17 | Lắp đặt thiết bị lạnh | X |  |  | X |
| 18 | Tin học ứng dụng |  | X |  | X |
| 19 | Tin học văn phòng |  | X |  | X |
| 20 | Kỹ thuạt sửa chữa, lắp ráp máy tính |  | X |  | X |
| 21 | Điện lạnh |  |  | X | X |
| 22 | Hàn điện |  |  | X | X |
| 23 | Hàn hơi và INOX |  |  | X | X |
| 24 | Kế toán máy |  |  | X | X |
| 25 | Kế toán tổng hợp trong doanh nghiệp |  |  | X | X |
| 26 | Lắp đặt và sửa chữa điện nước |  |  | X | X |
| 27 | Phay CNC |  |  | X | X |
| 28 | Phay Vạn năng |  |  | X | X |
| 29 | Sơn Ô tô |  |  | X | X |
| 30 | Sửa chữa Điện công nghiệp |  |  | X | X |
| 31 | Sửa chữa Điện dân dụng |  |  | X | X |
| 32 | Sửa chữa điện thân Xe và hệ thống điều hòa không khí trên ô tô |  |  | X | X |
| 33 | Sửa chữa Điện thoại Di động |  |  | X | X |
| 34 | Sửa chữa Điện tử dân dụng |  |  | X | X |
| 35 | Sửa chữa đồng hồ đo thời gian |  |  | X | X |
| 36 | Sửa chữa hệ thống Treo - Lái - Phanh Ô tô |  |  | X | X |
| 37 | Sữa chữa khung, vỏ ô tô |  |  | X | X |
| 38 | Thiết kế đồ họa – Đồ họa 2D |  |  | X | X |
| 39 | Thiết kế đồ họa – Thiết kế giao diện website |  |  | X | X |
| 40 | Tiện CNC |  |  | X | X |
| 41 | Tiện vạn năng |  |  | X | X |
| 42 | Tin học văn phòng - Office  nâng cao |  |  | X | X |
| Năm 2021 - 2022 | | | | | |
| 1 | Cắt gọt kim loại | X | X |  | X |
| 2 | Cơ điện tử | X |  |  | X |
| 3 | Công nghệ ô tô | X | X |  | X |
| 4 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | X |  |  | X |
| 5 | Công nghệ thông tin  (Ứng dụng phần mềm) | X | X |  | X |
| 6 | Điện công nghiệp | X | X |  | X |
| 7 | Điện dân dụng |  | X |  | X |
| 8 | Điện tử công nghiệp | X |  |  | X |
| 9 | Điện tử dân dụng | X |  |  | X |
| 10 | Hàn | X | X |  | X |
| 11 | Kế toán doanh nghiệp | X | X |  | X |
| 12 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa  không khí | X | X |  | X |
| 13 | Quản trị mạng máy tính | X |  |  | X |
| 14 | Thương mại điện tử | X |  |  | X |
| 15 | Thiết kế đồ họa | X | X |  | X |
| 16 | Tự động hóa công nghiệp | X |  |  | X |
| 17 | Chăm sóc sắc đẹp |  | X |  | X |
| 18 | Kỹ thuật chăm sóc tóc |  | X |  | X |
| 19 | Lắp đặt thiết bị lạnh | X |  |  | X |
| 20 | Thiết kế tạo mẫu tóc |  |  | X | X |
| 21 | Trang điểm thẩm mỹ |  |  | X | X |
| 22 | Vẽ móng nghệ thuật |  |  | X | X |
| 23 | Chăm sóc da |  |  | X | X |
| 24 | Điện lạnh |  |  | X | X |
| 25 | Hàn điện |  |  | X | X |
| 26 | Hàn hơi và INOX |  |  | X | X |
| 27 | Kế toán máy |  |  | X | X |
| 28 | Kế toán tổng hợp trong doanh nghiệp |  |  | X | X |
| 29 | Lắp đặt và sửa chữa điện nước |  |  | X | X |
| 30 | Phay CNC |  |  | X | X |
| 31 | Phay Vạn năng |  |  | X | X |
| 32 | Sơn Ô tô |  |  | X | X |
| 33 | Sửa chữa Điện công nghiệp |  |  | X | X |
| 34 | Sửa chữa Điện dân dụng |  |  | X | X |
| 35 | Sửa chữa điện thân Xe và hệ thống điều hòa không khí trên ô tô |  |  | X | X |
| 36 | Sửa chữa Điện thoại Di động |  |  | X | X |
| 37 | Sửa chữa Điện tử dân dụng |  |  | X | X |
| 38 | Sửa chữa đồng hồ đo thời gian |  |  | X | X |
| 39 | Sửa chữa hệ thống Treo - Lái  - Phanh Ô tô |  |  | X | X |
| 40 | Sữa chữa khung, vỏ ô tô |  |  | X | X |
| 41 | Thiết kế đồ họa – Đồ họa 2D |  |  | X | X |
| 42 | Thiết kế đồ họa – Thiết kế giao diện website |  |  | X | X |
| 43 | Tiện CNC |  |  | X | X |
| 44 | Tiện vạn năng |  |  | X | X |
| 45 | Quản trị mạng máy tính |  |  | X | X |
| 46 | Tin học văn phòng - Office  nâng cao |  |  | X | X |

Năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và ban hành 13 chương trình đào tạo cao đẳng, 11 chương trình đào tạo trung cấp, 09 chương trình đào tạo liên thông và đã ban hành chuẩn đầu ra của các nghề này tại Quyết định 325/ QĐ–CĐNCN ngày 01/09/2017 (*MC 2.1.01 - Quyết định 325/QĐ–CĐNCN ngày 01/09/2017 về việc Ban hành chuẩn đầu ra các nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp; MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017).*

Năm 2019, Nhà trường đã Xây dựng 1 chương trình đào tạo cao đẳng, 1 chương trình đào tạo trung cấp, 23 chương trình đào tạo sơ cấp và đã ban hành chuẩn đầu ra của các nghề cao đẳng, trung cấp tại Quyết định 632/QĐ – CĐNCN ngày 24/12/2018 (*MC2.1.03 -Quyết định 632/QĐ–CĐNCN ngày 24/12/2018 về việc Ban hành chuẩn đầu ra các nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp ;MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC 2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019).*

Năm 2020, Nhà trường đã Xây dựng 3 chương trình cao đẳng chất lượng cao, 1 chương trình cao đẳng, 2 chương trình trung cấp, 4 chương trình sơ cấp và ban hành chuẩn đầu ra của các nghề cao đẳng, trung cấp (*MC 2.1.06 -Quyết định 484/QĐ – CĐNCN ngày 06/11/2019 về việc Ban hành chuẩn đầu ra các nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020).*

Năm 2021,Nhà trường đã Xây dựng, chỉnh sửa 14 chương trình đào tạo cao đẳng, 9 chương trình trung cấp, 27 chương trình sơ cấp và ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 100% các nghề được đào tạo (*MC 2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021; MC 2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021; MC 2.1.10 -Quyết định số 303/QĐ – CĐNCN ngày 19/07/2021 về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các nghề trường được cấp phép đào tạo).*

100% chương trình đào tạo của trường đã xây dựng và ban hành chuẩn đầu ra.

Chuẩn đầu ra được công bố công khai trên Website của nhà trường; trong quá trình tuyển sinh và trong những buổi tập trung đầu khóa. *(*[*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn*](http://hnivc.edu.vn)*).*

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người học về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong chuẩn đầu ra theo từng ngành, nghề đào tạo với ý kiến đánh giá hoàn toàn đồng ý trên 90% (*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021; MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong chuẩn đầu ra theo từng ngành, nghề đào tạo cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Thầy/ Cô được thông tin về chuẩn đầu ra/ mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo tham gia giảng dạy. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 4.0 (%) | 94.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 1.0 (%) | 3.1(%) | 95.9% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 3.3 (%) | 96.7% |

Trường tổ chức khảo sát ý kiến người học về khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trong chuẩn đầu ra theo từng ngành, nghề đào tạo cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Nhà trường thông tin cho HSSV về chuẩn đầu ra/ mục tiêu của chương trình đào tạo. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 1.8(%) | 14.1(%) | 84.1(%) |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0.9 (%) | 17.1(%) | 82(%) |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0.1 (%) | 3.2 (%) | 96.6 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn tiêu chuẩn 2.1: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.2:***Trường Xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.*

Năm 2019, Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh tại Quyết định 477/QĐ – CĐNCNHN ngày 28/11/2017. Quy chế tuyển sinh có 4 chương và 21 điều quy định cụ thể về thời gian, đối tượng, hình thức tuyển sinh; chính sách ưu tiên trong tuyển sinh, thủ tục hồ sơ đăng ký học, tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trong công tác tuyển sinh, khen thưởng và Xử lý vi phạm trong công tác tuyển sinh... (*MC 2.2.01 -Quyết định số 477/QĐ – CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các Quy định, Quy chế trong đào tạo nghề của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội – Quy chế tuyển sinh học nghề)*

Năm 2020, Nhà trường ban hành Quy chế tuyển sinh tại Quyết định 05/QĐ –CĐNCN ngày 02/01/2020 về ban hành quy định quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội. Trong quy chế, có 17 điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, thời gian tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh, .... (*MC2.2.02 -Quyết định số 05/QĐ – CĐNCN ngày 02/01/2020 Ban hành quy định, quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội)*

Năm 2021, Nhà trường ban hành Quy chế tuyển sinh tại Quyết định 09/QĐ – CĐNCN ngày 04/01/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội. Quy chế bao gồm 4 chương, 14 điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, đối tượng tuyển sinh, khen thưởng, kỷ luật,... (*MC 2.2.03 - Quyết định số 09/QĐ –CĐNCN ngày 04/01/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn tiêu chuẩn 2.2: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.3:***Hằng năm, trường Xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

Nhà trường tổ chức thực hiện tuyển sinh theo quy trình thủ tục của hệ thống đảm bảo chất lượng của trường đã ban hành (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 18*) và theo Quy chế tuyển sinh hằng năm của trường, cụ thể các bước:

Hàng năm, nhàtrường Xây dựng kế hoạch tuyển sinh và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh gửi trình Tổng cục giáo dục nghề nghiệp và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Sau đó,nhà trường tiến hành tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh *(MC 2.3.01- Các kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; MC 2.3.02- Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2019,2020,2021)*. Căn cứ vào tình hình cụ thể nhà trường thành lập hội đồng tuyển sinh, *(MC 2.3.03- Quyết định về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020 , 2021 )*. Hội đồng tuyển sinh họp đưa ra các phương hướng, quyết sách về công tác tuyển sinh *(MC 2.3.04- Các Biên bản họp hội đồng tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021 )*, trên cơ sở đó Ban nghiệp vụ tuyển sinh, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh và Ban thanh tra Hội đồng tuyển sinh được thành lập *(MC 2.3.05- Các Quyết định về việc thành lập Ban nghiệp vụ tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021; MC 2.3.06- Các Quyết định về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm 2019,2020,2021; MC 2.3.07- Các Quyết định về việc thành lập Ban thanh tra tuyển sinh năm 2019,2020,2021 ),* trong đó cụ thể hóa các quy định tuyển sinh có bổ sung, cập nhật các văn bản chính sách mới liên quan đên đối tượng ưu tiên cũng như chế độ đối với học sinh sinh viên học nghề.

Trong năm 2021, do diễn biến phức tạp của dịch Covid 19, nhà trường đã thành lập Ban tư vấn tuyển sinh online, Ban tư vấn tuyển sinh lên kế hoạch tuyển sinh online qua các phương tiện truyền thông zalo, facebook,... và nhà trường đã ra các công văn, thông báo giao nhiệm vụ tới các đơn vị tăng cường tuyển sinh online ( *MC 2.3.08 - Quyết định số 246/ QĐ – CĐNCN về việc thành lập Ban tư vấn tuyển sinh online và Kế hoạch số 22/KH –CĐNCN về hoạt động ban tư vấn tuyển sinh online 2021; MC 2.3.09- Công văn, thông báo giao nhiệm vụ cho các đơn vị tuyển sinh online; MC 2.3.10 - Hình ảnh phần mềm quản lý hồ sơ tuyển sinh;MC 2.3.11- Hình ảnh buổi tư vấn tuyển sinh trực tuyến).*

Toàn bộ thông tin tuyển sinh của trường được thông báo công khai bằng nhiều hình thức trên website của trường *(*[*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/tuyen-sinh.html*](http://hnivc.edu.vn/tuyen-sinh.html)*),* tại bảng thông tin điện tử tại cổng trường, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang page facebook của trường, và trực tiếp tư vấn tại các trường *(MC 2.3.12- Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020,2021;MC 2.3.13 -* [*https://www.facebook.com/hnivc131/*](https://www.facebook.com/hnivc131/)*; MC 2.3.14 - Hợp đồng sản xuất chương trình truyền hình; MC 2.3.15* ***-***  *Các kế hoạch tư vấn tuyển sinh tại các địa phương).*

Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc và công bằng. Sau khi học sinh đăng nộp hồ sơ đăng ký học tại trường *(MC 2.3.16 - Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2019,2020,2021)*, danh sách thí sinh dự tuyển được lập theo từng nghề và có đầy đủ các thông tin cần thiết thuận lợi cho việc xét tuyển. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh và số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển sinh thống nhất chuẩn trúng tuyển và công bố danh sách sinh viên trúng tuyển. *(MC 2.3.17 - Quyết định về việc công nhận danh sách trúng tuyển và danh sách kèm theo năm 2019,2020, 2021*). Danh sách này được niêm yết công khai tại trường.

Hàng năm, Nhà trường có báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục nghề nghiệp nhằm đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh *(MC 2.3.18 - Báo cáo kết quả tuyển sinh năm học 2019, 2020,2021)*.

Do các hoạt động trong công tác tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh nhà trường thường xuyên quan tâm chỉ đạo và thực hiện đảm bảo công khai, nghiêm túc, công bằng và khách quan nên đến nay không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về công tác tuyển sinh của trường. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch, báo cáo ban thanh tra tuyển sinh, và biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh *(MC 2.3.19 – Kế hoạch và báo cáo ban thanh tra tuyển sinh năm 2019,2020,2021; MC 2.3.20 - Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh ).*

Kết quả tuyển sinh của trường các năm:

| **TT** | **Trình độ/Nghề** | **Số HSSV** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019 -2020** | **2020 -2021** | **2021 -2022** |
| **I** | **Cao đẳng** | **1141** | **1182** | **1239** |
| **1** | Cắt gọt kim loại | 30 | 26 | 28 |
| **2** | Cơ điện tử | 51 | 110 | 53 |
| **3** | Công nghệ ô tô | 495 | 511 | 572 |
| **4** | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | - | - | 27 |
| **5** | Công nghệ thông tin  ( Ứng dụng phần mềm) | 70 | 63 | 103 |
| **6** | Điện công nghiệp | 155 | 147 | 120 |
| **7** | Điện dân dụng |  |  | 0 |
| **8** | Điện tử công nghiệp | 71 | 54 | 53 |
| **9** | Điện tử dân dụng | 23 |  | 7 |
| **10** | Hàn | 10 | 2 | 0 |
| **11** | Kế toán doanh nghiệp | 16 | 20 | 15 |
| **12** | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa  không khí | 138 | 120 | 99 |
| **13** | Quản trị mạng máy tính | 0 |  | 0 |
| **14** | Thương mại điện tử | 0 |  | 0 |
| **15** | Thiết kế đồ họa | 40 | 69 | 104 |
| **16** | Tự động hóa công nghiệp | 42 | 60 | 58 |
| **17** | Nguội chế tạo | 0 |  | - |
| **18** | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh |  |  | - |
| **19** | Lắp đặt thiết bị lạnh | 0 |  | 0 |
| **II** | **Trung cấp** | **456** | **358** | **291** |
| **1** | Cắt gọt kim loại | 2 | 7 | 7 |
| **2** | Công nghệ ô tô | 90 | 73 | 48 |
| **3** | Công nghệ thông tin  ( Ứng dụng phần mềm) | 207 | 150 | 83 |
| **4** | Điện công nghiệp | 38 | 24 | 35 |
| **5** | Điện dân dụng | 41 | 30 | 0 |
| **6** | Hàn | 3 |  | 0 |
| **7** | Kế toán doanh nghiệp | 16 | 8 | 6 |
| **8** | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 25 | 27 | 12 |
| **9** | Thương mại điện tử | 0 |  | 0 |
| **10** | Thiết kế đồ họa | 34 | 39 | 61 |
| **11** | Chăm sóc sắc đẹp |  |  | 33 |
| **12** | Kỹ thuật chăm sóc tóc |  |  | 6 |
| **13** | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính |  |  |  |
| **14** | Tin học văn phòng |  |  |  |
| **15** | Tin học ứng dụng |  |  |  |
| **III** | **Sơ cấp** | **50** | **32** | **76** |
| **1** | Quản trị mạng máy tính |  |  | 0 |
| **2** | Thiết kế tạo mẫu tóc |  |  | 14 |
| **3** | Trang điểm thẩm mỹ |  |  | 1 |
| **4** | Vẽ móng nghệ thuật |  |  |  |
| **5** | Chăm sóc da |  |  | 15 |
| **6** | Điện lạnh | 6 | 4 | 2 |
| **7** | Hàn điện |  |  |  |
| **8** | Hàn hơi và inoX | 6 |  |  |
| **9** | Kế toán máy |  |  |  |
| **10** | Kế toán tổng hợp trong doanh nghiệp |  |  |  |
| **11** | Lắp đặt và sửa chữa điện nước |  | 17 | 1 |
| **12** | Phay CNC |  |  |  |
| **13** | Phay vạn năng |  |  |  |
| **14** | Sơn ô tô |  |  | 33 |
| **15** | Sửa chữa điện công nghiệp | 6 |  | 1 |
| **16** | Sửa chữa điện dân dụng | 2 |  | 1 |
| **17** | Sửa chữa điện thân Xe và hệ thống điều hòa không khí trên ô tô |  |  |  |
| **18** | Sửa chữa điện thoại di động |  |  |  |
| **19** | Sửa chữa điện tử dân dụng |  |  |  |
| **20** | Sửa chữa đồng hồ đo thời gian | 30 | 20 | 7 |
| **21** | Sửa chữa hệ thống treo – lái – phanh ô tô |  |  | 1 |
| **22** | Sửa chữa khung, vỏ ô tô |  |  |  |
| **23** | Thiết kế đồ họa – đồ họa 2D |  |  |  |
| **24** | Thiết kế đồ họa – Thiết kế giao diện website |  |  |  |
| **25** | Tiện CNC |  | 1 |  |
| **26** | Tiện vạn năng |  |  |  |
| **27** | Tin học văn phòng – Office nâng cao |  |  |  |
| **IV** | **Liên thông** | 35 | 26 | 9 |
| **1** | Cắt gọt kim loại | 2 |  |  |
| **2** | Cơ điện tử | 1 |  | 2 |
| **3** | Công nghệ ô tô | 6 | 7 | 1 |
| **4** | Công nghệ thông tin  ( Ứng dụng phần mềm) | 9 | 9 | 1 |
| **5** | Điện công nghiệp | 5 | 4 | 2 |
| **6** | Điện tử công nghiệp | 4 | 1 |  |
| **7** | Kế toán doanh nghiệp | 1 |  |  |
| **8** | Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | 6 | 4 | 3 |
| **9** | Thiết kế đồ hoạ | 1 |  |  |
| **10** | Tự động hoá công nghiệp |  | 1 |  |
|  | **Tổng** | **1682** | **1598** | **1615** |

Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người học về thực hiện công tác tuyển sinh của nhà trường *(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021, MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về thực hiện công tác tuyển sinh của nhà trường cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường tuyển sinh đúng quy trình/đối tượng. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1.5 (%) | 3.0 (%) | 95.5% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 3.1(%) | 95.9% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 98.9% |

Trường tổ chức khảo sát ý kiến người học về thực hiện công tác tuyển sinh của nhà trường cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường tuyển sinh đúng quy trình, công bằng, khách quan. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.4 (%) | 98.6 (%) |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 6.0 (%) | 94.0 (%) |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 3.0(%) | 97.0 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn tiêu chuẩn 2.3: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.4:***Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Nhà trường đặc biệt quan tâm thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo để đáp ứng yêu cầu học tập của người học. Với mục tiêu đổi mới, đa dạng hoá phương thức tổ chức đào tạo, mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu người học trong sự nghiệp Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước nói chung và ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nói riêng đã được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn cụ thể. *(MC 1.1.11 - Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2030).*

Thực hiện theo thông tư 09/2017/TT –BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội để ban hành quy chế tổ chức thực hiện đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 477/QĐ -CĐNCNHN về việc ban hành các quy định, quy chế trong đào tạo của trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội ***(****MC 2.2.01 - Quyết định số 477/QĐ-CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các quy định, quy chế trong đào tạo của trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội – Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo****)***. Trong quy chế quy định rõ về các chương trình của các nghề được đào tạo theo phương thức đào tạo theo niên chế và đào tạo theo phương thức tích luỹ mô đun.

Năm 2020, khi dịch Covid-19 diễn ra trên địa bàn trường, học sinh, sinh viên không đến trường, nhà trường đã ban hành bổ sung quy chế đào tạo về tổ chức giảng dạy và kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo chỉ đạo của Tổng cục GDNN (*MC 2.4.01 – Quyết định, Kế hoạch và Thông báo về việc tổ chức dạy học trực tuyến;* [*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)*; MC 1.11.07 - Báo cáo trực giảng dạy của phòng đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022)*

Ngoài ra để đáp ứng yêu cầu học tập của người học, Nhà trường còn có các hình thức đào tạo tại các doanh nghiệp. Trường ký hợp đồng liên kết đào tạo với nhiều doanh nghiệp để đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo nâng bậc thợ ***(****MC 2.4.02 - Các hợp đồng liên kết đào tạo và tiếp nhận sinh viên đào tạo tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021****)****.*

Hàng năm, Nhà trường có thông báo tuyển sinh với nhiều hình thức đào tạo như: niên chế, tín chỉ,... trên cơ sở đó người học tại các địa phương, các doanh nghiệp đã lựa chọn đăng ký học theo các hình thức phù hợp *(MC 2.3.16 - Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2019,2020,2021).* Sau khi tiếp nhận các phiếu đăng ký học nghề, các đề nghị mở lớp, các biên bản ghi nhớ của người học, của các địa phương, doanh nghiệp, Nhà trường đã thực hiện tổ chức đào tạo đáp ứng 100% nhu cầu của người học *(MC 2.3.17 - Quyết định về việc công nhận danh sách trúng tuyển và danh sách kèm theo năm 2019,2020, 2021).*

Với mỗi khóa, lớp đào tạo nhà trường đều có Kế hoạch đào tạo từng học kỳ, năm học phù hợp với từng phương thức đào tạo để tổ chức triển khai giảng dạy, quản lý tiến độ giảng dạy và là cơ sở để quản lý việc thực hiện giảng dạy *(MC 2.4.03 - Kế hoạch đào tạo toàn khoá năm 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022; MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022).*

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người học về phương thức tổ chức đào tạo của nhà trường *(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021; MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về phương thức đào tạo cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có phương thức tổ chức đào tạo niên chế/ tích luỹ môn học/ mô đun cho HSSV lựa chọn. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 4.0 (%) | 7.1 (%) | 88.9 (%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 4.1 (%) | 5.2 (%) | 90.7 (%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 7.1 (%) | 91.3 (%) |

Trường tổ chức khảo sát ý kiến người học về phương thức đào tạo của nhà trường cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có phương thức/ hình thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của HSSV. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 2.7 (%) | 16.5 (%) | 80.8 (%) |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 1.2 (%) | 18.6 (%) | 80.1 (%) |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 4.1 (%) | 95.9 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn tiêu chuẩn 2.4: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.5:***Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.*

Căn cứ chương trình đào tạo nhà trường đã ban hành phù hợp với quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp; Thông tư 09/2017/TT BLĐTBXH ngày 13/3/2017; Thông tư số 31/2017/TTBLĐTBXH ngày 28/12/2017 và Thông tư số 42/2015/TTBLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ LĐTBXH (*MC 2.2.01 - Quyết định số 477/QĐ-CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các quy định, quy chế trong đào tạo của trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội – Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo****).***

Dựa theo quy trình 30 – quy trình thực hiện tiến độ đào tạo và Quyết định mở lớp, phòng đào tạo và QLHSSV xây dựng Kế hoạch đào tạo cho toàn khóa học của từng lớp trong đó dự kiến phân bổ các môn học theo từng năm và khung thời gian thực hiện cho các lớp *(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình- Quy trình số 30; MC 2.3.17 - Quyết định về việc công nhận danh sách trúng tuyển và danh sách kèm theo năm 2019,2020, 2021; MC 2.4.03 - Kế hoạch đào tạo toàn khoá năm 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022).* Sau đó, Kế hoạch đào tạo sẽ gửi về các khoa chuyên môn.

Sau khi thống nhất với các khoa đóng góp ý kiến gửi về phòng Đào tạo và QLHSSV. Phòng Đào tạo và QLHSSV Xây dựng tiến độ năm học, trong đó chi tiết đến từng môn học, mô đun theo chương trình đào tạo đã ban hành *(MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017; MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC 2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020;MC 2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021; MC 2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021;MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022).*

Năm học 2019-2020: TrườngXây dựng và phê duyệt tiến độ đào tạo năm học 2019-2020 cho tổng cộng 22 lớp cao đẳng và 8 lớp trung cấp khoá 43 các nghề của trường;

Năm 2020-2021: Trường xây dựng và phê duyệt tiến độ đào tạo năm học 2020-2021 cho tổng cộng 27 lớp cao đẳng và 8 lớp trung cấp khoá 44 các nghề của trường;

Năm 2021-2022 (tính đến 31/12/2021) Trường xây dựng và phê duyệt tiến độ đào tạo năm học 2021-2022 cho tổng cộng 26 lớp cao đẳng và 5 lớp trung cấp khoá 45 các nghề của trường;

Sau khi tiến độ đượcphê duyệt, gửi về các khoa phân công giáo viên và phòng đào tạo Xây dựng thời khóa biểu cho từng tuần, được công khai trên bảng thông tin cho HSSV và trên website nhà trường *(*[*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)***)***.

Căn cứ vào phân công giảng dạy tại các khoa, giáo viên làm lịch trình giảng dạy trong đó chi tiết đến từng tuần, từng giờ, học lý thuyết hay thực hành *(MC 2.5.01 - Lịch trình giảng dạy của giáo viên năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.6:***Trường tổ chức thực hiện theo Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.*

Kế hoạch đào tạo các năm học của Nhà trường được triển khai thực hiện theo quy trình 30 – Quy trình thực hiện tiến độ đào tạo, quy trình 31 – Quy trình quản lý hoạt động giảng dạy. Căn cứ vào đó, nhà trường, các khoa, nhà giáo thực hiện đúng các biểu mẫu quy định về sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án, giáo trình giảng dạy *( MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 30,31; MC 2.4.03 - Kế hoạch đào tạo toàn khoá năm 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022;* [*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)*;MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022; MC 2.5.01 - Lịch trình giảng dạy của giáo viên năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022; MC 2.6.01 - Kế hoạch giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021,2021 -2022; MC 2.6.02 - Sổ lên lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; MC 2.6.03 -Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021,2021- 2022; MC 2.6.04 -Giáo án của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022).*

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, kế hoạch giáo viên và thời khóa biểu, giáo viên thực hiện giảng dạy đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đào tạo đã phê duyệt *(MC 2.6.05 -Hồ sơ giảng dạy của giáo viên 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021- 2022).*

Nhà trường tiến hành giám sát công tác giảng dạy theo kế hoạch trên cơ sở Kế hoạch đào tạo năm học, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu đã được phê duyệt để chủ động phối hợp cùng với các khoa điều chỉnh tiến độ giảng dạy kịp thời, phù hợp đảm bảo kế hoạch, tiến độ đào tạo (*MC 1.11.07 - Báo cáo trực giảng dạy của phòng đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022)*

Tuy nhiên, năm 2020, năm 2021 do tình hình dịch Covid-19, Trường đã điều chỉnh tiến độ đào tạo và Kế hoạch đào tạo của các lớp năm học 2019-2020 lùi tiến đào tạo được học bù vào thời gian nghỉ hè của năm học 2019-2020 và thay đổi học theo hình thức học online các lớp học lý thuyết và điều chỉnh kế hoạch học tập đối với các lớp đang học mô đun *(MC 2.4.01 - Quyết định, Kế hoạch và Thông báo về việc tổ chức dạy học trực tuyến).*

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức kiểm tra hoạt động đào tạo tại các khoa, trong đó có nội dung kiểm tra về chương trình đào tạo, Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu và hồ sơ giảng dạy của nhà giáo tại các đơn vị *(MC 1.11.03 - Thông báo kiểm tra đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 -2021, 2021- 2022; MC 1.11.04 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra đào tạo của trường năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 – 2021 ; ; MC 1.11.05 - Các Biên bản kiểm tra đào tạo năm 2019, 2020,2021; MC 1.11.06 - Các biên bản kiểm tra đào tạo đột Xuất năm 2019, 2020,2021; MC 1.11.07 - Báo cáo trực giảng dạy của phòng đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022;MC 2.6.07 - Sổ kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun).*

Với quy trình 50 - Thanh tra, kiểm tra, nhà trường tổ chức thực hiện theo MC 8.9.10 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

(*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 50)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.7:***Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, các nghề tuyển sinh của trường có đủ chương trình đào tạo được phê duyệt và được cấp phép đào tạo của Tổng cục GDNN *(MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày05/05/2021; MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo 2017; MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019;MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020; MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021).*

Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo cho từng nghề theo khóa được lãnh đạo trường phê duyệt, các khoa thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các chương trình môn học, mô đun theo đúng mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo thể hiện qua việc nhà giáo có lịch trình giảng dạy, soạn giáo án, bài giảng các môn học, mô đun (*MC 2.4.03 - Kế hoạch đào tạo toàn khoá năm 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022; MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022; MC 2.6.01 - Kế hoạch giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021,2021 -2022;* [*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)*; MC 2.5.01 - Lịch trình giảng dạy của giáo viên năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022; MC 2.6.02 - Sổ lên lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022; MC 2.6.03 -Sổ tay giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-202,2021- 2022; MC 2.6.04 -Giáo án của giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022; MC 2.4.01 - Các kế hoạch, Quyết định và thông báo về việc tổ chức dạy học trực tuyến).*

Nhà trường luôn có sự phối hợp và liên kết chặt chẽ với các công ty, Xí nghiệp, cơ sở sản Xuất trong quá trình tổ chức đào tạo, qua các hoạt động:

- Phối hợp với doanh nghiệp mở lớp đào tạo tại chỗ trên chính các thiết bị của doanh nghiệp.

Hoạt động này, Nhà trường giao cho Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp phụ trách đưa sinh viên đi thực tập. (MC 1.3.6 - Quy chế dân chủ - Quy định chức năng nhiệm vụ của Trung tâm)

Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp luôn bám sát tiến độ giảng dạy của trường đồng thời phối hợp với Phòng Đào tạo và Quản lý HSSV cùng các khoa chuyên môn (Khoa Cơ khí, Khoa CN Ô tô, Khoa Điện - Điện tử) liên hệ với các doanh nghiệp đưa học sinh đi thực tập, đào tạo tại doanh nghiệp đảm bảo đúng tiến độ, đúng thời hạn, an toàn, hiệu quả.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid19 diễn biến phức tạp ở tất cả mọi nơi trên địa bàn Thành Phố Hà Nội. Mọi hoạt động của Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp vẫn thường Xuyên cử cán bộ, giáo viên trực tiếp đi liên hệ và khảo sát thực tế thêm rất nhiều doanh nghiệp mới đồng thời phát huy thế mạnh các DN truyền thống có quan hệ với trường trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận để đưa HSSV đến thực tập, trải nghiệm và học tập:

Đã đưa được hơn khoảng hơn 500 lượt sinh viên đi thực tập, học tập, trải nghiệm doanh nghiệp. Đảm bảo an toàn, hiệu quả và đã có những phương án Xử lý tình huống kịp thời, nhanh chóng.

Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác đã kí kết với 20 doanh nghiệp về thỏa thuận hợp tác Xây dựng mạng lưới với các công ty như công ty CP Tự Động Hóa Tân Phát, Huyndai Đông Nam, công ty TNHH Coolking Việt Nam, công ty CP Công nghệ Smosa, công ty TNHH Kinh doanh ô tô Nisu, Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt kỹ thuật Việt, Công ty CP Hawee Cơ điện, Công ty CP dịch vụ SPS, Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt kỹ thuật Việt.....

(*MC 2.4.02 - Các hợp đồng liên kết đào tạo và tiếp nhận sinh viên đào tạo tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021; MC 2.7.01 - Các kế hoạch và Báo cáo mô hình liên kết đào tạo nghề song hành giữa trường và doanh nghiệp Vinfast*; *MC 2.7.02 - Các công văn đề nghị đưa HSSV đi thực tập 2019,2020,2021; MC 2.7.03 - Các chương trình thực tập mô đun – môn học tại doanh nghiệp; MC 2.7.04 - Báo cáo của trung tâm truyền thông – hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp năm 2019,2020,2021)*

- Tổ chức cho học sinh đi thực tập tại cơ sở, doanh nghiệp. Để có thể phối hợp tốt với cơ sở thực tập trong công tác quản lý HSSV đi thực tập tại cơ sở, quá trình thực hiện nhà trường đều có giấy giới thiệu thực tập; giấy đề nghị đưa HSSV đi thực tập và giáo viên hướng dẫn và theo dõi quá trình thực tập, yêu cầu HSSV đi thực tập phải thực hiện đúng kế hoạch(*MC 2.7.05 - Danh sách HSSV đi thực tập năm 2019,2020,2021).* Trong thực hiện giáo viên hướng dẫn thường Xuyên phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực tập, thực hành tại tại cơ sở và báo cáo tình hình thực hiện của HSSV với Khoa quản lý. Kết thúc quá trình thực tập HSSV phải làm báo cáo kết quả thực tập của mình về khoa quản lý có nhận Xét của cơ sở thực tập và báo cáo đánh giá của giáo viên hướng dẫn *(MC 2.7.06 - Báo cáo thực tập của HSSV).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.8:***Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Nhà trường tổ chức đào tạo cao đẳng, trung cấp theo phương thức tích lũy môn học học, mô đun, tín chỉ. Các nhà giáo nhận thấy có đủ các biểu mẫu theo quy định: kế hoạch giảng viên; sổ tay giảng viên; giáo án Lý thuyết, thực hành, tích hợp theo quy định, trong đó nội dung, hoạt động dạy và học đã thể hiện phương pháp đào tạo thực hiện kết hợp giữa rèn luyện năng lực thực hành với kiến thức chuyên môn ở mỗi bài học, buổi học. Các bài giảng tích hợp được giáo viên thực hiện giảng dạy trong các phòng học chuyên môn, các Xưởng thực hành, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, có chia nhóm thực hành trên các trang thiết bị.

Khi dịch Covid-19 diễn ra trên địa bàn trường, học sinh, sinh viên không được đến trường, nhà trường đã lên kế hoạch và ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo triển khai đào tạo trực tuyến về tổ chức giảng dạy và kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo chỉ đạo của Tổng cục GDNN. Nhà trường đã lựa chọn các môn học, mô đun lý thuyết để triển khai giảng dạy trực tuyến trên các nền tảng ứng dụng, như: zoom, gg meet,... trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được nhà trường phê duyệt và ban hành. *(MC 2.4.01 - Quyết định, Kế hoạch và Thông báo về việc tổ chức dạy học trực tuyến;* [*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html) *, MC 1.11.07 - Báo cáo trực giảng dạy của phòng đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022, 2021- 2022; MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017; MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020; MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021; MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021),* ngoài việcđảm bảo các nguồn lực cần thiết cho việc tổ chức triển khai đào tạo như cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật tư, nhà trường đã triển khai nhiều hình thức và phương pháp dạy học tích cực, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm của người học.

Các khoa chuyên môn Xây dựng giáo án, bài giảng thực hiện theo Xu hướng tích hợp, tổ chức học tập theo nhóm, lấy người học làm trung tâm. Sử dụng bài giảng điện tử, khai thác hiệu quả các trang thiết bị, phương tiện và mô hình dạy học *(MC 2.6.05 -Hồ sơ giảng dạy của giáo viên 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021- 2022; MC 2.8.01 - Danh mục thiết bị, phương tiện dạy và học tại các phòng học chuyên môn).*

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng được các khoa chuyên môn chú trọng thông qua các hoạt động dự giờ và sinh hoạt chuyên môn *(MC 2.8.02 - Biên bản họp tổ chuyên môn về đổi mới phương pháp giảng dạy)*. Mỗi phương pháp giảng dạy mới đều được các giáo viên các nghề áp dụng đem lại kết quả cao đối với giáo viên giảng dạy và HSSV. Việc đánh giá đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên còn được đánh giá thông qua các buổi dự giờ và các buổi hội giảng hàng năm của nhà trường từ cấp khoa đến cấp trường *(MC 2.8.03 - Hồ sơ hội giảng; MC 2.8.04 - Biên bản dự giờ của các khoa/tổ môn năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 , 2021- 2022).*

Nhà trường thường Xuyên tổ chức lấy ý kiến người học và nhà giáo về chất lượng và phương pháp giảng dạy của giáo viên, qua đó đã kịp thời điều chỉnh phương pháp tổ chức đào tạo trường *(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021; MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về về chất lượng và phương pháp giảng dạy của giáo viên cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | GV tổ chức cho HSSV làm việc theo nhóm, thảo luận, làm bài tập lớn nhằm phát huy khả năng tư duy sáng tạo, làm  việc độc lập của cá nhân. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5(%) | 9.6 (%) | 89.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 3.1(%) | 96.4% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 3.3 (%) | 95.6% |

Trường tổ chức khảo sát ý kiến người học về về chất lượng và phương pháp giảng dạy của giáo viên cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | GV tổ chức cho HSSV làm việc theo nhóm, thảo luận, làm bài tập lớn nhằm phát huy khả năng tư duy sáng tạo, làm  việc độc lập của cá nhân. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.2 (%) | 13.4 (%) | 86.4 (%) |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 18.6 (%) | 80.9 (%) |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0.2 (%) | 8.2 (%) | 91.6 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.8: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.9:***Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.*

Nhà trường luôn chú trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy và học được thể hiện trong định hướng chiến lược phát triển trường (*MC 1.1.11 - Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2030)*

Năm 2018, Nhà trường đã mua phần mềm quản lý đào tạo, mua chuyển giao 140 triệu đồng. Phần mềm bao gồm các phân hệ: Quản lý đào tạo, quản lý hoạt động đánh giá kết quả học tập, quản lý sinh viên, quản lý tài sản và thiết bị vật tư,...

Năm 2021, Nhà trường đã nâng cấp phần mềm quản lý với giá 70 triệu đồng *(MC 2.9.01 - Hợp đồng mua phần mềm Quản lý đào tạo, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng,;MC 2.9.02 - Hình ảnh phần mềm quản lý đào tạo)*

100% giáo viên trong trường đều ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thông qua các bài giảng điện tử. Nhà trường trang bị các phần mềm mô phỏng ở hầu hết các khoa chuyên môn phục vụ cho hoạt động dạy và học. Các phòng học chuyên môn của trường đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính phục vụ giảng dạy *(MC 2.9.03 - Bài giảng điện tử của giáo viên; MC 2.9.04 – Báo cáo ứng dụng CNTT trong giảng dạy năm 2019, 2020, 2021; MC 2.8.01 - Danh mục thiết bị, phương tiện dạy và học tại các phòng học chuyên môn*).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học trường *( MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021, MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.0(%) | 6.1 (%) | 91.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1 (%) | 5.7 (%) | 92.2(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 5.5(%) | 92.9 (%) |

Trường tổ chức khảo sát ý kiến người học về sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 1.0(%) | 19.7 (%) | 79.3 (%) |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0.1 (%) | 1.7 (%) | 17.5 (%) | 80.8 (%) |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0.1 (%) | 0.2 (%) | 13.3 (%) | 86.3 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.9 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.10:***Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.*

Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch kiểm tra , tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo kế hoạch đề ra.

Để Xây dựng, giám sát việc thực hiện Kế hoạch đào tạo, Hiệu trưởng đã ra quyết định ban hành các quy chế trong hoạt động đào tạo trong đó có quy chế Xây dựng, giám sát, kiểm tra và thanh tra Kế hoạch đào tạo***(****MC 2.2.01 - Quyết định số 477/QĐ-CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các quy định, quy chế trong đào tạo của trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội).*

Quy chế này quy định rõ việc phân cấp kiểm tra giám sát Kế hoạch đào tạo của các phòng ban chức năng. Trong đó, phòng đào tạo giám sát việc thực hiện lên lớp của giáo viên đúng thời gian, đúng thời khóa biểu, đúng tiến độ, hàng tháng đều có báo cáo kiểm tra gửi Ban giám hiệu và các khoa chuyên môn *(MC 1.11.07 - Báo cáo trực giảng dạy của phòng đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 -2022, 2021- 2022).* Các khoa chịu trách nhiệm kiểm tra giám sát nội dung giảng dạy theo đúng lịch trình và nội dung quy định *(MC 2.10.01 -Báo cáo của các khoa về công tác đào tạo năm 2019,2020,2021; MC 2.6.05 -Hồ sơ giảng dạy của giáo viên 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021- 2022).*

Việc quản lý đề thi, Xuất đề, in ấn đề thi và kiểm tra quá trình thi hết môn học/ mô đun do phòng Đảm bảo chất lượng thực hiện *(MC 2.10.02 - Các đề nghị Xuất đề của các khoa năm 2019,2020,2021; MC 2.10.03 - Các biên bản bàn giao đề thi năm 2019,2020,2021)* và hàng tháng phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học có bảng thống kê kiểm tra thi kết thúc môn học, mô đun gửi về các khoa (*MC 2.10.04 - Các Bảng thống kê kiểm tra thi, kết thúc môn học/mô đun hàng tháng).*

Ngoài việc kiểm tra theo phân cấp nhà trường còn tổ chức kiểm tra định kỳ và đột Xuất do ban kiểm tra thực hiện *(MC 1.11.03 - Thông báo kiểm tra đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 -2021, 2021- 2022; MC 2.10.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra đào tạo của trường năm học2018 -2019, 2019 -2020, 2020 – 2021 ; ; MC 1.11.05 - Các Biên bản kiểm tra đào tạo năm 2019, 2020,2021; MC 1.11.06 - Các biên bản kiểm tra đào tạo đột xuất 2019,2020,2021năm 2019, 2020,2021).*

Như vậy, nhà trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.(*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động dạy và học, cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, có đề xuất nâng cao chất lượng giảng dạy. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1(%) | 4.0 (%) | 93.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.0 (%) | 7.8 (%) | 90.2 (%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 8.7 (%) | 90.2 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.10 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.11:***Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Nhà trường ban hành Quy chế dân chủ, trong đó có quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị, trong đó có đơn vị giao cụ thể thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học: Phòng Quản lý đào tạo và Quản lý HSSV; Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học*(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ - Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị).*

Hằng năm, nhà trường có các thông báo kiểm tra đào tạo. Trong các thông báo sẽ có thành phần đoàn thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra đào tạo và lập biên bản kiểm tra , sau đó sẽ có báo cáo kết quả kiểm tra gửi ban giám hiệu. *(MC 1.11.03 - Thông báo kiểm tra đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 -2021, 2021- 2022; MC 2.10.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra đào tạo của trường năm học2018 -2019, 2019 -2020, 2020 – 2021 ; ; MC 1.11.05 - Các Biên bản kiểm tra đào tạo năm 2019, 2020,2021; MC 1.11.06 - Các biên bản kiểm tra đào tạo đột Xuất năm 2019, 2020,2021).*

Trong các báo cáo kết quả kiểm tra, Nhà trường có các nội dung đánh giá ưu điểm và yêu cầu các đơn vị, cá nhân khắc phục, Xử lý những tồn tại, hạn chế về từng lĩnh vực: thực hiện chương trình; sử dụng giáo trình, công tác tuyển sinh, lập MC 8.9.10 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, giáo án, sổ lên lớp cấp phát vật tư đào tạo, ghi chép hồ sơ giảng dạy, thi kết thúc môn học/mođun, quản lý HSSV, công tác giáo viên chủ nhiệm; giờ giấc lên lớp; phương pháp soạn giáo án tích hợp; ghi chép sổ sách đào tạo theo quy định; phần hướng dẫn thực hành phải chi tiết theo từng ca học; sử dụng có hiệu quả trang thiết bị đào tạo; giáo viên chủ nhiệm chuẩn bị các nội dung và thông qua khoa/tổ bộ môn trước khi tổ chức sinh hoạt lớp; nhà trường bổ sung các tài liệu liên quan đến môn học, mô đun phục vụ cho giảng dạy; tăng cường cử giáo viên đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tăng vật tư, văn phòng phẩm cho thi kết thúc mô đun, môn học; rà soát, điều chỉnh giáo trình phù hợp với chương trình và thực tế giảng dạy... *(MC 2.10.05 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra đào tạo của trường năm học 2018 -2019, 2019 -2020,2020 -2021).*

Năm học 2018-2019; 2019-2020 các hoạt động dạy và học thực hiện theo đúng tiến độ và thời khóa biểu đã ban hành.

Năm học 2020-2021, 2021 - 2022 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Nhà trường cũng có những điều chỉnh kịp thời chuyển đổi giảng trực tiếp sang dạy trực tuyến *(MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021,2021 -2022; MC 2.6.01 - Kế hoạch giáo viên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2021- 2022; MC 2.4.01 - Quyết định, Kế hoạch và Thông báo về việc tổ chức dạy học trực tuyến;* [*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)*)*.

Hàng năm, các đơn vị trong Nhà trường thực hiện theo quy trình Mục tiêu chất lượng, Xây dựng mục tiêu chất lượng cho đơn vị của mình nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 02)*

Hằng năm, nhà trường khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về việc nâng cao chất lượng dạy và học (*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về đề Xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, có đề xuất nâng cao chất lượng giảng dạy. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1(%) | 4.0 (%) | 93.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.0 (%) | 7.8 (%) | 90.2 (%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 8.7 (%) | 90.2 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.11: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.12:***Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, Xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, Xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định

Đối với quy định về kiểm tra, thi, Xét công nhận tốt nghiệp: Năm 2017, Trường đã Xây dựng và ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp, trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích luỹ mô đun; quy chế kiểm tra, thi, Xét công nhận tốt nghiệp tại quyết ddinhj/QĐ – CĐNCNHN ngày 28/11/2017 quy định có 4 chương, 36 điều quy định chi tiết điều kiện dự thi, kiểm tra, việc tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp , ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học mô đun, .... ***(****MC 2.2.01 - Quyết định số 477/QĐ-CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các quy định, quy chế trong đào tạo của trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội****)***.

Thực hiện theo quy trình kiểm tra đánh giá người học được quy định chặt chẽ gồm hai thành phần, điểm đánh giá quá trình và điểm kiểm tra kết thúc môn học, trong đó môn học/modun có số giờ càng nhiều, số bài kiểm tra định kỳ càng nhiều thì tỷ trọng điểm của quá trình càng lớn *(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 22; MC 2.12.01 - Bộ Biên bản coi thi, kết thúc môn học, mô đun).*

Kết quả học tập toàn học kỳ sẽ được giáo viên chủ nhiệm thông báo đến từng học sinh trong các giờ sinh hoạt và đăng trên website của trường. Kết quả được thông báo dự kiến vào tháng 7 và tháng 8 (*MC 2.12.02 - Kế hoạch sơ kết học kỳ 1 và Kế hoạch tổng kết năm học 2018 -2019, 2019 -2020,2020- 2021, 2021 -2022).*

Nhà trường đã áp dụng công nghệ thông tin trong đào tạo nên mỗi sinh viên đều có thể vào trang website để tra cứu điểm cá nhân của mình thông qua mã sinh viên được cấp ( *MC 2.12.03 - Hình ảnh bảng điểm trực tuyến của sinh viên )*

Thực hiện theo quy trình thi tốt nghiệp, cấp phát văn bằng, chứng chỉ (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 35,37)*

Nhà trường thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho HSSV. Sau khi thi tốt nghiệp, có hội đồng xét tốt nghiệp cho HSSV toàn trường theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 và Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 *(MC 2.12.04 - Các Biên bản xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và biên bản Xét tốt nghiệp)*

Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.12 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.13:***Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Trong quá trình đào tạo, nhà trường có mô đun thực tập sản xuất/thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp tại đơn vị sử dụng lao động. Nhà trường ký Hợp đồng/Thỏa thuận với các doanh nghiệp trong đó có nội dung hướng dẫn, quản lý HSSV trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp. Trong quá trình HSSV thực tập tại doanh nghiệp, giáo viên hướng dẫn thường xuyên phối hợp với các đơn vị sử dụng lao động tổ chức hướng dẫn, đánh giá quá trình thực tập, thực hành tại cơ sở thực tập. Khi hoàn thành quá trình thực tập tại doanh nghiệp, HSSV hoàn thiện báo cáo và phải lấy nhận xét đánh giá quá trình thực tập của cơ sở thực tập đó *(MC 2.13.01 - Danh sách các nghề đào tạo năm 2019,2020,2021;MC 2.4.02 - Các hợp đồng liên kết đào tạo và tiếp nhận sinh viên đào tạo tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021 ( Danh sách HSSV kèm theo); MC 2.7.01 - Các kế hoạch và Báo cáo mô hình liên kết đào tạo nghề song hành giữa trường và doanh nghiệp Vinfast; MC 2.13.02 - Danh sách HSSV đi thực tập tại các đơn vị; MC 2.7.04 - Báo cáo của trung tâm truyền thông – hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp năm 2019,2020,2021)*

Khi hoàn thành quá trình thực tập HSSV hoàn thiện báo cáo việc phải có nhận Xét, đánh giá quá trình thực tập của cơ sở thực tập*(MC 2.13.03 - Phiếu nhận Xét thực tập của HSSV tại các đơn vị thực tập; MC 2.7.06 - Báo cáo thực tập của HSSV).*

100% chương trình đào tạo có mô đun thực tập tại các cơ sở, doanh nghiệp.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.13 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.14:***Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.*

Nhà trường đã xây dựng quy trình tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun; quy trình thi tốt nghiệp; quy trình đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh sinh viên đảm bảo không chồng chéo giữa các đơn vị liên quan *(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 35,37).*

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo hàng năm, đơn vị Xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun cho các lớp đảm bảo khách quan, minh bạch đúng quy chế.

Việc quản lý đề thi, xuất đề, in ấn đề thi và kiểm tra quá trình thi hết môn học/ mô đun do phòng Đảm bảo chất lượng và QLKH thực hiện *(MC 2.10.02 - Các đề nghị Xuất đề của các khoa năm 2019,2020,2021; MC 2.10.03 - Các biên bản bàn giao đề thi năm 2019,2020,2021).*

Đối với thi kết thúc môn học,mô đun, Khoa phân công 2 giáo viên chuyên môn coi thi và chấm, đồng thời có một cán bộ Phòng ĐBCL và QLKH giám sát thi đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng *(MC 2.14.01 - Báo cáo theo dõi thi kiểm tra kết thúc môn học/mô đun; MC 2.12.01 - Bộ Biên bản coi thi, kết thúc môn học/mô đun*; *MC 2.14.02 - Ngân hàng đề thi các MĐ/MH).*

Phần mềm Quản lý đào tạo của nhà trường được thiết kế, Xây dựng, tính toán cơ sở dữ liệu theo các quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp. Điểm thi kết thúc các môn học, mô đun được nhập vào phần mềm Quản lý đào tạo, tự động tổng kết môn, tổng kết học kỳ, tổng kết năm học, đánh giá xếp loại học tập phục vụ xét học bổng cho HSSV *(MC 2.14.03 - Hồ sơ thi kết thúc MĐ/MH năm 2019, 2020,2021)*

Trước khi thi ít nhất 30 ngày trường ra quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp *(MC 2.14.04 - Các Quyết định về thành lập hội đồng thi tốt nghiệp Cao đẳng, trung cấp )* và các tiểu ban giúp việc như: tiểu ban ra đề, tiểu ban coi thi, chấm thi, thư ký *( MC 2.14.05 - Các Quyết định về thành lập các ban và tiểu ban hội đồng thi tốt nghiệp 2019, 2020, 2021)*.

Quá trình chấm thi tốt nghiệp diễn ra công bằng, khách quan, các vị trí thi tốt nghiệp và giám thị được bốc thăm ngẫu nhiên. Các bài thi tốt nghiệp được làm phách và dọc phách đúng quy định; các bài thi lý thuyết chuyên môn và chính trị được tổ chức chấm tập trung, công khai *(MC 2.14.05 - Các Quyết định về thành lập các ban và tiểu ban hội đồng thi tốt nghiệp 2019, 2020, 2021)*. Kết quả thi được thông báo công khai, kịp thời cho người học trên website của trường và thông qua GVCN *(MC 2.14.06 - Các Quyết định về công nhận tốt nghiệp hệ Cao đẳng và Trung cấp năm 2019,2020,2021)*.

Sau khi Xét công nhận tốt nghiệp, nhà trường tổ chức Lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp người học, khi nhận bằng người học được ghi danh và ký vào sổ cấp phát văn bằng chứng chỉ theo đúng quy trình đã được xây dựng *(MC 2.14.07 - Sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ).*

Ban thanh tra nhân dân của trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá, công nhận tốt nghiệp và cấp phát văn bằng, chứng chỉ đảm bảo hoạt động này thực hiện nghiêm túc, khách quan, đúng quy chế (*MC 1.11.04 - Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân năm 2019,2020,2021).*

**Điểm đánh giá tiêu chuẩn 2.14: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.15:***Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, Xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Theo tiêu chuẩn 12, Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, Xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

Hằng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh sẽ diễn ra sau khi có kết quả khảo sát cán bộ giáo viên nhà trường *(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Năm 2019*,* nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của trường, nhà trường có quyết định ban hành và áp dụng bộ hệ thống bảo đảm chất lượng của trường với bộ công cụ bao gồm 79 quy trình thay thế bộ hệ thống bảo đảm chất lượng của trường với bộ công cụ bao gồm 77 quy trình. Trong bộ 79 quy trình có 4 quy trình được rà soát: quy trình 35 – Quy trình thi tốt nghiệp, Quy trình 36 – Quy trình quản lý điểm thi, Quy trình 37 – Quy trình cấp phát bằng, chứng chỉ, Quy trình 38 – Quy trình Xác nhận bằng, chứng chỉ, bảng điểm rà soát, kiểm tra, điều chỉnh bổ sung quy trình thi tốt nghiệp, kiểm tra, kết thúc môn học/mô đun thi, Xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện.

(*MC 2.15.01 -MC 2.15.01 - Báo cáo công tác Phòng Đào tạo và QLHSSV năm 2019,2020,2021; MC 1.7.02 - Quyết định số 28/QĐ-CĐNCN ngày 20/01/ 2016 về ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 77 quy trình; MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 35,36,37,38 )*

Hằng năm, nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.( *MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, Xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 7.6 (%) | 91.9 (%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 9.3 (%) | 90.2 (%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 4.9 (%) | 94.5 (%) |

Nhà trường thực hiện rà soát, kiểm tra, điều chỉnh bổ sung quy định về cấp văn bằng, chứng chỉ đảm bảo đúng quy định.

**Điểm đánh giá tiêu chuẩn 2.15:*01 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.16:***Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.*

Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo đối với các nghề được cấp phép đào tạo và nằm trong chỉ tiêu được giao *(MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày05/05/2021; MC 2.3.12- Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020, 2021*).

Các nghề đào tạo liên thông đều có đủ chương trình để tổ chức đào tạo và được tổ chức biên soạn xây dựng, rà soát và thẩm định chương trình đào tạo theo đúng quy định và được Hiệu trưởng quyết định ban hành *(MC 2.2.01 -Quyết định số 477/QĐ-CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các quy định, quy chế trong đào tạo của trường Cao đẳng nghề công nghiệp HàNội - Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ theo liên thông theo niên chế hoặc theo phương pháp tích luỹ mô đun, Quy chế kiểm tra thi, Xét công nhận tốt nghiệp; MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017; MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021).*

Hàng năm ngoài tuyển sinh chính quy, nhà trường thường xuyên tiến hành thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông *(MC 2.3.12- Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020,2021)*.

Việc tổ chức liên thông, do số lượng ít không đủ để mở lớp, nên nhà trường tiến hành theo hình thức lớp ghép. Trường đã thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học mà HSSV không phải học và ra quyết định công nhận để bảo quyền lợi của HSSV cũng như việc phải bảo đảm khối lượng kiến thức, kỹ năng của người học sau khi học Xong hệ đào tạo ở cấp cao hơn theo thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH. Các sinh viên học liên thông sẽ có thông báo học bổ sung các môn học/mô đun và khi kết thúc môn học sẽ có các bảng điểm học bổ sung riêng biệt *(MC 2.16.01 - MC 4.9.01 - Các Thông báo các môn học/mô đun cần bổ sung đối với sinh viên liên thông; MC 2.16.02 - MC 4.9.02 - Phiếu điểm học tập của sinh viên liên thông)*.

Sau khi kết thúc mỗi khóa học, nhà trường có báo cáo kết quả về công tác đào tạo liên thông *(MC 2.16.03 - Báo cáo về hoạt động đào tạo liên thông gửi Sở lao động thương binh và Xã hội Hà Nội năm 2019,2020,2021 )*.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về tổ chức đào tạo liên thông của nhà trường *(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo liên thông cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.5 (%) | 4.6 (%) | 92.9 (%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.6(%) | 6.7 (%) | 90.7 (%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0(%) | 4.4 (%) | 95.6 (%) |

## Vậy trường đã hướng dẫn và đã tổ chức thực hiện đào tạo liên thông theo quy định Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.16 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2.17:***Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Nhà trường đã ban hành MC 2.17.01 - Thông báo 63/TB –CĐNCN – ĐT ngày 22/05/2019 về việc khai thác và sử dụng phần mềm quản lý đào tạo. Trong đó, có thông báo sử dụng phần mềm trong công tác nghiệp vụ và quản *(MC 2.17.01 - Thông báo 63/TB –CĐNCN – ĐT ngày 22/05/2019 về việc khai thác và sử dụng phần mềm quản lý đào tạo).*

Tại các đơn vị của nhà trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động về đào tạo và phục vụ công tác đào tạo:

- Cơ sở dữ liệu về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo được lưu giữ ở phòng Đào tạo và Quản lý khoa học và các khoa chuyên môn.

- Cơ sở dữ liệu về tuyển sinh: như số liệu tuyển sinh hàng năm, ngành nghề tuyển sinh hàng năm...do ban Tuyển sinh - phòng Đào tạo và Quản lý khoa học lưu trữ và cung cấp các số liệu khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Cơ sở dữ liệu về kiểm tra, thi kết thúc môn học mô đun do giáo viên các khoa cập nhật số liệu, số liệu tổng hợp được lưu trữ tại phòng đào tạo và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo.

- Cơ sở dữ liệu về cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học được lưu trữ tại phòng Đào tạo và Quản lý khoa học.

- Cơ sở dữ liệu về đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV do giáo viên chủ nhiệm cập nhật và phòng Đào tạo và Quản lý khoa học lưu trữ.

- Cơ sở dữ liệu về khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động do Trung tâm truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp thực hiện cập nhật và lưu trữ hồ sơ.

- Cơ sở dữ liệu về nhà giáo do phòng Tổ chức hành chính, tổng hợp lưu trữ và cập nhật thường xuyên.

- Cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất thiết bị: do khoa quản lý và cập nhật các số liệu về thiết bị giảng dạy; phòng Kế toán tài chính cùng phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án tổng hợp quản lý tổng thể cơ sở vật chất của trường.

- Cơ sở dữ liệu thư viện do phòng Đào tạo và Quản lý khoa học quản lý liên quan đến các dữ liệu về đầu sách, chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo được lưu trữ tại thư viện của trường và trên thư viện số của trường.

- Cơ sở dữ liệu về tài chính: Do phòng Kế toán tài chính, tổng hợp phụ trách cập nhật các thông tin về thu chi tài chính kịp thời hàng ngày.

(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ - Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị*; Hình ảnh phần mềm quản lý đào tạo)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về hiệu quả phần mềm quản lý đào tạo của nhà trường *(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.5 (%) | 98.5 (%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 98.4 (%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 5.5 (%) | 93.4 (%) |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.17 : *1 điểm***

#### 3.2.3. Tiêu chí 3:Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**

***Mở đầu:***

*Các điểm mạnh:*

Trường có đầy đủ các quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ban lãnh đạo nhà trường, đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động có chuyên môn, có năng lực, nhiệt tình và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trường thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Đảm bảo tỷ lệ HSSV/GV theo quy định.

Ngoài ra, duy trì đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, thiết kế, cải tiến các mô hình học cụ phục vụ giảng dạy; tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có cơ hội học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ ở nước ngoài; hàng năm, cử 2-3 cán bộ quản lý đi học các lớp lý luận chính trị. Hơn nữa, nhà trường đang đẩy mạnh công tác quy hoạch cán bộ, để có kế hoạch bồi dưỡng Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý đủ khả năng đáp ứng nhiệm vụ trong tương lai.

*Các điểm tồn tại* : Không có

**Điểm đánh giá tiêu chí 3**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 3** | **15** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 |
| Tiêu chuẩn 13 | 1 |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 |
| Tiêu chuẩn 15 | 1 |

**Tiêu chuẩn 3.1:***Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Quy định tuyển dụng và sử dụng, bồi dưỡng viên chức*:* Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 15/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ\_CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, viên chức, thăng hạng viên chức và thực hiện một số hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 03/NĐHN-BNV ngày 21/5/2019 của Bộ Nội vụ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (Chương 3: đánh giá xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp); Nhà trường đã xây dựng quy định về việc tuyển dụng viên chức.(*MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy chế dân chủ trong công tác tổ chức )*.

Căn cứ Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 của Quốc hội; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh &Xã hội hướng dẫn Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh &Xã hội quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;Nhà trường có Xây dựng Quy chế tuyển dụng, quản lý người lao động và thu hút nhân tài. (*MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình )*.

Quy định về quy hoạch cán bộ, viên chức*:* Căn cứ Hướng dẫn số 15-HD/BCHTW ngày 05/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 30/11/2004 của Bộ Chính trị (Khóa IX) và kết luận số 24-KL/TW ngày 05/06/2012 của Bộ Chính trị (Khóa XI), nhà trường đã lập thông báo, hướng dẫn quy hoạch cán bộ quản lý đến các đơn vị trong nhà trường *(MC 3.1.01 - Tờ trình số 58/TTr-CĐNCN ngày 10/05/2019 về việc phê duyệt, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2021 – 2026 và các nhiệm kỳ tiếp theo; MC 3.1.02 - Hướng dẫn số 12-HD/ĐU ngày 10/06/2019 về công tác rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2020 – 2025 và các nhiệm kỳ tiếp theo; MC 3.1.03 - Thông báo số 14/TB-DUCĐNCN ngày 9/10/2019 của Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội về việc rà soát đưa ra khỏi danh sách quy hoạch và bổ sung danh sách quy hoạch)*.

Quy định đánh giá, Xếp loại chất lượng cán bộ quản lý, viên chức, người lao động:

Hàng năm, căn cứ vào thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động TB&XH; Nghị đinh 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 về việc đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức, nhà trường có xây dựng hướng dẫn và tổ chức đánh giá, phân loại nhà giáo, đánh giá phân loại cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được cụ thể chương IX nhận xét đánh giá viên chức hàng năm trong Quy chế dân chủ*(MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy chế dân chủ trong công tác tổ chức*)

*Quy trình đánh giá đối với viên chức giữ chức vụ quản lý:*

- Bước 1:  Viên chức tự đánh giá, xếp loại chất lượng

- Bước 2: Nhận xét, đánh giá viên chức

- Bước 3: Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp ủy đảng đơn vị nơi viên chức công tác.

- Bước 4: Xem Xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức

- Bước 5: Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thông báo bằng văn bản cho viên chức về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng

- Bước 6: Công khai kết quả đánh giá, xếp loại

Quy trình đánh giá viên chức không giữ chức vụ quản lý:

- Bước 1:  Viên chức tự đánh giá, xếp loại chất lượng

- Bước 2: Nhận xét, đánh giá viên chức

- Bước 3: Xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức

- Bước 4: Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thông báo bằng văn bản cho viên chức về kết quả đánh giá, Xếp loại chất lượng

Bước 5: Công khai kết quả đánh giá, Xếp loại

(*MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình*)

Nhà trường có các quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định*.*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1:1 điểm**

**Tiêu chuẩn 3.2:***Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.*

- Về công tác tuyển dụng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động 3 năm 2019, 2020, 2021:

Năm 2019: Trường không tổ chức tuyển dụng

Năm 2020: Có 1 đợt tuyển dụng

Năm 2021: Trường không tổ chức tuyển dụng

Hồ sơ tuyển dụng viên chức năm 2020 được thực hiện qua các bước:

- Lập tờ trình xin phê duyệt kế hoạch tuyển dụng: Xác định căn cứ yêu cầu của tiêu chuẩn trong triển khai tuyển dụng nhân sự. Rà soát tổng hợp, lập danh sách các vị trí cần tuyển dụng báo cáo giám hiệu. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng , gửi Sở nội vụ trình UBND thành phố duyệt. Lấy quyết định phê duyệt của UBND thành phố.

- Tổ chức thực hiện theo kế hoạch:

Thành lập hội đồng tuyển dụng

Thông báo tuyển dụng, Bán và thu hồ sơ

Tổng hợp hồ sơ, Rà soát danh sách thí sinh

Trình giám hiệu duyệt danh sách

Tổ chức thi

Tổ chức chấm thi

Tổng hợp lên điểm

Công bố điểm

Giải quyết phúc khảo *(Nếu có)*

Chấm phúc khảo *(Nếu có)*

Công bố điểm phúc khảo *(Nếu có)*

Phê duyệt danh sách trúng tuyển

- Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng

-Tổng hợp kết quả tuyển dụng báo cáo UBND Thành phố Hà Nội qua Sở nội vụ:

- Về công tác quản lý cán bộ viên chức viên chức và người lao động: Được quy định cụ thể Quy chế dân chủ - chương V : Điều 10,11,12,13

- Về công tác quy hoạch cán bộ: Nhà trường đã thực hiện việc quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2020 - 2025 theo quy định. Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh bổ sung và ra quyết định phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ *(MC 3.2.01 - Tờ trình số 15/CĐNCN ngày 29/01/2019 về việc rà soát, bổ sung, quy hoạch cán bộ; MC 3.2.02 - Kế hoạch số 09/KH-CĐNCN ngày 05/04/2019 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo; MC 3.2.03 - Đề án nhân sự ngày 02/05/2019 về việc rà soát bổ sung quy hoạch các chức danh diện Thành ủy quản lý; MC 3.1.01 - Tờ trình số 58/TTr-CĐNCN ngày 10/05/2019 về việc phê duyệt, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2021 – 2026 và các nhiệm kỳ tiếp theo; MC 3.1.02 - Hướng dẫn số 12-HD/ĐU ngày 10/06/2019 về công tác rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2015 – 2020, 2020 – 2025 và các nhiệm kỳ tiếp theo; MC 3.1.03 - Thông báo số 14/TB-DUCĐNCN ngày 9/10/2019 của Đảng ủy Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội về việc rà soát đưa ra khỏi danh sách quy hoạch và bổ sung danh sách quy hoạch; MC 3.2.04 - Báo cáo số 34/CĐNCN-BC ngày 05/11/2019 về việc thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội).*

*- Về việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức và người lao động*: Nhà trường đã thực hiện theo đúng quy định, hàng năm phòng TCHC gửi thông báo về việc đăng ký đào tạo bồi dưỡng đến các đơn vị. Căn cứ vào nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị, phòng TCHC Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm. Căn cứ các đợt học tập, nhà trường ra các quyết định cử cán bộ giáo viên tham gia. Kết thúc đợt học tập, cá nhân báo cáo lại nhà trường kết quả đào tạo (văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, báo cáo học tập...) *(MC 3.2.05 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2019,2020,2021; MC 3.2.06 - Các quyết định cử đi học tập , đào tạo, bồi dưỡng;MC 3.2.07 - Danh sách đào tạo bồi dưỡng các năm 2019,2020,2021;MC 3.2.08 - Báo cáo kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020,2021).*

Để đảm bảo việc đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý được công bằng khách quan. Nhà trường đã Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá thông qua việc bình Xét thi đua, phân loại CB-CNV hàng tháng, qua đó Xét tăng thu nhập thêm được quy định tại chương IX Nhận Xét đánh giá viên chức hàng năm trong Quy chế dân chủ và trong quy trình 57 của bộ 79 quy trìnhhệ thống ĐBCL *(-MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ - Quy chế dân chủ trong công tác tổ chức ;MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình)*.Việc đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý được thực hiện công khai, dân chủ, trên cơ sở xếp loại của các đơn vị *(MC 3.2.09 - Biên bản bình xét thi đua của các đơn vị năm 2019,2020,2021).*Phòng TCHC tổng hợp, rà soát, đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định về công tác thi đua khen thưởng trình Hội đồng xem xét quyết định theo từng tháng *(MC 3.2.10 - Tổng hợp kết quả bình xét thi đua hàng tháng năm 2019,2020,2021).*

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được công khai cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động được công khai | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.5 (%) | 7.1(%) | 90.4 (%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.6 (%) | 7.3 (%) | 90.2 (%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0.0(%) | 7.7(%) | 92.3 (%) |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Bên cạnh các mặt trên, nhà trường còn thực hiện tốt việc giải quyết các chế độ chính sách cho cán bộ, viên chức và người lao động. Hàng năm nhà trường giải quyết chế độ hưu trí cho cán bộ, giáo viên :

Năm 2019: 05 cán bộ, giáo viên

Năm 2020 : 01 giáo viên.

Năm 2021: 02 cán bộ, giáo viên

Giải quyết chế độ ốm đau thai sản cho cán bộ, giáo viên, người lao động đảm bảo kịp thời và đúng quy định. *(MC 3.2.11 - Các quyết định về việc nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;MC 3.2.12 - Danh sách hưu năm 2019,2020,2021; MC 3.2.13 - Danh sách duyệt hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau, thai sản năm 2019, 2020,2021).*

Nhà trường có báo cáo thể hiện kết quả của việc thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động và việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hàng năm. *(MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020,2021; MC 1.5.03 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021;MC 3.2.14 - Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động được hưởng chế độ chính sách theo quy định năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).*

Nhà trường thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.3:** *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.*

Đội ngũ nhà giáo của nhà trường tham gia giảng dạy 100% đạt chuẩn về trình độ được đào tạo và nghiệp vụ sư phạm ở các cấp trình độ đào tạo. Trong những năm qua, nhà trường chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo về tin học, ngoại ngữ và kỹ năng nghề đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Hiện nay, nhà trường có trên 140 nhà giáo (bao gồm nhà giáo cơ hữu và thỉnh giảng) tham gia giảng dạy các môn chuyên môn ngành, nghề đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH *(MC 3.3.01- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo 2019,2020,2021; MC 3.3.02 - Hồ sơ viên chức giáo viên 2019,2020,2021).*

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN trường được cấp phép đào tạo 16 nghề ở cấp trình độ cao đẳng nghề, 11 nghề ở trình độ trung cấp nghề và 27 nghề ở trình độ sơ *(MC 1.2.04-Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 05/05/2021 )*

Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo và nhà giáo kiêm nhiệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Năm* | *Số nhà giáo* | *Số nhà giáo kiêm nhiệm* | *Tổng số nhà giáo* |
| 2019 | 142 | 16 | 158 |
| 2020 | 129 | 16 | 145 |
| 2021 | 129 | 16 | 145 |

*(MC 3.3.01- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo 2019,2020,2021).*

Căn cứ vào Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH [Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN](http://tcdn.gov.vn/AIAdmin/AIDocs/View/tabid/90/DocID/661/Default.aspx),

Năm 2019: Tổng số nhà giáo toàn trường: 158 nhà giáo

Năm 2020: Tổng số nhà giáo toàn trường: 158 nhà giáo

Năm 2021: Tổng số nhà giáo toàn trường: 158 người

Năng lực chuyên môn của các nhà giáo:

- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 02 nhà giáo. Thạc sĩ: 95 nhà giáo; Đại học: 32 nhà giáo; Trình độ Cao đẳng và Trung cấp: không có.

- Trình độ ngoại ngữ, tin học , kỹ năng nghề: 100% đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn.

Hàng năm nhà trường có các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ viên chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề để đáp ứng yêu cầu của nhà trường trở thành trường chất lượng cao, đào tạo nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực và quốc gia.

Năm 2019: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo về nghiệp vụ sư phạm số lượng 30, Kỹ năng nghề (120), Tin học nâng cao (130), IC3(100), Thạc sĩ(30) , Tiếng Anh A2 (70), tổ chức thường Xuyên nâng cao chuẩn hoá (130), lý luận chính trị cao cấp (2), lý luận chính trị trung cấp hành chính (8) *(MC 3.3.03 - Kế hoạch số 02a/KH-CĐNCN ngày tháng 01 năm 2019)*.

Năm 2020: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo nâng cao về nghiệp vụ sư phạm số lượng 45, Kỹ năng nghề (130), Tin học nâng cao (70), IC3(150), Thạc sĩ(50) , tổ chức bồi dưỡng thường Xuyên, nâng cao chuẩn hoá (150), lý luận chính trị cao cấp (2), lý luận chính trị trung cấp hành chính (8) *(MC 3.3.04 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên trường CĐNCNHN năm 2020)*.

Năm 2021: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo nâng cao về Kỹ năng nghề (15), Tin học (20), Tiếng Anh A2 (20), An ninh quốc phòng (10), lý luận chính trị trung cấp (2) . Nhà trường đã đưa ra kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2020-2025 cho cán bộ , viên chức để đáp ứng sự phát triển của trường giai đoạn 2020-2025.*(MC 3.3.05 - Kế hoạch số 38/KH-CĐNCN ngày 30 tháng 9 năm 2020 đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức năm 2021 và giai đoạn 2021-2025)*. Nhà trường đã mở 3 lớp bồi dưỡng ngắn hạn về nhạy cảm giới cho giáo viên theo dự án “ Tự tin lập nghiệp” của tổ chức Plan Việt Nam( *MC 3.3.06 - Quyết định số 450/QĐ-CĐN ngày 19 tháng 10 năm 2021,MC 3.3.07 - Quyết định số 485/QĐ-CĐN ngày 26 tháng 10 năm 2021,Quyết định số 490/QĐ-CĐN ngày 28 tháng 10 năm 2021*). Ngoài ra nhà trường cử nhóm Giảng viên tham gia thí điểm mô hình E-learning trên Yes Academy ( *MC 3.3.08 - Quyết định số 603/QĐ-CĐN ngày 14 tháng 12 năm 2021*). Do dịch covid 19 diễn biến phức tạp, cán bộ giáo viên được tham gia các buổi hội thảo Online của Đan Mạch để tăng cường kỹ năng dạy và học trực tuyến và chuỗi hội thảo Online của Úc về chia sẻ phương pháp đào tạo trực tuyến/ kết hợp trong GDNN (*MC 3.3.09 - Thư mời, thông báo gửi qua Email*)

Nhà trường có đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.4 :***Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.*

Nhà trường căn cứ Nghị định số 71/1988/NĐ-CP, Nghị định số 43/NĐ – CP và thông tư số 172/2009/TT – BTC đã Xây dựng quy chế làm việc của Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội *(MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy chế dân chủ trong các hoạt động của trường CĐNCN Hà Nội)*.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động luôn thực hiện nhiệm vụ đúng theo quyền hạn, quy định, không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của nhà trường. Kết quả, trong các năm qua, Nhà trường không có cán bộ quản lý, viên chức và người lao động nào bị Xử lý vi phạm kỷ luật *(MC 3.4.01 - Quyết định công nhận danh hiệu thi đua năm 2019,2020,2021;MC 3.4.02 - MC 3.4.04 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá phân loại cán bộ quản lý, viên chức và người lao động năm 2019,2020,2021)*.

Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động theo các hướng dẫn hàng năm và quy trình đánh giá cán bộ của nhà trường.*(MC 3.4.03 -Phiếu đánh giá cán bộ viên chức và người lao động; MC 3.4.04 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá phân loại cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; MC 3.4.05 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020,2021; MC 1.5.03 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021).*

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.5:***Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.*

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi:

**Bảng tổng hợp số lượng giáo viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm học | **GV cơ hữu** | **GV kiêm nhiệm** | **GV thỉnh giảng** |
| 2018 - 2019 | 142 | 16 |  |
| 2019 - 2020 | 129 | 16 |  |
| 2020 - 2021 | 129 | 16 |  |

*(MC 3.3.01- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo 2019,2020,2021*

**Bảng Quy đổi giáo viên/HSSV**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số HSSV** | | | | | | **Số giáo viên** | **Số GV quy đổi** | **Tỉ lệ HSSV/GV** |
| Cao đẳng | | Trung cấp | | Tổng HSSV thực tế | Tổng HSSV quy đổi |
| Thực tế | Quy đổi | Thực tế | Quy đổi |
| 2018 - 2019 | 1826 |  | 1875 |  | 3701 |  |  |  |  |
| 2019 - 2020 | 2017 |  | 1285 |  | 3302 |  |  |  |  |
| 2020 - 2021 | 2265 |  | 821 |  | 3086 |  |  |  |  |

Như vậy, tỷ lệ HSSV/GV trong 3 năm đều < 25.

*(MC 3.5.01- Bảng thống kê số lượng HSSV năm 2019, 2020, 2021)*

Số nhà giáo có trình độ sau đại học (tính cả số nhà giáo kiêm nhiệm):

Năm 2019: Có 01 Tiến sĩ ; 100 Thạc sĩ

Năm 2020: Có 01 Tiến sĩ ; 90 Thạc sĩ

Năm 2021: Có 02 Tiến sĩ ; 95 Thạc sĩ

*(MC 3.3.04 - Hồ sơ quản lý nhà giáo).*

Trước mỗi học kỳ, năm học, nhà trường đều Xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng nghề, đảm bảo tất cả các môn học, mô đun đều có đủ giáo viên đứng lớp *(MC 2.5.01 - Kế hoạch đào tạo toàn khoá năm 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022; MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022 ; Thời khóa biểu )*

Kế hoạch giảng dạy được Xây dựng chi tiết đến từng môn học, mô-đun, có kế hoạch giáo viên và lịch giảng dạy cụ thể *(MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019,2019-2020,2020 – 2021; MC 1.1.16 -* [*http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)*).* Các lớp học lý thuyết, thực hành có số học sinh – sinh viên đảm bảo đúng quy định *(MC 3.5.02 - Danh sách học sinh sinh viên các lớp học năm học 2018-2019,2019-2020 ,2020 - 2021; MC 2.6.05 -Hồ sơ giảng dạy của giáo viên 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021- 2022)*.

Hoạt động thanh, kiểm tra, giám sát các hoạt động giảng dạy được nhà trường thực hiện thường Xuyên, liên tục. Các đơn vị giảng dạy đều có kế hoạch và thực hiện tự theo dõi, kiểm tra hoạt động giảng dạy hàng tháng (*MC 1.11.03 - Thông báo kiểm tra đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 -2021, 2021- 2022)*

Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.6:***Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Nhiệm vụ và Quyền hạn của giảng viên tham gia giảng dạy ở tất cả các môn học, mô-đun, thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.Trong mỗi chương trình đào tạo đều thể hiện rõ nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và các yêu cầu của chương trình đào tạo kèm theo quyết định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và sơ cấp theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun/tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi Xét công nhận tốt nghiệp” *(MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017; MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020; MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021; MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021).*

Trong 3 năm, trường có kế hoạch đào tạo cho từng nghề, tất cả các môn học, mô đun đều có đủ giáo viên đứng lớp. Căn cứ kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, quyết định phân công giáo viên giảng dạy, mỗi giáo viên đứng lớp đều đảm bảo đủ các hồ sơ chuyên môn theo quy định, gồm: lịch giảng dạy, giáo án, sổ tay giáo viên. Lịch giảng dạy, giáo án lên lớp của giáo viên đảm bảo đủ, đúng nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo có ký duyệt của lãnh đạo Khoa trước khi lên lớp *(MC 2.5.01 - Kế hoạch đào tạo toàn khoá năm 2019 -2020, 2020 - 2021, 2021 – 2022; MC 2.4.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022;MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html; MC 2.6.02 - Sổ lên lớp năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; MC 2.6.05 -Hồ sơ giảng dạy của giáo viên 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021- 2022).*

Để giám sát giáo viên thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo, kết thúc mỗi học kỳ, các khoa chuyên môn và nhà trường đều lên kế hoạch kiểm tra đào tạo từ cấp khoa đến cấp trường. *(MC 1.11.03 - Thông báo kiểm tra đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 -2021, 2021- 2022; ; MC 1.11.05 - Các Biên bản kiểm tra đào tạo năm 2019, 2020,2021;MC 3.6.01 - Tổng hợp khối lượng giảng dạy 2018-2019,2019-2020,2020-2021)*. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức dự giờ giáo viên đột Xuất vào bất kỳ thời điểm nào trong năm học để đánh giá chất lượng giảng dạy của mỗi giáo viên *(MC 1.11.06 - Các biên bản kiểm tra đào tạo đột xuất năm 2019,2020,2021)*

Hàng năm, vào dịp cuối năm nhà trường đều có kế hoạch tổ chức Hội nghị công chức, viên chức và người lao động để tiến hành rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa các hoạt động dạy nghề với mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề *(MC 3.6.02- Kế hoạch tổ chức Hội nghị công chức, viên chức và người lao động năm 2019,2020,2021).* Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát, đánh giá các hoạt động dạy nghề so với mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề của các Phòng, Khoa, Trung tâm trong nhà trường đã sử dụng các kết quả rà soát, đánh giá của các đơn vị để có những điều chỉnh đảm bảo sự phù hợp giữa các hoạt động dạy nghề với mục tiêu, nội dung chương trình dạy nghề*(MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị Công nhân viên chức năm 2019,2020,2021; MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm 2019,2020,2021)*

Đội ngũ nhà giáo nhà trường giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.7:***Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Nhà trường luôn chú trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tổ chức bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Do vậy, nhà trường có nhiều chính sách khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đổi mới phương pháp giảng dạy thông qua các quy định, quy chế được nhà trường Xây dựng (*MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy chế dân chủ trong công tác tổ chức)*

Hiệu trưởng Trường đã ban hành Quy định chế độ công tác của nhà giáo bao gồm các quy định cụ thể về thời gian học tập, tự bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học hàng năm của các nhà giáo trong trường; phương pháp quy đổi thời gian công tác sang học tập; khuyến khích nhà giáo tự học tập, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; Cho phép thanh toán các khoản chi phí theo công văn cử đi học, được hưởng nguyên lương và chế độ khen thưởng hiện hành; nhà giáo đi học tập dài hạn được hỗ trợ tiền mua tài liệu, tiền tàu Xe, trong thời gian học được hưởng lương và các chế độ theo quy định; nhà giáo tự Xin đi học tập, bồi dưỡng khi được nhà trường đồng ý thì được hưởng nguyên lương những ngày đi học; nhà giáo hoàn thành chương trình nghiên cứu sinh, cao học được hỗ trợ một phần học phí (*MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy chế chi tiêu nội bộ)*

Hàng năm, căn cứ kế hoạch học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ của giáo viên, lãnh đạo các đơn vị thực hiện tổng hợp và gửi phòng TCHC *(MC 3.7.01 - Tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo của các đơn vị năm 2019,2020,2021).* Trên cơ sở đó, căn cứ vào điều kiện thực tế, nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, Nhà trường xây dựng kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên *(MC 3.7.02 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020,2021; MC 3.7.03 - Các quyết định cử đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng; MC 3.7.04 - Danh sách đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021; MC 3.2.08 - Báo cáo kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020,2021)*.

Bên cạnh đó, thông qua hoạt động sinh hoạt chuyên môn tại các đơn vị nhằm trao đổi về chuyên môn nghề, phương pháp giảng dạy đã giúp giáo viên thực hiện tốt hơn nhiệm vụ giảng dạy của mình *(MC 3.7.05- Biên bản họp tổ chuyên môn).*

Để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, tạo điều kiện cho đội ngũ giáo viên được giao lưu, học hỏi kinh nghiệm giữa các phòng khoa trong nhà trường, với các trường trong Thành phố và toàn quốc, hàng năm nhà trường đều tổ chức hội giảng giáo viên cấp khoa và cử giáo viên tham gia các kỳ hội giảng các cấp. Các khoa lựa chọn giáo viên của đơn vị mình tham gia hội giảng cấp trường *.* Trên cơ sở đó lựa chọn các giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố và toàn quốc *(MC 3.7.06- Danh sách giáo viên tham gia hội giảng các cấp năm 2018-2019,2019-2020, 2020-2021; MC 3.7.07-Giấy khen Hội giảng các cấp*).

Hàng năm, nhà trường có tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo*(MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2018-2019,2019-2020,2020 - 2021; MC 3.7.08 - Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019, 2020,2021)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về chính sách biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của nhà trường:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 7.6 (%) | 91.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 5.2(%) | 94.3% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 1.1 (%) | 98.4% |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3. 8:** *Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.*

Hàng năm, nhà trường Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiêọ vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo *(MC 3.2.05 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2019,2020,2021).* Trên cơ sở đó, căn cứ vào điều kiện thực tế, nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, các chương trình/dự án của các cơ quan quản lý cấp trên nhà trường cử giáo viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy *( MC 3.8.01-Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019, 2020; MC 3.7.04 - Danh sách đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021).* Nhà trường tổ chức đào tạo bồi dưỡng kỹ năng nghề cho giáo viên theo đúng đối tượng, điều kiện , đúng quy định và bảo đảm nhà giáo được học tập bồi dưỡng;

Năm 2019: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo về nghiệp vụ sư phạm số lượng 30, Kỹ năng nghề (120), Tin học nâng cao (130), IC3(100), Thạc sĩ(30) , Tiếng Anh A2 (70), tổ chức thường Xuyên nâng cao chuẩn hoá (130), lý luận chính trị cao cấp (2), lý luận chính trị trung cấp hành chính (8).

Năm 2020: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo nâng cao về nghiệp vụ sư phạm số lượng 45, Kỹ năng nghề (130), Tin học nâng cao (70), IC3(150), Thạc sĩ(50) , tổ chức bồi dưỡng thường Xuyên, nâng cao chuẩn hoá (150), lý luận chính trị cao cấp (2), lý luận chính trị trung cấp hành chính (8).

Năm 2021: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo nâng cao về Kỹ năng nghề (15), Tin học (20), Tiếng Anh A2 (20), An ninh quốc phòng (10), lý luận chính trị trung cấp (2) . Nhà trường đã đưa ra kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2020-2025 cho cán bộ , viên chức để đáp ứng sự phát triển của trường giai đoạn 2020-2025.

(*MC 3.7.04- Danh sách đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021*)

Kết thúc các khóa đào tạo, bồi dưỡng, giáo viên có báo cáo kết quả về nhà trường*( MC 3.8.02 – Báo cáo kết quả khóa học tập, bồi dưỡng năm 2019, 2020,2021).*

Như vậy trường có kế hoạch và đã triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.8 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.9:***Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản Xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Trường đã ban hành Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo,theo quy định này: Thực hiện công tác giảng dạy là 32 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, 36 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp,. Nhà giáo phải thực tập tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn: 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, trung cấp. Học tập, bồi dưỡngchuẩn hoá, bồi dưỡng nâng cao , nghiên cứu khoa học: 08 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ cao đẳng, 04 tuần đối với nhà giáo dạy trình độ trung cấp..*(MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ -Quy định về chế độ công tác của nhà giáo trang 80-93).*

Hàng năm, nhà giáo của nhà trường thường Xuyên được bồi dưỡng, thực tập tại các doanh nghiệp để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản Xuất và quy định của Bộ Lao động – Thương binh &Xã hội. *(MC 3.3.01- Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo 2019,2020,2021;MC 3.9.01 - Bảng kê khai thời gian thực tập tại doanh nghiệp năm 2019-2020,2020 - 2021; MC 3.9.02- Báo cáo của nhà giáo sau khi đi thực tế tại doanh nghiệp năm học 2018-2019,2019-2020,2020 - 2021).*

Năm 2019: 100% nhà giáo được đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn

Năm 2020: 100% nhà giáo được đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn

Năm 2021: 100% nhà giáo được đào tạo bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của giáo viên cơ hữu về thực hiện bồi dưỡng cho giáo viên tại đơn vị sử dụng lao động của nhà trường cho thấy :

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Thầy/cô được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức được thực hiện đúng quy định | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2(%) | 4 (%) | 93.9(%) |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 5.2(%) | 91.2(%) |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 2.6(%) | 6.2 (%) | 97.3(%) |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Hàng năm nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.9 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.10:***Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.*

Hàng năm trường có các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo

Năm 2019: 100% nhà giáo được đào tạo bồi dưỡng

Năm 2020: 100% nhà giáo được đào tạo bồi dưỡng

Năm 2021 : 100% nhà giáo được đào tạo bồi dưỡng

Đồng thời thực hiện tổng kết đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo tại Hội nghị CBVC các năm 2019, 2020,2021. Công tác đào tạo giáo viên đạt hiệu quả và có những đóng góp nhất định cho sự phát triển của nhà trường *(MC 3.10.01 - Các báo cáo tổng kết công tác bồi dưỡng các năm 2019, 2020, 2021;MC 1.1.19 -Báo cáo Hội nghị CNVC năm* 2019,*2020;2021;MC 3.10.02 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021)*

Nhà trường tổ chức khảo sát để đánh giá hiệu quả công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Công tác đào tạo buổi dưỡng cán bộ giáo viên đã thực hiện hiệu quả | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1 (%) | 10.1(%) | 88.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 1 (%) | 7.3(%) | 91.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1(%) | 4.9 (%) | 94% |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo*.*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.10 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.11:** *Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.*

Ban Giám hiệu trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội hiện có 01 đồng chí Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

Ban Giám hiệu nhà trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng: có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, có tín nhiệm cao về chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khỏe và năng lực quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường; 02 đồng chí có trình độ Thạc sỹ với chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ đào tạo của nhà trường và đã được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý nhà trường; đủ thâm niên giảng dạy và thâm niên quản lý theo quy định *(MC 3.11.01 - Danh sách trích ngang Ban Giám Hiệu).* Cơ cấu BGH hợp lý, có sự phân công rõ ràng nhiệm vụ. *(MC 1.1.05 -Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội;MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ - Quy chế dân chủtrong các hoạt động trường; Phân công nhiệm vụ Ban giám hiệu).*

Ban Giám hiệu nhà trường thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý trường. Các đồng chí trong Ban Giám hiệu đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao đã đưa nhà trường phát triển mạnh trong những năm gần đây *(MC 3.11.02 - Nhận xét, đánh giá cán bộ hàng năm của Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng; MC 3.11.03 - Biên bản họp Đảng uỷ năm 2019,2020,2021)*. Các đồng chí Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng đều nêu cao tinh thần gương mẫu, làm tốt nhiệm vụ được giao, không có vi phạm về đạo đức, không bị kỷ luật, không có biểu hiện vi phạm quyền hạn, nhiều năm liên tục đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp và nhiều danh hiệu cao quý của Đảng và Nhà nước *(MC 3.11.04 - Quyết định khen thưởng năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021; MC 3.11.05 - Danh hiệu khen thưởng các cấp đối với các đồng chí trong BGH năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021;MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020;2021).*

Năm 2019:

Đồng chí Phạm Thị Hường: Được bình xét và khen thưởng là Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; được Trường Cao Đẳng nghề công nghiệp Hà Nội tặng giấy khen danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2018-2019, được chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố HN tặng bằng khen vì đã có thành tích trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ năm 2019.

Đồng chí Nguyễn Văn Huy: Được Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội tặng giấy khen hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019; Ban chấp hành Đảng bộ trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà nội tặng giấy khen Đảng viên hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2019;

Năm 2020: Được Chủ tịch UBND thành phố tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2020-2025.

Năm 2021: Đồng chí Phạm Thị Hường được thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao*.*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.11 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.12:***Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.*

Quy chế tổ chức, hoạt động của trườngphù hợp với quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH đối với trường cao đẳng; 47/2016/TT-BLĐTBXH đối với trường trung cấp *(MC 1.1.05 -Điều lệ trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội).*

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà nội hiện có 05 phòng chức năng, 07 khoa chuyên môn và 01 trung tâm, các đơn vị đều có cán bộ quản lý được bổ nhiệm cấp trưởng, phó với tổng số 26 đồng chí.Các cán bộ quản lý của nhà trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm đúng quy định *(MC 3.12.01 -Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường)*.

Tổng số cán bộ quản lý của trường được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại: Năm 2019 có 32 người; Năm 2020 có 32 người; Năm 2021 có 39 người *(MC 1.12.04 - Danh sách trích ngang của đội ngũ cán bộ quản lý)*

Nhà trường đã có Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường *(MC 3.12.02 -Quyết định số 01/QĐ-CĐNCN về việc ban hành Quy chế dân chủ* ); Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, cán bộ (*MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ- Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, cán bộ)*; Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường (*MC 3.12.03 -Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các đơn vị trong Nhà trường)* và quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp phòng trong quy trình số 9 của 79 quy trình trong hệ thống Đảm bảo chất lượng (*MC 3.12.04 -Quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp phòng)*

Hàng năm, trường tổ chức khảo sát nhà giáo,cán bộ quản lý về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý cho thấy:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý theo đúng quy định | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2 (%) | 78.1(%) | 89.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1 (%) | 7.3(%) | 90.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5(%) | 3.8 (%) | 95.6% |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021 ).*

Nhà trường thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường theo quy định*.*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.12 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.13:***Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường được cử đi học tập, bồi dưỡng đảm bảo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đều là Đảng viên và có trình độ từ Đại học trở lên, trong đó phần lớn có trình độ thạc sĩ và nhiều người có trình độ cao cấp lý luận chính trị.

Tổng số cán bộ quản lý của trường (Trưởng-Phó phòng/Khoa/Trung tâm): Năm 2019 là 32 người; năm 2020 là 32 người; năm 2021 là 39 người

*(MC 3.13.01 - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý năm 2019, 2020, 2021;MC 3.13.02-Hồ sơ cán bộ của Trưởng/Phó các đơn vị trong trường;MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2020; MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học 2019-2020;MC 3.13.03- Phiếu nhận Xét, đánh giá cán bộ hàng năm đối với cán bộ quản lý; MC 3.13.04-Kết quả thi đua khen thưởng hàng năm của cán bộ quản lý; - MC 3.13.05-Chứng chỉ Kế toán trưởng).*

Các cán bộ quản lý của trường thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Trong 3 năm 2019, 2020, 2021, 100% nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không có cá nhân vi phạm quy chế, nội quy của trường ( *MC 3.13.06-Công tác thi đua khen thưởng của BC Đại hội Công nhân Viên chức hàng năm*, *MC 3.13.06-Hồ sơ đánh giá Xếp loại lao động các năm 2019, 2020, 2021)*. Các cán bộ quản lý các phòng / khoa / trung tâm đã thực hiện tốt quyền hạn và nhiệm vụ được giao nên các tập thể và cá nhân đã đạt được các thành tích (*MC 3.13.07-Các Quyết định khen thưởng cho tập thể và cá nhân năm 2019, 2020, 2021).*

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.13 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.14:***Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.*

Hàng năm, nhà trường thường Xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý. Các cán bộ của nhà trường được cử đi dự các Hội thảo và tập huấn trong và ngoài nước về công tác quản lý *( MC 3.14.01- Kế hoạch cho đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng; MC 3.14.02-Quyết định về việc cử đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm học 2019-2020; MC 3.14.03-Báo cáo về việc đội ngũ, cán bộ quản lý đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2019, 2020,2021)*

Về Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý *(MC 3.14.04-Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, viên chức năm 2019, 2020, 2021)*

Về việc triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý của nhà trường

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Hàng năm nhà trường có kế hoạch công tác đào tạo buổi dưỡng cán bộ quản lý | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.5 (%) | 7.1(%) | 90.4% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.6 (%) | 7.3(%) | 90.2% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0(%) | 7.7 (%) | 92.3% |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019,2019-2020, 2020-2021).*

Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.14 :*1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3.15:** *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

**\* Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng**

Số lượng viên chức, người lao động của trường: Năm 2019: có 172 người; Năm 2020: có 167 người; Năm 2021:198 người (*– Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của nhà trường)*

**\*Đội ngũ viên chức, người lao động có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao.**

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 02 nhà giáo. Thạc sĩ:78 ; Đại học: 83; Trình độ Cao đẳng và Trung cấp: 11

Trình độ ngoại ngữ, tin học , kỹ năng nghề: 100% đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn.

Nhà trường có đội ngũ viên chức, người lao động đảm bảo đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng tốt công việc được giao và thường Xuyên được cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. *(MC 3.15.01-Danh sách trích ngang viên chức, người lao động của trường; MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020,2021; MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học 2018-2019,2019-2020, 2020-2021; MC 3.15.02- Kết quả đánh giá cán bộ, viên chức và người lao động; MC 3.7.04- Danh sách đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021; MC 3.14.02- Quyết định về việc cử đội ngũ cán bộ quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021; MC 3.14.03-Báo cáo về việc đội ngũ cán bộ quản lý đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm 2019, 2020,2021, )*

**\*Đội ngũ viên chức, người lao động của trường được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ hàng năm:**

Hàng năm, theo kế hoạch đội ngũ viên chức của trường đều được bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Năm 2019: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo về nghiệp vụ sư phạm số lượng 30, Kỹ năng nghề (120), Tin học nâng cao (130), IC3(100), Thạc sĩ(30) , Tiếng Anh A2 (70), tổ chức thường Xuyên nâng cao chuẩn hoá (130), lý luận chính trị cao cấp (2), lý luận chính trị trung cấp hành chính (8). Năm 2020: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo nâng cao về nghiệp vụ sư phạm số lượng 45, Kỹ năng nghề (130), Tin học nâng cao (70), IC3(150), Thạc sĩ(50) , tổ chức bồi dưỡng thường Xuyên, nâng cao chuẩn hoá (150), lý luận chính trị cao cấp (2), lý luận chính trị trung cấp hành chính (8).Năm 2021: Số lượng các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường được đào tạo nâng cao về Kỹ năng nghề (15), Tin học (20), Tiếng Anh A2 (20), An ninh quốc phòng (10), lý luận chính trị trung cấp (2) . Nhà trường đã đưa ra kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2020-2025 cho cán bộ , viên chức để đáp ứng sự phát triển của trường giai đoạn 2020-2025

(*MC 3.7.04- Danh sách đào tạo bồi dưỡng năm 2019, 2020, 2021*)

Căn cứ vào kết quả đánh giá phân loại viên chức và Xếp loại thi đua hàng năm. Trong Báo cáo của Hội nghị CBVC của 3 năm, “không năm nào có cán bộ viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường” *(MC 1.1.19 -Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2020).* Các phòng, khoa, trung tâm đã đạt được các thành tích:

- Năm 2019: Trường công nhận danh hiệu điển hình tiên tiến và người tốt việc tốt cấp trường: 5 chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 3 tập thể điển hình tiên tiến, 05 gương điển hình tiên tiến và 5 gương người tốt việc tốt. Khen thưởng đột xuất cho tập thể tổ môn Điện Lạnh – Khoa Điện – Điện tử, 5 cá nhân có thành tích trong năm học 2018-2019. Khen thưởng nhóm Giáo viên và học sinh sinh viên có thành tích trong kỳ thi tay nghề Thành phố Hà Nội năm 2019.

Được Uỷ ban nhân dan thành phố Hà Nội tặng:

Tặng cờ Đơn vị xuất sắc năm 2019

Tặng bằng khen bà Nguyễn Thị Hường có thành tích trong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ năm 2019

- Năm 2020: Nhà trường công nhận danh hiệu thi đua cho 5 tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 8 tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, 38 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 38 cá nhân là chiến sĩ thi đua. Công nhận danh hiệu điển hình tiên tiến và người tốt việc tốt cấp trường: 3 tập thể điển hình tiên tiến, 05 gương điển hình tiên tiến và 5 gương người tốt việc tốt...

Được Uỷ ban nhân dan thành phố Hà Nội tặng:

Tặng cờ Đơn vị xuất sắc năm 2020

Tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc năm 2020

Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc

Được Chủ tịch UNND thành phố Hà Nội: Khen thưởng Phòng Tổ chức hành chính, tặng bằng khen cho Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2015-2020

- Năm 2021: Nhà trường công nhận danh hiệu thi đua cho 5 tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 8 tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, 38 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 38 cá nhân là chiến sĩ thi đua. Công nhận danh hiệu điển hình tiên tiến và người tốt việc tốt cấp trường: 3 tập thể điển hình tiên tiến, 05 gương điển hình tiên tiến và 23 gương người tốt việc tốt

Được Uỷ ban nhân dan thành phố Hà Nội tặng:

Danh hiệu thi đua cho tập thể có thành tích xuất sắctrong phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ công tác năm học 2020-2021; Cờ Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua cho 01 tập thể, danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cho 03 tập thể .

Tặng bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021

(*MC 3.13.07-Các Quyết định khen thưởng cho tập thể và cá nhân năm 2019, 2020, 2021)*

Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của viên chức, người lao động về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý của nhà trường.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Viên chức, người lao động được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 7.6(%) | 91.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 1 (%) | 4.7(%) | 94.3% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1(%) | 2.7 (%) | 96.2% |

(*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường có đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ .

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.15 :*1 điểm***

#### 3.2.4. Tiêu chí 4:Chương trình, giáo trình

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:**

***Mở đầu:***

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội luôn quan tâm đến chương trình đào tạo để chương trình đào tạo phù hợp với sự phát triển và sự tiến bộ về Khoa học Công nghệ của các doanh nghiệp, của quốc gia và trên thế giới. Nhà trường đã tập trung nguồn lực để Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các chương trình dạy nghề của Trường theo đúng chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

***\**** *Những điểm mạnh:*

Nhà trường có đầy đủ các chương trình dạy nghề cho các nghề theo giấy đăng ký hoạt động GDNN và các nghề đang đào tạo. Tất cả các chương trình của trường hiện đang đào tạo được Xây dựng theo chương trình khung Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ban hành có điều chỉnh theo điều kiện cơ sở vật chất của trường cho phù hợp và đúng quy định.

Các chương trình đào tạo của trường có mục tiêu rõ ràng; có quy định cụ thể về chuẩn kiến thức, kỹ năng cần đạt được đối với người học; có quy định phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá kết quả học tập và được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; được cập nhật những thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến.

Nhà trường có đầy đủ tất cả các quy định về xây dựng, biên soạn, chỉnh sửa, thẩm định chương trình; rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình, giáo trình; biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình.

Quá trình tổ chức xây dựng, điều chỉnh chương trình đều có sự tham gia của nhiều giáo viên, cán bộ trong và ngoài trường, các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp.

Nhà trường có đủ sách chuyên môn, giáo trình, tài liệu cho các môn học mô đun đang đào tạo; có quy trình biên soạn, sử dụng giáo trình, bài giảng để các khoa chuyên môn chủ động thực hiện. Việc biên soạn giáo trình nội bộ của trường tuân thủ quy định đề ra.

Các giáo trình và tài liệu giảng dạy đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Định kỳ hàng năm đã tổ chức khảo sát ý kiến của giáo viên và HSSV về chất lượng giáo trình và mức độ tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực của giáo trình.

***\**** *Các điểm tồn tại:* không có

*- Kế hoạch:*

Nhà trường luôn mở rộng hơn nữa mối quan hệ với các doanh nghiệp như ASC Group, Tập đoàn Samsung, PLAN, Hyundai Thành công Việt nam.. tổ chức lấy ý kiến nhận Xét, góp ý về chương trình, giáo trình để bổ sung, chỉnh sửa một số chuẩn kiến thức, kỹ năng sát với thực tế sản Xuất hơn nữa.

Tiếp tục thực hiện và đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình của các khoa, đảm bảo phần lớn các môn học, mô đun chính đều có giáo trình do nhà trường biên soạn.

**Điểm đánh giá tiêu chí 4**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 4** | **15** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 |
| Tiêu chuẩn 13 | 1 |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 |
| Tiêu chuẩn 15 | 1 |

**Tiêu chuẩn 4.1:***Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.*

Năm 2019, Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đào tạo 16 nghề trình độ cao đẳng, 13 nghề trình độ trung cấp, 23 ngề trình độ sơ cấp

Năm 2021, Nhà trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đào tạo 16 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp, 27 nghề trình độ sơ cấp

***(****MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày05/05/2021*)

Các ngành nghề mà trường đăng ký hoạt động đào tạo bao gồm:

| **STT** | **Tên ngành/ nghề đăng ký đào tạo** | **Năm 2017** | | **Năm 2019** | | **Năm 2021** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CTĐT** | **CĐR** | **CTĐT** | **CĐR** | **CTĐT** | **CĐR** |
| **I** | **Cao đẳng** | **15 nghề** |  | **16 nghề** |  | **16 nghề** |  |
| **1** | Cắt gọt kim loại | X | X | X |  | X |  |
| **2** | Cơ điện tử | X | X | X |  | X |  |
| **3** | Công nghệ ô tô | X | X | X |  | X |  |
| **4** | Công nghệ kỹ thuật cơ khí |  |  |  |  | X | X |
| **5** | Công nghệ thông tin  ( Ứng dụng phần mềm) | X | X | X |  | X |  |
| **6** | Điện công nghiệp | X | X | X |  | X |  |
| **7** | Điện tử công nghiệp | X | X | X |  | X |  |
| **8** | Điện tử dân dụng | X | X | X |  | X |  |
| **9** | Hàn | X | X | X |  | X |  |
| **10** | Kế toán doanh nghiệp | X | X | X |  | X |  |
| **11** | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | X | X | X |  | X |  |
| **12** | Quản trị mạng máy tính | X | X | X |  | X |  |
| **13** | Thương mại điện tử |  |  | X |  | X |  |
| **14** | Thiết kế đồ họa | X | X | X |  | X |  |
| **15** | Tự động hóa công nghiệp |  |  | X |  | X |  |
| **16** | Nguội chế tạo | X | X | X |  |  |  |
| **17** | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh | X | X |  |  |  |  |
| **18** | Lắp đặt thiết bị lạnh | X | X | X |  | X |  |
| **II** | **Trung cấp** | 10 nghề |  | 13 nghề |  | 11 nghề |  |
| **1** | Cắt gọt kim loại | X | X | X |  | X |  |
| **2** | Công nghệ ô tô | X | X | X |  | X |  |
| **3** | Công nghệ thông tin  ( Ứng dụng phần mềm) |  | X | X |  | X |  |
| **4** | Điện công nghiệp | X | X | X |  | X |  |
| **5** | Điện dân dụng | X | X | X |  | X |  |
| **6** | Hàn | X | X | X |  | X |  |
| **7** | Kế toán doanh nghiệp | X | X | X |  | X |  |
| **8** | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | X | X | X |  | X |  |
| **9** | Thương mại điện tử |  |  | X |  | X |  |
| **10** | Thiết kế đồ họa | X | X | X |  | X |  |
| **11** | Chăm sóc sắc đẹp |  |  |  |  | X | X |
| **12** | Kỹ thuật chăm sóc tóc |  |  |  |  | X | X |
| **13** | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | X |  | X |  |  |  |
| **14** | Tin học văn phòng | X |  | X |  |  |  |
| **15** | Tin học ứng dụng |  |  | X |  |  |  |
| **III** | **Sơ cấp** |  |  | 23 nghề |  | 27 nghề |  |
| **1** | Quản trị mạng máy tính |  |  | X |  | X |  |
| **2** | Thiết kế tạo mẫu tóc |  |  |  |  | X |  |
| **3** | Trang điểm thẩm mỹ |  |  |  |  | X |  |
| **4** | Vẽ móng nghệ thuật |  |  |  |  | X |  |
| **5** | Chăm sóc da |  |  |  |  | X |  |
| **6** | Điện lạnh |  |  | X |  | X |  |
| **7** | Hàn điện |  |  | X |  | X |  |
| **8** | Hàn hơi và inoX |  |  | X |  | X |  |
| **9** | Kế toán máy |  |  | X |  | X |  |
| **10** | Kế toán tổng hợp trong doanh nghiệp |  |  | X |  | X |  |
| **11** | Lắp đặt và sửa chữa điện nước |  |  | X |  | X |  |
| **12** | Phay CNC |  |  | X |  | X |  |
| **13** | Phay vạn năng |  |  | X |  | X |  |
| **14** | Sơn ô tô |  |  | X |  | X |  |
| **15** | Sửa chữa điện công nghiệp |  |  | X |  | X |  |
| **16** | Sửa chữa điện dân dụng |  |  | X |  | X |  |
| **17** | Sửa chữa điện thân Xe và hệ thống điều hòa không khí trên ô tô |  |  | X |  | X |  |
| **18** | Sửa chữa điện thoại di động |  |  | X |  | X |  |
| **19** | Sửa chữa điện tử dân dụng |  |  | X |  | X |  |
| **20** | Sửa chữa đồng hồ đo thời gian |  |  | X |  | X |  |
| **21** | Sửa chữa hệ thống treo – lái – phanh ô tô |  |  | X |  | X |  |
| **22** | Sửa chữa khung, vỏ ô tô |  |  | X |  | X |  |
| **23** | Thiết kế đồ họa – đồ họa 2D |  |  | X |  | X |  |
| **24** | Thiết kế đồ họa – Thiết kế giao diện website |  |  | X |  | X |  |
| **25** | Tiện CNC |  |  | X |  | X |  |
| **26** | Tiện vạn năng |  |  | X |  | X |  |
| **27** | Tin học văn phòng – Office nâng cao |  |  | X |  | X |  |
| **IV** | **Liên thông** | 9 nghề |  | 9 nghề |  | 8 nghề |  |
| **1** | Điện công nghiệp | X |  | X |  |  |  |
| **2** | Kĩ thuật máy lạnh và điều hoà không khí | X |  | X |  | X |  |
| **3** | Kế toán doanh nghiệp | X |  | X |  | X |  |
| **4** | Cắt gọt kim loại | X |  | X |  | X |  |
| **5** | Hàn | X |  | X |  | X |  |
| **6** | Công nghệ thông tin ( Ứng dụng phần mềm) |  |  |  |  | X |  |
| **7** | Thiết kế đồ hoạ |  |  |  |  | X |  |
| **8** | Công nghệ ô tô | X |  | X |  | X |  |
| **9** | Điện tử dân dụng | X |  | X |  |  |  |
| **10** | Điện tử công nghiệp | X |  | X |  |  |  |
| **11** | Điện dân dụng | X |  | X |  |  |  |
| **12** | Điện công nghiệp |  |  |  |  |  |  |

Năm 2017, Nhà trường đã Xây dựng và ban hành 13 chương trình đào tạo cao đẳng, 11 chương trình đào tạo trung cấp, 09 chương trình đào tạo liên thông và đã ban hành chuẩn đầu ra của các nghề này tại Quyết định 325/ QĐ–CĐNCN ngày 01/09/2017 (*MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017).*

Năm 2019, Nhà trường đã Xây dựng 1 chương trình đào tạo cao đẳng, 1 chương trình đào tạo trung cấp, 23 chương trình đào tạo sơ cấp và đã ban hành chuẩn đầu ra của các nghề cao đẳng, trung cấp tại Quyết định 632/QĐ – CĐNCN ngày 24/12/2018 (*MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019).*

Năm 2020, Nhà trường đã Xây dựng 3 chương trình cao đẳng chất lượng cao, 1 chương trình cao đẳng, 2 chương trình trung cấp, 4 chương trình sơ cấp và ban hành chuẩn đầu ra của các nghề cao đẳng, trung cấp (*MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020).*

Năm 2021,Nhà trường đã Xây dựng, chỉnh sửa 14 chương trình đào tạo cao đẳng, 9 chương trình trung cấp, 27 chương trình sơ cấp và ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 100% các nghề được đào tạo (*MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021*).

100% các chương trình đào tạo đều được nhà trường tổ chức Xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định.

**Điểm đánh giá tiêu chuẩn 4.1: *1điểm***

**Tiêu chuẩn 4.2:** *100% chương trình đào tạo được Xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.*

100% chương trình đào tạo được Xây dựng cho các nghề theo giấy đăng ký hoạt động GDNN và tất cả đều được ban hành theo đúng quy định ***(****MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày05/05/2021****)*.**

Nhà trường đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quy trình 14 – Quy trình xây dựng chương trình đào tạo, quy trình 15 – Quy trình bổ sung chỉnh sửa chương trình đào tạo (*MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 14,15).* Cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo *(MC 4.2.01 - Các kế hoạch Xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019, 2020, 2021)*

- Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo *(MC 4.2.02- Các kế hoạch Xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019,2020,2021)*

- Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đúng theo quy định như: Xây dựng chương trình đào tạo; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo; Xin ý kiến chuyên gia là giáo viên, giảng viên có cùng nghề, nghề đào tạo về dự thảo CTĐT; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo *(MC 4.2.03 - Hồ sơ Xây dựng, chỉnh sửa các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp các năm 2019,2020, 2021*).

- Thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và tổ chức thẩm định theo quy định *( MC 4.2.04 - Các quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp 2019,2020,2021; MC 4.2.05 - Hồ sơ thẩm định các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019,2020,2021*).

- Phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp và liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng *(MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017, MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019, MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020 , MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021)*

**Điểm đánh giá tiêu chuẩn 4.2: *1điểm***

**Tiêu chuẩn 4.3:***Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.*

Trong tất cả các chương trình đào tạo của trường, ngoài các Thông tin chung về chương trình đào tạo (Tên nghề, mã nghề, trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo), đều được bố cục theo 4 nội dung:

(1) Mục tiêu đào tạo: Thể hiện các nội dung: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể (Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm... ) và vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

(2) Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học: Thể hiện số lượng mô đun/môn hoc, số lượng tín chỉ, số giờ học các môn học chung và mô đun/môn học chuyên ngành, số lượng giờ lý thuyết, thực hành, thực tập, kiểm tra của toàn bộ chương trình đào tạo

(3) Nội dung chương trình: Thể hiện nội dung tổng quát của tất cả các mô đun/môn học và nội dung chi tiết của từng mô đun/môn học.

(4) Hướng dẫn sử dụng chương trình: Hướng dẫn phân bổ các mô đun/môn học qua các học kỳ để đảm bảo tiến độ hợp lý, phù hợp với các điều kiện tiên quyết của các mô đun/môn học, đảm bảo sự tiếp thu của người học một cách logic và hiệu quả; hướng dẫn các nội dung ngoại khóa; hướng dẫn thi kiểm tra kết thúc mô đun/ môn học.

Năm 2017, Nhà trường ban hành Quyết định số 325/QĐ–CĐNCN ngày 01/09/2017 về Ban hành chuẩn đầu ra của các nghề đào tạo trong trường. Vì vậy các chương trình đào tạo được Xây dựng, điều chỉnh điều chỉnh, bổ sung dựa trên cơ sở của chuẩn đầu ra đã được ban hành *(MC 2.1.01 - Quyết định 325/QĐ–CĐNCN ngày 01/09/2017 về việc Ban hành chuẩn đầu ra các nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp)*

Năm 2018, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra của các nghề cao đẳng, trung cấp tại Quyết định 632/QĐ – CĐNCN ngày 24/12/2018 (*MC 2.1.03 - Quyết định 632/QĐ–CĐNCN ngày 24/12/2018 về việc Ban hành chuẩn đầu ra các nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp).*

Năm 2020, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra của các nghề cao đẳng, trung cấp (*MC 2.1.06 -Quyết định 484/QĐ – CĐNCN ngày 06/11/2019 về việc Ban hành chuẩn đầu ra các nghề đào tạo hệ chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp).*

Năm 2021,nhà trường ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của 100% các nghề được đào tạo (*MC2.1.10 -Quyết định số 303/QĐ – CĐNCN ngày 19/07/2021 về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các nghề trường được cấp phép đào tạo)*

Trong chương trình đào tạo chi tiết của các mô đun/môn học đều thể hiện rõ mục tiêu của từng mô đun/môn học, mục tiêu cụ thể của từng chương/bài cả về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi kết thúc chương/bài và mô đun/môn học đó.

Năm 2017, Bộ Lao động Thương binh – Xã hội đã ban hành *Thông tư 09/2017 của Bộ Lao động Thương Binh Xã hội về Ban hành quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp*. Căn cứ vào Thông tư này, Nhà trường đã quy định phương pháp đánh giá kết quả học tập, Xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học Xong các mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo trong Quyết định số 477/QĐ – CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các Quy định, Quy chế trong đào tạo nghề của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội*(MC 2.2.01 - Quyết định số 477/QĐ – CĐNCNHN ngày 28/11/2017 về việc ban hành các Quy định, Quy chế trong đào tạo nghề của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội)*

Từ đó, trong chương trình đào tạo chi tiết của các mô đun/môn học cũng quy định rõ nội dung và phương pháp đánh giá đối với mô đun/môn học cụ thể. Nội dung đánh giá bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học; Phương pháp đánh giá quy định các bài kiểm tra thường Xuyên, kiểm tra định kỳ và kiểm tra kết thúc mô đun/môn học đối với cả phần lý thuyết (với các hình thức kiểm tra vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm) và thực hành kỹ năng nghề nghiệp (đối với các môn học chuyên môn nghiệp vụ) *(MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017; MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020, MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021; MC 2.4.05 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.4:** *Chương trình đào tạo được Xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Nhà trường đã tổ chức Xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo theo quy trình 14 – Quy trình Xây dựng chương trình đào tạo, quy trình 15 – Quy trình bổ sung chỉnh sửa chương trình đào tạo (*MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 14,15).*

Trường liên kết với nhiều doanh nghiệp trên địa bàn để phối hợp đào tạo, là địa điểm để HSSV thực tập, Nhà giáo tham gia thực tế để nâng cao trình độ kỹ năng nghề cũng như kinh nghiệm quản lý. Để học sinh sinh viên của trường ngày càng đáp ứng hơn nữa nhu cầu của thị trường lao động, Nhà trường mời các chuyên gia, nhà quản lý sử dụng lao động tham gia với trường trong công tác Xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo. Trong quá trình biên soạn, hội thảo, thẩm định CTĐT các nghề, trường mời các đối tượng sau:

- Chuyên gia Vụ kỹ năng nghề - TCGDNN : Ths Nguyến Đình Sơn, Ths Trương Thị Ngọc Hồi,...

- Chuyên viên Vụ nhà giáo –TCGDNN: Ths Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Ths Phạm Duy,...

- Chuyên gia đến từ các cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sư phạm kĩ thuật Hưng Yên, Trường Đại Học kinh doanh và công nghệ, Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Cao, ...

- Chuyên gia đến từ Viện khoa học GDNN: TS Nguyễn Đức Hỗ

- Chuyên gia đến từ Sở Lao động thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội: Ths Nguyễn Hoàng Quân

- Đại diện các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn: Công ty Cổ phần ADT quốc tế, Công ty Cổ phẩn Licogi12.6, Công ty Cổ phần Bình Minh, Công ty Cổ phần Xây lắp PEICO, Công ty TNHH Cơ – Điện lạnh và Thương mại An Phát, Công ty Cổ phần Kỹ thuật ô tô DISA...

Đây là những chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm quản lý và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của trường ***(****MC 4.4.01 - Thư mời các chuyên gia ngoài trường tham Ban chủ nhiệm Xây dựng CTĐT và Hội đồng thẩm định CTĐT của trường qua năm 2019,2020,2021; MC 4.4.02 - Các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021; MC 4.2.04 - Các quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp 2019,2020,2021; MC 4.4.02 - Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.5:***Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.*

Nhà trường với mục tiêu phấn đấu năm 2025 trở thành “ Trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững”. Đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động là phương châm hoạt động của trường, trong đó, Nhà trường Xác định việc Xây dựng các chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động là hết sức cần thiết.

Chu kỳ rà soát chương trình chi tiết môn học/mô đun là một năm, quy trình rà soát chương trình dạy nghề là 3 năm được rà soát, tổ chức đánh giá lại để điều chỉnh, cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo, với thực tiễn thay đổi của thị trường lao động.  *(MC 4.5.01 - Các biên bản họp tổ môn, khoa chuyên môn về xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021)*

Trước tình hình thực tế về Chiến lược phát triển kinh tế Xã hội của Thủ đô Hà Nội nói riêng, của các tỉnh lân cận trong Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ, của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ nói chung, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ 4.0, Trường đã Xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 -2020, tầm nhìn 2030 *(MC 1.1.11 - Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn 2030).*

Năm 2019, nhà trường đã mở thêm ngành mới: Thương mại điện tử, bao gồm 1 chương trình đào tạo bậc Cao đẳng và 1 chương trình đào tạo bậc Trung cấp.

Năm 2020, nhà trường Xây dựng tiếp chương trình đào tạo cao đẳng nghề Công nghệ kĩ thuật cơ khí, 2 chương trình đào tạo bậc trung cấp: Chăm sóc sắc đẹp, Kỹ thuật chăm sóc tóc và 4 chương trình đào tạo bậc sơ cấp:Thiết kế tạo mẫu tóc, Trang điểm thẩm mỹ, Vẽ móng nghệ thuật, Chăm sóc da. Năm 2021 đã được cấp phép đào tạo các ngành nghề này, để nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học và của các doanh nghiệp.

Trong các chương trình đào tạo, tỷ lệ số giờ học thực hành/tổng số giờ của chương trình của trường khá cao, trên 70% ở tất cả các chương trình. Năm 2021, tỷ lệ số giờ thực hành trong tổng thời lượng đào tạo của các CTĐT: Quản trị mạng là 70.8%, Điện công nghiệp là 71.1%, Điện tử dân dụng là 73.1% và Công nghệ ô tô là 70.9%, ...) trong khi CTĐT năm 2017 các tỷ lệ này lần lượt là: 65.6%, 70.8%, 73.5%, và 71.9%,... Thực tế này giúp cho sinh viên tiếp cận với thực tế nhiều hơn, việc đào tạo đảm bảo tính thực tiễn cao hơn và sinh viên ra trường đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động.

Trong quá trình đào tạo, Trường thường xuyên cập nhật sự thay đổi của thị trường lao động đối với các chương trình đào tạo của trường thông qua việc tổ chức các buổi hội thảo về CTĐT, khảo sát, lấy ý kiến đối với các chương trình đào tạo của trường, nhà trường cũng tiến hành khảo sát sinh viên tốt nghiệp đã đi làm về tính thực tiễn của chương trình đào tạo nhằm có kế hoạch điều chỉnh bổ sung chương trình cho phù hợp với nhu cầu của thực tiễn *(MC 4.5.02 - Hồ sơ khảo sát học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp,MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017; MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC 2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020, MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021, MC 4.2.01 - Các kế hoạch Xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019, 2020, 2021; MC 4.4.02 - Các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021; MC 4.2.04 - Các quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp 2019,2020,2021; MC 4.4.02 - Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021)*

Vinfast là một tập đoàn lớn và Nhà trường cũng đã Xây dựng và thẩm định Xây dựng chương trình đào tạo song hành cùng Vinfast với 2 ngành nghề: Công nghệ ô tô và Cơ điện tử; với 50% học tập tại trường theo chương trình của nhà trường và 50% học tập tại Vinfast ( *MC 4.5.03 -Quyết định thành lập tổ biên soạn chương trình chất lượng cao trình độ song hành cùng Vinfast năm 2020, MC 4.5.04 -Quyết định 183/QĐ-CĐNCN ngày 21/6/2021 về ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao đào tạo song hành cùng Vinfast)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.6:***Chương trình đào tạo được Xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.*

Các chương trình đào tạo của trường đều có cấu trúc theo các nhóm kiến thức: Kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cơ sở nghề và kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Vì thế, việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ khác trong hệ thống giáo dục quốc dân là khá thuận lợi và khả thi: Liên thông ngang và liên thông dọc.

Đối với liên thông ngang: Chương trình đào tạo của trường được phân định rõ: (1) Những môn học cơ bản (6 môn học) áp dụng cho tất cả các ngành, nghề đào tạo trình độ Cao đẳng; (2) Những môn học cơ sở ngành và cơ sở chuyên ngành áp dụng cho những nhóm nghề về kinh tế và du lịch; (3) Những môn học chuyên môn nghiệp vụ. Như vậy, người học có thể sử dụng kết quả học tập đối với những môn học/mô đun, tín chỉ đã được học để được miễn học và chỉ tiếp tục học thêm những những môn học/mô đun, tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo liên thông.

Liên thông dọc giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân là liên thông từ trình độ Cao đẳng lên trình độ Đại học chuyên ngành hoặc chuyên ngành gần, để đảm bảo phương châm “học suốt đời” cho người học. Năm 2017**,** Quyết định 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học đã được ban hành. Trong đó quy định điều kiện được tổ chức đào tạo liên thông của các Trường Đại học.

Theo đó, Nhà trường đã có công văn gửi Trường Đại học giao thông vận tải về việc đào tạo liên thông giữa các nghề trình độ cao đẳng của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội với bậc Đại học. Trường Đại Học Giao thông vận tải đã cùng trường cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội ký kết thoả thuận hợp tác đào tạo các ngành: Công nghệ thông tin, Điện – Điện tử, Tự động hoá, Cơ điện tử, .... của Đại học giao thông vận tải.

Trường Đại học Giao thông vận tải cũng đã thông báo tuyển sinh liên thông, Sinh viên có thể nghiên cứu để lựa chọn việc học liên thông để tiếp tục con đường học vấn cho mình.

*(MC 4.6.01 -Công văn số 138/ CĐNCN – ĐT ngày 18/06/2020 về việc phối hợp tuyển sinh liên thông Đại học cho sinh viên trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội; MC 4.6.02 -Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội và trường Đại học Giao thông vận tải; MC 4.6.03 -Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông lên trình độ đại học của Trường Đại học Giao thông vận tải)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.7:***Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.*

Trường coi trọng việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật chương trình đào tạo của trường. Việc rà soát, điều chỉnh chương trình tập trung vào các nội dung: (1) Thêm các môn học/mô đun do đòi hỏi của thực tế, do áp dụng những tiến bộ khoa học mới; (2) Thay đổi thời lượng của một số môn học/mô đun theo yêu cầu của thực tế hoặc quy định của nhà nước; (3) Lược bớt các môn học/mô đun không còn phù hợp hoặc có nội dung trùng lắp với các môn học khác.

Trường cũng đã ban hành Quy trình điều chỉnh CTĐT, gồm 3 bước:

(1) Chuẩn bị: Điều tra khảo sát các đối tượng, tổng và phân tích kết quả điều tra, điều chỉnh, Xét duyệt nội dung điều chỉnh

(2) Điều chỉnh chương trình đào tạo: Dự thảo nội dung điều chỉnh: Mục tiêu, chuẩn đầu ra, các khối kiến thức, danh mục mô đun môn học, đề cương chi tiết các mô đun môn học (nếu có).

(3) Hoàn thiện chương trình đào tạo: Thẩm định CTĐT điều chỉnh, hoàn thiện CTĐT điều chỉnh và ban hành CTĐT điều chỉnh.

*(MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình – Quy trình 14,15)*

Năm 2017, trường đã ban hành 13 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và 11 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 9 chương trình trung cấp

Năm 2019, nhà trường đã mở thêm ngành mới: Thương mại điện tử, bao gồm 1 chương trình đào tạo bậc Cao đẳng và 1 chương trình đào tạo bậc Trung cấp.

Năm 2020, nhà trường Xây dựng tiếp chương trình đào tạo cao đẳng nghề Công nghệ kĩ thuật cơ khí, 2 chương trình đào tạo bậc trung cấp: Chăm sóc sắc đẹp, Kỹ thuật chăm sóc tóc và 4 chương trình đào tạo bậc sơ cấp:Thiết kế tạo mẫu tóc, Trang điểm thẩm mỹ, Vẽ móng nghệ thuật, Chăm sóc da. Và năm 2021 đã được cấp phép đào tạo các ngành nghề này, để nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học và của các doanh nghiệp.

Năm 2021, Nhà trường rà soát, chỉnh sửa lại 14 chương trình cao đẳng, 9 chương trình trung cấp, 27 chương trình sơ cấp, và 8 chương trình liên thông

(*MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017;MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; -MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020, MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021;MC 4.2.01 - Các kế hoạch Xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019, 2020, 2021)*

Tất cả sự thay đổi này được tiến hành theo quy trình điều chỉnh chương trình đào tạo, được điều chỉnh trong chương trình tổng thể và điều chỉnh chương trình môn học của các môn liên quan, sau đó được thẩm định, ra quyết định điều chỉnh chương trình và ban hành chương trình đào tạo mới (*MC 4.2.01 - Các kế hoạch xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019, 2020, 2021;MC 4.4.02 - Các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021; MC 4.2.04 - Các quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp 2019,2020,2021; MC 4.4.02 - Các biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019,2020,2021;MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017;MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020, MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021)*

Như vậy, trường đã đảm bảo ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo mà Nhà trường đã ban hành.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.7 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.8:***Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.*

Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh đối với chương trình đào tạo đã ban hành*.*

Trong nội dung điều cập nhật và điều chỉnh chương trình luôn quan tâm tới những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo và tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài mà nhà trường có được chuyển giao của như Úc, Đức và những nội dung đã làm việc với một số tổ chức quốc tế *(Các chương trình tham khảo của nước ngoài)*.

Căn cứ vào khối lượng cần điều chỉnh các bộ môn, các khoa quyết định điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc đề nghị nhà trường thẩm định và ra quyết định điều chỉnh theo quy định ***(****MC 4.8.01 - Các biên bản họp tổ, khoa chuyên môn về chỉnh sửa chương trình đào tạo****).***

Năm 2017, trường đã ban hành 13 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và 11 chương trình đào tạo trình độ trung cấp, 9 chương trình trung cấp

Năm 2019, nhà trường đã mở thêm ngành mới: Thương mại điện tử, bao gồm 1 chương trình đào tạo bậc Cao đẳng và 1 chương trình đào tạo bậc Trung cấp.

Năm 2020, nhà trường Xây dựng tiếp chương trình đào tạo cao đẳng nghề Công nghệ kĩ thuật cơ khí, 2 chương trình đào tạo bậc trung cấp: Chăm sóc sắc đẹp, Kỹ thuật chăm sóc tóc và 4 chương trình đào tạo bậc sơ cấp:Thiết kế tạo mẫu tóc, Trang điểm thẩm mỹ, Vẽ móng nghệ thuật, Chăm sóc da. Năm 2021 đã được cấp phép đào tạo các ngành nghề này, để nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học và của các doanh nghiệp.

Năm 2021, Nhà trường rà soát, chỉnh sửa lại 14 chương trình cao đẳng, 9 chương trình trung cấp, 27 chương trình sơ cấp, và 8 chương trình liên thông

(*MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017;MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019;MC MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020, MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021, MC2.1.09 -MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021;MC 4.2.01 - Các kế hoạch Xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp các năm 2019, 2020, 2021)*

Xét riêng năm 2020, nhà trường đã tiến hành chỉnh sửa và ban hành các chương trình chất lượng cao đào tạo song hành với Vinfast, đào tạo theo chương trình chất lượng cao của Đức***(****MC 4.5.04 -Quyết định 183/QĐ-CĐNCN ngày 21/6/2021 về ban hành chương trình đào tạo chất lượng cao đào tạo song hành cùng Vinfast ; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020( gồm 3 chương trình chất lượng cao)****)***

Vậy khi chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, Nhà trường có tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.8 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.9:***Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.*

Thực hiện đúng theo Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH về quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp và quy định về đào tạo liên thông trong bộ các quy định, quy chế đào tạo trong trường CĐN Công nghiệp Hà Nội, trước khi tổ chức đào tạo liên thông, phòng đào tạo và QL HSSV căn cứ chương trình đào tạo, bảng điểm của HSSV, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để thông báo cho HSSV, đến các Khoa chuyên môn đảm bảo quyền lợi của người học. ***(****MC 2.3.12- Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020,2021;MC 4.9.01 - Các Thông báo các môn học/mô đun cần bổ sung đối với sinh viên liên thông)*

Việc tổ chức liên thông tại nhà trường được tiến hành theo hình thức lớp ghép với các bảng điểm học bổ sung riêng biệt *(MC 4.9.02 - Phiếu điểm học tập của sinh viên liên thông)*.

Như vậy việc đào tạo liên thông hoàn toàn đúng với quy định đề ra.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.9 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.10:***Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký GDNN của trường được cấp, nhà trường hiện có 16 CTĐT cao đẳng, 11 CTĐT trung cấp, 27 CTĐT sơ cấp, các mô đun /môn học của từng chương trình đào tạo của trường đều có đủ giáo trình đào tạo. (Để đảm bảo tính liên thông dọc, các giáo trình của CTĐT cao đẳng, trung cấp và sơ cấp cho 1 nghề đào tạo trường cho phép được dùng chung)

Toàn bộ giáo trình của trường bao gồm 3 loại: (1) Giáo trình dùng chung cho tất cả các chương trình đào tạo của trường: Bao gồm 6 môn học chung; (2) Giáo trình dùng chung cho một số chương trình đào tạo: Bao gồm một số môn học cơ sở và các môn học chuyên ngành và (3) Giáo trình dùng riêng cho các chương trình đào tạo: đây là các mô đun nghiệp vụ đặc thù của các nghề.

Nhà trường đã có đầy đủ các giáo trình giảng dạy theo chương trình đào tạo trường đã ban hành.Năm 2019, Nhà trường đã ban hành giáo trình nội bộ để sử dụng giảng dạy các ngành nghề đã đào tạo. Năm 2020, Nhà trường ban hành ......giáo trình đào tạo.

(*MC 1.2.04 - Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 05/05/2021; MC 4.10.01 - Quyết định 474 ngày 30/10/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ; MC 4.10.02 - Quyết định 345 ngày 30/09/2020 về ban hành giáo trình đào tạo năm 2020; MC 4.10.03 - Bảng thống kê giáo trình toàn trường các năm 2019, 2020, 2021; MC 4.10.04 - Bản in giáo trình toàn trường các năm 2019, 2020)*

Với các môn học chung, Trường sử dụng toàn bộ giáo trình do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành ***(****MC 4.10.05 - Danh sách giáo trình các môn học chung****)****.* Riêng môn Tiếng Anh do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội chỉ ban hành khung trình độ, khoa Lý thuyết cơ bản, bộ môn tiếng Anh đã chủ động Xây dựng chương trình chi tiết và đề Xuất lựa chọn giáo trình ***(*** *MC 4.10.06 - Đề Xuất của khoa Lý thuyết cơ bản và phê duyệt của Hiệu trưởng****)***.

Thực hiện quy định đó các khoa, bộ môn chuyên môn đã nghiêm túc cân nhắc, lựa chọn giáo trình cho từng mô đun/môn học trước khi đề Xuất với hiệu trưởng sử dụng làm tài liệu giảng dạy chính( *MC 4.10.07 - Đề Xuất của khoa Lý thuyết cơ bản và phê duyệt của Hiệu trưởng; MC 4.10.08 - Họp Hội đồng thống nhất sử dụng giáo trình, bài giảng vào giảng dạy)*

Như vậy có thể khẳng định nhà trường có đầy đủ giáo trình cho từng môn học/mô đun cho các chương trình dạy nghề.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.10 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.11:***100% giáo trình đào tạo được Xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.*

Hệ thống Giáo trình cho tất cả các nghề được đào tạo tại trường được sử dụng từ 2 nguồn:

(1) Trường lựa chọn các giáo trình đã được Bộ LĐTBXH, Tổng cục GDNN, của các Nhà Xuất bản, hoặc các Trường khác đã ban hành.

(2) Trường tổ chức họp hội đồng và thống nhất sử dụng bài giảng của giáo viên đưa vào giảng dạy.

Việc biên soạn, lựa chọn hoặc điều chỉnh bổ sung giáo trình được thực hiện theo các Quy trình trong hệ thống bảo đảm chất lượng của trường, trong đó, quy trình16 và 17 (QT16 và QT 17) là Quy trình biên soạn giáo trình và Quy trình bổ sung chỉnh sửa giáo trình. Các quy trình này phù hợp với Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1/3/2017 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội đã ban hành *(MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình – Quy trình 16,17)*

Quy trình biên soạn/điều chỉnh bổ sung giáo trình bao gồm 4 bước: (1) Chuẩn bị: Xác định nhu cầu; đăng ký; QĐ thành lập ban biên soạn/điều chỉnh; (2) Triển khai Biên soạn/điều chỉnh giáo trình: Biên soạn, Hội thảo nghiệm thu cấp khoa; (3) Thẩm định và hoàn thiện: Thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định, hoàn thiện giáo trình và (4) Ban hành giáo trình và đưa vào sử dụng.

*(MC 4.11.01 - Các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm 2019,2020; MC 4.11.02 - Các quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp 2019,2020; MC 4.11.03 - Các biên bản thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019,2020; MC 4.11.04 - Quyết định số 464 ngày 18/10/2019 về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình ; MC 4.11.05 - Quyết định số 248 ngày 05/08/2020 về việc thành lập hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo; MC 4.11.06- Quyết định số 474 ngày 30/10/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ; MC 4.11.07- Quyết định số 345 ngày 30/09/2020 về ban hành giáo trình đào tạo năm 2020; MC 4.11.08- Danh mục giáo trình của trường các năm 2019, 2020; MC 4.11.09- Bản in giáo trình của toàn trường năm 2019, 2020)*

100% giáo trình đào tạo của trường được Xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.11: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.12:***Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.*

100 % giáo trình đào tạo của nhà trường được Xây dựng hoặc lựa chọn theo đúng quy định trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo đã Xây dựng để làm tài liệu giảng dạy chính thức (*MC 1.2.04 -Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 05/05/2021; MC 4.12.01- Danh mục giáo trình của trường các năm 2019, 2020*). Cấu trúc giáo trình thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô đun. Nội dung của giáo trình môn học, mô đun bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc môn học, mô đun trong chương trình đào tạo (*MC 4.12.01- Danh mục giáo trình của trường các năm 2019, 2020;MC 4.13.01- Hình ảnh các giáo trình được lưu giữ tại Thư viện*).

Hằng năm, Nhà trường tiến hành khảo sát đối với nhà giáo giảng dạy, nội dung câu hỏi “*Giáo trình đang giảng dạy tại trường đáp ứng được với chương trình đào tạo, đáp ứng được thực tiễn thị trường lao động”* đều được nhà giáo đánh giá cao, hầu hết đạt tốt và rất tốt. *(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Các giáo trình của trường biên soạn hoặc các giáo trình trường lựa chọn do Bộ LĐTBXH ban hành đều thể hiện được mục tiêu của giáo trình và mục tiêu của từng chương, bài phù hợp với mục tiêu trong chương trình môn học đã Xác định trong chương trình đào tạo để đạt được chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo. Những giáo trình lựa chọn nếu không phù hợp hoàn toàn với Đề cương chi tiết của mô đun/môn học thì Nhà giáo soạn thêm Đề cương bài giảng kèm theo đề tích hợp giữa yêu cầu của Đề cương chi tiết với kiến thức, kỹ năng trong giáo trình (*MC 4.11.03 - Các biên bản thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019,2020; MC 4.11.06- Quyết định số 474 ngày 30/10/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ; MC 4.11.07- Quyết định số 345 ngày 30/09/2020 về ban hành giáo trình đào tạo năm 2020; Quyết định ban hành;MC 4.11.08- Danh mục giáo trình của trường các năm 2019, 2020; MC 4.12.01- Danh mục giáo trình của trường các năm 2019, 2020; MC 4.11.09- Bản in giáo trình của toàn trường năm 2019, 2020)*

Như vậy, giáo trình của trường đã cụ thể hóa được các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.12 : *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.13:***Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Phương pháp dạy học tích cực được nhà trường quan tâm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực chủ yếu được thể hiện trong Giáo án của giảng viên và việc thực hiện giảng dạy trên lớp. Giáo trình sẽ tạo điều kiện để tích cực hóa học tập của sinh viên tại lớp và khi sinh viên tự học. Cụ thể:

- Đối với các giáo trình các môn học chung, các môn học cơ sở ngành được thể hiện những bài tập tình huống, những mô hình, bảng so sánh, các câu hỏi và bài tập ở cuối mỗi chương/bài trong giáo trình,… mà người học đòi hỏi phải có sự tư duy, tích cực để tiếp nhận kiến thức, đào sâu kiến thức để hoàn thành môn học.

- Đối với các giáo trình chuyên môn nghiệp vụ: Các quy trình nghề nghiệp được thể hiện qua các sơ đồ, hình vẽ trong giáo trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Giảng viên hướng dẫn và sinh viên có thể tương tác, kết nối trong dạy và học, sinh viên có thể tự học một cách hiệu quả. Giáo trình được thực hiện triển khai theo phương pháp tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành giúp cho sinh viên dễ nắm bắt, thực hiện đúng quy trình và nhớ được quy trình thực hiện các thao tác chuyên môn nghiệp vụ

*(MC 4.11.03 - Các biên bản thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019,2020; MC 4.11.06- Quyết định số 474 ngày 30/10/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ; MC 4.11.07- Quyết định số 345 ngày 30/09/2020 về ban hành giáo trình đào tạo năm 2020; MC 4.11.08- Danh mục giáo trình của trường các năm 2019, 2020)*

Hằng năm, trường tổ chức khảo sát người học và nhà giáo về việc “Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực”, hầu hết đánh giá tốt và rất tốt theo tiêu chí này.

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021, MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.13: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.14:***Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Để nâng cao chất lượng giáo trình của Trường đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học, hàng năm, Nhà trường tiến hành thu thập những nhận xét đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo mức độ đáp ứng của giáo trình đối với yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học. Để thu thập ý kiến đóng góp về chất lượng giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học, trường đã lập kế hoạch khảo sát, thiết kế phiếu khảo sát, tiến hành khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý đối với giáo trình của tất cả các chương trình đào tạo.

Việc thiết kế mẫu phiếu khảo sát được thống nhất trong toàn trường cho từng đối tượng khác nhau đối với các mặt hoạt động của trường. Nội dung khảo sát giáo trình được thực hiện với các nội dung và các đối tượng như sau:

1. Giáo trình tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy tích cực: Thực hiện khảo sát đối với Nhà giáo và HSSV
2. Mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo với thực tế công nghệ sản Xuất kinh doanh dịch vụ: Thực hiện khảo sát Nhà giáo, Cán bộ quản lý, Đơn vị sử dụng lao động, Cựu sinh viên và HSSV
3. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun/môn học trong chương trình đào tạo: Khảo sát Nhà giáo

*(MC 2.6.05 -Hồ sơ giảng dạy của giáo viên 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021- 2022; MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021, MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Kết quả khảo sát thu thập ý kiến các đối tượng về giáo trình đào tạo là một trong những căn cứ để các khoa chuyên môn tổ chức thảo luận và đề Xuất việc rà soát, biên soạn mới/chỉnh sửa các giáo trình.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung khảo sát** | **Đối tượng khảo sát** | | | | |
| **Nhà giáo** | **CB quản lý** | **Đơn vị SD LĐ** | **Cựu sinh viên** | **Sinh viên** |
| 1 | Cung cấp đủ giáo trình các môn học/mô đun |  |  |  |  | X |
| 2 | Giáo trình đang giảng dạy tại trường đáp ứng được với chương trình đào tạo, đáp ứng được thực tiễn thị trường lao động. | X | X |  | X | X |
| 3 | Mức độ phù hợp giữa công việc và chuyên môn đào tạo |  |  | X |  |  |

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.14: *1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4.15:***Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định*

Năm 2017 Trường đã ban hành 13 CTĐT trình độ cao đẳng và 11 CTĐT trình độ trung cấp, năm 2018 trường giữ nguyên CTĐT và giáo trình của năm 2017.

Năm 2019, nhà trường đã mở thêm ngành mới: Thương mại điện tử, bao gồm 1 chương trình đào tạo bậc Cao đẳng và 1 chương trình đào tạo bậc Trung cấp.

Năm 2020, nhà trường Xây dựng tiếp chương trình đào tạo cao đẳng nghề Công nghệ kĩ thuật cơ khí, 2 chương trình đào tạo bậc trung cấp: Chăm sóc sắc đẹp, Kỹ thuật chăm sóc tóc và 4 chương trình đào tạo bậc sơ cấp:Thiết kế tạo mẫu tóc, Trang điểm thẩm mỹ, Vẽ móng nghệ thuật, Chăm sóc da. Năm 2021 đã được cấp phép đào tạo các ngành nghề này, để nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người học và của các doanh nghiệp.

*(MC 4.11.03 - Các biên bản thẩm định giáo trình đào tạo năm 2019,2020; MC 4.11.06- Quyết định số 474 ngày 30/10/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ; MC 4.11.07- Quyết định số 345 ngày 30/09/2020 về ban hành giáo trình đào tạo năm 2020; MC 4.11.08- Danh mục giáo trình của trường các năm 2019, 2020; MC 4.15.01 - Các CTĐT có điều chỉnh qua các năm và Giáo trình kèm theo thể hiện cập nhật theo CTĐT thay đổi)*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.15: *1 điểm***

#### 3.2.5. Tiêu chí 5:Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:**

***Mở đầu:***

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội có mặt bằng tổng thể với tổng diện tích là 112.004,2 m2 (Cơ sở1:131 Thái thịnh, Đống Đa, Hà Nội; Cơ sở 2: thôn Phùng Khoang, Xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội; trong đó cơ sở 1: 131 Thái thịnh, Đống đa, Hà nội: diện tích các hạng mục đã Xây dựng là 18.486 m2, diện tích cây Xanh, lưu không là 4.202 m2 )

Trường có đầy đủ hệ thống các phòng học lý thuyết, Xưởng thực hành, phòng học chuyên môn và hệ thống các công trình phụ trợ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, rèn luyện thể chất của giáo viên và HSSV.

Nhà trường đảm bảo việc cung cấp điện 24/24 giờ cho mọi hoạt động sinh hoạt, giảng dạy với trạm biến áp công suất 560KVA.Trường có hệ thống nước sạch đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho từng khu vực, từng nhà, từng Xưởng trong toàn trường. Do vị thế địa lý, trường nằm trên vị trí đất tốt cộng với việc thiết kế mặt bằng và thiết kế hệ thống thoát nước hợp lý nên trường không bị ngập nước do mưa lớn nhờ nền đất cao ráo, Xung quanh có hệ thống thoát nước của thành phố nên nước nhanh chóng thoát khỏi khuôn viên trường.

Các khu làm việc và giảng đường bao gồm các phòng làm việc Ban Giám hiệu, các phòng khoa, có trang bị hệ thống mạng Lan và mạng Internet; Khu thể thao và các dịch vụ: nhà ăn, sân chơi phục vụ cho giáo dục thể chất; Khu vực cây Xanh và đường không lưu có diện tích 4.202 m2 chiếm 18,5% diện tích toàn trường thường Xuyên được trồng cây và chăm sóc cảnh quan, bóng mát.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư trang thiết bị có chất lượng cao để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hầu hết máy móc, thiết bị đúng chủng loại, có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khoẻ cho người vận hành, đáp ứng và phù hợp với các nghề mà nhà trường đang đào tạo.

Nhà trường có đủ hệ thống kho tại chỗ để lưu trữ vật tư, dụng cụ thực hành cho các khoa.

***\**** *Những điểm mạnh:*

- Trường có quy hoạch khuôn viên hợp lý, cảnh quan môi trường đẹp, phù hợp với một cơ sở đào tạo GDNN;

- Hạ tầng kỹ thuật của trường theo quy chuẩn, đáp ứng nhu cầu đào tạo.

- Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành.

***\**** *Các điểm tồn tại:* không có

**Điểm đánh giá tiêu chí 5**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| **Tiêu chí 5** | **15** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 |
| Tiêu chuẩn 13 | 1 |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 |
| Tiêu chuẩn 15 | 1 |

**Tiêu chuẩn 5.1:** *Địa điểm Xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất Xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các Xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại, thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung học công nghiệp Hà Nội theo Quyết định số 1984/QĐ-BLĐTBXH ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ lao động Thương binh và Xã hội

*(MC 1.1.02 - Quyết định thành lập trường số 1984/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006; MC 1.1.01 - Đề án nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề )*.

Trường có 02 cơ sở đào tạo, cơ sở 1 nằm tại 131 Thái Thịnh, phường Thịnh Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội; Cơ sở 2 tại thôn Phùng Khoang, Xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội *(MC 5.1.01 - Bản đồ nội thành Hà Nội; MC 5.1.02 - Quyết định công nhận quyền sử dụng đất 2 cơ sở)*

Nhà trường được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ –TTg về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “ Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025”

Nhà trường đã căn cứ cơ sở pháp lý để xây dụng Quy hoạch phát triển trường cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội bao gồm: Quyết định số 121/QĐ –TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 – 2020, Quyết định số 3724/QĐ – UBND ngày 17/8/2012 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực của thành phố Hà Nội giai đoạn 2011 – 2020, xét đên 2025. Từ đó, có thể thấy vị trí của trường phù hợp với Quy hoạch phát triển khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo đến năm 2020, xét đến năm 2025 của thành phố Hà Nội tại mục 4.1. Giải pháp phát triển đào tạo;

Điểm a. Đối với cơ sở dạy nghề

+ Phát triển mạnh mẽ hệ thống giáo dục dạy nghề, tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dạy nghề; đồng thời, tập trung dạy nghề chất lượng cao, đột phá các ngành nghề kinh tế mũi nhọn, các lĩnh vực quan trọng của Thành phố như du lịch, thương mại, vận tải- kho bãi, điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, cơ khí điện tử ...

+ Xây dựng trường đào tạo nghề mới ở các huyện, trường dạy nghề, nâng cấp, mở rộng quy mô đào tạo của các cơ sở dạy nghề.

Căn cứ vào Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9210:2012 – Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế, mục 4.9 quy định “Khu đất Xây dựng trường phải được bảo vệ bằng hàng rào. Chiều cao của hàng rào không nhỏ hơn 1,5m. Vật liệu làm hàng rào tùy theo điều kiện của từng địa điểm Xây dựng nhưng phải đảm bảo yêu cầu bảo vệ và mỹ quan” có thể thấy cả 02 cơ sở của trường được Xây dựng ở khu vực đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập: Cơ sở 1 có bờ tường rào sắt bảo vệ, Xây gạch chân tường, cao 2,2m, có 02 cổng ra vào. (*MC 5.1.03 - Bộ ảnh chụp cảnh quan trường).*

Cơ sở 2 có 02 cổng, mặt tiền là hàng rào sắt, xung quanh là tường bao cao 3m. Xung quanh hai cơ sơ là khu dân cư, không có cơ sở sản xuất tư nhân hay công trường xây dựng gây ra tiếng ồn, ảnh hưởng đến học tập.

Cả 02 cơ sở của trường đều được Xây ở những vị trí giao thông thuận tiện và an toàn. Trường có vị trí giao thông thuận tiện tạo điều kiện đi lại dễ dàng cho cán bộ, HSSV.

- Cơ sở 1: Tại số 131 Thái Thịnh thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa thành phố Hà Nội có hệ thống giao thông thuận lợi kết nối với các tuyến chính nội thành, đường Thái Thịnh có điểm đầu giao với đường Láng Hạ đây là trục đường chính nối với đường Lê Văn Lương và tuyến đường vành đai 3 trên cao đi các tỉnh phía Bắc và phía Nam, điểm cuối giao với trục đường Tây Sơn nối với đường Nguyễn Trãi đi các tỉnh phía Tây Bắc. Có hệ thống Xe bus thuận tiện các Xe số 18, 51 chạy qua cổng trường; các Xe số 12, 26, 35 tại đường Thái Hà; số 18, 22, 51 chạy đường Láng Hạ.

- Cơ sở 2: tiếp giáp với đường Trung Văn được kết nối với đường Tố Hữu kết nối đường trên cao vành đai 3 và đi Hà Đông rất thuận tiện. Có hệ thống Xe bus số 22, 29, 60 chạy qua cổng trường.

Cả 02 địa điểm của trường đều thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước. Hệ thống cung cấp điện.Hiện mọi hoạt động của nhà trường đều diễn ra tại cơ sở 1.Theo các hồ sơ thiết kế hệ thống điện, nước ở cơ sở 1 được thiết kế hoàn chỉnh đồng bộ. Nguồn điện của nhà trường được cung cấp theo Hợp đồng ký với Công ty Điện lực Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hệ thống điện nội bộ của nhà trường gồm 01 trạm biến áp 560KVA, hệ thống điện 3 pha cung cấp cho các nhà Xưởng, mỗi khu nhà đều có hệ thống aptômát, cầu dao đảm bảo an toàn của hệ thống điện. Nhà trường có 02 máy phát điện công suất 50 KVA dự phòng để đảm bảo các hoạt động khi mất điện.

*(MC 5.1.04 - Thiết kế bản vẽ thi công cải tạo kiến trúc trạm biến áp 560KVA-22 (10)/0,4KV năm 2012; MC 5.1.05 - Hồ sơ thiết kế điện nhà học lý thuyết 4 tầng.)*

Về hệ thống cung cấp nước: Hệ thống nước sạch của nhà trường được cung cấp từ Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đống Đa thuộc Công ty kinh doanh nước sạch Hà Nội nên đảm bảo về an toàn vệ sinh. Trường có 03 bể nước ngầm dự trữ, đặc biệt nhà trường đã đầu tư Xây dựng 01 Trạm lọc nước tinh khiết công suất 1m3/h có thể sử dụng trực tiếp. Hệ thống nước sạch được dẫn tới tất cả các phòng, lớp học đáp ứng đầy đủ nhu cầu của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên nhà trường. *(MC 5.1.06 - Sơ đồ cấp thoát nước nhà học lý thuyết tầng 4 nhà B)*

Theo thống kê của phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án, đo trên Google Map, 02 cơ sở của trường đều đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh đối với các Xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại theo quy định về quy hoạch Xây dựng, được nêu trong Bảng 1 của TCVN 9210:2012 – Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế, cụ thể:

Cơ sở 1: Trong bán kính 1000 m không có các công ty, Xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại, gần trường có Bệnh viện Nội tiết trung ương nhưng chỉ là khu khám bệnh ban đầu không có khu điều trị. Công ty Toyota Láng Hạ là khu văn phòng và cho thuê nên không ảnh hưởng tới nhà trường. Phần giáp đường Thái Thịnh là cổng ra vào và khu để Xe của cán bộ, giáo viên, có tường bao nên không gây ảnh hưởng tới việc giảng dạy và học tập

Cơ sở 2: Các phần tiếp giáp đều là các khu dân cư, phần tiếp giáp với Viện Sốt rét và Côn trùng là cơ quan nghiên cứu khoa học, trong khoảng cách 1000 m không có các công ty, Xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại

Như vậy, trong vòng bán kính 2 km không có nhà máy, Xí nghiệp nào thải ra chất độc hại gây ảnh hưởng đến trường.

*(MC 5.1.01 - Bản đồ nội thành Hà Nội; MC 5.1.07 - Hồ sơ thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng 2 cơ sở)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học;cán bộ, giáo viên, người lao động về địa điểm Xây dựng của nhà trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp.Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*( MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Các khu giảng đường, Xưởng thực tập, khu giáo dục thể chất và sinh hoạt trong trường đảm có chỉ dẫn, đường đi thuận tiện, được cung cấp điện, nước đáp ứng nhu cầu sử dụng và hệ thống hạ tầng được bảo trì bảo dưỡng theo quy định. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1.0 (%) | 4.0 (%) | 94.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 1.0 (%) | 4.1 (%) | 94.8% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 6.6 (%) | 93.4% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.1 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.2:** *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây Xanh đảm bảo theo quy định.*

Nhà trường có mặt bằng tổng thể được quy hoạch hợp lý phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đào tạo, đảm bảo yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc cảnh quan, khoảng cách và các giải pháp ngăn cách hợp lý các công trình Xây dựng trong và ngoài khuôn viên.

1. ***Cơ sở vật chất tại cơ sở 1:***Đặt tại số 131 đường Thái Thịnh – Quận Đống Đa – Hà Nội có diện tích đất là 22.688 m2

**+** *Phía Tây, phía Bắc, phía Nam:* phía nam giáp Trường PTCS Thái Thịnh, phía tây giáp Tòa nhà Công ty TNHH Toyota Láng Hạ, Bệnh viện Nội tiết và phía bắc giáp khu tập thể Ngân hàng, toàn bộ Xung quanh nhà trường được Xây tường bao cao 2,2m

**+** *Phía Đông:* giáp đường Thái Thịnh

Tại cơ sở 1 có 04 hạng mục công trình chia làm 4 khu: Khu Hiệu bộ, khu phòng học lý thuyết, khu Xưởng thực hành, khu phục vụ và các công trình khác

*\* Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:*

|  |  |
| --- | --- |
| + Diện tích khu xây dựng công trình | 22.688m­­2 |
| + Diện tích thảm cỏ, cây xanh | 4.202 m2 |
| + Diện tích xây dựng | 18.486m2 |
| + Diện tích sàn | 22.688m2 |
| + Mật độ xây dựng | 81,5% |
| + Cấp công trình | Cấp II |
| + Bậc chịu lửa | Bậc II |

*b. Cơ sở vật chất tại cơ sở 2:* Đặt tại thôn Phùng Khoang, Xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

*+ Phía Bắc:* Giáp với khu đất cửa Viện sốt rét ký sinh trùng

*+Phía Đông:* Giáp với khu tập thể H26 Bộ công an

*+ Phía Đông Nam:* Giáp đường Trung Văn

*+ Phía Tây Nam:* Giáp trường trung cấp y tế Đặng Văn Ngữ

Các cơ sở vật chất tại cơ sở 2: bao gồm các hạng mục công trình (dự kiến)

*a) Khu học tập và làm việc:*

|  |  |
| --- | --- |
| + Diện tích khu đất Xây dựng công trình: | 1.616,2 m2 |
| + Diện tích Xây dựng | 248,8 m2 |
| + Diện tích đất Xây dựng công trình | 1367,4 m2 |
| + Diện tích sàn tầng hầm (1 tầng) | 627 m2 |
| + Mật độ Xây dựng | 45.8% |
| + Hệ số sử dụng đất | 3.02 lần |
| + Tầng cao công trình | 7 tầng |

*(Hồ sơ thiết kế cơ sở 2)*

Các khối công trình được qui hoạch thành các khu vực chức năng riêng biệt, khoảng cách các khu chức năng phù hợp với yêu cầu Xây dựng và công năng sử dụng đặc thù. Giữa các khu bố trí đất hành lang giao thông, đất hạ tầng kỹ thuật và khuôn viên cây Xanh hợp lý*.* Với bề dày lịch sử gần 50 năm hình thành và phát triển, nên khuôn viên nhà trường có rất nhiều cây cổ thụ lâu năm, tỏa bóng rợp mát Xuống sân trường. Các khu vực chức năng được Xác định qui mô và bố trí, thiết kế hợp lý tạo ra kiến trúc cảnh quan đẹp, thoáng mát tự nhiên, kho vật tư được bố trí tại các khoa và các Xưởng thực hành nên rất thuận tiện cho việc học tập, khu Hành chính cách khu giảng đường tối thiểu 30m, khu Xưởng thực hành và khu giảng đường lý thuyết cách nhau 80m. Các khu vực chức năng được liên kết chặt chẽ bằng mạng lưới giao thông nội bộ thuận tiện cho việc đi lại và học tập

\* Đánh giá diện tích đất sử dụng, diện tích cây Xanh tại cơ sở 1 của trường:

Cơ sở 1: Mật độ xây dựng: 18.486m2 ( chiếm 81,5%). Diện tích trồng cây xanh: 4.202 m2 ( chiếm 18,5%)

*(MC 5.2.01 - Bản đồ hiện trạng sử dựng đất 2 cơ sở; MC 5.2.02 - Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất Trường CĐN Công nghiệp Hà Nội; MC 5.2.03 –Bản trích đồ địa chính; MC 5.1.03 - Bộ ảnh chụp cảnh quan trường; MC 5.2.04 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công nâng cấp và mở rộng Trường THCN Hà Nội hạng mục nhà học lý thuyết 4 tầng (Nhà B), nhà làm việc 2 tầng, nhà Xưởng thực hành, hàng rào sân thể thao, tôn cao mặt bể phốt;MC 5.2.05 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công nâng cấp và mở rộng Trường THCN Hà Nội hạng mục nhà học lý thuyết 4 tầng; MC 5.2.06 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công nâng cấp và mở rọng trường Trung học Công nghiệp Hà Nội; MC 5.2.07 - Hồ sơ hoàn công công trình nâng cấp mở rộng trường Trung học Công nghiệp Hà Nội – Gói thầu số 2; MC 5.2.08 - Hồ sơ bản vẽ hoàn công thi công hố móng buồng chà)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học;cán bộ, giáo viên, người lao động về quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Khu vực học tập yên tĩnh, mặt bằng khuôn viên hợp lý, có đủ khu vực phục vụ hoạt động giảng dạy | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 11.1 (%) | 88.9% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 16.5 (%) | 83.5% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.9 (%) | 98.1% |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Các khu giảng đường, Xưởng thực tập, khu giáo dục thể chất và sinh hoạt trong trường đảm có chỉ dẫn, đường đi thuận tiện, được cung cấp điện, nước đáp ứng nhu cầu sử dụng và hệ thống hạ tầng được bảo trì bảo dưỡng theo quy định. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1.0 (%) | 4.0 (%) | 94.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 1.0 (%) | 4.1 (%) | 94.8% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 6.6 (%) | 93.4% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.2: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.3:** *Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (Xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.*

Nhà trường có đủ khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn. Cụ thể: Hiện tại trường có đủ diện tích lớp học, phòng thí nghiệm cần thiết, trang thiết bị phù hợp yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo và NCKH của giáo viên và sinh viên

***a. Cơ sở vật chất tại cơ sở 1:***Đặt tại số 131 đường Thái Thịnh – Quận Đống Đa – Hà Nội. Sử dụng làm khu học tập của học sinh, sinh viên; làm việc của cán bộ giáo viên và bồi dưỡng liên kết, có diện tích đất là 22.688 m2

Tại cơ sở 1 có 04 hạng mục công trình chia làm 4 khu: Khu Hiệu bộ, khu phòng học lý thuyết, khu Xưởng thực hành, khu phục vụ và các công trình khác cụ thể:

*\* Chức năng công trình:*

Phòng học lý thuyết 4 tầng (nhà B); nhà làm việc 2 tầng (nhà A); nhà Xưởng thực hành (nhà E1,E2,E3,E4); nhà Xưởng 1 tầng (F); nhà 5 tầng nhà thường trực; nhà để Xe; trạm biến áp; hàng rào sân thể thao; cải tạo nhà biến áp; cải tạo đường nội bộ; nhà Xưởng thực hành lớp học 5 tầng; nhà thường trực; nhà để Xe; trạm biến áp; sân thể dục thể thao; bể nước...do Công ty tư vấn Đại học Xây dựng (số 55, đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng) lập 2003 đã được Ban Quản lý dự án Sở Lao động TB&XH thành phố Hà Nội phê duyệt. Các khối công trình chức năng theo yêu cầu trường nghề bao gồm: Khu nhà làm việc, hiệu bộ (2.190m2); Khu giảng đường học lý thuyết gồm 31 phòng học (2592 m2); Hệ thống Xưởng thực hành 71 phòng (11.654m2); Thư viện (120m2); Hội trường 300 chỗ và 120 chỗ ( 850m2); Trạm y tế (60 m2); Sân thể dục thể thao (1000 m2); Sân đường nội bộ 5.818m2, cây Xanh (7.535m2); Nhà kho chung (100m2); Công trình vệ sinh khu hiệu bộ và khu giảng đường đảm bảo phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường.Tất cả đều có khu vệ sinh riêng biệt và được khai thác đúng công năng, hiệu quả. Trường có hệ thống mạng LAN, kết nối internet wifi tới tất cả các phòng khoa để phục vụ cho nhu cầu giảng dạy và học tập.*(MC 5.3.01 - Hợp đồng mua bán và lắp đặt Internet)*

Các công trình có đầy đủ hồ sơ Xây dựng, thiết kế và đáp ứng được nhu cầu hoạt động của Trường theo quy định. *( MC 5.2.01 - Bản đồ hiện trạng sử dựng đất 2 cơ sở; MC 5.2.02 - Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất Trường CĐN Công nghiệp Hà Nội; MC 5.1.02 - Quyết định công nhận quyền sử dụng đất 2 cơ sở; MC 5.1.03 - Bộ ảnh chụp cảnh quan trường; MC 5.2.04 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công nâng cấp và mở rộng Trường THCN Hà Nội hạng mục nhà học lý thuyết 4 tầng (Nhà B), nhà làm việc 2 tầng, nhà Xưởng thực hành, hàng rào sân thể thao, tôn cao mặt bể phốt;MC 5.2.05 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công nâng cấp và mở rộng Trường THCN Hà Nội hạng mục nhà học lý thuyết 4 tầng; MC 5.2.06 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công nâng cấp và mở rọng trường Trung học Công nghiệp Hà Nội; MC 5.2.07 - Hồ sơ hoàn công công trình nâng cấp mở rộng trường Trung học Công nghiệp Hà Nội – Gói thầu số 2; MC 5.2.08 - Hồ sơ bản vẽ hoàn công thi công hố móng buồng chà;MC 5.3.02- Hồ sơ quyết toán công trình cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thực hành sơn thân vỏ ô tô; MC 5.3.03- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thực hành sơn thân vỏ ô tô).*

*\* Hạ tầng cơ sở hiện có:*

- Cấp điện: Nguồn điện của nhà trường được cung cấp theo Hợp đồng ký với Công ty Điện lực Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hệ thống điện nội bộ của nhà trường gồm 01 trạm biến áp 560KVA, hệ thống điện 3 pha cung cấp cho các nhà Xưởng, mỗi khu nhà đều có hệ thống aptômát, cầu dao đảm bảo an toàn của hệ thống điện. Nhà trường có 02 máy phát điện công suất 50 KVA dự phòng để đảm bảo các hoạt động khi mất điện.

*(MC 5.1.04 - Thiết kế bản vẽ thi công cải tạo kiến trúc trạm biến áp 560KVA-22 (10)/0,4KV năm 2012; MC 5.1.05 - Hồ sơ thiết kế điện nhà học lý thuyết 4 tầng)*

- Cấp nước, thoát nước thải:

+ Cấp nước: Hệ thống nước sạch của nhà trường được cung cấp từ Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đống Đa thuộc Công ty kinh doanh nước sạch Hà Nội nên đảm bảo về an toàn vệ sinh. Trường có 03 bể nước ngầm dự trữ, đặc biệt nhà trường đã đầu tư Xây dựng 01 Trạm lọc nước tinh khiết công suất 1m3/h có thể sử dụng trực tiếp. Hệ thống nước sạch được dẫn tới tất cả các phòng, lớp học đáp ứng đầy đủ nhu cầu của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên nhà trường.

(*MC 5.3.04 - Sơ đồ cấp thoát nước nhà học lý thuyết tầng 4 nhà B)*

***b. Cơ sở vật chất tại cơ sở 2:*** Đặt tại thôn Phùng Khoang, Xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội

Xây dựng 01 công trình cao 7 tầng, 01 nhà bảo vệ cao 1 tầng có tổng diện tích Xây dựng khoảng 620m2.. Ngoài ra có cổng tường rào, cây Xanh và sân đường nội bộ (*MC 5.3.05 - Hồ sơ Xây dựng cơ sở 2 bao gồm :Dự án đầu tư Xây dựng công trình; Thuyết minh cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; Tính toán kết cấu; Thuyết minh thiết kế cơ sở, Bản vẽ thiết kế cơ sở, Hồ sơ thiết kế cơ sở; Hồ sơ bảo vệ môi trường; Hồ sơ Xin thỏa thuận PCCC)*

*\* Hạ tầng cơ sở (dự kiến):*

- Cấp điện: Nguồn điện cho công trình lấy từ trạm biến áp có công suất nhỏ nhất 450KVA. Ngoài nguồn điện chính kể trên còn có nguồn dự phòng lấy từ máy phát điện khi nguồn chính bị gián đoạn qua bộ chuyển nguồn tự động ATS, máy phát điện công suất 450kVA cấp cho toàn bộ công trình.*(Thuyết minh thiết kế cơ sở, Bản vẽ thiết kế cơ sở, Hồ sơ thiết kế cơ sở)*

- Cấp nước, thoát nước thải: Nguồn nước cấp cho công trính được lấy trực tiếp từ mạng lưới cấp nước khu vực. Lấy trực tiếp từ tuyến ống phân phối D150 theo tuyến đường phía Đông Nam khu vực. Hệ thống thoát nước của công trình sau khi được Xử lý sẽ cùng với hệ thống thoát nước mặt thu về hệ thống hố ga riêng và kết nối với hệ thống thoát nước của khu vực (phía Đông nam khu đất dự án). *(Thuyết minh thiết kế cơ sở; Bản vẽ thiết kế cơ sở)*

*\* Hệ thống PCCC*

Căn cứ vào tính chất và mục đích sử dụng tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn PCCC nên hệ thống PCCC cho công trình gồm các hạng mục sau: Hệ thông báo cháy tự động, hệ thống báo cháy Sprinkler, hệ thống chữa tự động họng nước vách tường và phương tiện chữa cháy ban đầu. *(Thuyết minh thiết kế cơ sở; Hồ sơ Xin thỏa thuận PCCC)*

Tất cả các khối công trình phục vụ đào tạo của Trường đã được Xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 về trường dạy nghề. Các yêu cầu về ngăn cách giữa khu lý thuyết, thực hành, vệ sinh, kiến trúc, chiếu sáng, thông gió. Đường vào các Xưởng lớn, hành lang từ 2.5m trở lên thuận tiện cho việc vận chuyển, lắp đặt và vận hành thiết bị, được trang bị đầy đủ quạt mát, điện chiếu sáng phù hợp với từng Xưởng.Tại các Xưởng thực hành có đầy đủ nội quy, quy định, bố trí chỗ lên lớp trước khi thực hành, chỗ đặt máy móc, thiết bị thực hành, chỗ chuẩn bị phôi liệu, chỗ để dụng cụ, đồ nghề,... được sắp Xếp hợp lý, đủ chỗ đi lại và vận chuyển thì các tiêu chí về khu chức năng trường đều đạt. Các khối công trình của nhà trường đều được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của Nhà nước và của trường, cụ thể: Trường có QĐ ban hành Quy định về quy định sử dụng hội trường, quy định sử dụng nhà Xe

*( MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ- Quy định về sử dụng nhà Xe Trang 151, Quy định về sử dụng hội trường Trang 152*; *MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình – Quy trình 11 Quy trình quản lý phòng học, nhà Xưởng;MC 5.2.02 - Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất Trường CĐN Công nghiệp Hà Nội;MC 5.3.06 - Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án “ Phát triển trường chất lượng cao đến năm 2025”)*

Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động về các khu phòng học, xưởng thực hành được sử dụng theo quy định và có đủ điều kiện (ánh sáng, đèn chiếu, bàn ghế, …) đáp ứng nhu cầu môn học/mô đun. Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Phòng học chuyên môn, xưởng thực hành được sử dụng theo quy định và có đủ điều kiện (ánh sáng/đèn chiếu/bàn ghế..) đáp ứng nhu cầu học tập môn học/mô đun. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 1.5 (%) | 2.5 (%) | 96.0% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 7.8 (%) | 90.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 4.9 (%) | 94.0% |

*MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Khu vực học tập yên tĩnh, mặt bằng khuôn viên hợp lý, có đủ khu vực phục vụ hoạt động giảng dạy | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.4 (%) | 16.4 (%) | 83.2% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0.1 (%) | 0.1 (%) | 19.2 (%) | 80.5% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0.1 (%) | 0 (%) | 8.3(%) | 91.6% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.3: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.4:** *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, Xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định*

- Đường giao thông nội bộ, sân:

\* Cơ sở 1: được đổ bê tông kiên cố và trải nhựa đường đi, diện tích đảm bảo rộng rãi, kết nối các khối tòa nhà. (*MC 5.2.07 - Hồ sơ hoàn công công trình nâng cấp mở rộng trường Trung học Công nghiệp Hà Nội – Gói thầu số 2; MC 5.1.03 - Bộ ảnh chụp cảnh quan trường)*

Cơ sở 1 được đầu tư Xây dựng trên khuôn viên được quy hoạch hợp lý có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động của nhà. 100% các tuyến đường nội bộ được phủ bê tông nhựa với chiều rộng từ 3 – 4,5m, có hệ thống biển báo đảm bảo giao thông thuận lợi phục vụ cho việc phòng cháy chữa cháy, vận chuyển thiết bị đến nhà Xưởng an toàn, đường dẫn từ nhà làm việc tới phòng học lý thuyết, hội trường, thư viện, Xưởng thực hành giữa các khu vực trong trường*.*

- Hệ thống điện: Ngày 16/4/2021 Hiệu trưởng nhà trường đã ký quyết định ban hành nội quy sử dụng điện. Trong quyết định ban hành kèm theo 05 nội quy:

- Nội quy về công tác phòng cháy và chữa cháy

- Nội quy về công tác cứu nạn cứu hộ

- Nội quy sử dụng điện

- Nội quy phòng cháy kho vật tư, hàng hóa

- Nội quy nơi để xe oto, xe máy

(*MC 5.4.01 - Quyết định 191/QĐ-CĐNCNHN ngày 16/4/2021 về việc ban hành nội quy về công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ).* Trường có 01 trạm biến áp 560 KVA, hệ thống điện 2 pha cung cấp cho các nhà Xưởng mỗi khu nhà đều có hệ thống aptômát, cầu dao đảm bảo an toàn của hệ thống điện. Nhà trường có 02 máy phát điện công suất 50 KVA dự phòng để đảm bảo các hoạt động khi mất điện đảm bảo truyền tải và phân phối điện năng cho nhu cầu đào tạo và sinh hoạt *(MC 5.1.04 - Thiết kế bản vẽ thi công cải tạo kiến trúc trạm biến áp 560KVA-22 (10)/0,4KV năm 2012; MC 5.1.05 - Hồ sơ thiết kế điện nhà học lý thuyết 4 tầng).* Việc có trạm biến áp và 02 máy phát điện dự phòng đã giúp nhà trường chủ động trong việc nâng cao hiệu suất sử dụng trang thiết bị trong các hoạt động, đặc biệt hoạt động đào tạo. Nguồn điện 2 pha... dây lấy từ đầu ra trạm BA đưa đến tủ điện tổng để tầng 1 bằng cáp 3 pha 4 dây (3\*25 + 1\*16) sau đó đi đến tủ điện các tầng đặt gần khu cầu thang. Trong tủ điện có Aptomat + Hộp đấu dây +Dây nối không đi các phòng học lý thuyết bằng cáp 1 pha (2\*10) đến các ổ cắm và công tắc. Đối với các phòng thực hành của khoa CNTT: hệ thống điện từ tủ điện tổng để ở tầng 1 được cấp đến tủ điện các tầng đặt gần khu cầu thang ( trong tủ có Aptomat + Hộp đấu dây + dây nối không) tủ điện của phòng bằng cáo 3 pha 4 dây (3\*16 +1\*10) ổ cắm + công tắc trong các phòng thực hành.

- Hệ thống cấp thoát nước:

Hệ thống nước sạch của nhà trường được cung cấp từ xí nghiệp kinh doanh nước sạch Đống Đa thuộc Công ty kinh doanh nước sạch Hà Nội nên đảm bảo về an toàn vệ sinh. Trường có 03 bể nước ngầm dự trữ, đặc biệt nhà trường đã đầu tư xây dựng 01 Trạm lọc nước tinh khiết công suất 1m3/h có thể sử dụng trực tiếp. Hệ thống nước sạch được dẫn tới tất cả các phòng, lớp học đáp ứng đầy đủ nhu cầu của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên nhà trường.

*(MC 5.3.04 - Sơ đồ cấp thoát nước nhà học lý thuyết tầng 4 nhà B)*

Hàng năm trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội đều xuống lấy mẫu nước ngẫu nhiên tại nhiều vị trí để kiểm tra chất lượng nguồn nước.đều cho thấy nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn sinh hoạt. Tại biên bản làm việc lấy mẫu tại vòi trực tiếp gần nhà A, 01 mẫu tại bể inox trước khi cấp vào hệ thống lọc nước trực tiếp đều đạt tiêu chuẩn. Kết quả ghi trong phiếu ngoại kiểm chất lượng nước sạch tại đơn vị có bể chứa tập trung nhà trường đều thực hiện thau rửa định kỳ 1 lần/năm. Bể chứa ngầm có khóa, lưới chắn côn trùng cẩn thận.

*(MC 5.4.02 - Phiếu kết quả thử nghiệm nước các năm 2018,2019,2020 (Số/No:158.10.22.132;, Số/No:18.10.22.1321; Số/No: 19.09.06.75; Số/No: 20.03.11.430; Số/No: 20.09.24.350 VSC; Số/No: 20.09.24.352 VSC; Số/No:20.03.09.362; Số/No:20.03.09.363; MC 5.4.03 - Phiếu ngoại kiểm chất lượng nước sạch tại đơn vị có bể chứa tập trung năm 2019, 2020,2021; MC 5.4.04 - Biên bản kiểm tra vệ sinh chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt năm 2019,2020,2021).*

- Công việc Xử lý chất thải:

Hệ thống thu gom rác thải của nhà trường được chú trọng, tất cả các khu làm việc đều có thùng chứa rác thải, các xưởng thực hành có khu chứa rác thải riêng biệt, rác công nghiệp được phân loại chất thải rắn, chất thải độc hại để xử lý, tại mỗi khu đều có các biển chỉ dẫn rõ ràng, thùng chứa đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật. Trường đã ký hợp đồng với Công ty TNHH làm sạch Hoa Sen (số 20- Vạn Phúc- Ba Đình) về duy trì vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây cảnh, vệ sinh trong các Xưởng và trong khuôn viên nhà trường. *( MC 5.4.05 -Hợp đồng duy trì thường Xuyên vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp tại trường CĐN Công nghiệp Hà Nội ký với Công ty TNHH phát triển thương mại và dịch vụ Hoa Sen năm 2019, 2020, 2021).* Để Xử lý các chất thải Trường đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Đô thị - Chi nhánh Đống Đa về thu gom, vận chuyển và Xử lý rác thải trong nội dung hợp đồng thể hiện rõ trách nhiệm của các bên đảm bảo theo đúng quy định về môi trường*. ( MC 5.4.06 - Hợp đồng thu gom, vận chuyển và Xử lý rác thải sinh hoạt năm 2019, 2020, 2021)*

- Hệ thống thông gió:

Tại các phòng học lý thuyết, các phòng làm việc: chủ yếu sử dụng thông gió tự nhiên và quạt trần, quạt hút mùi ở khu WC. Xưởng có các quạt thông gió được bố trí Xung quanh Xưởng và hệ thống thoát nhiệt tự nhiên (cửa sổ).

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

Nhà trường đã ban nội quy phòng cháy chữa cháy, nội quy phòng cháy kho vật tư hàng hóa; Quy chế hoạt động công tác PCCC và thành lập đội phòng PCCC cơ sở gồm có 25 thành viên

*(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ - Quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy Trang 146; MC 5.4.01 - Quyết định 191/QĐ-CĐNCNHN ngày 16/4/2021 về việc ban hành nội quy về công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; MC 5.4.07 - Quyết định số 151/QĐ-CĐNCNHN ngày 26/3/2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động công tác PCCC&CNCH; MC 5.4.08 - Quyết định số 152/QĐ-CĐNCNHN ngày 26/3/2021 về việc thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở)*.

Hàng năm có Biên bản kiểm tra PCCC CA quận Đống Đa - thành phố HN Xác nhận đủ điều kiện về PCCC: về đường giao thông, trang bị phương tiện PCCC, cứu hộ cứu nạn, hệ thống chống sét, giải pháp ngăn cháy chống lan, thông gió hút mùi, khoảng cách an toàn PCCC

*(MC 5.4.09 - Biên bản kiểm tra về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ năm 2019, 2020, 2021; MC 5.4.10 - Biên bản rút kinh nghiệm thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ năm 2019, 2020, 2021)*.

Trường có Kế hoạch bồi dưỡng, huấn luyện, nghiệp vụ PCCC hàng năm.*( MC 5.4.11 - Kế hoạch tự thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của trường cao đẳng nghề công nghiệp hà nội năm 2019, 2020, 2021)*tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ *(MC 5.4.12 - Chứng nhận đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC của cá cá nhân; MC 5.4.13 - Hình ảnh bình chữa cháy được trang bị nhà trường)*. Định kỳ nhà trường đều có báo cáo về công tác PCCC&CNCH lên cấp trên *(MC 5.4.14 - Các báo cáo về công tác PCCC&CNCH)*

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, Xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) đều được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của Nhà nước và của trường, cụ thể: Trường có quy trình quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đào tạo, Quy trình quản lý phòng học, nhà Xưởng *(MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình – Quy trình số 13 Quy trình quản lý bảo trì bảo dưỡng* ). Bên cạnh đó nhà trường còn thường Xuyên tiến hành tu bổ và cải tạo những hạng mục phục vụ cho công tác đào tạo

(*MC 5.4.15 - Quyết định số 127/QĐ-CĐNCN ngày 10/4/2017 về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu công trình: Cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thực hành sơn thân vỏ oto dự án: Hỗ trợ dạy nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Nội; MC 5.4.16 - Quyết định số 150/QĐ-CĐNCN ngày 27/4/2017 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu: Cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thực hành sơn thân vỏ oto dự án: Hỗ trợ dạy nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Nội; MC 5.4.17 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công trình cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thựchành sơn thân ô tô; MC 5.4.18 - Hồ sơ quyết toán công trình cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thực hành sơn thân ô tô; MC 5.4.19 - Các biên bản nghiệm thu nâng cấp hạng mục công trình; MC 5.4.20- Hợp đồng số 05/HĐKT/2020 về thực hiện công trình: sửa chữa phòng hành chính và phòng văn thư nhà A, Bể nước nhà C, Xưởng ô tô, hàng rào khu trạm điện, Xưởng cắt gọt, Xưởng nguội, Hội trường Nhà D; MC 5.2.08 - Hồ sơ bản vẽ hoàn công thi công hố móng buồng chà; MC 5.4.21 - Quyết định số 203a/QĐ-CĐNCN ngày 03/7/2020 về việc phê duyện báo cáo kinh tế kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư Xây dựng công trình “Cải tạo, sửa chữa Xưởng cắt gọt và Cải tạo phòng tầng 1 thành phòng máy” thuộc dự án “Tăng cường Giáo dục nghề nghiệp" tại trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội; MC 5.4.22 - Quyết định số 204a/QĐ-CĐNCN về việc chỉ định đơn vị thi công công trình: Sửa chữa sảnh tầng 1, nhà B, nhà C, nhà D, Xưởng oto Đức, Xưởng an toàn lao động tại trường CĐN công nghiệp Hà Nội)*

\*Về cơ sở vật chất: (trong đó bao gồm cả sân trường): Hàng năm, trường giao cho phòng Quản lý cơ sở vật chất Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa các công trình và giao cho các đơn vị chức năng triển khai thực hiện *(MC 5.4.23 - Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa các năm).*Cuối năm, đơn vị có báo cáo kết quả công tác quản lý và bảo dưỡng vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong năm *(MC 5.4.24 - Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021)*.

\*Hệ thống Điện: Hàng năm có kiểm tra hệ thống đèn chiếu sáng các phòng máy, phòng học, thay thế bóng đèn, quạt tại phòng lý thuyết và Xưởng, bảo dưỡng sửa chữa hệ thống lọc nước của nhà trường(*MC 5.4.25 - Biên bản kiểm tra hệ thống điện năm 2019, 2020, 2021; MC 5.4.26 - Giấy bảo hỏng – thay thế tài sản năm 2019, 2020, 2021; MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì. Bảo dưỡng thiết bị đào tạo cũng như định kỳ đánh giá thiết bị đào tạo | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.5 (%) | 98.5% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 98.4% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 99.5% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.4: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.5:** *Phòng học, phòng thí nghiệm, Xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn Xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.*

Theo số liệu tại tiêu chí 5.3: Các phòng học, Xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều bảo đảm quy chuẩn Xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, cụ thể:

Như vậy: Về phòng học lý thuyết trường có 31 phòng. Các phòng này đều có diện tích từ 54m2 trở lên. Đồng thời các phòng học chuyên môn cũng như Xưởng thực hành đều đảm bảo theo TT 38/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDNN “Phòng học lý thuyết các môn khoa học cơ bản, môn kỹ thuật cơ sở, các môn chuyên môn, vẽ kỹ thuật có diện tích tối thiểu 48 m2” thì trường đảm bảo theo tiêu chuẩn.

(*MC 5.5.01 - Thông tư 38/2018/TT-BLĐTBXH quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp*; *Bảng tổng hợp diện tích phòng học lý thuyết, Xưởng thực hành, khu phục vụ trường CĐN Công nghiệp Hà Nội; MC 5.2.07 - Hồ sơ hoàn công công trình nâng cấp mở rộng trường Trung học Công nghiệp Hà Nội – Gói thầu số 2)*

Nhà trường cũng thường Xuyên tiến hành tu bổ và cải tạo những hạng mục công trình đã Xuống cấp để đáp ứng kịp thời cho nhu cầu học tập, vui chơi, rèn luyện nâng cao thể chất của HSSV.

(*MC 5.4.15 - Quyết định số 127/QĐ-CĐNCN ngày 10/4/2017 về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu công trình: Cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thực hành sơn thân vỏ oto dự án: Hỗ trợ dạy nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Nội; MC 5.4.16 - Quyết định số 150/QĐ-CĐNCN ngày 27/4/2017 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu: Cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thực hành sơn thân vỏ oto dự án: Hỗ trợ dạy nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Nội; Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công trình cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thựchành sơn thân oto; Hồ sơ quyết toán công trình cải tạo, nâng cấp sửa chữa Xưởng thựchành sơn thân ô tô; MC 5.4.20- Hợp đồng số 05/HĐKT/2020 về thực hiện công trình: sửa chữa phòng hành chính và phòng văn thư nhà A, Bể nước nhà C, Xưởng ô tô, hàng rào khu trạm điện, Xưởng cắt gọt, Xưởng nguội, Hội trường Nhà D; MC 5.2.08 - Hồ sơ bản vẽ hoàn công thi công hố móng buồng chà; MC 5.4.21 - Quyết định số 203a/QĐ-CĐNCN ngày 03/7/2020 về việc phê duyện báo cáo kinh tế kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư Xây dựng công trình “Cải tạo, sửa chữa Xưởng cắt gọt và Cải tạo phòng tầng 1 thành phòng máy” thuộc dự án “Tăng cư giáo dục nghề nghiệp" tại trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội)*

Các công trình được thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn Việt Nam về Xây dựng, có quy chuẩn kết cấu, kiến trúc và nội thất đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hệ thống chiếu sáng và thông gió đảm bảo phục vụ tốt việc học tập và giảng dạy. Các Xưởng thực hành được bố trí hợp lý, có nội quy quy định việc thực hiện MC 5.10.01 - Quy trình vận hành thiết bị, máy móc từng Xưởng đảm bảo diện tích, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển, lắp đặt và vận hành thiết bị, số diện tích/người học tuân thủ theo Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ v/v công bố tiêu chuẩn quốc gia (Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9210:2012 “Trường dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế”) và TT 38/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDNN

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về các khu vực phục vụ theo quy định như khu vực học tập, khu thực hành, khu rèn luyện thế chất, ....Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có đủ khu vực phục vụ theo quy định: khu vực học tập, khu thực hành, khu vực rèn luyện thể chất, … | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.1(%) | 12.4 (%) | 87.6% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0.1 (%) | 11.5 (%) | 88.4% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 3 (%) | 97.0% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.5: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.6:** *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.*

Nhà trường đã Xây dựng và ban hành Quy định về việc mua sắm, quản lý, sử dụng, sửa chữa điều chuyển và thanh lý tài sản *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ - Quy định mua sắm và cấp phát vật tư)*. Trong mục quy định chung có nêu rõ tất cả các tài sản hình thành từ nguồn: mua sắm, dự án trang thiết bị, viện trợ của các nước và tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, quà tặng…cho trường và các đơn vị đều là tài sản của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội (phải được quản lý trên hệ thống ổ sách kế toán). Nhà trường thống nhất quản lý và giao cho các đơn vị sử dụng và bảo quản.

Mục 3.1.Sửa chữa thường Xuyên. Việc sửa chữa tài sản của trường do phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án tổ chức thực hiện trên cơ sở đề nghị của các đơn vị và phê duyệt của Ban giám hiệu. Tất cả tài sản trang thiết bị phải được sử dụng đúng mục đích. Phòng Cơ sở vật chất, thiết bị và Dự án có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện việc sử dụng tài sản, trang thiết bị đúng mục đích

Mục 3.2. Sửa chữa lớn thiết bị, tài sản cố định: Hàng năm theo đề nghị của các phòng, khoa, tổ bộ môn phòng Cơ sở vật chất, thiết bị và Dự án tổng hợp để Giám hiệu duyệt và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Ủa ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Mục 3.3. Công tác bảo dưỡng trang thiết bị:

- Bảo dưỡng thường Xuyên: Tổ cơ điện phối hợp với các khoa, tổ bộ môn quản lý trang thiết bị được giao, tổ chức bảo dưỡng thường Xuyên theo từng loại trang thiết bị.

- Bảo dưỡng định kỳ: Tổ cơ điện thuộc phòng Cơ sở vật chất, thiết bị và Dự án có trách nhiệm kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng máy móc trang thiết bị của nhà trường trong thời gian học sinh nghỉ hè.

Đối với những thiết bị có độ phức tạp cao, ngoài khả năng bảo dưỡng, sửa chữa của nhà trường, phòng Cơ sở vật chất, thiết bị và Dự án có trách nhiệm mời chuyên gia sửa chữa, bảo dưỡng đúng thời hạn.

Để đảm bảo duy trì hoạt động và nâng cao hiệu quả sử dụng, khắc phục kịp thời những hỏng hóc của thiết bị,Nhà trường đã ban hành 02 quy trình về quản lý, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị thường Xuyên giao cho đơn vị sử dụng trang thiết bị thực hiện nhằm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo tính đồng bộ đối với các trang thiết bị. *(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình – Quy trình quản lý bảo trì bảo dưỡng)*. Quy trình quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị thể hiện qua 02 lưu đồ có tổng số 41 bước*.* Vào cuối năm học kỳ hàng năm các đơn vị lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thiết bị phục vụ giảng dạy học tập do mình quản lý. Lập dự trù kinh phí gửi phòng Quản lý cơ sở vật chất tập hợp gửi Hiệu trưởng phê duyệt*.*Phòng Cơ sở vật chất, thiết bị và Dự án phối hợp cùng các đơn vị trong việc tổ chức bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, lập danh sách các thiết bị cần bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, dự toán kinh phí, lập kế hoạch, thực hiện,nghiệm thu, hoàn tất hồ sơ. *(MC 5.6.01 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2019, 2020, 2021; MC 5.6.02 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị của các đơn vị)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, người lao động về quy định quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo cũng như định kỳ đánh giá thiết bị đào tạo.Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*( MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo cũng như định kỳ đánh giá thiết bị đào tạo. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.5 (%) | 98.5 % |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 98.4% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 99.5% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.6: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.7:** *Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, Xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

**1. Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có các quy định về nguyên tắc, nội dung quản lý, sử dụng phòng học, Xưởng thực hành và cơ sở vật chất nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản Xuất.Trong điều kiện hiện nay, khi số lượng trang thiết bị hiện có và nguồn kinh phí cho việc đầu tư mua sắm mới còn hạn chế, nhà trường bố trí phòng học, Xưởng thực hành thành hệ thống phục vụ chung cho tất cả các đơn vị có nhu cầu sử dụng (một phòng thí nghiệm Xưởng thực hành có thể phục vụ theo lĩnh vực chuyên môn cho hoạt động của nhiều đơn vị). Mỗi đơn vị được giao quản lý một số phòng phòng học, phòng thí nghiệm, Xưởng thực hành theo đặc thù ngành nghề; Nhà trường quy định danh mục các học phần được tổ chức thực hành tại mỗi phòng học, phòng thí nghiệm, Xưởng thực hành làm cơ sở cho việc bố trí thời khóa biểu thực hành.

*(MC 5.7.01 - Bảng nội quy phòng học; MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình – Quy trình Xây dựng kế hoạch đào tạo/thời khoá biểu)*

Trưởng đơn vị giao cho cán bộ, giảng viên, thuộc đơn vị mình nhiệm vụ quản lý, vận hành, phòng học, phòng thí nghiệm, Xưởng thực hành,…. đồng thời chịu trách nhiệm trước Nhà trường về quản lý con người, thiết bị, tài sản được giao

*(MC 5.7.02 - Quy định sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, Xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa; MC 5.7.03 - Bảng phân công nhiệm vụ cho giáo viên quản lý Xưởng thực hành, phòng học chuyên môn)*.

Phòng ĐT&QLHSSV căn cứ vào tiến độ đào tạo và kế hoạch giáo viên để Xếp thời khóa biểu cho các lớp. Trong TKB có thể hiện ngày thực hiện, lớp, môn học, tên GV, số tiết, phòng học. Ví dụ: thứ 2 ngày 18/5/2020 lớp 42CG1, môn Phay bào rãnh cắt đứt, GV Nguyễn Tiến Quyết, học tại phòng Xưởng Xưởng phay; thứ 5 ngày 16/8/2020 lớp 41ĐL1, môn Điện tử chuyên ngành, GV Nguyễn Anh Tú, học tại phòng D408*; (MC 1.1.16 -* [*http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)*)*

Cuối năm học, phòng Cơ sở vật chất, thiết bị và Dự án có báo cáo về việc sử dụng phòng học, giảng đường, Xưởng thực hành, trong đó có báo cáo về tình hình thực tế, đánh giá tình hình sử dụng phòng học, giảng đường, Xưởng thực hành, nêu tồn tại, khó khăn và đưa ra giải pháp khắc phục, kiến nghị và đề Xuất *(MC 5.4.24 - Báo cáo công tác quản lý và bảo dưỡng cơ sở vật chất năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021)*.Phòng học, giảng đường, Xưởng thực hành của nhà trường đã được sử dụng đúng công năng, theo quy định *(MC 5.7.04 - Ảnh chụp tại phòng học Lý thuyết, Xưởng thực hành)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến người học, Cán bộ, giáo viên, người lao động về sử dụng phòng học, Xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo

Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động về Thiết bị thực hành/thực tập đáp ứng yêu câu giảng dạy của môn học/mô đun và được bố trí an toàn, thuận tiện. Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Thiết bị thực hành/thực tập đáp ứng yêu câu giảng dạy của môn học/mô đun và được bố trí an toàn, thuận tiện. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 4.0 (%) | 7.6(%) | 88.4% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1 (%) | 7.3 (%) | 90.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 5.5 (%) | 92.9% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.7: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.8:** *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Trang thiết bị dụng cụ giáo dục nghề nghiệp chính của nhà trường với danh mục tối thiểu cần có phù hợp với chương trình đào tạo cũng như các ngành nghề đào tạo của Nhà trường. Hàng năm nhà trường được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu; nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước (hiện trường là 1 trong 40 trường được đầu tư thành trường nghề chất lượng cao theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng chính phủ, với danh mục thiết bị Nhà trường đã Xây dựng danh mục cần đầu tư cho từng nghề. Các trang thiết bị được đầu tư mới bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại, đáp ứng về mặt công nghệ, phù hợp với yêu cầu thực tế của sản Xuất và dịch vụ trên thị trường.*(MC 5.8.01 - Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch và kết quả đấu thầu gói thầu mua sắm thiết bị Xưởng thực hành Sơn thân vỏ oto thuộc dự án: Hỗ trợ dạy nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Nội)*. Các thiết bị đầu tư đều được các khoa nghiên cứu, đề Xuất về chủng loại, số lượng được tư vấn từ các chuyên gia trong và ngoài nước làm cơ sở để Xây dựng dự án để trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức đấu thầu mua sắm trang thiết bị, danh mục thiết bị chưa ban hành nhà trường căn cứ vào chương trình đào tạo, tương ứng với yêu cầu đào tạo nhà trường, danh mục thiết bị này thể hiện rõ số lượng chủng loại, tình trạng kỹ thuật của thiết bị dụng cụ thực hành nghề phù hợp đối chiếu với danh mục thiết bị tối thiểu đáp ứng với quy mô đào tạo của các nghề do Bộ Lao động TB&XH quy định.

*(MC 5.8.02 - Danh mục thiết bị nghề đào tạo;MC 5.8.03 - Danh mục thiết bị so sánh đối chiếu danh mục thiết bị Bộ LĐTBXH; MC 5.8.04 - Biên bản bàn giao hàng hóa thiết bị được đầu tư mua sắm; MC 5.8.05 - Quyết định số 148/QĐ-CĐNCN ngày 26 tháng 4 năm 2017 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị Xưởng thực hành sơn thân vỏ oto thuộc dự án: Hỗ trợ dạy nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Nội”; MC 5.8.06 - Quyết định 100/QĐ-CĐNCNHN ngày 29 tháng 03 năm 2017 về việc phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm thiết bị Xưởng thực hành sơn thân vỏ oto thuộc dự án: Hỗ trợ dạy nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Nội”; MC 5.8.07 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021)*

Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động về Thiết bị thực hành/thực tập đáp ứng yêu câu giảng dạy của môn học/mô đun và được bố trí an toàn, thuận tiện. Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Thiết bị thực hành/thực tập đáp ứng yêu câu giảng dạy của môn học/mô đun và được bố trí an toàn, thuận tiện. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 4.0 (%) | 7.6(%) | 88.4% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1 (%) | 7.3 (%) | 90.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.6 (%) | 5.5 (%) | 92.9% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.8: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.9:** *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Tại Xưởng thực tập, các thiết bị sẽ được bố trí theo mô đun, công dụng, tính năng, đảm bảo hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường *(MC 5.9.01 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021)*

Một số thiết bị phức tạp, trước khi lắp đặt đều có sơ đồ lắp đặt, bản vẽ mặt bằng lắp đặt.*(MC 5.9.02 - Hồ sơ thiết kế, lắp đặt quản lý các thiết bị dụng cụ)*. Một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường Xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng đều được lập sổ lý lịch tài sản để theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa *(MC 5.9.03 - Biên bản kiểm tra đánh giá thiết bị)*.

Các máy móc thiết bị có tiếng ồn thường được lắp đặt trong các Xưởng cách Xa khu phòng học lý thuyết, cách Xa khu văn phòng làm việc. Đối với các máy móc thiết bị nhỏ, nhẹ và không gây ra tiếng ồn đều được bố trí để trong các tủ đựng đồ hay lắp đặt thành các mô hình có bánh Xe di chuyển thuận tiện cho việc di chuyển đi lại của các học sinh, sinh viên trong quá trình di chuyển thực hành, không bị va chạm vào máy móc thiết bị. Mặt khác việc lắp đặt thành các mô hình có bánh Xe di chuyển còn thuận tiện cho việc vận chuyển hoặc đưa các máy chuyên dụng vào kiểm tra, theo dõi, di rời để thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa. Bên cạnh đó việc sắp Xếp các thiết bị dụng cụ cũng rất quan trọng giúpquá trình vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, an toàn lao động cũng thuận lợi theo quy định *(MC 5.9.01 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021)*.

Trong các Xưởng thực hành nghề Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp: các thiết bị chính được bố trí vào các phòng thực hành chuyên môn, các mô hình, các bàn thực hành, các mô đun thực hành được lắp đặt trên các giá đỡ, đặt lên các bàn có thể di chuyển đến các vị trí khác nhau. Các dụng cụ được đặt trong hộp, các hộp được đặt trên giá để GV và HS dễ dàng lấy để sử dụng.Các linh kiện điện tử được đặt trong hộp và để hộp trong tủ. Các đồng hồ đo được Xếp trong tủ theo từng chức năng, thuận tiện cho HSSV sử dụng*.*Dụng cụ, vật tư thực tập được đặt trên giá hoặc trong tủ, thuận tiện cho việc quản lý, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh Xưởng. Phòng thực hành máy tính của khoa CNTT: Máy tính được Xếp dọc theo hai đến ba dãy, giữa có lối đi rộng, thuận tiện cho GV giao tiếp với HS trong quá trình giảng dạy; dưới nền lát gạch granite, GV và HS bỏ giầy dép bên ngoài, đảm bảo sạch sẽ, an toàn cho người và thiết bị *(MC 5.7.03 - Ảnh chụp tại phòng học Lý thuyết, Xưởng thực hành)*

Trường có thực hiện kiểm tra 5S nên việc đánh giá về đảm bảo vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong các lớp học lý thuyết, phòng/Xưởng thực hành cũng thuận lợi và thường Xuyên .Định kỳ hàng tháng trường có tổ chức kiểm tra 5S tất cả các đơn vị *(MC 5.9.04 - Nội quy Xưởng thực hành; MC 5.9.05 – Nội quy phòng học lý thuyết; MC 5.9.06 - Hồ sơ 5S (tài liệu hướng dẫn triển khai 5S, kế hoạch triển khai 5S, Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện 5S, Báo cáo đánh giá triển khai công tác 5S)).*

Đối với các thiết bị có độ chính Xác cao, thao tác phức tạp, người sử dụng phải được đào tạo sử dụng thành thạo trước khi tiến hành sử dụng (nếu không sử dụng thành thạo phải yêu cầu sự trợ giúp của người trực tiếp quản lý trang thiết bị); Trong quá trình sử dụng thiết bị phải tuân thủ Nội quy để đảm bảo vệ sinh, an toàn; không để Xảy ra sự cố, làm hỏng thiết bị.Một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường Xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng đều được lập sổ theo dõi sử dụng thiết bị để theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về thiết bị dụng cụ phục vụ học tập được bố trí hợp lý, an toàn.

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Thiết bị dụng cụ phục vụ học tập được bố trí hợp lý, an toàn. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.3 (%) | 16.2(%) | 83.5(%) |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0.3 (%) | 14.3(%) | 85.4(%) |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5(%) | 10.6(%) | 88.9(%) |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.9: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.10:** *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề Xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.*

Thiết bị trong đào tạo nghề là nhân tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo. Để đảm bảo thiết bị đào tạo luôn hoạt động ổn định Trường đã ban hành các quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.Vì vậy nahf trường đã ban hành nhiều quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề Xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. Cụ thể:

Trường đã ban hành quy định việc sử dụng và bảo quản tài sản *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ)*. Trong quy định có ghi:

Điều 1: Nhà Xưởng, trang thiết bị được giao cho đơn vị, tất cả cán bộ viên chức, nhân viên, giáo viên, học sinh đều phải có trách nhiệm bảo quản tài sản của nhà trường.

Điều 5: Giáo viên giảng dạy trên lớp và cán bộ lớp hàng ngày có trách nhiệm bàn giao tài sản phòng học.Trường hợp phát hiện hỏng do chủ quan, mất tài sản, trang thiết bị vào ca học nào mà không Xác định được đương sự thì giáo viên giảng dạy ca đó và cán bộ lớp phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất do hỏng, mất tài sản. Khi phát hiện hiện tưởng hỏng, mất tài sản, trang thiết bị phải báo ngay cho phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án để báo cho BGH Xử lý kịp thời theo qui định.

Nhà trường cũng đã ban hành các 03 quy trình về quản lý tài sản và thiết bị (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình)* Tại các Xưởng thực hành đều có Nội quy Xưởng thực hành; Hướng dẫn sử dụng máy móc thiết bị; trong đó quy định rõ trình tự vận hành, quy trình bảo dưỡng, trách nhiệm quản lý cụ thể *(MC 5.10.01 - Quy trình vận hành thiết bị; MC 5.7.01 - Bảng nội quy phòng học)* vàcó sổ quản lý, hướng dẫn sử dụng, quy trình vận hành, lịch kiểm tra bảo dưỡng thường Xuyên và định kỳ, nâng cao nhận thức cho giáo viên, học sinh trong việc bảo quản thiết bị trong khoa, trường,tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên về công tác quản lý, sử dụng thiết bị dạy học,tăng cường trang thiết bị, kỹ thuật và bảo quản thiết bị. Việc sửa chữa tài sản, thiết bị thường Xuyên được thực hiện theo trình tự sau: *( MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ)*

Khi có yêu cầu sửa chữa tài sản của đơn vị sử dụng hoặc đề Xuất của cán bộ kỹ thuật, phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án báo cho phòng Tài chính kế toán (Bằng giấy báo sửa chữa hoặc gọi điện thoại) đến Xác định tình trạng hư hỏng, phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm cử kế toán đến cùng Xác định hư hỏng

Phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án Xem Xét tình trạng hư hỏng của tài sản, lập biên bản, lên phương án và kinh phí sửa chữa.

Phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án trình Ban giám hiệu duyệt kế hoạch sửa chữa, phối hợp với phòng Tài chính kế toán và các đơn vị quản lý thiết bị tổ chức thực hiện sửa chữa

Khi công việc sửa chữa hoàn thành, phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án phối hợp với phòng Tài chính kế toán, đơn vị quản lý thiết bị nghiệm thu và bàn giao tài sản đã được sửa chữa cho các đơn vị sử dụng.

Phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án làm thủ tục thanh toán chuyển cho phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán làm thủ tục quyết toán theo qui định về tài chính (Thời gian trong 30 ngày)

Thực hiện chế độ sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa đúng định kỳ, thanh lý các thiết bị hư hỏng, lạc hậu, lập hồ sơ quản lý theo dõi. Nhà trường sẽ giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình và kết quả thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của các đơn vị, qua đó đề Xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến cán bộ, giáo viên, người lao động.

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.10: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.11:** *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản Xuất; hàng năm đánh giá và đề Xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Theo quy định về mua sắm, quản lý sử dụng, sửa chữa điều chuyển và thanh lý tài sản; Quy định về việc sử dụng và bảo quản tài sản *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ)*; Quy trình tiếp nhận bàn giao tài sản; Quy trình sửa chữa tài sản; Quy trình kiểm kê tài sản; Quy trình thanh lý tài sản *(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình)* thì các thiết bị đào tạo sau khi mua về, làm các thủ tục về tài chính, được lắp đặt và bàn giao cho các khoa chuyên môn quản lý. Hàng năm được kiểm kê định kỳ 01 lần, một lần vào tháng 12 (*MC 5.11.01 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị của các đơn vị; MC 5.11.02 - Sổ theo dõi tài sản; MC 5.11.03 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản năm 2019, 2020, 2021; MC 5.8.07 - Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2019, 2020, 2021).* Tất cả thiết bị đào tạo của nhà trường đều được theo dõi trên sổ sách quản lý với đầy đủ thông tin: tên, nước sản Xuất, số lượng, năm sản Xuất, năm sử dụng, nguyên giá, giá trị còn lại. Các thiết bị được giao cho các giáo viên quản lý, một số thiết bị có tần suất sử dụng cao, có tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, thường Xuyên phải bảo trì, bảo dưỡng đều được lập sổ lý lịch tài sản để theo dõi tình hình sử dụng, tình hình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa. Phòng Cơ sở vật chất, thiết bị và Dự án là đơn vị đầu mối có chức năng quản lý chung tài sản thiết bị toàn trường. Hàng năm có kế hoạch đánh giá hiện trạng và hiệu quả sử dụng thiết bị (*MC 5.6.01 - Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị năm 2019, 2020, 2021).*Trong biên bản kiểm tra đánh giá hiện trạng thiết bị, có thể hiện tình trạng của các thiết bị đào tạo và đánh giá, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị . Từ đó đề Xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo như: cử GV đi học tập nâng cao trình độ, giao lưu, học hỏi các trường có các thiết bị tương tự, làm tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị*. (MC 5.9.03 - Biên bản kiểm tra đánh giá thiết bị)*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.11: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.12:** *Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp Xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng*

Để thực hiện tốt việc quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư phục vụ đào tạo, nhà trường đã ban hành văn bản và chỉ đạo các đơn vị thực hiện đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm tránh thất thoát, lãng phí và đảm bảo tính kịp thời trong việc đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*(MC 5.12.01 – Quyết định 3563/QĐ UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 ban hành định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trường cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội)*

Nhà trường đã ban hành quy định về mua sắm và cấp phát vật tư *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ)* Quy trình về cấp phát vật tư (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình).*Việc đề Xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo Xuất phát từ chương trình giảng dạy và Kế hoạch đào tạo. Hiện tại các đơn vị trong Trường thực hiện các đề Xuất này theo từng quý trong năm. Thực hiện theo quy định này đảm bảo cho các đơn vị chủ động trong tổ chức đào tạo, không để Xảy ra tình trạng thiếu hoặc chậm cấp phát vật tư đào tạo. Dựa vào kế hoạch giảng dạy, giáo viên phân công giảng dạy sẽ làm đề Xuất vật tư, nguyên vật liệu theo từng mô đun. Vật tư, dụng cụ được bàn giao cho khoa theo dõi, quản lý cấp phát, sử dụng trong quá trình giảng dạy thực hành. Dựa vào kế hoạch năm học của phòng đào tạo, các khoa lên lập kế hoạch dự trù vật tự, nguyên, nhiên, vật liệu cho từng năm học *(MC 5.12.02 - Bảng dự trù kinh phí vật tư của các khoa)*. Việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, hàng hoá trong Trường được thực hiện đúng nguyên tắc theo một quy trình chặt chẽ từ Ban giám hiệu, các phòng, khoa đến các cá nhân quản lý thực hiện. Kho vật tư được quản lý tại các đơn vị và phòng Cơ sở vật chất thiết bị và Dự án có trách nhiệm trực tiếp cấp phát, thống kê vật tư đào tạo theo đề Xuất và dự trù của các Khoa đồng thời theo dõi quản lý dữ liệu trên hệ thống máy vi tính và sổ sách, nhập, Xuất hàng hoá vật tư. (*MC 5.12.03 - Sổ cấp phát vật tư dụng cụ)*Thủ kho có trách nhiệm trực tiếp giữ gìn bảo quản, cấp phát vật tư đúng quy định. Việc cấp phát, sử dụng vật tư đào tạo được quản lý thông qua chứng từ Xuất, nhập với đầy đủ chữ ký của các thành phần đồng thời lưu giữ đầy đủ tại phòng Kế toán tài chính và cá nhân liên quan ( *MC 5.12.04 - Các biên bản nghiệm thu, bàn giao vật tư đào tạo; Sổ theo dõi giao nhận và theo dõi việc sử dụng vật tư công cụ, dụng cụ, tài sản của đơn vị)*

Việc quản lý, cấp phát về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo, quản lý cấp phát sử dụng vật tư được tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo *(MC 5.12.05 - Báo cáo quyết toán nhập, Xuất vật tư dụng cụ).*

Vật tư được bố trí sắp Xếp ngăn nắp, gọn gàng thuận tiện cho việc sử dụng, bảo quản.

Nhà trường giao các Khoa quản lý, lưu trữ vật tư đào tạo cho các nghề, thiết kế xây dựng tiêu chuẩn cấp 4 có diện tích từ 60m2 trở lên theo quy định hiện hành, được lắp đặt quạt thông gió chống ẩm mốc, ô xi hoá, trang bị 1 bộ máy vi tính để theo dõi, quản lý dữ liệu cấp phát vật tư. Trong kho được bố trí các giá, kệ để vật tư theo đúng quy định và được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng thiaanj tiện cho việc sử dụng, bảo quản được thể hiện trong quá trình dạy và học tại trường (*MC 5.12.06 - Ảnh chụp kho vật tư)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về vật tư thực tập có đáp ứng nhu cầu học tập của môn học, mô đun.Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Vật tư thực tập đáp ứng nhu cầu học tập của môn học/mô đun | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.4 (%) | 19.5 (%) | 80.1% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 17.4(%) | 82.6% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0.1 (%) | 8.3 (%) | 91.6% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.12: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.13:** *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt.*

Thư viện nhà trường với tổng diện tích 120m2 hoạt động theo quy định đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên

Phòng lưu trữ sách có diện tích....m2, phòng đọc có diện tích.....m2.Thư viện cơ bản có sách báo, tài liệu phục vụ nhu cầu cho việc tự học, tự nghiên cứu của cán bộ viên chức, giảng viên, học sinh sinh viên toàn trường. Tại thư viện có 01 máy tính cho người quản lý thư viện quản lý sách, tài liệu, tạp chí, quản lý, theo dõi số lượng người đến mượn, đọc sách tại thư viện. Thư viện có phòng lưu trữ, rộng ....chứa....đầu sách gồm chương trình, giáo trình, sách tham khảo, tài liệu chuyên môn của nghề mà trường thực hiện đào tạo(*MC 5.12.07 - Ảnh chụp thư viện)*

Bên cạnh đó, từ năm 2018, nhà trường đã Xây dựng và hoàn thiện Thư viện số để đưa vào sử dụng, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên nhà trường có thể truy cập vào link <http://thuvienso.hnivc.edu.vn/> để thực hiện tra cứu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho tra cứu, học tập và giảng dạy của các nghề đào tạo tại nhà tường *(MC 5.12.08 - Đường link truy cập thư viện số:* [*http://thuvienso.hnivc.edu.vn/*](http://thuvienso.hnivc.edu.vn/)*)*

Theo báo cáo tại tiêu chuẩn 2.1, trường hiện nay đang thực hiện đào tạo 16 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp, 27 nghề trình độ sơ cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và Giấy chứng nhận bổ sung đăng ký hoạt động GDNN *(MC 1.2.04-Giấy chứng nhận số 67/2019/ GCNDKHĐ –TCGDNN ngày 19/07/2019; 67a/2019/GCNĐKBS –TCGDNN ngày 26/12/2019; Giấy chứng nhận số 07/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/01/202; 07a/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 02/04/2021; 07b/2021/ GCNĐKBS –TCGDNN ngày 05/05/2021).* Trường đã có đầy đủ chương trình đào tạo các ngành, nghề mà trường đào tạo được cấp phép:

*(MC 2.1.02 - Quyết định 326/QĐ – CĐN CN ngày 01/09/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2017; MC 2.1.04 - Quyết định 250/QĐ – CĐN CN ngày 28/05/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp năm 2019; MC2.1.05 -Quyết định 439/QĐ – CĐN CN ngày 11/10/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng năm 2019; MC 2.1.07 -Quyết định 153/QĐ – CĐN CN ngày 29/05/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2020;MC2.1.08 -Quyết định 268/QĐ –CĐNCN ngày 21/06/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo năm 2021; MC2.1.09 -Quyết định 330/QĐ – CĐNCN ngày 12/08/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo sơ cấp nhóm nghề Chăm sóc sắc đẹp năm 2021)*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.13: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.14:** *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học*

Thư viện của nhà trường được tổ chức hoạt động theo quy định và được nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo và Quản lý Học sinh sinh viên quản lý thư viện. *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ- Chức năng nhiệm vụ của Phòng đào tạo và Quảnlý học sinh sinh viên)*Thư viện trường phục vụ nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học theo 2 hình thức: tại thư viện và mượn về nhà. Nhà trường đã ban hành nội quy và quy định hoạt động của thư viện. Nội quy của thư viện được dán trước của ra vào của phòng đọc có quy định rõ ràng và đầy đủ về thời gian mở cửa, quy định mượn *(MC 5.14.01 - Nội quy thư viện)*

Thư viện tổ chức hoạt động theo quy định. Nhà trường phân công 2 cán bộ chuyên trách thư viện thực hiện quản lý và phục vụ tại thư viện (*MC 5.14.02 - Phân công trực thư viện*). Nhà trường giới thiệu hướng dẫn phục vụ các nhu cầu tra cứu tài liệu của cán bộ, nhà giáo và người học trong trường Tất cả các hoạt động của thư viện đều có sổ sách quản lý, sổ nghiệp vụ, sổ mượn tài liệu dành cho bạn đọc (*MC 5.14.03 - Danh mục tài liệu;MC 5.14.04 -Sổ theo dõi mượn, trả sách, báo*). Ngoài ra giáo viên chủ nhiệm còn là đầu mối thực hiện nhiệm vụ khai thác sách, báo, tài liệu quảng bá tới học sinh, sinh viên. Nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện, hằng năm, nhà trường có tổ chức họp đánh giá các mặt đã làm được, tồn tại và triển khai kế hoạch công tác năm giúp cho công tác của thư viện được ổn định và có tác dụng tốt trong hỗ trợ công tác đào tạo của Trường các năm 2019, 2020, 2021 (*MC 5.14.05 -Báo cáo tổng kết hoạt động Thư viện năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về tổ chức hoạt động thư viện của nhà trường có kết quả như sau:

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Thư viện trường có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo và phục vụ đáp ứng nhu cầu của HSSV | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.4 (%) | 19.5 (%) | 80.1% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0.1(%) | 0.1(%) | 18.1(%) | 81.7% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0.1(%) | 8.3(%) | 91.6% |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Hình thức phục vụ của thư viện phù hợp với nhu cầu tra cứu của thầy/cô. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.0 (%) | 5.1 (%) | 92.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1 (%) | 5.2 (%) | 92.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1 (%) | 9.8 (%) | 89.1% |

Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng khảo sát đánh giá tốt về hoạt động và hình thức phục vụ của thư viện phù hợp và đáp ứng được nhu cầu của cán bộ nhà giáo và học sinh, sinh viên trong Nhà trường.

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.14: 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5.15:** *Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo*

Nhà trường có thư viện điện tử được trang bị đầy đủ thiết bị và có phòng đọc điện tử kết nối mạng Internet có hệ thống máy tính, mạng nội bộ giúp cho cán bộ, giáo viên, học sinh sinh viên tra cứu tài liệu thuận lợi *(MC 5.15.01- Báo cáo tổng kết hoạt động Thư viện năm 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021*). Nhằm giúp quản lý cơ sở dữ liệu điện tử và tra cứu trài liệu, Thư viện điện tử nhà trường có đầy đủ 100% bản mềm các chương trình, giáo trình học tập đáp ứng nhu cầu tra cứu của bạn đọc, thư viện được trang bị phần mềm quản lý tra cứu tài liệu thân thiện với người dùng *(MC 5.15.02- Phần mềm thư viện số*).

Hệ thống mạng nội bộ LAN, cổng Internet của trường hoạt động tốt và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của cán bộ, giáo viên và HSSV *(MC 5.15.03- Sơ đồ mạng LAN)* Nhà trường đã ban hành nội quy, quy chế hoạt động của thư viện và phổ biến đến bạn đọc. Hàng năm nhà trường có tổng hợp, báo cáo hoạt động của thư viện thể hiện rõ mạng LAN và mạng Internet tại thư viện hoạt động bình thường theo chức năng và các quy định tổ chức, hoạt động của thư viện *(MC 5.15.04- Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021).*

Ngoài ra, tại tất cả các khu vực trong nhà trường đều phát wifi miễn phí, giúp cho HSSV, cán bộ, GV có thể truy cập Internet miễn phí. *(MC 5.3.01 - Hợp đồng mua bán và lắp đặt Internet)*

Thư viện điện tử của Trường hoạt động hiệu quả, hệ thống mạng của Trường hoạt động tốt, giúp các phòng, khoa chia sẻ thông tin với nhau thường Xuyên, nhanh chóng và khai thác dữ liệu điện tử. Đặc biệt hệ thống truy cập cơ sở dữ liệu điện tử được thực hiện qua mạng không dây. Đồng thời, hằng năm, Nhà trường có tổng hợp, báo cáo hoạt động của thư viện thể hiện rõ mạng LAN và mạng Internet tại thư viện hoạt động tốt (*MC 5.15.05 - Báo cáo tổng kết hoạt động Thư viện năm 2018-2019,2019-2020,2020-2021; MC 5.15.06 - Hình ảnh hoạt động của thư viện điện tử*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về sự phục vụ của thư viện điện tử. Các ý kiến nhận Xét, đánh giá về nội dung “Thư viện điện tử của trường có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo”, như sau:Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin HSSV | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.4 (%) | 19.5 (%) | 80.1% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0.1 (%) | 0.1 (%) | 18.1 (%) | 81.7% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0.1 (%) | 8.3 (%) | 91.6% |

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0 (%) | 0 (%) | 2.0 (%) | 5.1 (%) | 92.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0 (%) | 0 (%) | 2.1(%) | 5.2 (%) | 92.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0 (%) | 0 (%) | 1.1(%) | 9.8 (%) | 89.1% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 5.15: 1 điểm***

#### 3.2.6. Tiêu chí 6:Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:**

***Mở đầu:*** Nhà trường có quy định rõ ràng thể hiện trong Quy chế dân chủvề các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cái tiến và chuyển giao công nghệ. Hằng năm, nhà trường đều có các đề tài từ cấp trường trở lên phục vụ rất thiết thực cho công tác nâng cao chất lượng đào tạo.

***\**** *Những điểm mạnh:* Nhà trường có chính sách và biện pháp khuyến khích cán bộ, giáo viên nghiên cứu khoa học.

Trường có nhiều đề tài NCKH được triển khai thực hiện.Kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng vào thực tiễn.

*\* Những tồn tại:*Không có

**Điểm đánh giá tiêu chí 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| **Tiêu chí 6** | **5** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |

**Tiêu chuẩn 1:** *Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.*

Nhà trường có chủ trương và cơ chế chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong quản lý và giảng dạy, cơ chế chính sách khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong quản lý và giảng dạy được thể hiện tại các văn bản: Quy chế hoạt động khoa học &công nghệ, quy định về chế độ công tác của giảng viên-giáo viên *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủcủa nhà trường – Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ).* Trong văn bản này quy định cụ thể:

- Trong Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ của trường, Điều 5: Định mức hoạt động khoa học và công nghệ cấp trường được quy đổi theo 03 mức, được tính trong thời gian học tập, bồi dưỡng, nang cao trình độ, nghiên cứu khoa học của giáo viên:

* Loại A: 120 tiết/1 đề tài
* Loại B: 80 tiết/1 đề tài
* Loại C: 40 tiết/1 đề tài

Tiêu chí đánh giá Xếp loại đề tài NCKH căn cứ vào kết quả thẩm định của Hội đồng nghiệm thu đề tài.

Cách tính khối lượng NCKH của các thành viên tham gia đề tài:

+ Chủ nhiệm đề tài: Được tính tối thiểu 50% định mức

+ Các thành viên: Tính căn cứ vào khối lượng công việc được phân công của 50% còn lại

+ Nếu nhóm nghiên cứu chỉ có 2 người thì chủ nhiệm hưởng 2/3 số tiết, thành viên còn lại 1/3 số tiết

Hỗ trợ các tác giả đăng bài theo các lĩnh vực phù hợp với lĩnh vực đào tạo của nhà trường đăng trên các tạp chí khoa học có chỉ số ISS, mức hỗ trợ 1.000.000đ/bài.

- Về kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học (chương IV) được lấy từ nguồn kinh phí hoạt động của Nhà trường. Kinh phí cấp cho đề tài, được cấp theo dự trù kinh phí được phê duyệt và được quyết toán theo quy định sử dụng kinh phí của nhà trường

- Trong Xếp loại thi đua học kỳ, năm học có ghi: "Cá nhân đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở phải có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu, áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ mới được Hội đồng khoa học nhà trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt" *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ- Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ)*

Căn cứ vào Hướng dẫn đánh giá thi đua hàng năm, nhà trường đã thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ theo quy định.

*(MC 6.1.01 - Các quyết định khen thưởng các cá nhân đạt giải tại các cuộc thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp; MC 6.1.02 – Giấy khen, bằng khen của nhà trườngtham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp năm 2019; MC 1.5.04 - Báo cáo tổng kết các đơn vị năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020 -2021)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của Cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức, người lao động về chính sách khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học

(*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018-2019, 2019 2020, 2020 -2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có chính sách khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm.. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0% | 0% | 2.0% | 5.1% | 92.9% |
| 2019-2020 | 193 | 0% | 0% | 1.6% | 4.1% | 94.3% |
| 2020-2021 | 183 | 0% | 0% | 0% | 5.5% | 94.5.9% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 6.1 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).*

Hằng năm, phòng ĐBCL&QLKH Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác nghiên cứu khoa học của năm học và triển khai tới từng đơn vị trong nhà trường *(MC 6.2.01 - Kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học các năm học2018-2019, 2019-2020, 2020-2021).* Trong đó có định hướng cụ thể những nội dung cần tập trung nghiên cứu trong công tác nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách của nhà trường. Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đều được nhà trường thực hiện một cách nghiêm túc từ bước Xét chọn và nghiệm thu nên sau khi nghiệm thu, các đề tài, sáng kiến đều được ứng dụng vào các lĩnh vực hoạt động của nhà trường. Thực hiện kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường, hàng năm các đơn vị triển khai tới từng cán bộ, giáo viên để đăng ký theo đúng quy trình đảm bảo đảm bảo chất lượng (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình 73, 74, 75);*

*(MC 6.2.02 - Quyết định số 45./QĐ-CĐNCN ngày 1 tháng 2 năm 2018 về việc thành lập Hội đồng khoa học cấp cơ sở;*

*(MC 6.2.03 -Quyết định số 633/QĐ-CĐNCN ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở năm 2019;*

*(MC 6.2.04 -Quyết định số 57/QĐ-CĐNCN ngày 6 tháng 2 năm 2020 về việc thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở;*

*MC 6.2.05 -Quyết định số 199/QĐ – CĐNCN ngày 23/4/2021 về việc thành lập Hội đồng khoa học và SKKN cấp cơ sở;*

Từ năm học 2018-2019 đến nay, Nhà trường đã thực hiện và nghiệm thu 9 đề tài NCKH, sáng kiến cấp trường. Cụ thể:

Năm học 2018 – 2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN ĐỀ TÀI/SÁNG KIẾN**  **KINH NGHIỆM** | **CHỦ NHIỆM**  **ĐỀ TÀI/ SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM** |
| 1 | Đề tài nghiên cứu khoa học: “Đánh giá thực trạng và đề Xuất giải pháp khi áp dụng thông tư 200/TT-BTC vào giảng dạy nghề Kế toán doanh nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội | Phạm Thị Thu Hằng -  Khoa Kinh tế |
| 2 | Đề tài: Đồ gá hàn cắt chi tiết dạng ống tròn | Dương Thành Hưng -  Khoa Cơ khí |
| 3 | Đề tài: Kho lạnh công nghiệp bảo quản thực phẩm công nghệ 4.0 | Vũ Văn Minh -  Khoa Điện – Điện tử |

Năm học 2019 – 2020

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN ĐỀ TÀI/SÁNG KIẾN**  **KINH NGHIỆM** | **CHỦ NHIỆM**  **ĐỀ TÀI** |
| 1 | Đề tài: Xây dựng website khoa CNTT bằng phần mềm mã nguồn mở WorldPress 4.1 | Lê văn Úy -  Khoa CN thông tin |
| 2 | Đề tài: Mô hình Xưởng sản Xuất thông minh ứng dựng 4.0 | Bùi Thị Bình -  Khoa Điện – Điện tử |
| 3 | Sáng kiến: “Giải pháp tìm việc làm cho sinh viên trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội” | Phạm Thị Hường  Phó Hiệu trưởng |

Năm học 2020 – 2021

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN ĐỀ TÀI/SÁNG KIẾN**  **KINH NGHIỆM** | **CHỦ NHIỆM**  **ĐỀ TÀI** |
| 1 | Đề tài: “ Mô hình dàn trải mạch điều khiển lò vi sóng” | Nguyễn Anh Tú -  Khoa Điện – Điện tử |
| 2 | Sáng kiến: “Nâng cao mức độ cam kết học tập của sinh viên trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội” | Phạm Thị Hường -  Hiệu trưởng |
| 3 | Đề tài: “ Xây dựng mô hình truyền thông hiệu quả và giáo dục nghề nghiệp trong trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội | Nguyễn Thị Thanh Xuân -  Khoa CN Thông tin |

100% đề tài NCKH và sáng kiến cấp trường đều phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường.

*(MC 6.2.06 - Hồ sơ các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm:Các quyết định giao đề tài, Các quyết định thành lập nghiệm thu, Các quyết định công nhận kết quả nghiệm thu, Các biên bản nghiệm thu đề tài, Các phiếu nhận Xét).*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 6.2 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.*

Nhà trường có nhiều bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước:

*(MC 6.3.01 - Tên bài báo: Phát triển động lực làm việc của giáo viên trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội của Cô Trần Thị Thúy Hằng – Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học đăng trên tập chí Thiết bị giáo dục giáo dục Tháng 11 năm 2019)*

*(MC 6.3.02- Tên bài báo: Sử dụng phần mềm AVL – CRUISE mô phỏng Xe HYBRID phối hợp nguồn động lực kiểu song song của Thầy Nguyễn Tường vi - Khoa Công nghệ ô tô đăng trên tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên năm 2019)*

*(MC 6.3.03- Tên bài báo: Nghiên cứu mô phỏng sử dụng CNG trên động cơ Xăng hiện hành bằng phần mềm AVL - BOOST của Thầy Nguyễn Tường vi - Khoa Công nghệ ô tô đăng trên tuyển tập Hội nghị khoa học thường niên năm 2019)*

*(MC 6.3.04- Tên bài báo: Kinh nghiệm Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong tại trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội của Thầy Trần Văn Việt - Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học năm 2020)*

*(MC 6.3.05- Tên bài báo: Công tác đào tạo nhân lực tại trường CĐN Công nghiệp Hà Nội của cô Trần Thị Thúy Hằng – Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học đăng trên báo Kinh tế Châu á Thái Bình Dương Tháng 2 năm 2020)*

*(MC 6.3.06- Tên bài báo: Đẩy mạnh tư vấn về đào tạo nghề, cải thiện kỹ năng phù hợp cho người lao độngcủa Thầy Nguyễn Văn Huy – Phó hiệu trưởng đăng trên báo Nghề nghiệp & cuộc sống Tháng 11 năm 2020)*

*(MC 6.3.07- Tên bài báo: “Chuyển đổi số” bước chuyển ở trường CĐN Công nghiệp Hà Nội –Phó hiệu trưởng đăng trên báo Nghề nghiệp & cuộc sống Tháng 2 năm 2021)*

*(MC 6.3.08- Tên bài báo: Nghiên cứu hình thái bề mặt của màng polyanniline ảnh hưởng đến hiệu suất cảm biến khí NH3 ở nhiệt độ phòng của Thầy Trần Thanh Bình –Phòng Đào tạo và Quản lý học sinh sinh viên đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ tháng 3 năm 2021)*

*(MC 6.3.09- Tên bài báo: Tổ chức hoạt động giáo dục STEM thông qua cuộc thi sáng tạo kỹ thuật của Thầy Nguyễn Văn Huy – Phó hiệu trưởng đăng trên tạp chí giáo dục nghề nghiệp tháng 7 năm 2021*

*(MC 6.3.10- Tên bài báo: Sự hài lòng của doanh nghiệp đối với học sinh sinh viên của mình là hạnh phúc nhất của người thầy GDNN của Thầy Nguyễn Văn Huy – Phó hiệu trưởng đăng trên báo Nghề nghiệp và Cuộc sống tháng 3 năm 2021*

*MC 6.3.11- Tên bài báo: Giải pháp phát triển thương mại điện tử nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam của cô Trần Ngọc Diệp –Khoa Kinh tế đăng trên Tạp chí Công thương tháng 9 năm 2021)*

*MC 6.3.12- Tên bài báo: Nghiên cứu chế tạo điện cực sử dụng vật liệu nanocomposite ứng dụng cho cảm biến của Thầy Trần Thanh Bình –Phòng Đào tạo và Quản lý học sinh sinh viên đăng trên Tạp chí nghiên cứu Khoa học và Công nghệ tháng 3 năm 2021*

Nhà trường có bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở quốc tế:

*(MC 6.3.12 - Tên bài báo: Fabrication of pani NWS/MWCNTS/MNO2 nanocomposite materials oriented for application in NH3 gas sensor at room temperature của Thầy Trần Thanh Bình – Phòng Đào tạo và quản lý học sinh sinh viên đăng trên Springer nature)*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 6.3 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** *Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.*

Theo như báo cáo ở tiêu chuẩn 6.2: Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã thực hiện và nghiệm thu 9 đề tài NCKH và sáng kiến cấp trường; 100% đề tài NCKH và sáng kiến cấp trường đều được ứng dụng thực tiễn và công tác đào tạo của trường.

Năm học 2018 – 2019 với 3 đề tài sáng kiến phục vụ thiết thực công tác đào tại của nhà trường, cụ thể:

+ Đề tài nghiên cứu khoa học: “Đánh giá thực trạng và đề Xuất giải pháp khi áp dụng thông tư 200/TT-BTC vào giảng dạy nghề Kế toán doanh nghiệp tại trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội” của cô Phạm Thi Thu Hằng cùng các thầy cô Khoa Kinh tế, đề tài có tính áp dụng thực tiễn cao được áp dụng làm tài liệu tham khảo cho kế toán thực hiện theo chế độ Kế toán DN theo thông tư 200 trong giảng dạy các môn học/mô đun.

+ Đề tài “ Đồ gá hàn cắt chi tiết dạng ống tròn” của Thầy Dương Thành Hưng và các thầy cô Khoa cơ khí, đề tài được ứng dụng vào thực tiễn, ứng dụng để cắt phôi dạng ống tròn ( Hàn MIG, MAG) hàn ghép cá chi tiết dạng ống tròn trong các môn học/mô đun.

+ Đề tài “Kho lạnh công nghiệp bảo quản thực phẩm công nghệ 4.0” của Thầy Vũ Văn Minh và các thầy cô Tổ bộ môn điện lạnh Khoa Điện – Điện tử. Đề tài có phạm vi ứng dụng cao, phục vụ cho giang dạy các môn học lý thuyết và thực hành nghề điện lạnh, phục vụ cho giảng dạy ngắn hạn, nâng bậc, phục vụ cho nghiên cứu tính toán, phục vụ cho thực tập cuối khóa.

Năm học 2019 – 2020

+ Đề tài : “Xây dựng website khoa CNTT bằng phần mềm mã nguồn mở WorldPress 4.1” của Thầy Lê Văn Úy cùng các thầy cô Khoa Công nghệ thông tin đã đạt đưuọc mục tiêu Xấy dựng Website Khoa công nghệ thông tin bằng phần mềm mã nguồn WordPress 4.1 phục vụ hoạt động học tập và giảng dạy của học sinh và giáo viên Khoa công nghệ thông tin

+ Mô hình Xưởng sản Xuất thông minh ứng dựng 4.0

+ Sáng kiến kinh nghiệm: “Xây dựng mô hình truyền thông hiệu quả và giáo dục nghề nghiệp trong trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội” của Cô Phạm Thị Hường – Hiệu trưởng nhà trường có tính ứng dụng cao áp dụng trong xây dựng mô hình truyền thông cũng như nâng cao chất lượn giáo dục đào tạo

Năm học 2020 – 2021

+ Đề tài: “ Mô hình dàn trải mạch điều khiển lò vi sóng” của thầy Nguyễn Anh Tú cùng các thành viên Khoa Điện – Điện tử giúp cho giáo viên có một giờ dạy chất lượng hơn và giúp cho sinh viên ngành Điện tử có thể vận dụng sửa chữa được các Pan cơ bản trong lò vi sóng và từ đó sinh viên có thể ứng dụng vào thực tế để sửa chữa các mạch điện Lò vi sóng một cách dễ dàng

+ Đề tài: “ Xây dựng mô hình truyền thông hiệu quả và giáo dục nghề nghiệp trong trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội

+ Sáng kiến: “Nâng cao mức độ cam kết học tập của sinh viên trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội”

*(MC 6.4.01 - Các quyết định về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021; MC 6.4.02 – Báo cáo công tác nghiên cứu khoa học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021; 6.4.03 – Hồ sơ đề tài nghiên cứu khoa học , sáng kiến kinh nghiệm của trường)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của Cán bộ quản lý, giáo viên, viên chức, người lao động về tính ứng dụng của các đề tài nghiên cứu khoa học.

(*MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường phục vụ có hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập. | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 198 | 0% | 0% | 2.5 % | 3.0 % | 94.4 % |
| 2019-2020 | 193 | 0% | 0% | 2.6% | 5.7 % | 91.7% |
| 2020-2021 | 183 | 0% | 0% | 0% | 10.9% | 89.1% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 6.4 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 5*:*** *Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.*

Trong những năm gần đây, trước xu thế hội nhập quốc tế cũng như yêu cầu phát triển của Nhà trường, Trường đã có chủ trương và kế hoạch để thực hiện liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài, các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên của trường. Với mục đích học tập kinh nghiệm, để xây dựng nhà trường trở thành trường nghề chất lượng cao trong thời gian ngắn nhất, cụ thể là Trường đã xây dựng mối quan hệ hợp tác với Trường Kỹ Chuyên môn Công nghiệp Kumamoto Nhật bản, các trường Trung học kỹ thuật tỉnh Chiba Nhật Bản, trường Đại học Osan Hàn Quốc với mục đích giao lưu kỹ thuật, giao lưu học sinh và những hoạt động giao lưu văn hóa – xã hội giữa 2 nước *(MC 6.5.01 - Hiệp ước giao lưu; 6.5.02 –Các biên bản ghi nhớ giữa nhà trường và trường Đại học OSAN Hàn Quốc).*

Trong những năm qua, việc đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế của nhà trường đã thu được những kết quả tốt đẹp, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phát triển nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường (*MC 6.5.03 – Báo cáo tình hìnhhợp tác quốc tếtrong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2015 2020;6.5.04 - Các Quyết định và Danh sách cán bộ, giáo viên đi tham quan, học tập tại nước ngoài các năm*

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường đã có tác động tích cực trong việc nâng cao năng lực chuyên môn và trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ giáo viên.

Thông qua các dự án hợp tác quốc tế, một số hạng mục cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, lắp đặt đã củng cố năng lực đào tạo cho một số ngành nghề của nhà trường.

Trong những năm qua, thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, Nhà trường đã cử nhiều lượt cán bộ, giáo viên đi học tập, tham quan kinh nghiệm ở nước ngoài như: Hàn Quốc, Nhật Bản, CHLB Đức, Séc, Malaysia, Thái Lan v.v… (*MC 6.5.04– Các Quyết định và Danh sách cán bộ, giáo viên đi tham quan, học tập tại nước ngoài các năm*). Trường đã có một số dự án hợp tác về đào tạo bồi dưỡng giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất với cơ quan đào tạo nghề và xã hội Châu Âu (EBG) - Cộng Hòa Liên Bang Đức, các dự án với Tập đoàn Hyundai, tổ chức Plan, Samsung, Trường tham gia dự án Đào tạo kỹ thuật nghề Việt Nam – Đan Mạch cho chuyên ngành thiết kế Đồ hoạ của Trường (năm 2017-2019), dự án với Phần Lan về mời chuyên gia đào tạo nghề Công nghệ Thông tin và Thiết kế đồ hoạ, Dự án với Đức về đào tạo thí điểm chuyển giao công nghệ nghề Công nghệ ô tô..., dự án với học viện Chisholm Úc về đào tạo 2 nghề Cơ điện tử và Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí, dự án với Hội đồng Anh và trường Cymoedd xứ Wales... . Chương trình hợp tác với Hội đồng Anh về xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp. (MC 6.5.05 - *Hình ảnh hoạt động quốc tế tại trường)*

Bằng việc hợp tác Quốc tế với Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc, nhiều lượt cán bộ nhà trường được cử đi học thạc sỹ, học tập, thăm quan tại các cơ sở đào tạo nghề tại Hàn Quốc, Đan Mạch, Đức, Úc... năm 2019 Cử 04 Giảng viên tham gia đào tạo nâng cao 04 tháng tại Cộng Hòa Liên Bang Đức (MC 6.5.04 – *Các Quyết định và Danh sách cán bộ, giáo viên đi tham quan, học tập tại nước ngoài năm 2019, 2020, 2021*).

Ngoài ra, Nhà trường đã đón tiếp nhiều lượt chuyên gia của các trường và tổ chức quốc tế đến thăm và làm việc với trường: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đan Mạch, Phần Lan, Đức...... (*MC 6.5.05* - *Một số hình ảnh chuyên gia nước ngoài đến thăm và làm việc tại Trường các năm)*

Nhà trường đang tiếp tục và bắt đầu thực hiện đào tạo các ngành nghề hợp tác với các trường thuộc các nước Úc, Đức, Đan Mạch cho các nghề Kỹ thuật máy lạnh và Điều hòa không khí, Cơ điện tử, Công nghệ ô tô, Thiết kế đồ họa *(6.5.06 – Chương trình đào tạo các nghề Úc, Đức, Đan mạch)*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 6.5 : 1 điểm***

#### 3.2.2. Tiêu chí 7:Quản lý tài chính

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:**

Công tác quản lý tài chính của nhà trường được thực hiện theo đúng các quy định của Pháp luật, Quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ của trường. Hàng năm đều được sửa đổi, bổ sung vào các kỳ Hội nghị Cán bộCNVC. Các nguồn kinh phí luôn được ưu tiên sử dụng cho hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Nhà trường lập kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm phù hợp đúng mục đích và mục tiêu phát triển của nhà trường.

Công tác lập kế hoạch tài chính của trường đạt chuẩn theo hướng dẫn, đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của trường.

Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo công khai, minh bạch.

**Các điểm mạnh:**

-Trường có hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách rõ ràng, chính xác, đầy đủ đúng quy định của nhà nước; cơ chế quản lý tài chính thống nhất trong toàn trường thông qua quy chế quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ.

-Trường có đầy đủ các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường. Các nguồn kinh phí được sử dụng có hiệu quả, luôn ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Bên cạnh đó hằng năm nhà trường cũng dành một phần kinh phí để nâng cao trình độ của giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và uy tín của nhà trường.

-Công tác thanh quyết toán của nhà trường được thực hiện đúng quy định. Nhà trường đã xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ, luôn có sự bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện quy chế, tạo quyền chủ động quản lý và chi tiêu tài chính cho thủ trưởng cơ quan. Đã được công khai đến toàn thể cán bộ viên chức tạo quyền chủ động cho cán bộ viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ, quy chế chi tiêu nội bộ quy định cụ thể các chế độ và sử dụng tài sản công đúng mục đích, hiệu quả, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu nhất là các chi phí hành chính nhằm tăng thu nhập cho cán bộ viên chức. Tạo tính dân chủ và cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

-Khi có sai sót và vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính trường đã ngay lập tức xử lý, đưa ra hướng khắc phục một cách kịp thời.

-Hằng năm trường có kế hoạch kiểm tra công tác tài chính theo quy định dưới sự giám sát của Ban Thanh tra nhân dân. Bên cạnh đó phòng Tài chính Kế toán cũng tự kiểm tra và có báo cáo công tác tự kiểm tra trình Ban giám hiệu.

**Những tồn tại và hạn chế:***Không có*

**Kế hoạch:**

-Tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu.

-Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa.

-Ban giám hiệu nhà trường cùng toàn thể giáo viên đang thực hiện nâng cao chất lượng giảng dạy, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị để HSSV được thực hành thường xuyên và liên tục. Từ đó củng cố thêm uy tín của nhà trường trong lịch vực dạy nghề.Đồng thời đẩy mạnh kế hoạch tuyên truyển, tuyển sinh trong các năm học mới để công tác tuyển sinh đạt kết quả cao, ngày càng tăng số lượng HSSV tuyển được.

***Mở đầu:***

**Điểm đánh giá tiêu chí 7**

| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| --- | --- |
| **Tiêu chí 7** | **6** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |

**Tiêu chuẩn 7.1:***Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.*

Công tác quản lý tài chính, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán các nguồn tài chính của Trường được thực hiện theo đúng mục đích, đúng quy định của Nhà nước.

Hàng năm, Trường đều có các văn bản quy định về các nguồn kinh phí như nguồn NSNN được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp kinh phí thường Xuyên, kinh phí chi không thường Xuyên như: Mua sắm tài sản cố định, cải tạo sửa chữa chống Xuống cấp, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia.(*MC 7.1.01 - Quyết định giao dự toán thu chi NSNN năm 2019, 2020,2021; MC 7.1.02 - Kế hoạch phân bổ vốn XDCB năm 2019, 2020, 2021)* các nguồn thu học phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác *(MC 7.1.03 - Các Quyết định thu học phí, lệ phí hoạt động đào tạo hệ cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, Sơ cấp nghề, đào tạo ngắn hạn, Đào tạo liên thông).*

Trên cơ sở các nguồn kinh phí của trường, Nhà trường Xây dựng kế hoạch thu chi các hoạt động trong trường *(MC 7.1.04 - Dự toán thu chi năm năm 2019, 2020,2021)*

Các hoạt động tài chính của nhà trường được thực hiện tuân theo Quyết định của nhà nước về tài chính kế toán và các quyết định về chế độ chi tiêu hiện hành của các cấp có thẩm quyền (*MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ - Quy chế chi tiêu nội bộ).* Trên cơ sở phù hợp với hoạt động đặc thù của nhà trường và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động. Quy chế chi tiêu nội bộ được Xây dựng hàng năm. Nội dung của quy chế và phương thức được Xây dựng theo đúng hướng dẫn tại các Nghị định, Thông tư của Chính phủ và Bộ Tài chínhnhư: luật số 83/2015/QH13 quy định luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 16/01/2002 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 50/2003/TT-BTC ngày 22/05/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp có thu Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ;Thông tư số113/2007/TT-BT ngày 24/9/2017 sửa đổi bổ sung thông tư số 71/2006/TT-BTC NGÀY 09/08/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thự hiện nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế,tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Hàng năm Nhà trường thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ cho phù hợp với hoạt động phát triển của Trường trên cơ sở các văn bản quy định của Nhà nước.

Cuối năm tài chính, thực hiện khóa sổ sách kế toán và thanh quyết toán theo đúng quy định với Sở Tài chính, cơ quan thuế và nộp báo cáo cho Sở tài chính, kho bạc, cơ quan thuế theo đúng quy định. (*MC 7.1.05 - Báo cáo tài chính năm 2019, 2020,2021; MC 7.1.06 - Biên bản Xét duyệt quyết toán năm 2019, 2020, 2021).*

Việc công khai các quy định về thanh quyết toán và các hoạt động về tài chính trường thực hiện theo thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 26/9/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các quy định quản lý, quy trình thanh toán tài chính được gửi về các phòng khoa, trung tâm*(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình – Quy trình số ….)* thông qua tại Hội nghị CNVC hàng năm tất cả các cán bộ, giáo viên, công nhân viên đều được tham gia đóng góp ý kiến đánh giá kết quả hoạt động và kê hoạch tài chính của nhà trường theo nguyên tắc dân chủ, công khai minh bạch *(MC 7.1.07 - Báo cáo công khai tài chính ; MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020,2021; MC 7.1.08 - Sổ họp giao ban hàng tháng của trường; MC 7.1.09 - Quyết định công khai dự toán NSNN;MC 7.1.10 - Quyết định công khai quyết toán NSNN).*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 7.1 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.2:***Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản Xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.*

Ngoài các nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp chi thường Xuyên, kinh phí chương trình mục tiêu, nhà trường còn có các nguồn thu hợp pháp từ học phí và lệ phí, liên kết đào tạo, thu từ đưa học sinh đi thực tập, trải nghiệm doanh nghiệp tài trợ (nếu có), các nguồn thu hợp pháp khác *(MC 7.2.01 - Quyết định công khai quyết toán NSNN)*

Nhà trường đã thực hiện thu học phí theo quy định của Nhà nước quy định về mức thu phí, học phí, theo nghị định số 86/015/NĐ-CPquy định về cơ chế thu học phí, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021*(MC 7.2.02 - Các văn bản áp dụng mức thu học phí; MC 7.2.03 - Quyết định của Hiệu trưởng về thu học phí;MC 7.2.04 - Sổ chi tiết các khoản thu học phí; MC 7.2.05 - Hóa đơn giá trị gia tăng; MC 7.2.06 - Báo cáo tình hình thu học phí, MC 7.2.07 - Báo cáo thuế; MC 7.2.08 - Quyết định miễn giảm học phí từng học kỳ).*

Toàn bộ các hoạt động dịch vụ đào tạo được lập dự toán và mở sổ theo dõi chi tiết theo từng hoạt động cụ thể và được cập nhật theo từng thời điểm phát sinh *(MC 7.2.09 - Sổ chi tiết thu học phí năm học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021, MC 7.2.10 - Dự toán thu học phí. ).*

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành gửi MC 7.2.11 - Thông báo thu học phí về gia đình học sinh sinh viên để gia đình HSSV chủ động nguồn tài chính trong quá trình học tại nhà trường *(MC 7.2.11 - Thông báo thu học phí, MC MC 7.2.09 - Sổ chi tiết thu học phí năm học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021).*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 7.2 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.3:***Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.*

Nguồn lực tài chính đảm bảo cho các hoạt động của trường được hình thành từ các nguồn sau:

+ Nguồn NSNN do Sở tài chính cấp được thể hiện trong các quyết định giao dự toán hàng năm (*MC 7.3.01 - Quyết định giao dự toán thu chi NSNN năm học2019, 2020,2021; MC 7.3.02 - Kế hoạch phân bổ vốn XDCB năm 2019, 2020,2021).*Là đơn vị Hành chính sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường Xuyên, được UBND Thành phố và Sở Tài chính Hà Nội giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính ổn định năm 2017*(MC 7.3.03 - Báo cáo thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm theo quy định của Nghị định 43/2006/NĐ - CP; MC 7.3.04 - Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Trường).*

+ Nguồn thu học phí, lệ phí của học sinh chính quy và các hệ sơ cấp ngắn hạn theo quyết định của luật giáo dục nghề nghiệp, học phí được thu và chi nộp Ngân hàng, Kho bạc theo đúng quy định. Nguồn thu học phí đều được thể hiện thông qua các văn bản quy định mức thu, các hợp đồng đào tạo, sổ chi tiết thu và các báo cáo tài chính hàng năm *(MC 7.3.05 - Các Quyết định thu học phí, lệ phí hoạt động đào tạo hệ chính quy ; MC 7.2.09 - Sổ chi tiết thu học phí năm học 2018-2019, 2019-2020,2020-2021; MC 7.3.06 - Bảng theo dõi thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022; MC 7.3.07 - Báo cáo các nguồn thu năm 2019, 2020,2021; MC 2.4.02 - Các hợp đồng liên kết đào tạo và tiếp nhận sinh viên đào tạo tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021; MC 7.3.08 - Báo cáo tài chính năm 2019, 2020)*

+ Nguồn thu từ hợp đồng liên kết đào tạo đưa sinh viên đi thực tập tại các doanh nghiệp (*MC 2.4.02 - Các hợp đồng liên kết đào tạo và tiếp nhận sinh viên đào tạo tại doanh nghiệp năm 2019,2020,2021*)

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, nhà trường lập dự toán thu chi cho các loại hình hoạt động nhằm đảm bảo công tác kiểm soát thu - chi một cách hiệu quả, hợp lý (*MC 7.3.09 - Dự toán tài chính năm 2019, 2020,2021).* Trường đã chủ động Xây dựng dự toán chi tiết trình Sở Tài chính Hà Nội và được Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý giao dự toán chi tiết để tổ chức thực hiện chức năng đào tạo theo quy định được UBND thành phố giao *(MC 7.3.10 - Các Quyết định giao dự toán ngân sách).*

Công tác tài chính được hạch toán, theo dõi chi tiết và được kiểm soát, đánh giá tình hình thực hiện kinh phí theo quý, năm *(MC 7.3.08 - Báo cáo tài chính năm 2019, 2020; MC 7.3.11 - Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí mua sắm vật tư, máy móc thiết bị năm 2019, 2020,2021).* Định kỳ tiến hành thanh tra, kiểm tra và đánh giá nội bộ về các nguồn thu của trường nhằm đảm bảo kinh phí cho các hoạt động *(MC 7.3.12 - Biên bản kiểm tra quỹ tiền mặt hàng tháng năm 2019, 2020,2021).*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 7.3 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.4:***Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Hàng năm đều có đoàn kiểm toán độc lập kiểm toán lại toàn bộ quá trình thu chi để đảm bảo quá trình thu chi đúng theo quy định của pháp *luật (MC 7.4.01 - Báo cáo kiểm toán năm 2019)*

Căn cứ vào quyết định giao dự toán của UBND thành phố Hà Nộicho nhà trường, trường lập dự toán tài chính gửi Kho bạc Nhà nước Quận Đống Đa để thực hiện việc kiểm soát chi *(MC 7.3.09 - Dự toán tài chính năm 2019, 2020,2021).* Công tác tài chính được thực hiện theo đúng Luật kế toán số 88/2015/QH13, Thông tư số 107/2017/TT-BTC và các văn bản pháp luật có liên quan, quy chế Quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ *(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ- Quy chế chi tiêu nội bộ).*

Các hoạt động chi phục vụ công tác đào tạo, hoạt động thường Xuyên, hoạt động không thường Xuyên đều được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của Bộ tài chính và đã được kiểm toán, kiểm tra, đánh giá không có vi phạm *(MC 7.4.02 - Báo cáo quyết toán tài chính năm 2019; MC 7.4.03 - Biên bản Xét duyệt quyết toán tài chính năm 2019; MC 7.4.04 - Biên bản kiểm toán 2019.)*

Các nguồn kinh phí của trường được theo dõi và kiểm soát chi chặt chẽ tại kho bạc nhà nước quận Đống Đa. Trường đã lập đầy đủ Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu đối với các khoản thu học phí, lệ phí, các khoản thu chi đều được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Trường đang sử dụng phần mềm kế toán MISA, Phần mềm kê khai thuế của cơ quan quản lý Thuế , Dịch vụ công của Kho bạc và một số phần mềm khác để quản lý tài chính. Hệ thống hồ sơ sổ sách quản lý, phần mềm kế toán theo đúng mẫu và quy định của Bộ tài chính *(MC 7.4.05 - Các Quyết định giao dự toán ngân sách; MC 7.4.06 - Phần mềm kế toán MISA; MC 7.4.07 - Phần mềm kê khai thuế; MC 7.4.08 - Các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước; MC 7.2.05 - Hóa đơn giá trị gia tăng)*.

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 7.4 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.5:***Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; Xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.*

Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác tự kiểm tra tài chính theo đúng quy định của Nhà nước tại Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành “ Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước”. Định kỳ hàng năm, Nhà trường thực hiện Kế hoạch của thanh tra Sở tài chính Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra, trong đó có kế hoạch tự kiểm tra công tác tài chính.*(MC 7.5.01 - Biên bản kiểm quỹ hàng tháng; MC 7.5.01 - Biên bản kiểm toán năm 2019)*. Trường lập dự toán tài chính và thực hiện thu chi theo quy định, báo cáo quyết toán được lập đầy đủ, kịp thời theo đúng hệ thống biểu mẫu quy định; sổ sách kế toán mở đầy đủ, rõ ràng, có tổng hợp và thuyết minh các chỉ tiêu về tình hình hoạt động thu, chi ngân sách tài chính của đơn vị. Kê khai và báo cáo thuế đầy đủ chính Xác theo định kỳ mỗi quý. *(MC 7.5.02 - Biên bản kiểm quỹ năm 2019, 2020,2021; MC 7.2.07 - Báo cáo thuế)*

Báo cáo tài chính hàng năm được lập phản ánh khách quan, trung thực tình hình tài chính của Trường và được đơn vị chủ quản phê duyệt *(MC 7.5.03 - Báo cáo quyết toán tài chính; MC 7.5.04 - Biên bản Xét duyệt quyết toán).*

Báo cáo tài chính năm trước và kế hoạch tài chính năm sau được thông qua tại hội nghị cán bộ viên chức hàng năm, cán bộ, giáo viên đều được tham gia góp ý kiến đánh giá kết quả hoạt động và kế hoạch tài chính của nhà trường theo nguyên tắc dân chủ, công khai *(MC 7.5.05 - Báo cáo tài chính trong hội nghị CBVC 2019,2020,2021;MC 7.5.06 - Biên bản hội nghị cán bộ viên chức năm 2019,2020, 2021).*

Khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sử dụng chưa đúng các nguồn kinh phí nhà trường sẽ lập tức khắc phục ngay theo đúng kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền đưa ra, thể hiện trên các báo cáo tài chính của năm tới.

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 7.5 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 7.6:***Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.*

Việc đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính hàng năm của Trường cụ thể, chi tiết như: Các nguồn tài chính phân bổ đúng mục đích, đúng qui định; các nguồn thu hợp pháp từ học phí, lệ phí, liên kết đào tạo đều được sử dụng hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường cũng như đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường.

Trong các báo cáo gửi các đơn vị chủ quản đều có sự đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường

*-* Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu chi ngân sách Nhà nước theo Nghị định 43 có đánh giá về tình hình sử dụng tài chính *( MC 7.6.01 - Báo cáo thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm theo quy định của Nghị định 43/2006/NĐ – CP).*

- Bản đối chiếu tình hình sử dụng dự toán ngân sách tại kho bạc Nhà nước *(MC 7.6.02 - Bản đối chiếu tình hình sử dụng dự toán ngân sách tại kho bạc nhà nước).*

- Báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính *(MC 7.5.03 - Báo cáo quyết toán tài chính;MC 7.6.02 - Báo cáo tiết kiệm – chống lãng phí; MC 7.6.03 - Phương án tự chủ trình Sở Tài chính, UBND thành phố; MC 7.6.04 - Báo cáo kết quả nâng mức tự chủ)*.

- Biên bản tự kiểm tra tài chính nội bộ *(MC 7.5.01 - Biên bản kiểm toán năm 2019).*

*-* Báo cáo nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính trong đó có nêu rõ các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính của trường (*MC 7.6.06 - Báo cáo thực hành tiết kiệm và chống lãng phí ; MC 7.6.07 - Báo cáo tình hình sử dụng và nâng cao hiệu quả nguồn tài chính năm 2019,2020,2021*)

Trong các cuộc họp giao ban định kỳ, tình hình quản lý và sử dụng nguồn tài chính luôn được Ban giám hiệu nhà trường, lãnh đạo các phòng, khoa đánh giá và góp ý để nâng cao hiệu quả, đặc biệt là công tác thu học phí.

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 7.6 : 1 điểm***

#### 3.2.2. Tiêu chí 8:Dịch vụ người học

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:**

***Mở đầu:*** Nhà trường luôn quan tâm đến các dịch vụ cho HSSV nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để người học yên tâm và phát huy tốt nhất khả năng của mình trong thời gian học tập và rèn luyện tại trường. Trong thời gian đầu khóa học, nhà trường phổ biến về chương trình, kế hoạch, mục tiêu đào tạo và các yêu cầu về chuyên môn của từng nghề; quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện Xét tốt nghiệp cho HSSV; nội dung các nội quy, quy chế của nhà trường ....

Ngoài ra, HSSV còn được tư vấn đầy đủ các thông tin về nghề nghiệp, việc làm; tạo mọi điều kiện đảm bảo các tiện nghi học tập sinh hoạt nghỉ ngơi khác cho người học.

***\**** *Những điểm mạnh:* Nhà trường đã cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và Xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định cho HSSV.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định cho HSSV.

HSSV của trường được tôn trọng và đối Xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc Xuất thân.

Trường Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học.

Người học được tham gia các hoạt động TDTT, văn hóa văn nghệ và các hoạt động khác trong quá trình học tại trường để phát triển toàn diện.

Hằng năm, trường thực hiện tư vấn việc làm cho người học, phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học được tiếp Xúc với các nhà tuyển dụng.

*\* Những tồn tại:*Không có

**Điểm đánh giá tiêu chí 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| **Tiêu chí 8** | **9** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 |

**Tiêu chuẩn 8.1:***Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và Xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.*

Trước khi lựa chọn vào học tại trường, người học có thể tìm hiểu các thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, các chế độ, chính sách của trường đối với người học, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học của trường được nêu rõ trên trang tuyển sinh của website trường ***(***[***https://hnivc.edu.vn/***](https://hnivc.edu.vn/)***),*** trên thông báo tuyển sinh của trường, trên tờ rơi thông báo tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021 *(MC 2.3.01- Các kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021;MC 2.3.12- Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020,2021; MC 2.3.13 -* [*https://www.facebook.com/hnivc131/*](https://www.facebook.com/hnivc131/)*, MC 2.3.14 - Hợp đồng sản xuất chương trình truyền hình; MC 2.3.15* ***-***  *Các kế hoạch tư vấn tuyển sinh tại các địa phương)*. Vì thế, người học có được đầy đủ thông tin để lựa chọn nghề nghiệp trước khi vào học ở Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội.

Khi nhập học, HSSV cũng được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và Xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định trong tuần sinh hoạt đầu khóa (*MC 8.1.01 - Kế hoạch tổ chức sinh hoạt đầu khóa các năm 2019, 2020, 2021; MC 8.1.02 - Những hình ảnh các buổi sinh hoạt đầu khóa các năm 2019, 2020, 2021*).

Nội dung về mục tiêu, chương trình đào tạo, quy chế kiểm tra, thi và Xét công nhận tốt nghiệp, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học, thời gian học tập, kế hoạch học tập theo từng năm học và các thông tin về ngành nghề mình học. ngoài việc được cung cấp trong tuần sinh hoạt đầu khóa học sinh sinh sinh viên có thể tìm hiểu thêm trên website của nhà trường .

Để kịp thời hỗ trợ HSSV trong quá trình học tập, Nhà trường phân công phòng Công tác HSSV có nhiệm vụ làm đầu mối truyền đạt thông tin đến người học thông qua tổ chức định kỳ các buổi chào cờ triển khai nhiều nội dung thông tin quan trọng đến người học: Phổ biến nội dung trọng tâm của nội quy đào tạo, quy chế công tác HSSV; tuyên dương khen thưởng HSSV; thông báo kế hoạch học tập, kế hoạch thi; tuyên truyền phòng chống ma túy,... Nhà trường bố trí giáo viên chủ nhiệm để thường Xuyên tổ chức sinh hoạt lớp, theo dõi rèn luyện của HSSV cũng như làm cầu nối trao đổi thông tin giữa Nhà trường và người học . *(MC 8.1.03 - Lịch công tác tuần thể hiện chào cờ hàng tháng của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên; MC 8.1.04 –Các Quyết định mở lớp năm 2019, 2020,2021 kèm phân công giáo viên chủ nhiệm; MC 8.1.05 - Quyết định số 222 ngày 01 tháng 10 năm 2010của Hiệu trưởng nhà trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của phòng Đào tào và Quản lý học sinh sinh viên)*

Nhà trường cũng thực hiện giải đáp mọi kiến nghị của HSSV, lắng nghe, trao đổi và cung cấp thông tin thông qua các cuộc đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với HSSV nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của HSSV. *(MC 1.11.10 - Thông báo tổ chức Giao lưu đối thoại HSSV với lãnh đạo nhà trường năm học 2018-2019,2019-2020,2020-2021 ; MC 1.11.11 -Hình ảnh buổi Giao lưu đối thoại HSSV với lãnh đạo nhà trường năm học 2018-2019, 2019 – 2020, 2020 -2021).*

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người học, hàng năm Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về việc cung cấp thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và Xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Bạn được cung cấp đầy đủ thông tin về môn học/mô đun (mục tiêu môn học/mođun, đề cương, phương pháp học, tài liệu/giáo trình học tập) | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0(%) | 18.2 (%) | 81.8% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 16.1 (%) | 83.9% |
| 2020-2021 | 964 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 5.9 (%) | 94.1% |

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.1 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.2:***Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với HSSV theo đúng quy định của Nhà nước như miễn, giảm học phí theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016, Xác nhận cho HSSV vay vốn ưu đãi và hưởng các chế độ khác như chính sách nội trú đối với HSSV theo Thông tư 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016, Nghị định 81/2021/NĐ-CP quy định về Xơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Hằng năm, Nhà trường đều thông báo công khai cho HSSV biết và nộp hồ sơ miễn giảm, thực hiện quy trình Xét miễn giảm cho HSSV theo đúng quy định nhà nước, đồng thời thực hiện miễn giảm học phí cho sinh viên đúng quy định *(MC 8.2.01 - Các thông báo về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí đối với học sinh sinh viên diện chính sách năm học 2018 - 2019, 2019 -2020, 2020 – 2021; MC 8.2.02 - Các Quyết định về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí đối với học sinh sinh viên diện chính sách năm học 2018 - 2019, 2019 -2020, 2020 – 2021 )*

Hằng năm Trường thực hiện chế độ chính sách về cấp học bổng và trợ cấp Xã hội cho HSSV đúng quy định. Đầu năm học, trường tổng hợp danh sách và hồ sơ HSSV được hưởng các chế độ, chính sách đã và đang áp dụng trong nhà trường theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, tổ chức Xét duyệt hồ sơ đủ tiêu chuẩn được hưởng các chế độ theo quy định và có quyết định công nhận

*(MC 8.2.03 - Các thông báo về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, II năm học 2018 - 2019, 2019 -2020, 2020 – 2021; MC 8.2.04 - Quy định về việc Xét cấp học bổng khuyến khích học tập; MC 8.2.05 - Các quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, II năm học 2018 - 2019, 2019 -2020, 2020 – 2021 ;MC 8.2.06 - Báo cáo tổng kết năm học của phòng Đào tạo và Quản lý HSSV; MC 1.1.19 - Báo cáo hội nghị công nhân viên chức năm 2019, 2020, 2021.)*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.2 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.3:** *Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.*

Bên cạnh việc thực hiện các chính sách chế độ cho HSSV theo quy định của nhà nước, nhà trường còn ban hành các Quyết định khen thưởng để động viên HSSV vươn lên trong học tập và thực hiện khen thưởng kịp thời đối với HSSV có thành tích học tập và rèn luyện tốt*.* Theo đó, Trường đã quy định rõ các hình thức khen thưởng đối với HSSV bao gồm khen thưởng định kỳ, khen thưởng đột Xuất; quy định các tiêu chuẩn cũng như quy trình Xét khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân HSSV *(MC 1.3.01 - Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình, bao gồm các quy trình từ quy trình đến 39 đến quy trình 47: Quy trình quản lý hồ sơ học sinh sinh viên, Quy trình khen thưởng học sinh viên, Quy trình kỷ luật học sinh sinh viên, Quy trình bảo lưu kết quả, Quy trình quản lý học bổng,Quy trình giải quyết yêu cầu của học sinh sinh viên, Quy trình quản lý hoạt động ngoại khóa, Quy trình miễn giảm học phí, Quy trình giới thiệu việc làm)*

Nhà trường có các chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, bao gồm: cấp học bổng khuyến khích học tập mỗi học kỳ, khen thưởng mỗi học kỳ cho người học, cấp học bổng của doanh nghiệp cho HSSV có kết quả học tập và rèn luyện từ khá trở lên và Xét theo chỉ tiêu quy định.

Nhà trường phân công giảng viên các khoa làm công tác nhà giáo chủ nhiệm, Phòng ĐT&QLHSSVphân công cán bộ giáo viên hướng dẫn tư vấn cho người học trong quá trình học tập, khuyến khích động viên người học ( *MC 1.1.19 – Báo cáo hội nghị công nhân viên chức năm 2019, 2020, 2021; MC 1.5.02 – Báo cáo công tác tháng, kỳ học, năm 2019, 2020, 2021*)

Trên cơ sở các tiêu chuẩn được Xét khen thưởng và quy trình Xét khen thưởng đã được quy định, hằng năm, nhà trường sẽ lập danh sách và ban hành quyết định khen thưởng cho HSSV đúng quy định. Số tiền thưởng và học bổng khuyến khích học tập hằng năm của nhà trường mỗi năm đều tăng lên. Cụ thể: năm học 2018 - 2019: nhà trường đã chi 196.400.000 đồng tiền thưởng cho học bổng khuyến khích, năm học 2019 - 2020: nhà trường đã chi 197.950.000 đồng tiền thưởng cho học bổng khuyến khích, năm học 2020 - 2021: nhà trường đã chi 286.550.000 đồng tiền thưởng cho học bổng khuyến khích*(MC 8.3.01 - Các quyết định về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, II năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021 ;MC 8.2.06 - Báo cáo tổng kết năm học của phòng Đào tạo và Quản lý HSSV; MC 1.1.19 - Báo cáo hội nghị công nhân viên chức có nội dung thực hiện các chế độ ưu đãi , trợ cấp, học bổng và khen thưởng đối với người học năm 2019, 2020, 2021.)*

Nhà trường còn vận động các đơn vị, doanh nghiệp kịp thời hỗ trợ học bổng để động viên sinh viên có thành tích tốt trong học tập, thực tập doanh nghiệp và sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cũng như hỗ trợ học bổng đột Xuất cho sinh viên có hoàn cảnh khó khan do ảnh hưởng của dịch bệnh covid (*MC 8.3.02 - Các thông báo về việc cấp học bổng vượt khó do các đơn vị và doanh nghiệp tài trợ cho học sinh sinh viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 – 2021; MC 8.3.03 - Các quyết định về việc cấp học bổng vượt khó do các đơn vị và doanh nghiệp tài trợ cho học sinh sinh viên năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021; MC 8.3.04 - Thông báo về việc thực hiện cấp học bổng hỗ trợ đột Xuất cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh covid - 19 năm học 2019 - 2020; MC 8.3.05 - Quyết định về việc thực hiện cấp học bổng hỗ trợ đột Xuất cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn do ảnh ưởng của dịch bệnh covid - 19 năm học 2019 - 2020)*

Ngoài ra nhà trường còn tiến hành trao thưởng cho các em HSSV có thành tích cao trong cuộc thi tay nghề các cấp (*MC 8.3.08 - Các quyết định về việc khen thưởng các đơn vị và HSSV có thành tích Xuất sắc trong kỳ thi tay nghề các cấp các năm)*

Nhằm cung cấp giải pháp đào tạo ngắn hạn và kỹ năng mềm có định hướng thị trường nhằm giảm tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên Việt Nam do đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế gây ra. Xét theo đề nghị của trường CĐN Công nghiệp Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố Hà nội đã ra quyết định phê duyệt nội dung văn kiện dự án "Tự tin lập ngiệp" do tổ chức Plan Internation Việt Nam tài trợ. *(MC 8.3.07 - Tờ trình số 14/TTr-CĐNCN ngày 14/10/2021, MC 8.3.08 - Công văn số 56/CĐNCN-CSVC ngày 19/3/2021 đề nghị tiếp nhận dự án "Tự tin lập nghiệp" do tổ chức Plan Internation Việt Nam tài trợ).* Mục tiêu dự án:

+ Những thanh niên có hoàn cảnh khó khăn được học nghề và các kỹ năng mềm cần thiết, được hỗ trợ tìm kiếm công việc phù hợp với thu nhập ổn định.

+ Trường CĐN Công nghiệp Hà Nội được hỗ trợ để trở thành trường nghề đạt chất lượng quốc tế, cung cấp các dịch vụ đào tạo có định hướng thị trường đảm bảo chất lượng theo Quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề thành phố Hà Nội định hướng đến năm 2030 theo quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND thành phố Hà Nội.

(*MC 8.3.09 - Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc phê duyệt nội dung văn kiện dự án “ Tự tin lập nghiệp” do tổ chức Plan Internation Việt Nam tài trợ; MC 8.3.10 - Thảo thuận hợp tác ngày 7 tháng 5 năm 2021 giữa Plan Internation Việt Nam và Trường cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội – HNIVC; MC 8.3.11 - Văn kiện dự án tự tin lập nghiệp Dự án đầu tư sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài do tổ chức Plan Internation Việt Nam tài trợ; MC 8.3.12 - Quyết định 231/QĐ-CĐNCN ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành quy chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thông qua cấp học bổng cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ bởi Dự án “ Tự tin lập nghiệp” do Google tài trợ thông qua tổ chức PLan )*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, người học đã tốt nghiệp về thực hiện chính sách khen thưởng khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập của nhà trường

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018-2019, 2019 -2020,2020-2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Nhà trường có những chính sách hỗ trợ kịp thời khi bạn gặp khó khăn trong học tập | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.8 (%) | 9.5(%) | 89.7% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0.5 (%) | 8.4 (%) | 91.0% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 6.8 (%) | 93.2% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.3 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.4**: *Người học được tôn trọng và đối Xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc Xuất thân.*

Trong tất cả các văn bản quy định của trường đều không có điểm nào thể hiện việc phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc Xuất thân đối với người học, từ việc tuyển sinh đến quản lý học tập rèn luyện, đánh giá, khen thưởng và thực hiện các chế độ chính sách đối với người học. Cụ thể:

Trong Thông báo tuyển sinh, các quy định, quy chế về đào tạo, tổ chức kiểm tra, thi, quy định về chế độ chính sách, hỗ trợ của nhà trường không có sự phân biệt về giới tính, tôn giáo, nguồn gốc Xuất thân. *(MC2.2.01 -Quyết định số 477/QĐ – CĐNCNHN ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành các quy định, quy chế trong đào tạo nghề của trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà nội; MC2.2.02 -Quyết định số 05/QĐ – CĐNCN ngày 02/01/2020 Ban hành quy định, quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp của Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội ; MC 2.2.03 - Quyết định số 09/QĐ –CĐNCN ngày 04/01/2021 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh của trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội; MC 2.3.12- Thông báo tuyển sinh năm 2019,2020,2021; MC 2.3.01- Các kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021*).

Khi đã là HSSV của trường thì tất cả người học được hưởng mọi quyền lợi như nhau: như khen thưởng, kỷ luật, học bổng.Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về Phụ nữ, trong đó có tọa đàm về Bình đẳng giới cho nữ CBGV và nữ HSSV tham dự và nâng cao nhận thức về việc bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa mọi người, không phân biệt giới tính. (*MC 8.3.14* - *Quyết định 231/QĐ-CĐNCN ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành quy chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thông qua cấp học bổng cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ bởi Dự án “ Tự tin lập nghiệp” do Google tài trợ thông qua tổ chức Plan)*

Nhà trường đã tiến hành khảo sát các đối tượng về việc Người học được tôn trọng và đối Xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc Xuất thân, hầu hết kết quả khảo sát đánh giá tốt và rất tốt *(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học các năm 2018-2019,2019-2020, 2020-2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Bạn được tôn trọng và đối Xử bình đẳng trong các hoạt động học tập, rèn luyện | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 10.3(%) | 89.7% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 10.9(%) | 89.1% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 10.0(%) | 90.0% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.4 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.5**: *Ký túc Xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.*

Do điều kiện trường nằm giữa trung tâm thành phố, quỹ đất hạn hẹp và theo đúng chủ trương của nhà trường, Trung tâm truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp ký hợp đồng thỏa thuận với các khu Ký túc xá để thuê phòng cho Học sinh sinh viên.

Khi tình hình covid – 19 bùng phát, học sinh sinh viên của nhà trường được hỗ trợ toàn bộ chỗ ở có nhà vệ sinh khép kín, bình nóng lạnh, ... ngoài ra còn hỗ trợ một phần tiền ăn hàng ngày cho sinh viên năm cuối phải học trực tiếp các môn học/mô đun ở trường. Ban giám hiệu, công đoàn cũng thường xuyên có mặt để chăm lo đời sống cho các em ( MC 8.5.01 – Hình ảnh mô phỏng “ 3 tại chỗ”)

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về nhu cầu ký túc xá của Học sinh sinh viên .Công cụ: Phiếu khảo sát, với 5 mức đánh giá (Mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; Mức 2: Không đồng ý. Mức 3: Phân vân; Mức 4: Đồng ý; Mức 5: Hoàn toàn đồng ý). Kết quả thu được như sau:

*( MC 2.1.19 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 - 2020, 2020 -2021).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Nhà trường đáp ứng nhu cầu về ký túc xá của học sinh sinh viên | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0.2(%) | 4.0 (%) | 24.0 (%) | 71.9% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0.2(%) | 4.6 (%) | 23.2 (%) | 72% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0.6(%) | 2.2(%) | 18.4 (%) | 78.8% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.5 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.6**: *Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm*.

**1. Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường có phòng y tế để chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ cho cán bộ, nhà giáo và HSSV. Phòng y tế đặt tại tầng 1 của cơ sở 1. Phòng y tế của trường được đặt ở vị trí thuận lợi cho công tác khám chữa bệnh ban đầu của NG, CBNV và HSSV cũng như HSSV đang theo học tại trường; chuyển đúng tuyến với những trường hợp bệnh cấp cứu, bệnh quá khả năng điều trị, tham gia công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban cho NG, CBNV và HSSV trong trường và thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe ban đầu cho toàn trường. Hiện tại bộ phận y tế có 01 nhân viên y tế có đầy đủ văn bằng chứng chỉ theo quy định *(MC 8.6.01- Bằng cấp của cán bộ y tế))*Trạm y tế có đầy đủ các thiết bị y tế tối thiểu phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho NG, CBNV và HSSV trong trường theo Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong trạm y tế của các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở dạy nghề *(MC 8.6.02- Quyết định 16/QĐ-CĐNCN về việc thành lập bộ phận y tế trường CĐN Công nghiệp Hà Nội; MC 8.6.03- Nội quy bộ phận y tế; MC 8.6.04 - Biên bản kiểm kê trang thiết bị y tế năm 2019, 2020, 2021; MC 8.6.05 - Danh mục thuốc năm 2019, 2020, 2021).*Nhà trường còn thường Xuyên tiến hành phun thuốc diệt muỗi và côn trùng trong toàn trường (*MC 8.6.06 - Thông báo về việc phun thuốc muỗi;MC 8.6.07 - Hợp đồng và thanh lý hợp đồng dịch vụ phun thuốc diệt muỗi năm 2019,2020,2021)* Hàng năm, bộ phận y tế đều thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình. *(MC 8.6.08 - Báo cáo công tác vệ sinh y tế trường học năn học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 – 2021)*.

Công tác bảo hiểm y tế đối với CBGVNV và HSSV được thực hiện khá tốt: Khi nhập học và vào đầu mỗi năm học, HSSV được thông báo về việc mua Bảo hiểm và được nhà trường thực hiện mua bảo hiểm y tế cho HSSV và CBGVNV *(MC 8.6.09 - Thông báo nhập học các năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 - 2021; MC 8.6.10 - Các thông báo về việc khám sức khỏe đầu vào cho HSSV năm 2019, 2020, 2021; MC 8.6.11 – Hợp đồng khám sức khỏe cho HSSV)*

Đặc biệt từ năm 2020 dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra đang diễn biến ngày càng phức tạp. Để chủ động phòng chống dịch bệnh, nhà trường đã ban hành kế hoạch số 03a/KH-CĐNCN ngày 8/1/2021 về việc phòng chống dịch viêm đường hô hấp cấp do virus gây ra. Nội dung kế hoạch cụ thể, chi tiết tới từng đơn vị, trong đó cũng nhấn mạnh việc phòng chống dịch bệnh là nhiệm vụ cấp bách của các đơn vị trong nhà trường cũng như mỗi cán bộ, viên chức, nhân viên, HSSV để đảm bảo mọi hoạt động của nhà trường được thông suốt. Hiệu trưởng yêu cầu tất cả các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. *(MC 8.6.12 - Kế hoạch số 03a ngày 08/1/2021về phòng chống dịch viêm đường hô hấp cấp do vius Corona tại trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội).* Song song với đó nhà trường ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh *(MC 8.6.13 - Quyết định số 42a/QĐ-CĐNCN ngày 30/2/2020 về việc thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh; MC 8.6.14 - Quyết định số 218/QĐ-CĐNCN ngày 29/4/2021 về việc thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh tại trường CĐN Công nghiệp Hà Nội)*

Trong mỗi tình huống cụ thể nhà trường đều ban hành thông báo để ứng phó kịp thời *(MC 8.6.15 - Các thông báo khẩn về tình hình dịch bệnh).* Nhà trường còn phối hợp rất chặt chẽ với ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh các cấp để tổ chức cho HSSV khi đến trường học tập theo hình thức "3 tại chỗ" được test covid và được tiêm phòng đầy đủ 2 mũi *(MC 8.6.16 - Hình ảnh HSSV test covid và tiêm chủng; MC 8.6.17 - Báo cáo công tác đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch bệnh COVID -19)*.

Công tác y tế của trường được cơ quan y tế cấp trên kiểm tra thường Xuyên và đột Xuất và có đánh giá khá tốt về công tác y tế học đường và phòng chống dịch bệnh *(MC 8.6.18 - Các biên bản giám sát vệ sinh công tác trường học, phòng chống dịch bệnh)*

Để đánh giá khách quan công tác y tế của trường, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học về công tác y tế và dịch vụ ăn uống vệ sinh an toàn thực phẩm. Kết quả khảo sát không có đánh giá yếu, các mức còn lại được phản ánh qua bảng sau (Theo tỷ lệ %):

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Nhà trường có chính sách chăm lo sức khỏe cho sinh viên*: Khám sức khỏe, Xưởng thực tập thực hiện OHS, phòng y tế khám cấp thuốc khi ban ốm/đau.* | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 13.9 (%) | 86.1% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 15.9 (%) | 84.1% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 5.6 (%) | 94.4% |

**Căng tin của Nhà trường**

Trường có Nhà ăn nằm trong khuôn viên trường, có diện tích 120 m2, có khu chế biến thực phẩm riêng biệt, hệ thống điện, nước sạch, PCCC, thoát nước hoàn chỉnh, sử dụng ổn định đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm *(MC 8.6.19 - Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm)*. Để đảm bảo sự chủ động kiểm tra giám sát chất lượng dịch vụ ăn uống, liên phòng Tổ chức - Hành chính, và Phòng đào tạo và quản lý HSSV tiến hành kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn ngừa nguy cơ vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm. *(MC 8.6.20 - Biên bản kiểm tra Vệ sinh ATTP căng tin trường năm 2019, 2020, 2021; MC 8.6.21 - Báo cáo vệ sinh ATTP tại căng tin trường năm 2019, 2020, 2021).*

Qua kiểm tra cho thấy hoạt động tại Nhà ăn của trường thực hiện lưu mẫu thức ăn (24 giờ) theo cam kết tại hợp đồng cung ứng dịch vụ ăn uống; Trang phục đầy đủ đồ bảo hộ làm việc tại nhà bếp; Nhà ăn không bán, không trưng bày các chất kích thích như rượu, bia, thuốc lá; Đồ ăn liền: (mì tôm, bánh kẹo, sữa, nước lọc, nước uống đóng chai và một số sản phầm khác) có nguồn gốc Xuất Xứ rõ ràng; Bao bì chứa đựng thức ăn sạch sẽ; Sử dụng găng tay ni lông dùng 1 lần khi bán hàng; Có đầy đủ thiết bị bảo quản thực phẩm: tủ đông, tủ bảo quản mát, tủ kính; Dụng cụ chứa đựng thức ăn sạch sẽ,...

Để đánh giá khách quan dịch vụ ăn uống đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học dịch vụ ăn uống vệ sinh an toàn thực phẩm. Kết quả khảo sát không có đánh giá yếu, các mức còn lại được phản ánh qua bảng sau (Theo tỷ lệ %):

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Nhà ăn/căng tin đáp ứng nhu cầu học sinh sinh viên | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0.4 (%) | 8.4 (%) | 91.2% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0.1 (%) | 0.3 (%) | 20.3 (%) | 79.2% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0.2 (%) | 17.6 (%) | 82.2% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.6 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.7**: *Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động Xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.*

HSSV của trường được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động Xã hội. Cụ thể:

Nhà trường có các công trình phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao: Sân cầu lông, sân bóng đá, Xà đơn, Xà kép,…tạo điều kiện tốt nhất cho HSSV có môi trường hoạt động, tập luyện lành mạnh Các đơn vị trong Nhà trường thường Xuyên phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Khoa Lý thuyết cơ bản Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho người học như: Tổ chức các giải thi đấu bóng đá, các tiết mục văn nghệ, chào mừng những ngày kỷ niệm và ngày lễ trong năm; tổ chức các hoạt động thanh niên tình nguyện, chương trình *“Đón tân học sinh, sinh viên”*, tổ chức các hoạt động ngoại khóa,*…* Ngoài ra nhà trường còn tạo điều kiện cho HSSV tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học *(MC 8.7.01 – Tổ chức chương trình “ Tóc đẹp đến trường”; MC 8.7.02- Kế hoạch tổ chức giải bóng đá “ Cúp tân sinh viên năm 2019, điều lệ giải bóng đá “ Cúp tân sinh viên năm 2019”; 8.7.03 – Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa – văn nghệ và Hội trại chào mừng kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 và 45 ngày truyền thống nhà trường; MC 8.7.04 - Các hình ảnh hoạt động, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.... của học sinh sinh viên).*

Ngoài việc được tham gia các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, HSSV Nhà trường còn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động Xã hội vì cộng đồng. Một số hoạt động tình nguyện điển hình như: Đón tân *HSSV (MC 8.7.05 - Hình ảnh buổi giao lưu "Chào tân sinh viên")*, hiến máu tình nguyện *(MC 8.7.06 - Hình ảnh HSSV tham gia hiến máu)*... Các học sinh, sinh viên tham gia hoạt động tình nguyện trên tinh thần tự nguyện và được huy động theo các kế hoạch, chương trình về tổ chức hoạt động chung của nhà trường. *(MC 8.7.07 - Các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn thanh niên các năm*). Bên cạnh đó Đoàn thanh niên trường cũng thường Xuyên tham gia các hoạt động của cấp trên - Quận đoàn Đống Đa tổ chức *(MC 8.7.08- Các thông tri triệu tập của đoàn thanh niên)*. Đoàn thanh niên nhà trường trường đã tích cực tạo ra các hoạt động nhằm thu hút đông đảo cán bộ, giáo viên, nhân viên trong độ tuổi đoàn và HSSV tham gia vào các hoạt động Xã hội, hoạt động phong trào *(MC 8.7.09- Báo cáo thành tích tập thể công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)*. Các phong trào đã tạo không khí vui tươi, sôi nổi lành mạnh trong nhà trường. Từ năm 2019 đến nay*,* Đoàn thanh niên trường đã được đoàn cấp trên khen thưởng bằng nhiều hình thức *(MC 8.7.10- Các quyết định và bằng khen của BCH Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh)*

Việc đảm bảo an ninh, an toàn trường học cho HSSV cũng được Nhà trường đặc biệt quan tâm*.* Công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên Nhà trường được các đơn vị liên quan phối hợp thực hiện rất tốt. Hàng ngày, có lực lượng bảo vệ phối hợp với nhà giáo trực ban của Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên và Đội thanh niên Xung kích, tổ chức trực 24/24 giờ, thường Xuyên năm bắt tình hình, kịp thời ngăn chặn và Xử lý khi có tình huống Xảy ra, đảm bảo duy trì an toàn, an ninh trong Nhà trường. Nhà trường tăng cường phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công an địa phương đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống âm mưu kích động, lôi kéo HSSV tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn Xã hội, thực hiện phòng cháy chữa cháy,… Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, tuyên truyền giáo dục và phối hợp ngăn chặn tình trạng đánh nhau ở trong và ngoài trường học. Chủ động đề Xuất và thực hiện các giải pháp Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.Trong nội quy cửa cơ quan có ghi rõ:

\* Đối với khách đến liên hệ công tác

Điều 1: Mọi trường hợp ra vào trường của khách đều chịu sự kiểm tra, hướng dẫn của bảo vệ nhà trường. Khách đến liên hệ công tác phải Xuất trình giấy giới thiệu hoặc chứng minh thư nhân dân cho thường trực cơ quan và phải tuân theo mọi quy định của Nhà trường.

Điều 2**:** Không được mang vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, hoá chất độc vào trường, trường hợp có mang theo phải báo cáo thường trực cơ quan biết và gửi lại theo hướng dẫn của thường trực cơ quan.

\* Đối với HSSV nhà trường

Điều 13: Trong giờ học không bỏ ra ngoài để giải quyết các việc khác, khi không có giáo viên đến giảng hoặc di chuyển điểm học phải giữ trật tự không làm ảnh hưởng đến các lớp bên cạnh. Không được đưa người ngoài vào trong trường, trong lớp học

*(MC 1.3.06 - Quy chế dân chủ- Nội quy cơ quan)*

Theo báo cáo an ninh của trường trong 4 năm qua nhà không có các sự việc nào phải Xử lý về an ninh trật tự. Hiện nhà trường có 10 nhân viên bảo vệ đảm bảo an ninh 24/24 giờ *(MC 8.7.11- Bảng phân công lịch trực bảo vệ).* Trường có mối liên hệ chặt chẽ với Công an phường Thịnh Quang, được thể hiện qua Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự giữa nhà trường và công an phường Thịnh Quang. *(MC 8.7.12- Báo cáo/đánh giá công tác an toàn, an ninh trường học của Nhà trường)*

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, người học đã tốt nghiệp về nhà trường tạo điều kiện hoạt động, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được đảm bảo trong khuôn viên nhà trường ( *MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học các năm 2018-2019,2019-2020, 2020-2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Trường có tổ chức hoạt động văn nghệ thể dục thể thao cho học sinh sinh viên | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 6.6(%) | 93.4% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 2.8(%) | 97.2% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 6.8 (%) | 93.2% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.7 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.8**: *Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Trong quá trình đào tạo, Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội Xác định Việc làm cho người học sau tốt nghiệp là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhà trường đã thành lập trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp. Trung tâm luôn sẵn sàng và thường Xuyên tổ chức thực hiện tư vấn việc làm cho người học chuẩn bị tốt nghiệp được tư vấn về cơ hội và định hướng nghề nghiệp từ khi các em bắt đầu vào trường và trong quá trình học tập tại trường *(MC 8.8.01 - Các quyết định điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp)*

Cán bộ của trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệpcó nhiệm vụ thực hiện tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp *(MC 8.8.02 - Danh sách Cán bộ của Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp; MC 8.8.03 - Quyết định phân công nhiệm vụ của cán bộ Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp; MC 8.8.04 - Kế hoạch và báo cáo tổng hợp hàng tháng về tư vấn việc làm cho người học).*

Thường Xuyên thực hiện việc tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp và tổ chức trợ giúp giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp dưới nhiều hình thức: Gửi các thông báo tuyển dụng lao động trong và ngoài nước tới các lớp có HSSV tốt nghiệp ra trường, dán Thông báo về việc giới thiệu việc làm cho sinh viên đã tốt nghiệp tại cửa phòng trung tâm, cổng trường chính, bảng tin của trường... những nơi sinh viên, doanh nghiệp và quan khách đến trường dễ dàng nhìn thấy để biết và liên hệ với Trung tâm, thường Xuyên cập nhật lên Website nhà trường (*MC 1.1.16 - https://hnivc.edu.vn/viec-lam-tuyen-dung.html; MC 8.8.05 - Các thông báo về tuyển dụng lao động).* Trước cửa Trungtâm có bảng thông tin, thông báo về việc làm cho sinh viên thường Xuyên cập nhật những thông báo tuyển dụng của Doanh nghiệp về việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp, việc làm thêm, bán thời gian cho SV đang học tập tại trường có nhu cầu đi làm thêm để học hỏi, lấy kinh nghiệm, kiến thức và trải nghiệm *(MC 8.8.06 - Ảnh chụp bảng thông tin thông báo về việc làm; MC 8.8.07 - Danh sách doanh nghiệp hợp tác và tuyển dụng học sinh sinh viên tốt nghiệp đến làm việc tại doanh nghiệp)*

Khi nhận được các thông tin, thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp, Trung tâm gửi các thông báo tuyển dụng đó đến các Khoa, giáo viên chủ nhiệm, đến các lớp để thông báo cho SV biết, tiếp Xúc với thông tin tuyển dụng và đăng kí đi làm *(MC 8.8.08 - Sổ thông báo công văn đến, công văn đi về các Thông báo tuyển dụng của Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp).*

Trong báo cáo lần vết sinh viên của nhà trường hàng năm theo dự án GIZ về khảo sát lần vết HSSV nhà trường thông qua bảng hỏi về tình hình việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp cho thấy có nhiều HSSV tìm được việc làm qua nhà trường và các thầy cô giáo giới thiệu, tư vấn. Một số HSSV sau khi các em đi thực tập, học tập trải nghiệm tại doanh nghiệp theo chương trình học của nhà trường thấy công việc tốt và Xin ở lại doanh nghiệp để làm việc. Doanh nghiệp thấy các em HSSV có ý thức tốt, tay nghề tốt, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp thường nhận HSSV ngay sau khi thực tập, học tập trải nghiệm tại doanh nghiệp (*MC 8.8.09 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp)*

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.8 : 1 điểm***

**Tiêu chuẩn 8.9**: *Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp Xúc với các nhà tuyển dụng.*

Hàng năm nhà trường, trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp, phòng ĐT&QLHSSV, các phòng ban, các khoa chuyên môn, Đoàn thanh niên cùng phối hợp thường Xuyên tổ chức Ngày hội việc làm cho HSSV trong thời gian các em thi tốt nghiệp đến khi nhận bằng tốt nghiệp để các em có cơ hội tiếp Xúc với các nhà tuyển dụng và tham gia phỏng vấn Xin việc để đi làm ngay khi tốt nghiệp*.* Nhà trường, trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp, phòng ĐT&QLHSSV cùng các khoa liên hệ mời doanh nghiệp tham gia "Ngày hội việc làm" để tuyển dụng HSSV sau khi tốt nghiệp. Thường có khoảng 40-50 doanh nghiệp tham gia "Ngày hội việc làm" và sau đó thường Xuyên làm việc với nhà trường để tuyển dụng HSSV cũng như tạo điều kiện cho các em thực tập, học tập trải nghiệm của doanh nghiệp mình và nhận các em có ý thức tốt, tay nghề cao ở lại doanh nghiệp của mình làm việc và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp của mình *(MC 8.9.01 - Kế hoạch tổ chức Ngày hội việc làm năm 2019, 2020, 2021; MC 8.9.02 - Thư mời tham gia "Ngày hội việc làm" năm 2019, 2020, 2021; MC 8.9.03 - Thông báo tổ chức Ngày hội việc làm năm 2019, 2020, 2021; MC 8.9.04 - Chương trình tổ chức Ngày hội việc làm năm 2019, 2020, 2021; MC 8.9.05 - Danh sách các Doanh nghiệp tham gia tổ chức Ngày hội việc làm và vị trí tuyển dụng năm 2019, 2020, 2021).*

Sau khi tổ chức "Ngày hội việc làm" cho HSSV tham gia tuyển dụng, Giám hiệu có họp trao đổi với các doanh nghiệp để lắng nghe những ý kiến chia sẻ của các nhà tuyển dụng. Từ đó phát huy những ưu điểm và khắc phục các nhược điểm của nhà trường cũng như để tổ chức ngày hội việc làm năm sau tốt hơn, nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ của nhà trường phù hợp với thực tế thị trường lao động việc làm hơn. *(MC 8.9.06 - Báo cáo kết quả tổ chức "Ngày hội việc làm" năm 2019, 2020, 2021; MC 8.9.07 - Biên bản họp Giám hiệu với doanh nghiệp về Ngày hội việc làm năm 2019, 2020, 2021).*

Nhà trường Xây dựng mạng lưới doanh nghiệp với hơn 200 doanh nghiệp thường Xuyên phối hợp với nhà trường để có nhiều lựa chọn cho nhà trường khi cho HSSV đi thực tập, trải nghiệm, học tập modul môn học cho đúng ngành nghề, có nhiều lựa chọn cho HSSV sau khi tốt nghiệp lựa chọn làm việc. *(MC 8.9.08 - Danh sách doanh nghiệp liên hệ, hợp tác với nhà trường).*

Trung tâm HTVL & QHDN tiến hành khảo sát các doanh nghiệp để tìm hiểu nhu cầu thực tế tại doanh nghiệp để Xây dựng chương trình đào tạo các modul, môn học cho phù hợp với doanh nghiệp *(Bộ MC 8.8.10 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp).*

Phối hợp với một số doanh nghiệp: Công ty HC – Smart parking, Công ty Dụng cụ cơ khí – Coma, ....Xây dựng chương trình học tập modul, môn học phù hợp với doanh nghiệp và chương trình đào tạo của nhà trường *(MC 8.9.09 - Giấy đề nghị đưa sv đi học tập tại doanh nghiệp; MC 2.4.05 - Tiến độ đào tạo năm học 2018-2019 ;2019-2020, 2020-2021, 2021 -2022;* [*MC 1.1.16 - http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html*](http://hnivc.edu.vn/dao-tao/thoi-khoa-bieu.html)*).* Trên cơ sở đó Xây dựng chương trình đào tạo cho các chương trình phù hợp với Xu thế mới của thời đại công nghệ 4.0.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học, người học đã tốt nghiệp về nhà trường phối hợp tổ chức hội chợ việc làm tiếp Xúc nhà tuyển dụng (*MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học các năm 2018-2019,2019-2020, 2020-2021)*

Để đánh giá khách quan công tác y tế của trường, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học về công tác y tế và dịch vụ ăn uống vệ sinh an toàn thực phẩm. Kết quả khảo sát không có đánh giá yếu, các mức còn lại được phản ánh qua bảng sau (Theo tỷ lệ %):

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số phiếu khảo sát | Bạn được tư vấn việc làm, hướng dẫn tìm kiếm việc làm | | | | |
| Hoàn toàn không đồng ý (%) | Không đồng ý (%) | Phân vân (%) | Đồng ý (%) | Hoàn toàn đồng ý (%) |
| 2018-2019 | 1310 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 8.3 (%) | 91.7% |
| 2019-2020 | 1481 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 18.1 (%) | 81.9% |
| 2020-2021 | 864 | 0 (%) | 0 (%) | 0 (%) | 10.0 (%) | 90.0% |

***Điểm đánh giá tiêu chuẩn 8.9 : 1 điểm***

#### 3.2.9. Tiêu chí 9:Giám sát, đánh giá chất lượng

**Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:**

***Mở đầu:***

***\**** *Những điểm mạnh:*

Nhà trường đã Xây dựng được mối quan hệ rộng rãi, có liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp là điều kiện thuận lợi để thực hiện công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động, nhu cầu đào tạo và người sử dụng lao động từ đó phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp tại Nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Nhà trường được thực hiện hàng năm theo đúng quy định.

*\* Những tồn tại:***Không có**

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, cập nhật thường Xuyên các nhu cầu của doanh nghiệp, kết hợp giữa đào tạo và sản Xuất, nhằm tạo điều kiện tốt cho công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động theo từng ngành nghề, giúp HSSV ra trường có việc làm theo đúng ngành nghề được đào tạo.

- Tiếp tục lấy ý kiến đánh giá từ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và HSSV. Thường Xuyên thay đổi nội dung khảo sát nhằm đi sâu vào thực tế.

- Tiếp tục thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các kết quả của công tác lần vết làm cơ sở cho việc cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của Nhà trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 9**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí, tiêu chuẩn** | **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn** |
| **Tiêu chí 9** | **6** |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 |

***Tiêu chuẩn 9.1:*** *Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với thị trường lao động, mở rộng quan hệ với Doanh nghiệp. Nhà trường giao cho Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp là đơn vị thường trực trong công tác khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp.

Hàng năm, để Xác định mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp, Nhà trường thực hiện thu thập ý kiến của các doanh nghiệp mà Nhà trường cung cấp HSSV sau đào tạo về làm việc. Việc tổ chức thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động được Nhà trường thực hiện theo quy trình khảo sát *(MC MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số: 76).*

Hằng năm, Nhà trường lập kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động*.*Nhà trường lấy ý kiến bằng hình thức: Thu thập ý kiến qua phiếu khảo sát; qua hội nghị doanh nghiệp và thu thập ý kiến trực tiếp tại hội nghị doanh nghiệp *(MC 9.1.01 - Kế hoạch khảo sát Xin ý kiến phản hồi của doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021).*

**Cụ thể:**

Năm 2019: Trường tiến hành thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 18 doanh nghiệp.

Năm 2020: Trường tiến hành thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 20 doanh nghiệp.

Năm 2021: Trường tiến hành thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 22 doanh nghiệp.

Nhà trường đã Xin ý kiến các doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của các cựu HSSV của trường đang làm việc tại doanh nghiệp về những nội dung sau: Kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, tinh thần kỷ luật và cầu thị trong công việc, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm.*( MC 9.1.01- Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021)*

Kết quả khảo sát như sau:

**Năm 2019:**Trường thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 18 doanh nghiệp.

| **STT** | **Tên doanh nghiệp** | **Địa điểm** | **Số HSSV đang LV** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công ty CP máy tính Hà Nội | 129-131 Lê Thanh Nghị - Hai Bà Trưng – Hà Nội | 8 |
| 2 | Công ty CP Tư vấn công nghệ cao Duy Hoàng | Kiot số 2 – Ngõ 558-560 Nguyễn Văn Cừ - Gia Thụy – Long Biên – Hà Nội | 10 |
| 3 | Công ty CP Xây lắp Peico | Số 17 ngõ 139 Mỹ Đình – Đình Thôn – Nam Từ Niêm – Hà Nội | 10 |
| 4 | Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thành Giang | Số 33 ngõ 6B Thành Công – Ba Đình – Hà Nội | 5 |
| 5 | Công ty CP Kỹ thuật ô tô Disa | Số 62 Tam Khương – Khương Thượng – Đống Đa – Hà Nội | 12 |
| 6 | Công ty TNHH DV & TM Bách khoa Việt Nam | 15/62 Ngõ Thổ Quan – Đống Đa – Hà Nội | 15 |
| 7 | Trung tâm sách – Nhà Xuất bản lao động Xã hội | 131 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội | 5 |
| 8 | Công ty CP đào tạo công nghệ ITPLUS | Số 18/8/11/36/79 Lê Quang Đạo – Phú Đô – Nam Từ Liêm – Hà Nội | 6 |
| 9 | Công ty TNHH thiết bị vật tư tổng hợp quốc tế | Số 495 Thụy Khuê – Bưởi – Tây Nồ - Hà Nội | 12 |
| 10 | Công ty CP đầu tư MSVN | Số 4 –Ngõ 249 Chùa Bộc – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội | 15 |
| 11 | Công ty CP Winbata Việt Nam | Số 9 – Ngõ 151 Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội | 16 |
| 12 | Công ty Cp Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT | Tầng 21 Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng – Đống Đa – Hà Nội | 25 |
| 13 | Công ty TNHH TM &DV Hải An | Số 72 ngõ 67 Nguyễn Văn Cừ - Ngọc Lân – Long Biên – Hà Nội | 12 |
| 14 | Công ty CP HC – Phát triển công nghệ Smart Parking | Số 6 Xóm 1 Khu Đồng Xa – mai Dịch – Cầu Giấy – Hà Nội | 23 |
| 15 | Công ty CP An toàn & Môi trường Việt Nam | 31 Ngõ 265 – Bồ Đề - Long Biên – Hà Nội | 5 |
| 16 | Công ty CP ITC | Tòa nhà Á Long – Lô A2 – CN 8 Cụm CN Từ Liêm- Xuân Canh – Nam Từ Liêm – Hà Nội | 14 |
| 17 | Công ty TNHH TM & DV NTL Việt Nam | 126B Yên Duyên – Yên Sở - Hoàng Mai – Hà Nội | 12 |
| 18 | Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Chữ Tín | A5 Nguyễn Chánh – Cầu Giấy – Hà Nội | 7 |
| **Tổng** |  |  | **212** |

**Năm 2020:**Trường thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 20 doanh nghiệp.

| **STT** | **Tên doanh nghiệp** | **Địa điểm** | **Số HSSV đang LV** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công ty CP Công nghệ điện lạnh Bình Minh | Tầng 2, số 82 đường Trường Chinh – Phương Mai – Đống Đa – Hà Nội | 15 |
| 2 | Công ty CP máy tính Hà Nội | 129-131 Lê Thanh Nghị - Hai Bà Trưng – Hà Nội | 18 |
| 3 | Công ty CP Tư vấn công nghệ cao Duy Hoàng | Kiot số 2 – Ngõ 558-560 Nguyễn Văn Cừ - Gia Thụy – Long Biên – Hà Nội | 15 |
| 4 | Công ty CP ITC | Tòa nhà Á Long – Lô A2 – CN 8 Cụm CN Từ Liêm- Xuân Canh – Nam Từ Liêm – Hà Nội | 16 |
| 5 | Công ty CP Xây lắp Peico | Số 17 ngõ 139 Mỹ Đình – Đình Thôn – Nam Từ Niêm – Hà Nội | 15 |
| 6 | Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thành Giang | Số 33 ngõ 6B Thành Công – Ba Đình – Hà Nội | 6 |
| 7 | Công ty CP Kỹ thuật ô tô Disa | Số 62 Tam Khương – Khương Thượng – Đống Đa – Hà Nội | 15 |
| 8 | Công ty TNHH DV & TM Bách khoa Việt Nam | 15/62 Ngõ Thổ Quan – Đống Đa – Hà Nội | 16 |
| 9 | Trung tâm sách – Nhà Xuất bản lao động Xã hội | 131 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội | 6 |
| 10 | Công ty TNHH thiết bị vật tư tổng hợp quốc tế | Số 495 Thụy Khuê – Bưởi – Tây Nồ - Hà Nội | 15 |
| 11 | Công ty CP đầu tư MSVN | Số 4 –Ngõ 249 Chùa Bộc – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội | 18 |
| 12 | Công ty CP Winbata Việt Nam | Số 9 – Ngõ 151 Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội | 19 |
| 13 | Công ty Cp Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT | Tầng 21 Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng – Đống Đa – Hà Nội | 30 |
| 14 | Công ty TNHH TM &DV Hải An | Số 72 ngõ 67 Nguyễn Văn Cừ - Ngọc Lâm – Long Biên – Hà Nội | 14 |
| 15 | Công ty TNHH Máy công nghệ và phụ tùng ô tô | Số 81 Lạc Trung – Vĩnh Tuy – Hai Bà Trưng – Hà Nội | 15 |
| 16 | Công ty CP HC – Phát triển công nghệ Smart Parking | Số 6 Xóm 1 Khu Đồng Xa – mai Dịch – Cầu Giấy – Hà Nội | 15 |
| 17 | Công ty TNHH Thương mại Quốc tế An Phú | Số 378 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội | 6 |
| 18 | Công ty CP An toàn &Môi trường Việt Nam | 31 Ngõ 265 – Bồ Đề - Long Biên – Hà Nội | 7 |
| 19 | Công ty TNHH TM & DV NTL Việt Nam | 126B Yên Duyên – Yên Sở - Hoàng Mai – Hà Nội | 14 |
| 20 | Nguyễn Văn Cung | TT Liễu Đề - Nghĩa Hưng – Nam Định | 5 |
| **Tổng** |  |  | **280** |

**Năm 2021:**Trường thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động đối với 22 doanh nghiệp..

| **STT** | **Tên doanh nghiệp** | **Địa điểm** | **Số HSSV đang LV** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công ty Cp Công nghệ điện lạnh Bình Minh | Tầng 2, số 82 đường Trường Chinh – Phương Mai – Đống Đa – Hà Nội | 19 |
| 2 | Công ty CP máy tính Hà Nội | 129-131 Lê Thanh Nghị - Hai Bà Trưng – Hà Nội | 19 |
| 3 | Công ty CP Tư vấn công nghệ cao Duy Hoàng | Kiot số 2 – Ngõ 558-560 Nguyễn Văn Cừ - Gia Thụy – Long Biên – Hà Nội | 18 |
| 4 | Công ty CP Xây lắp Peico | Số 17 ngõ 139 Mỹ Đình – Đình Thôn – Nam Từ Niêm – Hà Nội | 20 |
| 5 | Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thành Giang | Số 33 ngõ 6B Thành Công – Ba Đình – Hà Nội | 8 |
| 6 | Công ty CP Kỹ thuật ô tô Disa | Số 62 Tam Khương – Khương Thượng – Đống Đa – Hà Nội | 18 |
| 7 | Công ty TNHH DV & TM Bách khoa Việt Nam | 15/62 Ngõ Thổ Quan – Đống Đa – Hà Nội | 18 |
| 8 | Trung tâm sách – Nhà Xuất bản lao động Xã hội | 131 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội | 8 |
| 9 | Công ty CP đào tạo công nghệ ITPLUS | Số 18/8/11/36/79 Lê Quang Đạo – Phú Đô – Nam Từ Liêm – Hà Nội | 10 |
| 10 | Công ty TNHH thiết bị vật tư tổng hợp quốc tế | Số 495 Thụy Khuê – Bưởi – Tây Nồ - Hà Nội | 18 |
| 11 | Công ty CP đầu tư MSVN | Số 4 –Ngõ 249 Chùa Bộc – Trung Liệt – Đống Đa – Hà Nội | 18 |
| 12 | Công ty CP Winbata Việt Nam | Số 9 – Ngõ 151 Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội | 21 |
| 13 | Hiệp hội Sắn Việt Nam | Số 3 ngõ 479 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội | 5 |
| 14 | Công ty Cp Quản lý và Khai thác tòa nhà VNPT | Tầng 21 Tòa nhà VNPT, số 57 Huỳnh Thúc Kháng – Đống Đa – Hà Nội | 35 |
| 15 | Công ty TNHH TM &DV Hải An | Số 72 ngõ 67 Nguyễn Văn Cừ - Ngọc Lâm – Long Biên – Hà Nội | 15 |
| 16 | Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Novaref | Dường D1 khu C khu CN Hòa Mạc – TT Hòa Mạc – Duy Tiên – Hà Nam | 5 |
| 17 | Công ty CP HC – Phát triển công nghệ Smart Parking | Số 6 Xóm 1 Khu Đồng Xa – Mai Dịch – Cầu Giấy – Hà Nội | 29 |
| 18 | Công ty TNHH Thương mại Quốc tế An Phú | Số 378 Minh Khai – Hai Bà Trưng – Hà Nội | 7 |
| 19 | Công ty TNHH DVTM Chữ Tín | A5 Nguyễn Chánh – Cầu Giấy – Hà Nội | 10 |
| 20 | Công ty CP An toàn & Môi trường Việt Nam | 31 Ngõ 265 – Bồ Đề - Long Biên – Hà Nội | 8 |
| 21 | Công ty CP ITC | Tòa nhà Á Long – Lô A2 – CN 8 Cụm CN Từ Liêm- Xuân Canh – Nam Từ Liêm – Hà Nội | 18 |
| 22 | Công ty TNHH TM &DV NTL Việt Nam | 126B Yên Duyên – Yên Sở - Hoàng Mai – Hà Nội | 15 |
| **Tổng** |  |  | **342** |

- Bảng tổng hợp kết quả: có 05 mức đánh giá (1.Hoàn toàn không đồng ý, 2. Không đồng ý. 3.Phân vân, 4.Đồng ý, 5.Hoàn toàn đồng ý). Tính tỉ lệ % theo số Phiếu khảo sát thu về và theo từng câu hỏi khảo sát, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số phiếu phát ra/ thu về** | **Kiến thức chuyên môn** | | **Kỹ năng nghề** | | **Kỹ năng sử dụng CNTT** | | **Kỹ năng giao tiếp, ứng Xử** | |
| **4 (%)** | **5 (%)** | **4 (%)** | **5 (%)** | **4 (%)** | **5 (%)** | **4 (%)** | **5 (%)** |
| 2019 | 18/18 | 100 | 0 | 70 | 30 | 70 | 10 | 60 | 0 |
| 2020 | 20/20 | 90 | 10 | 70 | 30 | 70 | 10 | 60 | 10 |
| 2021 | 22/22 | 80 | 20 | 70 | 30 | 70 | 10 | 80 | 0 |

*(MC 9.1.01- Phiếu khảo sát Doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021; MC 9.1.02- Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của DN năm 2019, 2020, 2021)*

Tổng hợp kết quả báo cáo thực hiện thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm, cụ thể như sau:

Năm 2019: 16/18 = 88,89 % doanh nghiệp được khảo sát đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng về chất lượng HSSV tốt nghiệp của trường làm việc tại doanh nghiệp. Đơn vị sử dụng lao động đánh giá về HSSV có kiến thức, kỹ năng chuyên môn tương đối tốt. Phần đánh giá về mức độ năng lực cần chú trọng đối với HSSV tốt nghiệp làm việc tại Doanh nghiệp là một số kỹ năng về ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp.

Năm 2020: 18/20 = 90 % doanh nghiệp được khảo sát đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng về chất lượng HSSV tốt nghiệp của trường làm việc tại doanh nghiệp. Đơn vị sử dụng lao động đánh giá về HSSV có kiến thức, kỹ năng chuyên môn tương đối tốt. Phần đánh giá về mức độ năng lực cần chú trọng đối với HSSV tốt nghiệp làm việc tại Doanh nghiệp là một số kỹ năng về ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp.

Năm 2021: 20/22 = 90,91 % doanh nghiệp được khảo sát đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng về chất lượng HSSV tốt nghiệp của trường làm việc tại doanh nghiệp. Đơn vị sử dụng lao động đánh giá về HSSV có kiến thức, kỹ năng chuyên môn tương đối tốt. Phần đánh giá về mức độ năng lực cần chú trọng đối với HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp là một số kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề.

Theo kết quả khảo sát số doanh nghiệp được Xin ý kiến thì đa số hài lòng về mức độ đáp ứng của sinh viên của Nhà trường tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

**Điểm tự đánh giátiêu chuẩn 9.1: *1 điểm***

***Tiêu chuẩn 9.2:*** *Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.*

Để đảm bảo quyền lợi của nhà giáo và người lao động trong trường được công bằng, khách quan. Hàng năm, Nhà trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. *(. MC 9.2.01- Kế hoạch thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021)*

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động thông qua các cuộc họp lãnh đạo, họp Hội đồng sư phạm của Nhà trường.

Qua ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao độngNhà trường đã tổng hợp báo cáo để làm cơ sở điều chỉnh các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động cho phù hợp với thực tế *(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các quy định về tổ chức và cơ chế quản lý của Nhà trường, hàng năm Nhà trường đều tổ chức hội nghị cán bộ viên chức các cấp. Trong những nội dung của Hội nghị CNVC các cấp là tham gia đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch của nhà trường, đóng góp ý kiến về việc sửa đổi, chỉnh lý, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, các Quy chế chi tiêu nội bộ, MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ hàng năm *(MC 1.1.19 - Báo cáo Hội nghị CNVC năm 2019,2020,2021).*

Qua kết quả khảo sát thu thập ý kiến của cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động cụ thể như sau:

Năm học 2018-2019: khảo sát 198/198 cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động = 100% trong đó số phiếu thu về là 198/198 đạt tỷ lệ 100 %.

Năm 2019-2020: khảo sát 193/193 cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động = 100% trong đó số phiếu thu về là 193/193 đạt 100 %.

Năm 2020-2021: khảo sát 183/183cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động = 100% trong đó số phiếu thu về là 183/183 đạt 100 %.

*(MC 1.1.20 - Hồ sơ khảo sát Cán bộ, giáo viên, người lao động năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021 gồm: Danh sách cán bộ - giảng viên, người lao động của Nhà trường 2019, 2020, 2021; Phiếu khảo sát năm 2019, 2020, 2021; Báo cáo kết quả khảo sát năm 2019, 2020, 2021).*

Theo kết quả khảo sát số cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được Xin ý kiến thì cơ bảnnhận được sự hài lòng về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9.2: *1 điểm***

***Tiêu chuẩn 9.3:*** *Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.*

Nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng phục vụ người học,Nhà trường luôn quan tâm đến ý kiến phản hồi của người học. Hàng năm, Nhà trường Xây dựng kế hoạch và lấy ý kiến của HSSV đại diện các ngành, nghề đào tạo về đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. *(MC 9.3.01- Kế hoạch thu thập ý kiến người học, nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2018-2019,2019-2020, 2020-2021).* Việc tổ chức thu thập ý kiến người học được thực hiện theo quy trình khảo sátcủa Nhà trường *(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số: 77).*

Hằng năm, Nhà trường Xin ý kiến người học đánh giá chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học*.*

Cụ thể:

Năm 2018-2019: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho 1200 người học.

Năm 2019-2020: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho 900 người học.

Năm 2020-2021: Trường tổ chức thu thập ý kiến cho 800 người học.

Sau khi khảo sát Xong, Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học tổng hợp lập báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát thu thập ý kiến người học.

*(MC 2.1.11 - Hồ sơ khảo sát người học năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020 -2021)*

Tất cả người học được khảo sát cơ bản đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9.3: *1 điểm***

***Tiêu chuẩn 9.4:*** *Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và đánh giá chất lượng theo quy định.*

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp luôn được Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội quan tâm và thực hiện đúng quy định của Cục Kiểm định chất lượng - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo; Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ-TB&XH. Hàng năm, Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng và Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng theo đúng quy định *(MC 9.4.01 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021; MC 9.4.02 - Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá năm 2019, 2020, 2021).*

Kết quả tự đánh giá chất lượng của Nhà trường hàng năm như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm** | **Kết quả Tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN** |
| **Năm 2019** | 95/100 điểm |
| **Năm 2020** | 98/100 điểm |
| **Năm 2021** | 98/100 điểm |

Nhằm đánh giá, Xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giảng dạy của Nhà trường để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo.Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng và công khai tất cả báo cáo kết quả tự đánh giá đã phê duyệt hằng năm, gửi báo cáo thực hiện tự đánh giá chất lượng về Cục Kiểm định chất lượng GDNN, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Hà Nộitheo quy định. *(MC 9.4.03.Báo cáo tự đánh giá các đơn vị 2019, 2020, 2021; MC 9.4.04.Báo cáo tự đánh giá trường 2019, 2020, 2021).*

Kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường đượccông khai và đăng trên website của Nhà trường tại địa chỉ sau:

Báo cáo tự đánh giá năm 2019: [*https://hnivc.edu.vn/bao-cao-ke-t-qua-tu-danh-gia-chat-luong-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-truong-cao-dang-nghe-cong-nghiep-ha-noi-nam-2019.html*](https://hnivc.edu.vn/bao-cao-ke-t-qua-tu-danh-gia-chat-luong-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-truong-cao-dang-nghe-cong-nghiep-ha-noi-nam-2019.html)

Báo cáo tự đánh giá năm 2020: [*https://hnivc.edu.vn/bao-cao-ke-t-qua-tu-danh-gia-chat-luong-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-truong-cao-dang-nghe-cong-nghiep-ha-noi-nam-2020.html*](https://hnivc.edu.vn/bao-cao-ke-t-qua-tu-danh-gia-chat-luong-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-truong-cao-dang-nghe-cong-nghiep-ha-noi-nam-2020.html)

Báo cáo tự đánh giá năm 2021: [*https://hnivc.edu.vn/bao-cao-ke-t-qua-tu-danh-gia-chat-luong-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-truong-cao-dang-nghe-cong-nghiep-ha-noi-nam-2021.html*](https://hnivc.edu.vn/bao-cao-ke-t-qua-tu-danh-gia-chat-luong-co-so-giao-duc-nghe-nghiep-truong-cao-dang-nghe-cong-nghiep-ha-noi-nam-2021.html)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9.4: *1 điểm***

***Tiêu chuẩn 9.5:*** *Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.*

Qua kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục của Nhà trường hàng năm và kết quả đánh giá ngoài của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 đã chỉ ra được những điểm mạnh, những điểm tồn tại để từ đó Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các đơn vị trong Nhà trường có kế hoạch duy trì, phát huy điểm mạnh và khắc phục những điểm còn tồn tại thông qua triển khai nhiệm vụ hàng năm *(MC9.5.01 - Nghị quyết đảng ủy; MC9.5.02 - Nghị quyết hội đồng Nhà trường; MC9.5.03 - Biên bản giao ban Nhà trường; MC9.5.04 - Báo cáo Hội nghị Công nhân viên chức năm 2019, 2020, 2021&Chính sách chất lượng của Nhà trường; Báo cáo tổng kết của đơn vị năm 2019, 2020, 2021).*

Từ đó, Nhà trường tăng cường các nguồn lực để đầu tư, Xây dựng, hoạch định chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn.

Hàng năm, các đơn vị trong Nhà trường thực hiện theo quy trình Mục tiêu chất lượng, Xây dựng mục tiêu chất lượng cho đơn vị của mình nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. (*MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số 02)*

Hàng năm, Nhà trường thực hiện kiểm tra định kỳ và đột Xuất về hoạt động đào tạo. Đoàn tiến hành kiểm tra việc dạy và học của các khoađể nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của Nhà trường *(MC 1.11.03 - Thông báo kiểm tra đào tạo năm học 2018 -2019, 2019 -2020, 2020 -2021, 2021- 2022; MC 2.6.07 - Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra đào tạo của trường năm học2018 -2019, 2019 -2020, 2020 – 2021 ; MC 1.11.06 - Biên bản kiểm tra đào tạo đột xuất).*

Qua kết quả khảo sát Xin ý kiến nhận được sự hài lòng của doanh nghiệp và người học về chất lượng đào tạo của Nhà trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9.5: *1 điểm***

***Tiêu chuẩn 9.6****: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.*

Theo chức năng nhiệm vụ Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp chủ trì thực hiện công tác điều tra lần vết HSSV sau khi tốt nghiệp (MC 1.3.07 - Quy chế dân chủ - trang 35,36).

Hằng năm, Nhà trường Xây dựng kế hoạch, tổ chức khảo sát đối với HSSV tốt nghiệp*.* Khi HSSV chuẩn bị tốt nghiệp, Trung tâm Truyền thông – Hỗ trợ việc làm và Hợp tác doanh nghiệp phối hợp với các khoa chuyên môn và giáo viên chủ nhiệm các lớp thực hiện khảo sát cơ bản 100% HSSV để lấy thông tin liên hệ của HSSV để chuẩn bị dữ liệu thực hiện khảo sát tốt nghiệp năm sau. Sau 6 tháng tốt nghiệp Nhà trường gửi phiếu hỏi qua đường bưu điện, điện thoại trực tiếp, qua email, facebook, zalo và mời tham gia khảo sát online, thực hiện khảo sát theo quy trình. *(MC 1.3.01- Quyết định số 297/QĐ-CĐNCN ngày 18/6/2019 về việc ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng gồm 79 quy trình và nội dung các quy trình - Quy trình số: 26)*

Thống kê kết quả phản hồi cụ thể:

Năm 2019: Nhà trường tiến hành thu thập ý kiến người học sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp đối với 367/367 cựu HSSV (100% HSSV tốt nghiệp), trong đó số người học sau tốt nghiệp có phản hổi là 367/367 và số người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo 325/367 chiếm tỷ lệ 88,6 %.

Năm 2020: Nhà trường tiến hành thu thập ý kiến người học sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp đối với 321/321 cựu HSSV (100% HSSV tốt nghiệp), trong đo số người học tốt nghiệp có phản hồi 321/321 và số người học tốt nghiệp có phản hồi có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề được đào tạo 292/321, chiếm tỷ lệ 90,97 %.

Năm 2021: Nhà trường tiến hành thu thập ý kiến người học sau khi tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp đối với 686/686 cựu HSSV (100% HSSV tốt nghiệp) và số người học tốt nghiệp có phản hồi có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề được đào tạo 645/645, chiếm tỷ lệ 100%.

Tổng hợp báo cáo thực hiện thu thập ý kiến người học sau khi tốt nghiệp hằng năm, cho thấy kết quả cựu HSSV đã tìm được việc làm phù hợp với chuyên nghề hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

*(MC 9.1.01- Kế hoạch khảo sát năm 2019, 2020, 2021; MC 9.6.01 – Quyết định công nhận tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; MC 9.6.02 - Phiếu khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp các năm 2019, 2020, 2021; MC 9.6.03 - Báo cáo tổng hợp ý kiến sinh viên đã tốt nghiệp 2019, 2020, 2021).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9.6: *1 điểm***

# 

# PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

## 1.Kết luận

Hàng năm nhà trường đều tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng cơ giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn Công văn 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, kết quả tự đánh giá năm 2019 là 97/100 điểm; năm 2020 là 97/100 điểm. Nhà trường luôn xác định, công tác tự đánh giá đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của nhà trường; bởi lẽ, muốn nhà trường phát triển bền vững phải dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá một cách toàn diện, hiệu quả của quá trình hoạt động, xem xét các nhân tố ảnh hưởng, tác động đến quá trình đó nhằm phát huy và thúc đẩy các yếu tố ảnh hưởng tích cực và loại trừ các yếu tố bất hợp lý.

Năm 2021, nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng cơ giáo dục nghề nghiệp theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và Công văn 453/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng. Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội tự đánh giá đạt 98/100 điểm (Trường đạt chuẩn chất lượng) .

Qua hoạt động tự đánh giá thường xuyên nhà trường sẽ có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với từng giai đoạn phát triển; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của nhà trường; gắn kết mọi hoạt động của nhà trường thành một khối thống nhất, đồng bộ, chuyên nghiệp và phát triển. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 nhà trường trở thành:

\* Trung tâm đào tạo nghề đạt trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề đạt chuẩn quốc tế.

\* Trường chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

**2. Kiến nghị.**

Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nầng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Cần có các cơ chế, chính sách hỗ trợ hơn nữa hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho những cơ sở đạt chất lượng kiểm định.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh lại một số nôi dung của một số tiêu chuẩn để việc đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp hơn từng thời kỳ, từng giai đoạn.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2021*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Phạm Thị Hường** |

# PHỤ LỤC

1. Quyết định số 36/QĐ-CĐNCN về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021.

2. Kế hoạch tự số 05/KH-CĐNCN Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021.